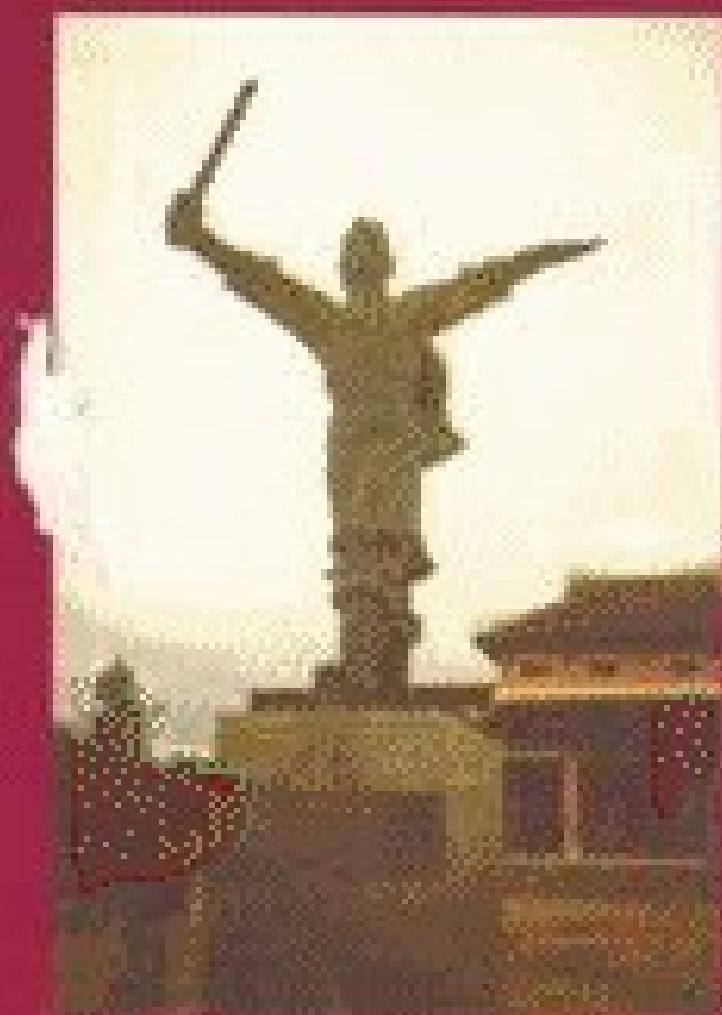


NGUYỄN KHẮC THUẬN

ĐANH TƯỚNG VIỆT NAM

TẬP 3

**DANH TƯỚNG TRONG CHIẾN TRANH NÔNG DÂN
THẾ KỶ XVIII VÀ PHÒNG TRÁO TÂY SƠN**



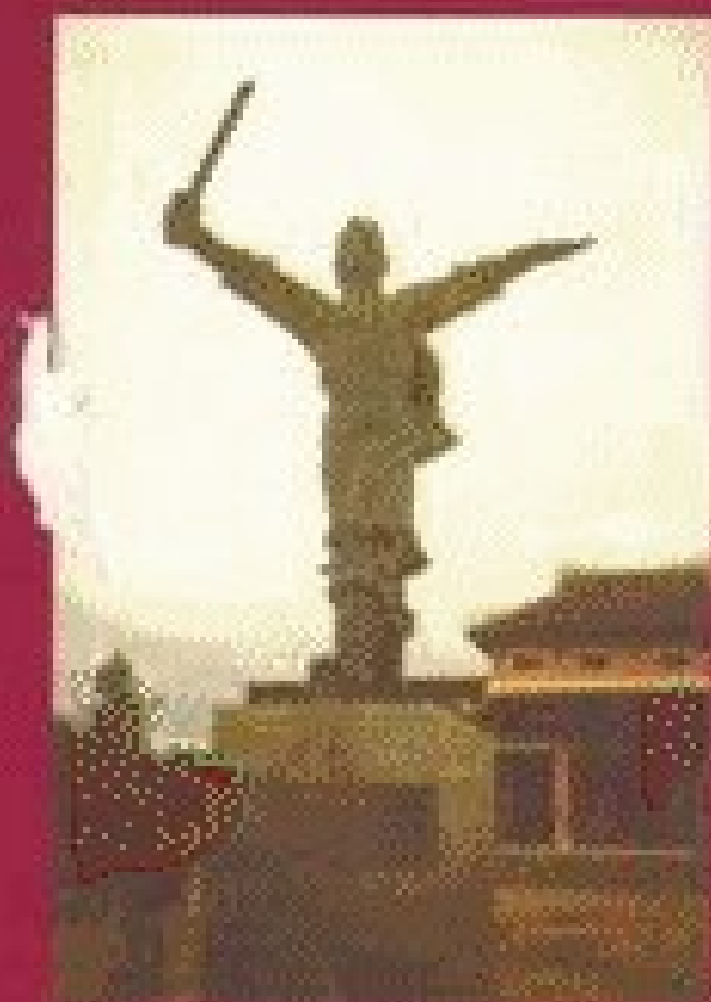
NHA XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẬN

DANH TƯỚNG VIỆT NAM

TẬP 3

DANH TƯỚNG TRONG CHIẾN TRANH NÔNG DÂN
THẾ KỶ XVIII VÀ PHÒNG TRÁO TÂY SƠN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Danh Tướng Việt Nam Tập 3

Nguyễn Khắc Thuần

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NHỮNG DANH TƯỚNG XUẤT THÂN ÁO VẢI ĐẦU TIÊN

I - ĐẶNG NGOÀI Ở ĐẦU THẾ KỈ THỨ XVIII

II - LƯỢC TRUYỀN NHỮNG DANH TƯỚNG XUẤT THÂN ÁO VẢI ĐẦU TIÊN

01. NGUYỄN TUYẾN VÀ NGUYỄN CỪ

02. NGUYỄN HỮU CẬU (? - 1751)

03. HOÀNG CÔNG CHẤT (? - 1769)

04. NGUYỄN DANH PHƯƠNG (? - 1751)

05. LÊ DUY MẬT (? - 1770)

CHƯƠNG THỨ HAI

NGUYỄN NHẠC, NGUYỄN HUỆ VÀ NGUYỄN LỮ

BA LÃNH TỰ CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN, BA DANH TƯỚNG KIỆT XUẤT NHẤT CỦA THẾ KỈ XVIII

I - QUÊ HƯƠNG, DÒNG HỌ VÀ GIA ĐÌNH

II - TÓM LƯỢC CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN

III - NGUYỄN NHẠC (? - 1793)

IV - NGUYỄN HUỆ (1753 - 1792)

V - NGUYỄN LỮ (? - 1787)

CHƯƠNG THỨ BA

DANH TƯỚNG TÂY SƠN

I - TIỂU DẪN

II - DANH TƯỚNG TÂY SƠN

01. ĐẶNG XUÂN BẢO (? - 1802)

02. TRẦN QUANG ĐIỀU (? - 1802)

03. VÕ VĂN DŨNG (? - ?)

04. PHAN VĂN LÂN (? - ?)

05. NGUYỄN VĂN LỘC (? - ?)

06. NGÔ VĂN SỞ (? - 1795)

07. NGUYỄN VĂN TUYẾT (? - ?)

08. BUI THI XUAN (? - 1802)

CHƯƠNG THỨ TƯ

PHỤ LỤC

I - ĐẶNG TIẾN ĐÔNG (1738 - ?)

01. TIỂU DẪN

02. ĐỘ ĐỘC ĐẶNG TIẾN ĐÔNG - MỘT TƯỚNG TÂY SƠN CHỈ HUY TRẬN ĐỒNG ĐA

II - MỘT SỐ NHÂN VẬT ĐẶC BIỆT THỜI TÂY SƠN

01. TIỂU DẪN

02. NGÔ THÌ NHÂM (1746 - 1802)

03. PHAN HUY ÍCH (1751 - 1822)

04. NGUYỄN THIẾP (1723 - 1804)

**ĐÁNH CHO ĐỂ ĐEN RẰNG
ĐÁNH CHO CHÚNG CHÍCH LUÂN BẤT PHẢN
ĐÁNH CHO CHÚNG PHIẾN GIÁP BẤT HOÀN.
ĐÁNH CHO SỬ TRI NAM QUỐC ANH HÙNG CHI HỮU CHỦ.**

QUANG TRUNG

(Lời hiệu dụ tướng sĩ đọc tại lễ Thệ Sư tổ chức ở Thọ Hạc, Thanh Hóa, năm 1788)

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc yêu quý,

Các nhà sử học vẫn gọi thế kỉ thứ XVIII của lịch sử nước ta là "thế kỉ của chiến tranh nông dân". Gần trọn cả thế kỉ này, những người nông dân áo vải ở khắp mọi miền của đất nước, từ đồng bằng đến trung du và rừng núi, từ Đàng Ngoài đến Đàng Trong đã quả cảm vùng lên "khuấy nước chọc trời", tấn công không khoan nhượng vào toàn bộ cơ đồ thống trị của giai cấp phong kiến bóc lột đang trên bước đường sa đọa ngày một thảm hại. Hoảng sợ trước sức mạnh quét khởi phi thường ấy, các tập đoàn phong kiến thống trị không chỉ cam lòng phản dân mà còn nhẫn tâm hại nước. Bấy giờ, nếu Nguyễn Ánh phạm tội ác "trời không dung, đất không tha" là rước năm vạn quân Xiêm về giày xéo lên một phần thiêng liêng của lãnh thổ xứ Đàng Trong, thì Lê Chiêu Thống cũng phạm trọng tội đáng để cho "đời đời lên án" đó là đã rước hai mươi chín vạn quân xâm lược Mãn Thanh về chà đạp lên một phần giang sơn gấm vóc của xứ Đàng Ngoài. Vận mệnh dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng cả từ bên trong lẫn bên ngoài, cả từ phía Nam lẫn phía Bắc. Trong bối cảnh đặc biệt như vậy, lớp lớp những người nông dân áo vải chẳng những đã hiên ngang đứng lên đấu tranh giành quyền sống cho mình, nó còn khảng khái đảm đương sứ mệnh bảo vệ độc lập dân tộc. Từ trong khói lửa của cuộc chiến đấu một mất một còn chống thù trong và giặc ngoài, tên tuổi của một loạt các danh tướng đã xuất hiện, vừa góp phần làm rạng rỡ truyền thống ngoan cường của cả dân tộc, vừa đóng góp cho kho tàng kinh nghiệm thao lược của tổ tiên những tri thức vô giá.

Với tất cả niềm tự hào mãnh liệt và sâu sắc của mình, tác giả xin dành trọn tập thứ ba của bộ **DANH TƯỚNG VIỆT NAM** để trân trọng giới thiệu về thân thế và sự nghiệp của các bậc danh tướng trong chiến tranh nông dân thế kỉ XVIII và phong trào Tây Sơn.

Nếu trước đó, tên tuổi của các danh tướng trong sự nghiệp giữ nước từ đầu thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIV và danh tướng Lam Sơn nhìn chung đều được các bộ chính sử xưa trân trọng ghi chép, do đó, việc tái hiện cuộc đời và sự nghiệp của họ có những thuận lợi nhất định, thì rất tiếc là danh tướng trong chiến tranh nông dân thế kỉ XVIII và phong trào Tây Sơn, hoặc là rất ít được các bộ chính sử cũ chép đến, hoặc là chỉ được chép đến với dụng ý xuyên tạc rất rõ ràng. Nghịch lí này cũng không có gì là khó hiểu, bởi lẽ, sử cũ nói đến ở đây là sử biên soạn vào thời Nguyễn, mà dưới con mắt của hầu hết các sử gia thời Nguyễn, mọi phong trào nông dân đều bị coi là "giặc cỏ", còn Tây Sơn là "kẻ thù không đội trời chung". Sự huy hăng của chính sử tuy có được bù đắp bởi những trang ghi chép của dã sử và đặc biệt là những lời kể hào hùng phản ánh niềm kiêu hãnh bất diệt của nhân dân, nhưng, việc tập hợp, xác minh và chỉnh lí tài liệu cũng không phải nhờ vậy mà giảm bớt được khó khăn.

Giới thiệu các bậc danh tướng là việc làm rất dễ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ, nhưng, sắp xếp thứ tự trước sau của các danh tướng trong từng tập sách cụ thể thì thường có nhiều ý kiến khác nhau. Mục đích cao nhất, cũng là mục đích xuyên suốt của tác giả đặt ra cho cả bộ sách 5 tập này là làm sao để có thể tạo ra những mạch vấn đề thật nhất quán, nhằm giúp bạn đọc theo dõi một cách thuận tiện nhất. Vị trí và tầm vóc của từng vị danh tướng không hề phụ thuộc vào thứ tự trước sau của họ trong tập sách này. Xuất phát từ nhận thức ấy, tác giả chia tập 3 của bộ **DANH TƯỚNG VIỆT NAM** thành bốn phần chính sau đây :

- **Những danh tướng xuất thân áo vải đầu tiên** : gồm toàn bộ những trang viết về những thủ lĩnh tiêu biểu và xuất sắc nhất, cùng là những danh tướng có nhiều công lao trong Phong trào chiến tranh nông dân thế kỉ thứ XVIII như : Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất. Có một danh tướng khá đặc biệt cũng được tạm ghép vào phần này, đó là Lê Duy Mật. Sở dĩ gọi là "tạm ghép" bởi vì ông xuất thân từ hoàng tộc chứ không phải từ đội ngũ những người nông dân áo vải, nhưng, cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn bó mật thiết với nông dân trong cuộc chiến đấu quyết liệt đương thời.

- **Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ - ba lãnh tụ của phong trào Tây Sơn, ba danh**

tướng kiệt xuất nhất của thế kỉ XVIII : là một trong những phần quan trọng nhất của tập 3. Phần này được chia làm bốn nội dung khác nhau như sau :

+ Giới thiệu chung về lai lịch, quê hương và gia đình của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Tất cả được dừng lại khi ba anh em Tây Sơn đồng tâm hiệp lực, dựng cờ xướng nghĩa ở ngay trên quê hương của mình.

+ Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Nhạc.

+ Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Huệ.

+ Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Lữ.

- **Danh tướng Tây Sơn** : cũng là một trong những phần quan trọng nhất của tập 3. Ở đây, cuộc đời và sự nghiệp của các danh tướng Tây Sơn, những người từng vào sinh ra tử, từng có những cống hiến xuất sắc cho phong trào Tây Sơn sẽ lần lượt được giới thiệu.

- **Phụ lục** : là phần dành riêng để viết về những nhân vật đặc biệt, như Ngô Thì Nhậm, La sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, ... v.v. Họ không hề là võ tướng, nhưng, những ý kiến xuất sắc của họ lại có ảnh hưởng tích cực rất to lớn đối với thắng lợi chung của phong trào Tây Sơn.

Bạn đọc yêu quý,

Trận đánh nào cũng có nhiều võ tướng tham gia, bởi vậy, dẫu đã ý thức một cách đầy đủ và dẫu đã rất cố gắng, tác giả cũng không sao có thể tránh khỏi một vài sự trùng lặp nhất định. Đành rằng, tập 3 là lập chung cho tất cả các danh tướng trong chiến tranh nông dân thế kỉ XVIII và phong trào Tây Sơn, nhưng nếu tách riêng ra, phần viết về mỗi danh tướng lại có tính độc lập rất rõ rệt. Thiết nghĩ, đang đọc ở giữa hay cuối tập mà phải lật ngược trở lại để tra cứu ở đầu tập hoặc đang đọc chuyện danh tướng này lại phải dò tìm thêm tư liệu ở chuyện danh tướng khác... cũng là điều rất bất tiện. Từ suy nghĩ ấy, tác giả thấy cần thiết phải chấp thuận sự trùng lặp trong một liều lượng và một khuôn khổ cho phép. Suy cho cùng, đây cũng là sự cần thiết nảy sinh từ ý định tạo điều kiện thuận lợi nhất cho bạn đọc khi theo dõi những diễn biến phức tạp của các sự kiện xảy ra cách đây trên hai thế kỉ mà thôi.

Khi tập 3 bắt đầu được khởi thảo thì một tin vui lớn đã đến với tác giả, đó là tập 1 và tập 2 của bộ **DANH TƯỚNG VIỆT NAM**, dù mới được in và phát hành với một số lượng khá lớn, cũng đã được tái bản. Càng vui hơn nữa, khi mà cùng với việc tái bản tập 1 và tập 2 của bộ **DANH TƯỚNG VIỆT NAM**, Nhà xuất bản Giáo dục còn cho tái bản lần thứ ba, trọn bộ **VIỆT SỬ GIAI THOẠI** (8 tập) và **THẾ THỨ CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM** cũng đều do tác giả biên soạn. Đó thực sự là một hạnh phúc nghề nghiệp của năm 1997 mà tác giả đã may mắn được hưởng. Tác giả chẳng biết nói gì hơn là chân thành cảm ơn sự chăm sóc ân cần của Nhà xuất bản Giáo dục, chân thành cảm ơn sự cố vũ hào hiệp và vô tư của bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17-1-1998

NGUYỄN KHẮC THUẦN

CHƯƠNG THỨ NHẤT

NHỮNG DANH TƯỚNG XUẤT THÂN ÁO VẢI ĐẦU TIÊN

I - ĐÀNG NGOÀI Ở ĐẦU THẾ KỈ THỨ XVIII

*“Nhân nghĩa mẽ mẽ,
Thanh trung thủ chương,
Chung luận yếm muội,
Mạc tiến minh xương.”*

(Nhân nghĩa chỉ như bụi cám trong mắt.
Người thanh cao chỉ ôm giữ từ chương,
Rốt cuộc công luận bị mờ tối,
Lời sáng đẹp làm sao chuyển đạt được).

LỊCH TRIỀU TẠP KỈ
(Quyển 2)

(Nguyên là *Bài châm* khá dài của Đặng Đình Tường và Nguyễn Quý Đức, được Ngô Cao Lãng chép lại trong bộ *Lịch triều tạp kí*.)

1. Quá trình băng hoại về nhân cách và phẩm giá của tập đoàn phong kiến thống trị

Lần giở những trang ghi chép của thư tịch cổ, chúng ta có thể kết luận rằng, quá trình băng hoại về nhân cách và phẩm giá của giai cấp phong kiến thống trị đã thể hiện khá rõ ngay từ đầu thế kỉ thứ XVI. Sau khi vua Lê Túc Tông qua đời (Tên là Lê Thuần, làm vua từ tháng 6 đến tháng 12 năm 1504 thì mất, hưởng dương 16 tuổi. Ông là vị vua thứ bảy của thời Lê sơ). Cuộc khủng hoảng của nội bộ triều Lê diễn ra với một mức độ ngày càng nghiêm trọng. Bấy giờ, Lê Uy Mục (1505-1509) là một kẻ thất đức, dám cả gan giết chết bà Trường Lạc Thái Hoàng Thái Hậu (Tên thật là Nguyễn Thị Hằng. Bà là thân mẫu của vua Lê Hiến Tông (1497- 1504), tức là bà nội của Lê Uy Mục) và nhiều bậc đại thần không cùng phe cánh. Tháng 1 năm Đinh Mão (1507), nhà Minh cử một phái bộ sứ giả sang nước ta để làm lễ tấn phong cho Lê Uy Mục, gồm Chánh Sứ là Thẩm Đào và phó Sứ là Hứa Thiên Tích. Ngay sau khi tiếp xúc với Lê Uy Mục, viên Phó Sứ là Hứa Thiên Tích đã viết rằng :

*An Nam tứ bách vận vu trường,
Thiên ý như hà giáng quý vương.*

(Nghĩa là : Vận đẹp của An Nam những bốn trăm năm dài, chẳng rõ ý trời thế nào mà lại giáng sinh tên vua quý).

Nhân có câu trên của Hứa Thiên Tích mà người đương thời cũng như hậu thế đều gọi Lê Uy Mục là *vua quý*. Cuối năm 1509, Lê Uy Mục bị giết, Lê Tương Dực được đưa lên ngôi (tên thật là Lê Oánh, làm vua sáu năm 1510-1516) và đó là một nhằm lẫn khó tha thứ của những người nắm quyền điều khiển vận mệnh quốc gia đương thời, bởi vì như thế, chẳng khác nào họ đã đổi nỗi khổ này lấy sự bất hạnh khác. Tháng 4 năm 1516, đến lượt Lê Tương Dực bị giết, ngôi vua trên danh nghĩa là thuộc về Lê Chiêu Tông (tên thật là Lê Y, làm vua sáu năm 1516-1522, được đưa lên ngôi lúc 10 tuổi) và sau đó là Lê Cung Hoàng (tên thật là Lê Xuân, làm vua 5 năm 1522-

1527, được đưa lên ngôi lúc 15 tuổi) nhưng thực quyền lại hoàn toàn nằm trong tay Mạc Đăng Dung.

Trên ngai vàng, nếu Lê Uy Mục là *vua quý* thì Lê Tương Dực là *vua heo* (Theo ghi chép của *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, thực lục, quyển 15, tờ 19-b), thì vào tháng 1 năm 1513, nhà Minh sai Trám Nhược Thủy làm Chánh Sứ và Phan Hy Tăng làm Phó Sứ sang nước ta để làm lễ tấn phong cho Lê Tương Dực. Sau khi gặp Lê Tương Dực, viên Phó Sứ Phan Hy Tăng có nói với viên Chánh Sứ Trám Nhược Thủy rằng : "Quốc vương của nước An Nam tuy gương mặt đẹp nhưng người lại bị lệch, tướng háo dâm như tướng heo, loạn vong tất không còn xa nữa". Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 26, tờ 19) cũng chép tương tự như vậy. Bối lời ấy của Phan Hy Tăng, người đương thời cũng như hậu thế đều gọi Lê Tương Dực là *vua heo*) và Lê Chiêu Tông, Lê Cung Hoàng chỉ là những con rối tội nghiệp của Mạc Đăng Dung. Sau, cả Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng đều bị Mạc Đăng Dung giết hại. (Lê Chiêu Tông bị Mạc Đăng Dung giết vào tháng 12 năm 1530, hưởng dương 24 tuổi. Lê Cung Hoàng bị Mạc Đăng Dung giết vào khoảng tháng 8 năm 1527, hưởng dương 20 tuổi.)

Tháng 6 năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi của nhà Lê, triều Mạc được dựng lên kể từ đó. Triều Mạc cũng là một trong những triều đại chính thống của lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, nhưng, triều Mạc không có may mắn được tồn tại trong bình ổn (tuy danh nghĩa có dài hơn, nhưng thực chất, triều Mạc chỉ tồn tại 65 năm, từ 1527 đến 1592). Đất nước từ năm 1527 trở đi liên tục bị chấn động dữ dội bởi những cuộc nội chiến ác liệt và triền miên. *Cục diện Nam-Bắc triều* chưa chấm dứt thì *cục diện Đàng Ngoài-Đàng Trong* lại nổi lên. Không khí chết chóc và điều linh bao trùm lên khắp cõi.

Năm 1592, sau nhiều cuộc giao tranh quyết liệt và lâu dài, Nam triều đã đè bẹp được Bắc triều, giành quyền thống trị đối với hầu hết các địa phương trong cả nước lúc bấy giờ. Một thời kì mới được mở ra và sử cũ thường gọi đó là *Thời Lê trung hưng*. Khái niệm này được sử dụng rất phổ biến, nhưng rất tiếc là không chính xác, bởi vì Nam triều thắng thế là điều có thật, nhưng, quá trình thắng thế ấy cũng chính là quá trình mất dần quyền lực của vua Lê, mà một khi vua Lê bị đẩy nhanh vào vị trí bù nhìn thì không thể gọi đó là *Thời Lê trung hưng* được. Quyền lực thực sự của Nam triều lúc đầu nằm trong tay Nguyễn Kim nhưng chẳng bao lâu sau thì chuyển sang tay con rể của ông là Trịnh Kiểm và kế tiếp hơn hai thế kỉ liên là con cháu của Trịnh Kiểm. Nếu Trịnh Kiểm chỉ có tước vị cao nhất là Quốc Công thì tất cả con cháu kế nghiệp của Trịnh Kiểm đều có tước Vương. Nước đã có vua lại còn có chúa, mà đâu phải chỉ một chúa ? Chính sự rối bời đến độ không thể rối hơn được nữa.

Các chúa Trịnh không nhưng chỉ nổi nhau nắm giữ quyền lực mà trong thực tế, còn nắm cả tính mạng của vua Lê. Bấy giờ, các chúa Trịnh chọn ai trong hoàng tộc nhà Lê lên làm vua thì người đó được làm vua, và bắt vua nào chết thì vua đó cũng phải chết. Từ khi có chúa Trịnh, tính ra, có đến ba vua Lê bị chúa Trịnh giết hại. Đó là :

- *Lê Anh Tông* (1556-1573) bị chúa Trịnh Tùng (1570-1623) giết hại vào ngày 22 tháng 1 năm 1573.

- *Lê Kính Tông* (1599-1619) cũng bị chính chúa Trịnh Tùng giết hại vào ngày 12 tháng 5 năm 1619.

- *Lê Đế Duy Phường* (1729-1732) bị chúa Trịnh Giang (1729-1740) phế truất ngày 15 tháng 8 năm 1732 và giết hại vào tháng 9 năm 1735.

Sau Trịnh Giang mấy chục năm, Trịnh Sâm tuy không giết vua nhưng giết Thái Tử Lê Duy Vĩ - người sắp được kế vị ngôi vua. Sự kiện này xảy ra vào tháng 3 năm 1769. Điều đáng nói là cuộc thanh trừng đẫm máu không phải chỉ có giữa phủ chúa đối với cung vua mà còn diễn ra quyết liệt ngay trong chính nội bộ phủ chúa. Có thể kể ra mấy cuộc "nồi da nấu thịt" nổi bật nhất sau đây :

- Tháng 2 năm 1570, Trịnh Kiểm chết và theo di mệnh thì lẽ ra con trưởng của Trịnh Kiểm là Trịnh Cối sẽ được lên nối nghiệp. Nhưng, Trịnh Cối chưa kịp nắm quyền thì đã bị em là Trịnh Tùng đem quân đến đánh để giành quyền. Do không chống đỡ nổi, tháng 8 năm 1570, Trịnh Cối phải đầu hàng nhà Mạc. Sau, Trịnh Cối chết trên vùng đất do nhà Mạc quản lí vào ngày 4

tháng 9 năm 1584.

- Tháng 9 năm 1780, Trịnh Khải (con trưởng của Trịnh Sâm, lúc này đang là Thế Tử) bị Trịnh Sâm truất bỏ hết cả ngôi Thế Tử lẫn ngôi con trưởng và tống giam. Con thứ của Trịnh Sâm là Trịnh Cán (lúc này mới lên hai tuổi) được đưa lên làm Thế Tử.

- Tháng 10 năm 1782 (một tháng sau khi Trịnh Sâm mất), Trịnh Khải cùng phe cánh nổi lên, phế truất Trịnh Cán và tự lập làm chúa.

Trên đây chỉ mới là những cuộc thanh trừng lớn, đã xảy ra, chưa tính những cuộc mưu phản cũng có quy mô không phải là nhỏ. Khi mà đạo làm vua và đạo làm chúa bị rẻ rúng thì hẳn nhiên, đạo làm quan cũng chẳng thể được coi trọng. Triều đình liên tục chia bè kết cánh, vu oan, giáng họa và hãm hại lẫn nhau. Thế kỉ thứ XVIII là thế kỉ có rất nhiều vụ đại án của triều đình. Dần dần, cương thường và đạo lí buộc phải nhường chỗ cho tham vọng nắm giữ quyền lực.

Cũng trong thế kỉ thứ XVIII, giai cấp phong kiến thống trị Đàng Ngoài đã lao rất nhanh vào con đường ăn chơi xa xỉ. Các bộ chính sử cũng như dã sử xưa đều ghi chép về sự hoang phí của các chúa Trịnh :

* Tuy đã cho xây dựng rất nhiều chùa chiền, nhưng vào năm 1714, Trịnh Cương vẫn bắt nhân dân ba huyện Gia Bình, Lang Tài và Quế Dương đóng góp không biết bao nhiêu tiền của để đại tu chùa Phúc Long. Công việc nặng nhọc và tốn kém này phải kéo dài đến sáu năm mới hoàn tất.

* Trong kinh thành Thăng Long, phủ chúa đã được xây cất rất tráng lệ, nhưng, vào năm 1727, Trịnh Cương vẫn cho xây thêm hành cung ở Cổ Bi (Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội). Cũng trong năm này, nhiều cung điện và chùa chiền khác được lệnh tu bổ hoặc xây cất thêm.

* Năm 1729, nghĩa là ngay khi vừa lên nối nghiệp chúa, Trịnh Giang đã hạ lệnh cho xây cất rất nhiều công trình tốn kém. Năm 1730, Trịnh Giang đã sai người phá hành cung Cổ Bi để lấy vật liệu trùng tu chùa Quỳnh Lâm và chùa Sùng Nghiêm. Ngoài ra, Trịnh Giang còn cho xây cất nhiều nơi thờ tự cho bà con bên ngoại.

Để có đủ tiền của cung đốn cho những cuộc hoang chơi và xây cất tốn kém nói trên, các chúa Trịnh đã đánh thuế rất nặng. Đời sống của nhân dân vì thế mà ngày càng trở nên tồi tệ. Thực tế bi đát nhất của Đàng Ngoài trong thế kỉ thứ XVIII là hàng vạn nông dân bị tước đoạt ruộng đất, bị đui đờm quá trình sản xuất và trở thành lớp người được sử cũ gọi là "dân vong mạng" (dân phải bỏ quê cha đất tổ mà trốn đi nơi khác). Đó là thực tế không thể nào tránh khỏi, bởi ở Đàng Ngoài, *công điền dần dần trở thành cơ sở nuôi lính của chúa Trịnh*. Số ruộng công ít ỏi còn lại không đủ để chia cấp cho xã hội, đã thế lại còn liên tục bị giai cấp địa chủ tìm cách bao chiếm. Sử cũ đã ghi chép được khá nhiều con số cụ thể về mức độ phá sản và phiêu bạt hàng loạt của nhân dân các làng :

* Năm 1730, toàn Đàng Ngoài có 527 làng dân dắt díu nhau bỏ đi phiêu tán gần hết. Chúa Trịnh Giang phải sai 12 viên đại thần đi chiêu tập dân về nguyên quán làm ăn nhưng không thu được kết quả gì đáng kể.

* Năm 1741, số làng xã của Đàng Ngoài bị phá sản và phải phiêu tán lên tới 3691 làng, trong đó có 1730 làng bị xem là "đặc biệt điêu tàn" vì vắng người, thôn xóm và ruộng đồng đã trở nên hoang dã.

* Sang nửa sau của thế kỉ thứ XVIII, theo một bản điều trần của Ngô Thì Sĩ (1726-1780), thì tình hình phá sản và phiêu tán của nông dân các làng vẫn còn rất nặng nề :

+ Vùng đồng bằng Bắc Bộ có tất cả bốn trấn và tổng cộng chung là 9668 xã thôn thì đã có tới 1076 xã thôn bị phiêu tán, chiếm tỉ lệ hơn 11%.

+ Trấn Thanh Hóa có 1393 xã thôn thì đã có tới 297 xã thôn bị phiêu tán, chiếm tỉ lệ hơn 21%.

+ Trấn Nghệ An có 706 xã thôn thì đã có tới 115 xã thôn bị phiêu tán, chiếm tỉ lệ hơn 16%.

Bản điều trần nói trên của Ngô Thì Sĩ cho thấy sự phá sản và phiêu tán của nông dân Đàng Ngoài trong thế kỉ thứ XVIII là càng ngày càng nghiêm trọng. Nông dân bị buộc phải rời bỏ nông thôn nông nghiệp, nhưng Đàng Ngoài lúc bấy giờ chưa có các công trường thủ công lớn,

càng chưa có những trung tâm công nghiệp để có thể tiếp nhận họ. Đây chính là hiện tượng các chúa Trịnh tự mình xô đẩy nông dân về phía cực đối kháng gay gắt nhất với chính mình.

Sự tham tàn của giai cấp phong kiến thống trị đương thời là lẽ tự nhiên, bởi một bộ phận rất quan trọng của giai cấp này, từ thế kỉ thứ XVIII, đã được tuyển lựa một cách rất kì lạ. Bây giờ, cả đến học và chức tước cũng được đem ra mua bán. Chỉ tính riêng trong khoảng hai mươi năm giữa thế kỉ thứ XVIII, chúa Trịnh Doanh (1740-1767) đã ba lần chính thức hạ lệnh cho dân, rằng : "Ai nộp thóc sẽ được làm quan". Phép tuyển lựa quan lại thông qua thi cử Nho học tuy vẫn còn tồn tại, thậm chí là vẫn rất được đề cao, nhưng, "học trò đã quen thói đua nhau chạy chọt, quan trường thì coi nhẹ kỉ cương, công khai gửi gắm (con em cho nhau). Vì thế, người đỗ đạt phần nhiều không có thực học, miệng thế bàn tán rất xôn xao". Nhưng, hiện tượng "gửi gắm" có lẽ cũng không đáng sợ bằng hiện tượng công khai gạ bài và thi thay, đặc biệt, nghiêm trọng nhất là hiện tượng mua bán học vị. Chúa Trịnh đã nhiều lần cho phép *thu tiền thông kinh*. Ai nạp đủ ba quan tiền thông kinh thì sẽ được miễn sát hạch ở huyện. "Vì lẽ này, kẻ làm ruộng, người đi buôn, cho đến cả đám hàng thịt và bọn buôn bán vật cũng nhất nhất làm đơn xin nạp tiền thi. Đến ngày vào thi, sĩ tử đông đến nỗi dẫm đạp lên nhau, có kẻ chết ở cửa trường. Còn trong trường thi, kẻ mang theo sách, kẻ hỏi chữ, lại có kẻ mượn người thi thay, chúng ngang nhiên làm vậy, chẳng biết kiêng nể phép tắc là gì". Dân đương thời gọi tất cả những người đỗ Sinh Đồ nhờ nạp tiền thông kinh là *Sinh Đồ ba quan* !

Khi chức quan được đổi bằng thóc lúa thì hẳn nhiên là ngay sau khi nhận chức quan, người ta sẽ tìm đủ mọi mảnh khước để thu lại số thóc đã bỏ ra, để vợ vét mà làm giàu. Khi học vị có được là nhờ mua bán thì cũng hẳn nhiên là ngay sau khi có học vị người ta sẽ tìm đủ mọi thủ đoạn để thu lại số tiền đã bỏ ra, để tính kế vinh thân phì gia.

Quan trên mà vô đạo thì bọn cường hào ác bá trong khắp mọi xã thôn lại càng vô đạo hơn. Chưa bao giờ thân phận của người dân thấp hèn bị đọa đày đến như vậy :

Bắt phong trần phải phong trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Chưa bao giờ nạn đói kém xảy ra khủng khiếp và liên tục như trong thế kỉ thứ XVIII. Năm 1702, nạn đói bắt đầu ở Thanh Hóa mà nguyên do trực tiếp là bởi đê sông Mã, đê sông Chu cùng bị vỡ. Năm 1703, nạn đói lan ra khắp cả bốn trấn vùng Bắc Bộ. Bây giờ, một tiền chỉ đong được khoảng 4 bát gạo. Các năm 1712 và 1713, nạn đói lại xảy ra trầm trọng hơn, "một đấu lúa nhỏ mà giá những một tiền, trăm họ phải ăn vỏ cây, rau cỏ và lá rừng, thầy chết đói chất đầy đường, thôn xóm trở nên tiêu điều kì lạ". Năm 1737, khu vực Sơn Tây vừa bị đói kém lại vừa bị bệnh dịch, người sống sót chỉ còn lại độ một hoặc hai phần mười. Đặc biệt nghiêm trọng nhất là nạn đói năm 1741. Năm ấy, "dân vong mạng dắt díu bồng bế nhau đi xin ăn đầy đường, giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không mua nổi một bữa ăn, dân phần nhiều ăn rau cỏ, thậm chí là ăn cả chuột và rắn. Người chết đói ngổn ngang, người sống sót không còn nổi một phần mười, làng nào có tiếng là trù mật cũng chỉ còn lại độ dăm ba hộ nữa mà thôi". Cũng trong năm 1741 này, ở khu vực Nghệ An, một mâu ruộng tốt cũng chỉ đổi được một cái bánh đa nướng! Dân nghèo chết đã đành, có những nhà giàu tiền của chất đống mà vẫn cứ phải chết đói vì không tìm đâu ra lương thực.

Sự phân hóa và phân cực vốn dĩ đã xuất hiện và trở nên sâu sắc từ rất lâu dài trước đó, đến đây, nạn thiên tai, mất mùa và đói kém triền miên đã khiến cho sự phân hóa và phân cực đó ngày càng trở nên quyết liệt và dữ dội hơn. Con đường tất yếu của những người cùng khổ lúc này là phải cầm lấy vũ khí và nổi dậy.

2. Những nghĩa sĩ tiên phong

Ngay từ những năm cuối cùng của thế kỉ thứ XVII, các cuộc vùng dậy của nông dân nghèo khổ với quy mô khá lớn đã bùng nổ ở nhiều địa phương khác nhau, nhất là những địa phương

gần biên giới. Đó là những nghĩa sĩ tiên phong, những người đầu tiên có công nhen lên ngọn lửa đấu tranh một mất một còn với giai cấp thống trị tàn bạo. Trong phạm vi năm năm (từ năm 1690 đến năm 1695), Đàng Ngoài đã liên tục bị chấn động bởi ba phong trào lớn :

* **Phong trào của nhân dân vùng Vạn Ninh** nổ ra tháng 4 năm Canh Ngọ (1690) do Phương Vân Long và Tân An Sủng cầm đầu. Đất Vạn Ninh từ thời Trần trở về trước là một châu, sang thời thuộc Minh thì đổi làm huyện. Thời Lê sơ, Vạn Ninh lại đổi làm châu. Đến thời Nguyễn, Vạn Ninh được thăng làm phủ, đó là phủ Hải Ninh. Phủ Hải Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên, nay là tỉnh Quảng Ninh. Phương Vân Long và Tân An Sủng đều là người gốc Hoa, vì thế, hai ông chẳng những tập hợp được rất đông người Việt mà còn huy động được không ít người Hoa tham gia. Lực lượng của Phương Vân Long và Tân An Sủng lúc thì tung hoành ở Vạn Ninh, lúc thì kéo sang tận Trung Quốc, vì thế, chúa Trịnh Căn (1682-1709) phải đàn áp rất vất vả. Sau, Trịnh Căn phải sai quan giữ chức Trấn Thủ Tuyên-Hưng là Lê Huyền sang Trung Quốc, phối hợp với quân của Trấn Tướng Long Môn là Diệp Thắng mới dẹp yên được. Tiếc thay, phong trào của nhân dân Vạn Ninh bị đàn áp, nhưng, chính tướng nhà Thanh là Diệp Thắng lại nhân cơ hội đó, cướp bóc nhân dân ta rất thậm tệ. Sau, hấn bị nhà Thanh xử chém.

* **Phong trào của nhân dân vùng Cao Bằng** nổ ra vào tháng 3 năm Nhâm Thân (1692). Trước đó, đồng bào các dân tộc ở vùng La Thượng Đán (tên một vùng đất thuộc Cao Bằng) đã từng nổi dậy. Chúa Trịnh Căn từng phải sai quan giữ chức Trấn Thủ của Cao Bằng là Ngô Sách Tuân đem quân đi đàn áp. Ngô Sách Tuân đã đàn áp rất dã man nhân dân vùng La Thượng Đán, nhưng, ngọn lửa đối kháng cũng không hề vì thế mà bị dập tắt hẳn. Nhân lòng phẫn uất của dân Cao Bằng, dư đảng của họ Mạc do Mạc Kính Chư cầm đầu đã kéo về hoạt động rất ráo riết ở vùng này. Ngô Sách Tuân chống đỡ rất vất vả, vì thế, chúa Trịnh Căn lại phải điều động thêm một số tướng lĩnh khác như Lê Bất Huân, Bế Công Quỳnh và Nguyễn Công Ban, đem nhiều quân sĩ đến đàn áp. Lực lượng của Mạc Kính Chư tuy không lớn, số dân Cao Bằng tập hợp dưới ngọn cờ của Mạc Kính Chư cũng không phải là quá đông, nhưng, sự trở lại của dư đảng họ Mạc đã khiến cho dư luận đương thời rất chú ý, ảnh hưởng của Mạc Kính Chư vì thế mà trở nên khá mạnh mẽ.

* **Phong trào của nhân dân Đa Giá Thượng** nổ ra năm Giáp Tuất (1694). Đa Giá Thượng là tên của một xã thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên. Nay, đất Gia Viễn thuộc tỉnh Ninh Bình. Đa Giá Thượng cũng là tên của cả một căn cứ lớn mà các nghĩa sĩ vùng Gia Viễn (Trường Yên) đã dựng lên nhằm chống lại chính quyền thống trị của họ Trịnh ở địa phương lúc bấy giờ. Sử cũ không cho biết cụ thể tên tuổi của lãnh tụ phong trào này, tuy nhiên, từ những dòng ghi chép về quá trình đàn áp của họ Trịnh, chúng ta cũng có thể hình dung được rằng, lực lượng nghĩa sĩ ở Đa Giá Thượng khá đông. Chỉ tính riêng cuộc đàn áp do Thạc Quận Công Lê Hải tiến hành vào tháng 5 năm Giáp Tuất (1694), 290 nghĩa sĩ ở Đa Giá Thượng bị bắt và 52 người trong số đó đã bị xử chém đầu.

3. Bốn phương rầm rộ khởi binh

Ở một trong những bộ sách lớn của mình gồm đến sáu mươi quyển là *Tư trị thông giám cương mục*, triết gia vĩ đại của Trung Quốc đời Tống là Chu Hy (1130-1200) có viết đại để rằng : những ai từng vì việc nghĩa mà nổi dậy thì gọi là *khởi binh*, còn những ai tuy không phải hoàn toàn là vì việc nghĩa mà nổi dậy, nhưng, kẻ đối địch với họ lúc ấy cũng không có tư cách gì để gọi họ là giặc thì những người nổi dậy ấy gọi là *binh khởi*. Các nhà viết sử của nước ta thuở xưa, nói chung, đều theo cách gọi nói trên của Chu Hy. Bởi lẽ này, phần lớn các phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thế kỉ XVIII ở Đàng Ngoài đều được các bộ sử cũ chép là *khởi binh* hoặc *binh khởi*. Ở một chừng mực nào đó chúng ta cũng có thể nói rằng, trong nửa đầu của thế kỉ thứ XVIII hiện tượng nổi bật nhất của cả xứ Đàng Ngoài là bốn phương rầm rộ khởi binh. Nếu ở những năm cuối cùng của thế kỉ thứ XVII, phong trào đấu tranh của nhân dân ta nổ ra chủ yếu ở miền biên giới, thì sang nửa đầu thế kỉ thứ XVIII, phong trào đã lan rộng khắp mọi nơi, dồn dập và quyết liệt chưa từng thấy, trong đó, nổi bật lên mấy phong trào lớn sau đây :

* **Đợt sóng dữ thứ hai ở Yên Quảng :** Bởi cuộc đàn áp đẫm máu của Lê Huyền vào tháng 4 năm Canh Ngọ (1690), cuộc nổi dậy của nhân dân Yên Quảng mà trung tâm là vùng Vạn Ninh, do Phương Vân Long và Tân Ấn Sùng cầm đầu buộc phải tạm lắng xuống. Đến đây, sau hơn hai mươi năm âm ỉ, một đợt sóng dữ thứ hai ở Yên Quảng lại nổi lên. Sử cũ không cho biết thủ lĩnh của nhân dân Yên Quảng lúc này là ai, nhưng lại ghi chép khá rõ về sự lo lắng của triều đình vua Lê Dụ Tông (1705-1729) và chúa Trịnh Cương (1709-1729). Bấy giờ, Trịnh Cương đã phải nhiều lần đốc thúc quan giữ chức Lưu Thủ ở Yên Quảng là Văn Đình Nhậm về việc tập trung lực lượng để đánh dẹp. Tháng giêng năm Canh Ngọ (1714), Văn Đình Nhậm đã đốc toàn bộ lực lượng, tổ chức một cuộc đàn áp có quy mô rất lớn, bắt sống và giết được hơn 70 người, chiêu dụ được hơn 300 người khác. Yên Quảng đến đó mới tạm yên.

* **Thủ lĩnh người họ Đèo lại cầm quân xuống núi :** Thời vua Lê Dụ Tông và chúa Trịnh Cương, vùng Tây Bắc nước ta ngày nay gọi là phủ An Tây. Phủ An Tây quản lĩnh ba châu, đó là Chiêu Tấn Châu, Lai Châu và Quỳnh Nhai Châu. Chiêu Tấn Châu đại để tương ứng với đất đai của hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái ngày nay. Ở Chiêu Tấn Châu, họ Đèo là một dòng họ lớn, có ảnh hưởng khá mạnh đối với nhân dân địa phương. Khi Trịnh Cương mới lên cầm quyền. Thổ Tú người họ Đèo là Đèo Mỹ Lâm đã nổi dậy, chẳng những chiếm Chiêu Tấn Châu mà còn đánh chiếm cả Lai Châu và cũng không ngần ngại cho quân tràn sang đánh cả vào Quỳnh Nhai Châu. Chúa Trịnh Cương hoảng sợ, sai Nguyễn Công Chính và Bùi Sĩ Tiêm đem cả một lực lượng lớn đi đàn áp. Nhưng, vừa đến Chiêu Tấn Châu, Nguyễn Công Chính đã bị giết chết, cuộc đàn áp kể như thất bại, Bùi Sĩ Tiêm buộc phải kéo quân về.

Tháng 3 năm Nhâm Dần (1722), con của Đèo Mỹ Lâm là Đèo Mỹ Ngọc lại tập hợp nghĩa sĩ, tiến xuống tấn công dữ dội vào quan quân của chúa Trịnh trấn giữ ở vùng này. Trịnh Cương vội sai quan Lưu Thủ Hưng Hóa là Nguyễn Thành Lý huy động lực lượng các địa phương lân cận đến đàn áp. Đèo Mỹ Ngọc liền rút lui lên các căn cứ ở trên núi cao. Sau, vì quá mệt mỏi với cuộc đánh dẹp xa xôi này, Trịnh Cương bèn hạ lệnh cho Nguyễn Thành Lý lui quân.

* **Quách Công Thi xướng nghĩa ở Lạc Thổ :** Quách Công Thi nguyên là Thổ Tú ở vùng Lạc Thổ, người có uy tín rất lớn trong nhân dân địa phương. Lạc Thổ là tên huyện. Huyện này thuộc phủ Thiên Quan, trấn Thanh Hoa. Thời Nguyễn, Lạc Thổ đổi là Lạc Yên. Huyện này nay thuộc tỉnh Ninh Bình. Bấy giờ, nhân lòng căm phẫn của nhân dân đối với chính sách bóc lột thâm tệ của chúa Trịnh Cương, Quách Công Thi đã dựng cờ xướng nghĩa, trước là chống lại chế độ thuế khóa nặng nề, sau là trừng trị bọn tham quan ô lại. Tháng giêng năm Giáp Dần (1734), hoạt động của nghĩa quân Quách Công Thi đã lan khắp vùng Lạc Thổ. Quan giữ chức Lưu Thủ của chúa Trịnh Cương ở Lạc Thổ lúc này là Nguyễn Thọ Trường đã đốc toàn lực đánh dẹp mãi vẫn không xong. Đứng trước tình thế đó, Nguyễn Thọ Trường liền làm tờ khải tâu lên chúa Trịnh Cương, cốt để xin quân cứu viện. Chúa Trịnh Cương cho là Nguyễn Thọ Trường không làm tròn bổn phận, bèn xuống lệnh nghiêm trách và bắt phải đánh dẹp cho bằng được mới thôi. Sau, Nguyễn Thọ Trường mất ở Lạc Thổ bởi những cuộc hành quân mệt mỏi này.

* **Nhà sư Nguyễn Dương Hưng nhập cuộc :** Chính sách cai trị của tập đoàn phong kiến Đàng Ngoài lúc này tàn bạo đến nỗi, cả đến các bậc tu hành từ bi cũng không thể nào chịu nổi. Đầu năm Đinh Tị (1737), trên khắp một địa bàn rộng lớn, tương ứng với các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang và Thái Nguyên ngày nay, có một cuộc khởi nghĩa rất lớn do nhà sư Nguyễn Dương Hưng cầm đầu. Nguyễn Dương Hưng đặt bản doanh tại khu vực Tam Đảo. Ông đã tập hợp được một đội quân đông đến hàng ngàn người. Những trận tập kích đầu tiên của nghĩa quân Nguyễn Dương Hưng đã khiến cho chúa Trịnh Giang (1729-1740) rất lo sợ. Bấy giờ, kinh thành Thăng Long cũng phải náo loạn, dù Nguyễn Dương Hưng chưa hề tấn công vào. Sử cũ cho biết : "Khi ấy, dân không hiểu biết việc binh, chợt nghe có tin báo nguy cấp thì xa gần đều lo sợ, người trong kinh đô dạt dứ ra ngoài thành, dân ngoài thành thì đào hố chôn giấu của cải và sắp sẵn lương khô để phòng khi có biến. Giá thữ như "giặc" mà kéo đến thì sợ về nỗi lòng dân không bền". Tháng 9 năm Đinh Tị (1737), Trịnh Giang sai quan giữ chức Đốc Đồng Sơn Nam là Nguyễn Bá Lân, cùng với một số tướng lĩnh khác như Nguyễn Lịch, Nguyễn Trọng Côn, đem đại quân đi đàn áp rất khốc liệt mới tạm dẹp yên được lực lượng của Nguyễn Dương Hưng.

* **Cuộc khởi nghĩa ở Ngâm Già :** Ngâm Già là tên làng. Xưa, làng này thuộc huyện Nam Chân,

sau, thuộc huyện Nam Trực (Nam Định). Năm Canh Thân (1740), dân Ngàn Giã dưới sự chỉ huy của Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn và Tú Cao, đã nổi dậy đánh phá quyết liệt khắp cả một vùng rộng lớn ở khắp miền đồng bằng và duyên hải Bắc Bộ. Nghĩa quân đã giết được một số tướng lĩnh của chúa Trịnh như Đốc Lãnh Hoàng Kim Trảo cùng hai viên tướng dưới quyền của Hoàng Kim Trảo là Nguyễn Thế Siêu và Trần Danh Quán. Hoảng sợ trước sự phát triển nhanh chóng của lực lượng Vũ Đình Dung, dẫu vừa mới được lên ngôi chúa, Trịnh Doanh cũng lập tức vạch kế hoạch và tự mình cầm quân đi đàn áp. Tháng 2 năm 1740, với quân số áp đảo, Trịnh Doanh đè bẹp được cuộc khởi nghĩa này. Vũ Đình Dung cùng nhiều tướng lĩnh và đông đảo nghĩa sĩ đã anh dũng hi sinh. Làng Ngàn Giã từ đó bị Trịnh Doanh đổi gọi là làng Lai Cách.

*** Cuộc phản kháng quyết liệt mới của đồng bào các dân tộc ít người :** Vào những năm bốn mươi của thế kỉ thứ XVIII. đồng bào các dân tộc ít người đã nhất loạt nổi dậy. Mở đầu rầm rộ nhất là cuộc nổi dậy của nhân dân Lạng Sơn dưới sự chỉ huy của tù trưởng Toàn Cơ từ năm 1740 đến năm 1742. Chúa Trịnh là Trịnh Doanh phải điều viên tướng khét tiếng tàn bạo là Nguyễn Đăng Hiến đến đàn áp mới tạm yên được.

Gần như đồng thời với Toàn Cơ, đầu năm 1740, hai vị tù trưởng ở sách Đông Quang là Thoan và Thiều cũng tập hợp nhân dân chống lại triều đình. Sách Đông Quang khi ấy thuộc huyện Trấn An, trấn Hưng Hóa. Nay, đất này thuộc về huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Các nghĩa sĩ dưới quyền chỉ huy của tù trưởng Thoan và tù trưởng Thiều chẳng những hoạt động ở sách Đông Quang mà còn tiến sang đánh phá cả địa phận trấn Tuyên Quang. Tháng 7 năm 1741, bởi cuộc tấn công quyết liệt của Lưu Thủ Văn Đình Dận, nghĩa quân do hai vị tù trưởng Thoan và Thiều mới bị tiêu diệt.

Đầu năm 1744, tại vùng Vĩnh Đồng, huyện Mỹ Lương (nay thuộc vùng Mỹ Đức của Hà Tây và vùng Lương Sơn của Hòa Bình), nhân dân địa phương đã tập hợp dưới ngọn cờ của thủ lĩnh Trương. Tuy chiến đấu ở khu vực cách kinh thành Thăng Long không xa, nhưng nghĩa quân của thủ lĩnh Trương cũng đã anh dũng cầm cự được tám năm trời (1744-1752).

Chẳng bao lâu sau thất bại của thủ lĩnh Trương, chính quyền Trịnh Doanh lại phải một phen lao đao bởi một cuộc khởi nghĩa khác ở vùng Sơn Tây và Hưng Hóa do thủ lĩnh Thai cầm đầu. Trịnh Doanh phải huy động một lực lượng quân sĩ rất đông đến mới đàn áp được. Thủ lĩnh Thai bị bắt và bị giết hại cùng với hơn một trăm nghĩa sĩ trung thành khác vào năm 1764.

II - LƯỢC TRUYỆN NHỮNG DANH TƯỚNG XUẤT THÂN ÁO VẢI ĐÀU TIÊN

“Thiên thu trường kiếm dữ nhật quang”
(Ngàn năm, thanh kiếm dài sáng mãi với Mặt Trời)

01. NGUYỄN TUYẾN VÀ NGUYỄN CỪ

Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ là hai anh em ruột. Hai ông người làng Ninh Xá, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Cầm gươm rửa thẹn

Từ thế kỉ thứ XVIII trở đi, chính sự Đàng Ngoài ngày một rối ren và đen tối đến độ thảm hại. Bấy giờ, nếu chúa Trịnh Cương (1709-1729) chỉ tiếp tục đẩy mạnh xu hướng chung của Nhà chúa là ra sức lấn át quyền hành Nhà vua, khiến cho vua Lê Dụ Tông (1705-1709) chỉ còn là một hư vị tội nghiệp, thì đời chúa kế tiếp là Trịnh Giang (1729-1740) còn bạo ngược khùng khiếp hơn nhiều. Chính Trịnh Giang đã vu cho vua Lê Đế Duy Phường (1729-1732) tội gian dâm với vợ của Trịnh Cương rồi phế Lê Đế Duy Phường làm Hôn Đức Công và sau đó đã giết Nhà vua vào tháng 9 năm Nhâm Tý (1732). Sau khi phế Lê Đế Duy Phường, Trịnh Giang đã làm một việc trước đó chưa từng có, đó là :

"Lúc ấy, (Trịnh) Giang bắt dẫn mười hai người con của vua Lê Dụ Tông vào phủ đường của mình để xem mặt. Lê Duy Đường là con trưởng, thấy đáng được làm vua, (Trịnh) Giang liền sai quan hộ vệ Lê Duy Đường đến ở riêng tại cung Thọ Phúc.

Trước đó, Lê Duy Đường từng bị mất ngôi Thái Tử, đến đây, cha là vua Lê Dụ Tông mới mất, em là vua Lê Đế Duy Phường bị phế đế rồi bị giết, Lê Duy Đường mới được đưa lên ngôi, đó là vua Lê Thuần Tông (1732-1735). Nhưng, vua Lê Thuần Tông cũng chỉ ở ngôi được ba năm thì mất. Em ông là Lê Duy Thận được đưa lên thay, đó là vua Lê Ý Tông (1735-1740). Cả Lê Thuần Tông và Lê Ý Tông đều rất giống nhau ở chỗ ở ngôi rất ngắn và hoàn toàn không có một tí thực quyền nào.

Sau khi đã hoàn toàn vô hiệu hóa những ảnh hưởng của Nhà vua đối với guồng máy chính trị đương thời, Trịnh Giang đã không ngừng tìm cách củng cố thêm ngôi vị của mình. Tháng 10 năm Giáp Dần (1734), Trịnh Giang tự phong cho mình là Đại Nguyên Soái, Tổng Quốc Chính, Thượng Sư Thái Phụ, Thông Đức Anh Nghi Thánh Công Uy Vương. Tháng 9 năm Kỉ Mùi (1739), Trịnh Giang lại giả thác có chiếu thư của Thiên Tử nhà Thanh phong cho mình làm An Nam Thượng Vương. Sự kiện hài hước này đã được chính sử xưa ghi chép như sau :

"(Trịnh) Giang vượt phạm, tiếm quyền, không còn biết kiêng sợ là gì nữa. Hắn tự xưng là Bắc Đạt Mậu Hòa, Tuy Du Dụ Nghĩa Trịnh Vương.

Lúc ấy, (Trịnh) Giang đang chơi ở làng Quế Trạo, trấn Kinh Bắc, là quê hương của viên hoạn quan Hoàng Công Phu. (Trịnh) Giang cho xây dựng phủ đệ tại đó để ở. Hắn mật sai tay chân thân tín là bọn Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán, từ kinh sư chạy ngựa trạm lên, phụng trình sắc văn tấn phong và ấn tỉ, giả thác nói rằng đó là do sứ giả nhà Thanh sang nước ta phong cho (Trịnh) Giang làm An Nam Thượng Vương".

Chép xong đoạn trên, các sử gia nhà Nguyễn đã hạ bút viết ngay lời phê rằng : "Không cướp ngôi vua thì thôi, muốn thì gì mà chẳng được, cần gì phải giả dối. Thật là điên cuồng và đáng chê cười."

Điều đáng tiếc là cả hai nhân vật cùng tham gia vào vở hài kịch nói trên - Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán, đều đỗ đại khoa, cũng là người có chút văn tài và nắm trong tay những chức vị rất quan trọng của phủ Chúa. Ngoài Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán, Trịnh Giang còn có một tay sai rất đắc lực, đó là hoạn quan Hoàng Công Phu. Tháng 5 năm Bính Thìn (1736), chính viên hoạn quan hiểm độc này đã xúi giục Trịnh Giang giết hại Trấn Thủ Nghệ An là Trương Nhung, mặc dù Trương Nhung vốn nổi tiếng là người ôn hòa, lại là em ruột của Trương Thái Phi.

Để phế truất và sau đó là giết hại Lê Đế Duy Phường, Trịnh Giang đã vu cho Lê Đế Duy Phường tội gian dâm với vợ của Trịnh Cương, nhưng người làm việc tội bại này lại chính là Trịnh Giang, cho dầu vợ của Trịnh Cương cũng chính là mẹ kế của hắn. Điều này đã được dã sử xưa ghi chép khá tỉ mỉ, xin lược thuật như sau: Trịnh Giang là kẻ dâm loạn, từng tư thông với bà Kỳ Viên Phi Đặng Thị (người xã Trà Đồng, huyện Tiên Du, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), vốn là vợ lẽ của chúa Trịnh Cương (cha Trịnh Giang). Việc này bị bà Vũ Thái Phi (mẹ đẻ của Trịnh

Giang) phát giác. Bà ép Kỳ Viên Phi Đặng Thi phải tự tử. Một hôm, chẳng hiểu vì sao Trịnh Giang bị sét đánh gần chết, nhân đó mà mắc bệnh kinh quý, hệ nghe có sấm sét là kinh hồn bạt vía. Bọn hoạn quan liền nói với Trịnh Giang rằng, duyên do chẳng qua vì dâm dục quá nên bị ác báo, muốn chữa, chỉ có cách đào hầm làm nhà ở dưới đất. Trịnh Giang bèn dựng cung Thượng Trì để ở, không dám đi ra ngoài như trước nữa.

Chính sử cũng chép tương tự như vậy, nhưng đoạn cuối có phần chi tiết hơn. Xin được trích lục một đoạn cụ thể như sau :

“Từ ngày làm việc bạo nghịch giết vua (chỉ việc Trịnh Giang truất phế rồi giết chết vua Lê Đế Duy Phường - NKT), Trịnh Giang càng ngày càng tiếm quyền, ăn chơi dâm loạn không còn chừng mực gì nữa, cho nên về sau mới mắc bệnh kinh quý, sợ sấm sét lắm. Bọn hoạn quan là Hoàng Công Phụ đánh lừa, đào đất làm cung Thượng Trì cho (Trịnh) Giang ở. Từ đấy, (Trịnh) Giang không còn dám bước chân ra ngoài. (Hoàng) Công Phụ cùng đồ đảng liền nhân đó mà lộng quyền, các đại thần nối nhau bị hại, kẻ thì bị giết, kẻ thì bị phạt, ai ai cũng lo sợ không giữ nổi tấm thân của mình, chính sự trái ngược mà thuế khóa thì nặng nề, dân chỉ còn mong sao cho chóng có loạn lạc”.

Và, một trong những người sớm hiểu được lòng dân chính là Nguyễn Tuyển. Tài liệu dân gian cũng như sử cũ đều nói rằng, Nguyễn Tuyển vốn là gia nhân của Hoàng Công Phụ. Đó chính là điều kiện để ông hiểu rõ hơn, đầy đủ và sâu sắc hơn, bản chất xấu xa của Hoàng Công Phụ nói riêng và của tập đoàn thống trị Đảng Ngoài nói chung. Càng hiểu rõ, ông càng chán chường và phẫn uất, do đó, ông đã từ bỏ Hoàng Công Phụ, cùng với em là Nguyễn Cừ và cháu là Nguyễn Diên, phát động và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa ngay trên quê hương Ninh Xá của mình. Các sử gia thời Lê trung hưng gọi nghĩa quân của Nguyễn Tuyển là “giặc Ninh Xá”, nhưng, các sử gia thời Nguyễn lại thẳng thắn bác bỏ và phê phán cách viết này :

"Cuối thời Lê, Trịnh Giang làm việc bạo nghịch giết vua, cho nên, Nguyễn Tuyển và (Vũ) Trác Oánh (tên lãnh tụ một cuộc khởi nghĩa nhỏ khác ở vùng Mộ Trạch, nay cũng thuộc tỉnh Hải Dương - NKT) mới nhân lòng oán giận của dân, mượn danh nghĩa (trừ bạo) rồi lợi dụng cơ hội mà nổi lên, tuy việc làm không tránh khỏi hành vi của giặc, nhưng cốt là để đối địch với Trịnh Giang, thế mà người viết phần *Tục biên* của sử thời Lê lại gọi là "giặc". Họ chẳng biết rằng tai họa loạn lạc do (Trịnh) Giang gây ra. (Trịnh) Giang chính là giặc của nhà Lê, thế thì người đối địch với (Trịnh) Giang có lẽ nào lại gọi là "giặc" được ?"

Khi dựng cờ xưng nghĩa, Nguyễn Tuyển gặp được khá nhiều thuận lợi. Bấy giờ, ở vùng Mộ Trạch, có khởi nghĩa của Vũ Trác Oánh, ở vùng Sơn Nam có khởi nghĩa của Hoàng Công Chất..., chúa Trịnh bối rối vì phải phân tán lực lượng để đối phó với nhiều cuộc tấn công khác nhau. Trước khi xuất quân, Nguyễn Tuyển xưng là Minh Chủ, Vũ Trác Oánh xưng là Minh Công. Lúc đầu, tuy Nguyễn Tuyển và Vũ Trác Oánh là hai lãnh tụ của hai lực lượng riêng, nhưng, chẳng bao lâu sau khi khởi nghĩa, hai ông đã gặp nhau ở Ninh Xá, cùng liên kết với nhau và cùng nhau giương cao khẩu hiệu "phù Lê". Sử cũ chép rằng:

“Dân khắp vùng phía đông và phía nam (kinh thành) cùng nhất tề hưởng ứng. Kẻ vác cày, người cầm gậy để đi theo, nơi nhiều có đến hàng vạn, nơi ít cũng có đến hàng ngàn hoặc hàng trăm, họ quấy rối cướp bóc (các nhà giàu) ở các làng, vây đánh khắp mọi ấp, mọi thành, triều đình không sao ngăn cản được.”

Với Nguyễn Tuyển, đây vừa là cuộc vùng dậy để góp phần cứu nguy cho trăm họ lầm than, vừa là một phen "cầm gươm rửa thẹn" cho non sông, bởi theo ông, thời ông đang sống là thời trớ trêu, thời quyền lực nằm trong tay những kẻ nhân cách tầm thường nhất.

Trong chỗ không ngờ, đối thủ tạo cơ may cho Nguyễn Tuyển

Từ Ninh Xá, ngọn lửa quật khởi đã cháy bùng lên rất dữ dội, nhưng, các phe đảng trong phủ chúa Trịnh vẫn không ngừng xâu xé lẫn nhau. Bấy giờ, hai phe mạnh nhất là :

- Phe Trịnh Giang với đám tay chân thân tín do Hoàng Công Phụ cầm đầu.
- Phe Trịnh Doanh (em ruột của Trịnh Giang) với một loạt văn thần và võ tướng, do Nguyễn

Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái cầm đầu. Sát cánh với những nhân vật này là bà Thái Phi Vũ Thị và nhiều người khác, như Trương Khuông, Giáp Nguyễn Khoa... v.v.

Hoàng Công Phụ cho rằng, muốn lấn lướt được phe cánh của Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái, trước hết, mình phải lập được công to, sau đó, cậy công mà ăn nói. Biết rõ Nguyễn Tuyển vốn dĩ là gia nhân cũ của mình, cho nên, hẳn tin chắc là có thể tự mình cầm quân đi đánh dẹp một cách dễ dàng. Nguyễn Quý Cảnh là kẻ nham hiểm, vì thế, đã khôn khéo tìm cách khích lệ để cho Hoàng Công Phụ đem quân ra khỏi kinh thành Thăng Long. Hoàng Công Phụ vừa đại đột cất quân thì lập tức, Nguyễn Quý Cảnh cùng với phe đảng đem hết lực lượng ra, thực hiện một cuộc truất phế rất ngoạn mục. Trịnh Giang được nhẹ nhàng bố trí làm lễ nhường ngôi chúa cho em là Trịnh Doanh để lên làm Thái Thượng Vương. Thái Thượng Vương vẫn ở trong cung Thượng Trì nhưng tất cả bọn hầu cận tin cậy do Hoàng Công Phụ đưa đến đều bị giết. Nói khác hơn, Trịnh Giang thực sự bị giam lỏng, bị cô lập hoàn toàn.

Lúc sự biến xảy ra thì Hoàng Công Phụ đang đóng quân tại Văn Giang. Phải mất mấy ngày sau hẳn mới hay tin dữ này. Sử cũ cho biết :

“Hoàng Công Phụ đóng quân tại Văn Giang, biết được tin này thì lập tức đem theo khoảng hơn một chục thủ hạ chạy trốn”.

Về sau, việc sống chết của Hoàng Công Phụ thế nào, sử cũ không chép rõ. Tuy nhiên, điều đáng nói là bởi có cuộc tranh giành quyền lực này, nghĩa quân của Nguyễn Tuyển đã tránh được một đợt tấn công không nhỏ. Đó là cơ hội thuận tiện xuất hiện trong chỗ không ngờ. Cùng với em và cháu, Nguyễn Tuyển đã nhanh chóng bổ sung lực lượng, chuẩn bị chu đáo cho cuộc đối đầu lâu dài với tập đoàn thống trị Đàng Ngoài.

Trận bình Ngô : Quân của chúa Trịnh đại bại. Các tướng Nguyễn Hữu Nhuận, Đặng Đình Sắt và Phạm Hữu Tá hoảng hốt chạy dài. Thống Lĩnh Nguyễn Trọng Uông bị giết.

Khi Hoàng Công Phụ bỏ trốn, đạo quân của chúa Trịnh ở vùng Văn Giang kể như tan rã, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ quyết định nhân cơ hội đó, cho nghĩa binh tràn sang khu vực Hưng Yên ngày nay để rồi từ đây, chia quân làm hai cánh, tấn công và uy hiếp kinh thành từ mặt đông và đông bắc. Ở mặt đông bắc, nghĩa quân Nguyễn Tuyển đã từ đất Văn Giang đến đến Bắc Ninh. Tình hình Thăng Long trở nên rất nguy cấp. Trịnh Doanh sai Nguyễn Trọng Uông làm Thống Lĩnh, trực tiếp chỉ huy các tướng như Nguyễn Hữu Nhuận, Đặng Đình Sắt và Phạm Hữu Tá, cầm quân đi đàn áp. Nguyễn Trọng Uông và các tướng hăm hở lên đường. Tháng 2 năm Canh Thân (1740), một cuộc đụng độ lớn giữa lực lượng do Nguyễn Trọng Uông cầm đầu với nghĩa quân của Nguyễn Tuyển đã diễn ra tại khu vực Bình Ngô (nay thuộc huyện Gia Lương, Bắc Ninh). Chính sử xưa đã ghi chép về trận này như sau :

"Nguyễn Trọng Uông là người khỏe mạnh, quả cảm và giỏi chiến trận, thường một mình một ngựa, xông pha trong chốn tên đạn (mà không chút nao núng). Đến đây gặp Nguyễn Tuyển, (Nguyễn) Trọng Uông đã đem hết sức bình sinh mà đánh. Thế trận rất gay go. (Đúng lúc đó), thuộc tướng của Nguyễn Trọng Uông là Nguyễn Hữu Nhuận bỏ chạy, khiến cho quân sĩ phải hoảng sợ mà tan tác. Quân của Đặng Đình Sắt và Phạm Hữu Tá đi sau, vừa chợt thấy thế cũng lập tức bỏ chạy theo. Giặc (đây chỉ nghĩa quân của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ - NKT) liền dốc hết lực lượng ra bao vây. Bị thân cô thế cô, Nguyễn Trọng Uông kiệt sức nên bị giết. Trịnh Doanh thương xót, truy tặng (Nguyễn Trọng Uông) hàm Thái Bảo, tước Quận Công."

Ngoài việc truy tặng rất trọng hậu cho Nguyễn Trọng Uông, Trịnh Doanh còn bổ dụng con của Nguyễn Trọng Uông là Nguyễn Đức Thân, giao cho Nguyễn Đức Thân chức Thống Lĩnh mà trước đó Nguyễn Trọng Uông đã giữ. Trịnh Doanh cũng hạ lệnh đem Nguyễn Hữu Nhuận ra chém đầu. Các tướng Đặng Đình Sắt và Phạm Hữu Tá thì bị lột hết chức tước và bị đem đi đày viễn xứ.

Bình Ngô là trận thắng có ý nghĩa rất to lớn đối với toàn bộ quá trình phát triển sau đó của lực lượng Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ. Từ trận đánh đặc biệt quan trọng này, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ đã tự tỏ rõ khả năng tổ chức những đợt tấn công có quy mô lớn. Cũng từ trận Bình Ngô, tinh thần chiến đấu và lí tưởng chiến đấu của các nghĩa sĩ Ninh Xá mỗi ngày một lên

cao, nhân dân các địa phương rộng lớn ở chung quanh Thăng Long cũng rất nô nức. Họ sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cho Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ.

Trận Phú Xuyên : Tháng 5 năm Canh Thân (1740)

Sau trận Bình Ngô, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ bí mật lui quân về phía nam kinh thành Thăng Long và chuẩn bị một trận tấn công bất ngờ vào khu vực này. Nhưng, kế hoạch này bị bại lộ. Không còn cách nào khác hơn được nữa, nghĩa quân liền chủ động đánh chiếm một số địa phương ở phía nam Thăng Long. Cuối mùa xuân năm Canh Thân (1740), Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ đã hoàn toàn làm chủ đất hai huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc. Đất *Phú Xuyên* thời Lê Thánh Tông (1460-1497) gọi là Phù Vân, thời Lê Chiêu Tông (1516-1522) gọi là Phú Nguyên và từ thời Mạc trở đi thì gọi là Phú Xuyên. Huyện Phú Xuyên xưa thuộc phủ Thường Tín, nay tương ứng với các huyện Phú Xuyên và Thường Tín của tỉnh Hà Tây. *Thượng Phúc* xưa cũng là một huyện của phủ Thường Tín, nay cũng thuộc tỉnh Hà Tây.

Bấy giờ, nhân thấy quân của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ phải phân tán trên một dải đất quá rộng, tướng của chúa Trịnh là Nguyễn Đăng Hiến cho rằng cơ hội tấn công tiêu diệt đã đến. Nguyễn Đăng Hiến vội vàng đốc hết binh sĩ dưới quyền, đánh quyết liệt vào Phú Xuyên. Trước cuộc đàn áp bất ngờ và khốc liệt này, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ có phần lúng túng. Hai ông quyết định rút lui khỏi Phú Xuyên và Thượng Phúc. Nguyễn Đăng Hiến tuy nhanh chóng giành được ưu thế, nhưng, vẫn không dám truy đuổi Hai tướng khác của chúa Trịnh là Đốc Lãnh Trương Khuông và Đốc Lãnh Lê Công Chiêm lập tức đem quân đi yểm trợ nhưng không kịp vì Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ đã rút lui về Hải Dương một cách an toàn.

Cuộc tập kích bất ngờ vào phía nam kinh thành Thăng Long tuy không thành, nhưng, lực lượng của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ nhìn chung vẫn được giữ vững, vùng chiếm đóng của nghĩa quân vẫn được tiếp tục mở rộng. Sử cũ cho biết :

"Bấy giờ, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên dấy quân đã lâu ngày, thanh thế rất lừng lẫy. Họ đã tập hợp dân chúng, quật mạnh cho ngọn lửa chiến tranh bùng lên dữ dội ở khắp các phủ Từ (tức Từ Sơn, nay thuộc Tiên Sơn, Bắc Ninh - NKT), Thuận (tức Thuận An, nay thuộc Thuận Thành và Gia Lương, Bắc Ninh - NKT), Hồng và Sách (tức Hồng Châu và Nam Sách, nay tương ứng với phần lớn đất đai của hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên - NKT). Họ đi đến đâu là dân ở đó nô nức hưởng ứng theo. (Nguyễn) Cừ chiếm đất Đồ Lâm huyện Gia Phúc (nay là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - NKT) còn (Nguyễn) Tuyển chiếm đất Pháo Sơn thuộc huyện Chí Linh (nay là huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương - NKT). Đồn lũy của họ san sát nhau, mỗi người đều có tới vài vạn quân. Các tướng (của triều đình) nhiều phen đem quân đi đánh dẹp mà không sao thắng được".

Đánh gục cuộc tấn công do hai viên đại tướng của chúa Trịnh là Vũ Tất Thận và Hoàng Công Kỳ chỉ huy (6-1740)

Sau trận Phú Xuyên, Trịnh Doanh rất tức tối. Hắn quyết tâm phải đàn áp cho bằng được nghĩa quân Ninh Xá. Để thực hiện quyết tâm này, Trịnh Doanh đã tiến hành hai kế hoạch chuẩn bị cụ thể như sau :

- Xuống lời hiểu dụ, hồng chia rẽ hàng ngũ của nghĩa quân. Lời hiểu dụ này có đoạn : "Nhà nước dùng lễ để đối đãi với sĩ phu, dùng nhân nghĩa để nuôi dưỡng trăm họ. Lo rộng mở điều vui giáo hóa thì nào có khác gì lời *Thanh nga* (tên một bài trong thiên *Tiểu nhĩ* của *Kinh Thi* - NKT). Xoa dịu sự đau thương thì ân cần thổ lộ có khác gì lời *Hồng nhạn* (tên một bài trong thiên *Tiểu nhĩ* của *Kinh Thi* - NKT). Thế mà trước đây bọn giặc ở Chí Linh (chỉ nghĩa sĩ của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ - NKT) dám trái danh phận, khiến cho dân một cõi Đông Bắc bị chúng ức hiếp, đổ dằn. Có kẻ thân tuy là học trò, được triều đình giáo hóa thành tài, vậy mà cũng nỡ vì chúng phơ gan dưng sức. Có kẻ là thường dân, được triều đình cho sống yên vui vườn ruộng, vậy mà cũng đành xông vào giáo mác nước sôi. Trong số ấy, thế nào chẳng có người mong không làm liên lụy đến gia đình, thế nào chẳng có kẻ chỉ vì nông nổi mà theo vội ? (Những người đó) tuy là cúi đầu theo gượng, nhưng, lòng dạ đâu đã đến nỗi mê muội mà quên

cả đường quay lại đầu. Vậy, nếu ai biết bỏ nghịch theo thuận, rút bỏ binh khí về đầu hàng, thì nhất nhất đều được cho cải hóa, ai lập được công thì chẳng những được tha tội mà còn được thưởng. Nay, hiểu dụ để mọi người cần nhắc, nhận rõ chỗ sáng mà bỏ chỗ tối."

- Ra lệnh tịch thu hết chuông, khánh bằng đồng trong chùa chiền, đèn miếu để có thêm kim loại đúc vũ khí trang bị cho quân sĩ. Việc này được Trịnh Doanh ban hành quy chế thực hiện rất rõ ràng. Ngoài việc tịch thu chuông khánh ở khắp các chùa chiền và đèn miếu, Trịnh Doanh còn hạ lệnh cho các địa phương rằng: "Ai nộp đồng hoặc chì thì sẽ tùy theo số lượng nhiều ít mà xét cất nhắc để ban cho quan chức".

Với hai kế hoạch chuẩn bị nói trên, Trịnh Doanh tin chắc là Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ sẽ khó lòng chống đỡ nổi. Tháng 6 năm 1740, hai viên đại tướng của Trịnh Doanh là Vũ Tất Thận và Hoàng Công Kỳ được lệnh cầm quân tiến thẳng đến Đường An.

Vũ Tất Thận tức *Bính Quận Công*, vốn là một trong những người có công tôn Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Để trả ơn, tháng 1 năm 1740 (tức là ngay sau khi được lên ngôi chúa), Trịnh Doanh đã xếp Vũ Tất Thận vào hàng công thần, mũ và đai của Vũ Tất Thận được trang sức bằng vàng, tương tự như mũ và đai của các bậc thân vương.

Hoàng Công Kỳ tức *Trình Quận Công*, cũng là một trong những võ quan cao cấp của Trịnh Doanh. Cùng với Vũ Tất Thận, Hoàng Công Kỳ đem quân đến làng An Nhân. Làng này tục danh là làng Bàn, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Tới nơi, vì thấy lực lượng của Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ quá mạnh, Vũ Tất Thận và Hoàng Công Kỳ chần chừ không dám đánh. Đúng lúc đó thì Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ cho quân ồ ạt tấn công. Vũ Tất Thận và Hoàng Công Kỳ chống đỡ không nổi, đành phải tháo chạy tán loạn. Nhân đó, Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ cho quân đốt trụi phủ đệ và từ đường Mi Thử.

Một trận nghi binh nhỏ khiến kế lớn của Trịnh Doanh bất thành

Tháng 10 năm 1740, Trịnh Doanh thấy đã đến lúc phải tự mình cầm đại quân đi đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đó quả là một quyết tâm rất lớn. Biết không thể đồng thời trấn áp tất cả các cuộc khởi nghĩa, vì thế, Trịnh Doanh bèn áp dụng kế sách dùng sức mạnh đại binh, lần lượt đè bẹp từng cuộc khởi nghĩa một, để rồi cuối cùng là đè bẹp tất cả.

Tháng 11 năm 1740, đại binh của Trịnh Doanh đóng tại khu vực Vũ Điện, sau đó, chuyển sang đóng tại Hiến Doanh. Mục tiêu đầu tiên của Trịnh Doanh là khép kín vòng vây, tiêu diệt cho bằng được lực lượng của Vũ Đình Dung ở Ngân Già, lấy chiến thắng Ngân Già cổ vũ quân sĩ xông lên đánh thẳng lực lượng Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ.

Đại quân của Trịnh Doanh do các tướng Đinh Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn, Vũ Tất Thận và Trương Khuông làm tiên phong đã tấn công rất quyết liệt vào Ngân Già. Nghĩa quân Vũ Đình Dung tuy chiến đấu rất ngoan cường, nhưng không sao chống đỡ nổi. Trịnh Doanh chiếm được Ngân Già, giết hại không biết bao nhiêu người ở đây, sau đó, sai đổi gọi Ngân Già là Lai Cách.

Mất Ngân Già, Nguyễn Tuyền và Nguyễn Cừ mất hẳn một lực lượng liên minh, một chỗ dựa hết sức quan trọng. Trước tình thế đó, hai ông cho rằng, nếu đánh nhau với Trịnh Doanh khi Trịnh Doanh đang có đủ trong tay cả binh hùng lẫn tướng mạnh, thì thật khó mà giành được thắng lợi. Hai ông quyết định dùng kế nghi binh, buộc Trịnh Doanh phải lập tức quay về kinh thành Thăng Long như cũ. Nguyễn Cừ được lệnh cùng với tướng Trần Diệu, đem một cánh quân nhỏ tiến thẳng vào Bồ Đề (Gia Lâm, Hà Nội ngày nay). Cánh quân này vừa tiến vừa nói phao lên rằng sẽ đánh thẳng vào tận kinh thành Thăng Long. Lúc này, đại quân đã đi xa, Thăng Long đang trống rỗng, khả năng chống trả bị suy giảm rất nghiêm trọng. Mẹ của Trịnh Doanh (bà Thái Phi Vũ Thị) liền sai viên tì tướng là Trịnh Đạc phân chia lực lượng quân sĩ ít ỏi còn lại ở trong cung đi trấn giữ các cửa thành, đồng thời, sai các quan văn như Phạm Kinh Vĩ, Nguyễn Bá Quỳnh huy động dân ra phía ngoài thành, xếp thành đội ngũ chỉnh tề để nghi binh, xong thì cấp báo cho Trịnh Doanh.

"Lúc ấy, Trịnh Doanh vừa đánh dẹp được Ngân Già, chợt nghe tin cấp báo từ kinh thành Thăng Long chuyển đến, vội hạ lệnh cho các đạo quân phải về Thăng Long để cứu lấy đất căn

bản. Nhưng, khi đại quân mới về đến xã Kim Lan thì giặc (chỉ quân của Nguyễn Cừ - NKT) đã rút lui rồi. Kinh sư nhờ đó vẫn được yên ổn".

Kế hoạch lớn của Trịnh Doanh đến đó kể như sụp đổ. Lực lượng của nghĩa quân Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ cùng với vùng căn cứ rộng lớn vẫn được bảo toàn.

Sử cũ có nói đến trận thắng của quân Trịnh Doanh do tướng giữ chức Thống Lĩnh là Hoàng Nghĩa Bá chỉ huy tại Phao Sơn, nhưng đó chỉ là chiến thắng nhỏ, không có ý nghĩa làm thay đổi, dù chỉ là thay đổi một phần, tương quan thế trận giữa đôi bên.

Trận Khoái Châu (12-1740) : tướng của chúa Trịnh là Đốc Đồng Trần Viêm bị giết

Trịnh Doanh đem đại binh về Thăng Long rồi, vùng đất rộng lớn của đồng bằng châu thổ sông Hồng hầu như nằm hết dưới quyền kiểm soát của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ. Chính quyền địa phương ở vùng này bị bao vây, bị cô lập, và do đó, rất lo sợ. Để xoay chuyển tình thế, quan giữ chức Đốc Đồng là Trần Viêm đã tự mình làm tướng, liều lĩnh đem quân đánh nhau với Nguyễn Tuyển ở Khoái Châu. Cùng liều lĩnh với Trần Viêm trong trận này còn có Đoàn Kiên Vinh. Nhưng, vừa xuất quân, cả Trần Viêm và Đoàn Kiên Vinh đều bị đánh cho tởm, phải chạy thực mạng. Đến khu vực hai xã Đồng Lạc và Canh Hoạch, Trần Viêm và Đoàn Kiên Vinh đều bị giết. Đạo quân do họ chỉ huy cũng hoàn toàn tan tác. Tin cấp báo truyền về Thăng Long, Trịnh Doanh lấy làm thương xót, truy tặng Trần Viêm hàm Đông Các Đại Học Sĩ, tước Hải Thọ Bá, cấp cho mười lăm mẫu đất làm tự điền.

Trận Đông Triều (1-1741) : ba viên tướng của chúa Trịnh bị bắt

Sau trận thắng lớn ở Khoái Châu, uy thế của nghĩa quân Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ ngày một lên cao. Trịnh Doanh rất căm tức nhưng cũng không dám mạo hiểm đem đại quân đi đàn áp như trước nữa. Tuy nhiên, để hạn chế bớt những ảnh hưởng ngày càng rộng lớn và mạnh mẽ của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ. Trịnh Doanh liền sai đem quân ra án ngữ ở mạn Đông Triều. Tham gia bộ chỉ huy đạo quân khá lớn này gồm có :

- Võ quan cao cấp, Đốc Lĩnh Thượng Đạo Hải Dương là Đặng Đình Luận làm tổng chỉ huy.

- Văn quan giữ chức Hiệp Đồng là Trần Trọng Liêu và Như Trọng Thai.

Có quân số khá đông, lại được trang bị đầy đủ, các tướng chỉ huy đạo quân này rất chủ quan. Bấy giờ, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ chỉ chủ trương đánh cầm chừng, để cho quân của chúa Trịnh có thể dễ dàng tiến ra Đông Triều như kế hoạch chúng đã dự kiến. Điều này khiến cho Đặng Đình Luận đã chủ quan lại càng thêm chủ quan. Sau vài ba trận giả thua, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ liền cho người tới giả vờ xin hàng. Đặng Đình Luận tưởng thật, cho nên, không hề phòng bị gì cả. Chẳng dè, nhân đêm tối, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ tung quân đánh gấp. Toàn bộ các tướng Đặng Đình Luận, Trần Trọng Liêu và Như Trọng Thai đều bị bắt sống.

Cuộc đụng độ lần thứ hai với Thống Lĩnh Hoàng Nghĩa Bá ở Phao Sơn và Ninh Xá (2-1741) : Khúc tráng ca cuối cùng !

Trong tất cả các võ quan cao cấp của Trịnh Doanh từng cầm quân đi đàn áp Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ thì Hoàng Nghĩa Bá là người duy nhất có học vị Tào Sĩ (Tiến Sĩ của võ ban). Tháng 7 năm 1740, chính Hoàng Nghĩa Bá đã đem quân đến đánh Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ ở Phao Sơn (Chí Linh, Hải Dương). Đó là trận thắng đầu tiên của viên tướng này, nhưng là trận thắng nhỏ, vì thế, Hoàng Nghĩa Bá không được khen thưởng gì đáng kể. Đến đây, Hoàng Nghĩa Bá lấy chức quyền là Thống Lĩnh, cầm quân đi đánh Phao Sơn lần thứ hai. Nghĩa quân của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ, cùng với quân của Vũ Trác Oánh đánh trả rất quyết liệt nhưng không sao cản nổi bước tiến của đạo quân hùng mạnh này. Phao Sơn thất thủ, Hoàng Nghĩa Bá cho quân nhân đà thắng lợi, đánh thẳng vào khu căn cứ Ninh Xá. Vì quá bất ngờ, đội ngũ của Nguyễn Tuyển ở đây chiến đấu rất khó khăn. Nguyễn Tuyển đành phải lui quân và chẳng may đã mất trên đường tháo lui. Cái chết đột ngột của Nguyễn Tuyển là một tổn thất rất lớn đối với nghĩa sĩ Ninh Xá.

Hoàng Nghĩa Bá lập tức cho quân đánh mạnh vào lực lượng của Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ ở Gia Phúc. Một trận ác chiến đã diễn ra tại đây. Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ liệu thế khó chống nổi, bèn quyết định rút lui. Sử không cho biết Vũ Trác Oánh sau đó ra sao, còn Nguyễn Cừ thì chạy lên Lạng Sơn.

Những ngày cuối cùng của Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên

Nguyễn Diên là cháu, gọi Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ bằng chú ruột. Cùng với hai chú, Nguyễn Diên đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ninh Xá ngay từ những ngày đầu tiên. Chính Nguyễn Diên là một trong những tướng chỉ huy giàu tài năng của Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Khi Phao Sơn và Ninh Xá lần lượt thất thủ, Nguyễn Diên lui về hoạt động ở vùng Hà Tây và Phú Thọ ngày nay. Trịnh Doanh liền hạ lệnh cho Lê Lệ và Nguyễn Quai đem quân đi đàn áp. Một trận đụng độ khá lớn đã diễn ra tại An Lạc. Nguyễn Diên vừa đánh, vừa bí mật cho binh thuyền xuôi xuống Bến Cốc và dự định sẽ bất ngờ từ Bến Cốc đánh ngược lên, dồn Lê Lệ và Nguyễn Quai vào thế khó bề chống đỡ. Nhưng, kế hoạch này chẳng may bị bại lộ, tương kế tựu kế, Nguyễn Quai đã cho quân mai phục, đánh tan tác lực lượng của Nguyễn Diên. Nguyễn Diên chạy vào Nghệ An và sau đó phối hợp với nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu, hoạt động thêm một thời gian khá dài nữa.

Nguyễn Cừ trong thời gian chạy lên Lạng Sơn, được thủ lĩnh Toàn Cơ giúp đỡ và tạo điều kiện để có thể trở về tiếp tục chiến đấu ở vùng đồng bằng quê hương. Tháng 7 năm 1741, Nguyễn Cừ về đến Ngọa Vân Sơn, và tại đây, ông bị tướng của chúa Trịnh là Phạm Đình Trọng bắt đem về Thăng Long xử tử.

*

* *

Từ tháng 12 năm 1739 đến tháng 7 năm 1741, Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ đã có công tập hợp và huy động sức mạnh của hàng vạn nông dân nghèo khổ, vùng lên tấn công không khoan nhượng vào toàn bộ cơ đồ thống trị của họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Từ quê hương Ninh Xá của mình, hai ông đã kiên trì nhen nhúm và thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh chống áp bức bóc lột khắp cả vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng rộng lớn. Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ thực sự xứng đáng là người đại diện xuất sắc của ý chí ngoan cường, bất khuất, xứng đáng được tôn vinh là những vị anh hùng nông dân của thế kỉ thứ XVIII.

Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ, cùng với cháu là Nguyễn Diên, không chỉ là những điểm hội tụ của khí phách hiên ngang mà còn là hiện thân độc đáo của tài mưu lược. Chính Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ, những người chưa từng học qua một trường đào tạo võ quan nào, đã khiến cho hàng loạt tướng lĩnh cao cấp, được đào tạo chính quy của họ Trịnh, kể cả chính chúa Trịnh Doanh, phải bao phen thất điên bát đảo. Thống Lĩnh Nguyễn Trọng Uông và Đốc Đồng Trần Viêm tử trận, Đốc Lãnh Đặng Đình Luận cùng với hai quan Hiệp Đồng là Tiến Sĩ Trần Trọng Liêu và Bảng Nhãn Nhữ Trọng Thai bị bắt, bản thân Trịnh Doanh cũng mắc mưu của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ mà buộc phải lui quân... đó là những sự kiện kết tinh tài năng quân sự của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ, của những người kề vai sát cánh với hai ông như Nguyễn Diên, Trần Diệu, và của hàng vạn nghĩa sĩ đương thời.

02. NGUYỄN HỮU CẦU (? - 1751)

"Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán
Phá vòng vây bạn với kim ô.
Giang sơn khách diệc tri hồ"

Nguyễn Hữu Cầu : *Chim trong lồng* - thơ viết trong ngục trước ngày bị xử tử.

Đôi lời về lai lịch

Nguyễn Hữu Cầu là con một gia đình nông dân nghèo, quê ở làng Lôi Dương, huyện Thanh Hà (nay thuộc Hải Dương). Ông sinh vào năm nào chưa rõ, tuy nhiên, thư tịch cùng truyền thuyết dân gian đều nói rằng ông là bạn học của Phạm Đình Trọng (1714-1754). Kết hợp với sự cân nhắc thêm vài chi tiết trong hành trạng cuộc đời của ông, chúng ta cũng có thể ước đoán rằng, Nguyễn Hữu Cầu sinh cùng hoặc muộn hơn Phạm Đình Trọng một chút.

Cuối năm 1739, khi Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ cùng với cháu là Nguyễn Diên dựng cờ khởi nghĩa ở Ninh Xá, Nguyễn Hữu Cầu là một trong những người hăng hái hưởng ứng đầu tiên. Ông là con rể của Nguyễn Cừ và cũng là một trong những bộ tướng tin cậy của Nguyễn Cừ. Nhờ những năm tháng anh dũng chiến đấu và lập được khá nhiều công lao, góp phần đáng kể vào những thắng lợi quan trọng của nghĩa quân Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ uy tín của Nguyễn Hữu Cầu đã được khẳng định.

Khi Nguyễn Tuyển qua đời còn Nguyễn Cừ thì chạy lên Lạng Sơn, Nguyễn Hữu Cầu vẫn kiên trì ở lại, cố gắng bảo toàn lực lượng còn lại để chờ thời. Hay tin này, từ đất Lạng Sơn, Nguyễn Cừ đã tìm đường trở về, dự tính sẽ cùng với con rể gầy dựng lại phong trào.

Khi Nguyễn Cừ bị bắt ở Ngọa Vân Sơn để rồi sau đó không bao lâu thì bị xử tử, Nguyễn Hữu Cầu nghiêm nhiên trở thành lãnh tụ mới của nông dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Như vậy về quan hệ họ hàng, Nguyễn Hữu Cầu là con rể của Nguyễn Cừ, còn về quan hệ sự nghiệp khởi nghĩa, Nguyễn Hữu Cầu chính là sự tiếp nối dưới một dạng thức đặc biệt của khởi nghĩa Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ.

Chiếm Đồn Sơn và đánh mạnh vào các vùng lân cận (1742)

Ngay sau khi Nguyễn Cừ bị bắt và bị giết hại, Nguyễn Hữu Cầu liền đem lực lượng của mình đánh thẳng xuống Đồn Sơn. Cuộc tấn công này tuy gặp không ít khó khăn, nhưng cuối cùng, Đồn Sơn cũng đã phải lọt vào tay nghĩa quân của ông. Từ đầu năm 1743, Đồn Sơn đã trở thành căn cứ vững chắc của Nguyễn Hữu Cầu. Bấy giờ, đồng thời với Nguyễn Hữu Cầu, ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng còn có khởi nghĩa do Hoàng Công Chất lãnh đạo. Tuy không hợp nhất, nhưng, Nguyễn Hữu Cầu và Hoàng Công Chất đã liên minh khá chặt chẽ với nhau. Điều này khiến cho Trịnh Doanh rất lo sợ :

"Vùng Đông Nam là nơi sản sinh ra của cải, là nguồn thu thuế lớn của quốc gia, vậy mà bị (Nguyễn) Hữu Cầu và (Hoàng) Công Chất liên kết với nhau, mặc sức ngày ngày đánh phá, cướp bóc. Vậy, trước hết phải làm sao để quét cho sạch vùng Đông Nam, gỡ mối lo nguy cấp."

Ngoài ra, với những hoạt động táo bạo và thông minh của mình, nghĩa quân của Nguyễn Danh Phương ở vùng Sơn Tây cũng đã khiến cho Trịnh Doanh không thể an tâm. Đây là chưa kể đến cuộc khởi nghĩa do Lê Duy Mật lãnh đạo, hoạt động rất mạnh mẽ ở vùng Thanh Hóa ngày nay. Tất cả những điều kiện thuận lợi này đã được Nguyễn Hữu Cầu triệt để tận dụng. Từ Đồn Sơn nhưng cuộc tấn công ra các vùng lân cận liên tiếp được tổ chức.

Tại Đồn Sơn, để có danh nghĩa tập hợp nhân dân, Nguyễn Hữu Cầu xưng là *Đông Đạo Tổng Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân*. Trận đánh có quy mô lớn đầu tiên do đích thân Đông Đạo Tổng Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân chỉ huy là trận đánh vào Lão Phong. Tướng chỉ huy thủy quân của Trịnh Doanh ở vùng này là Trịnh Bảng vội đem chiến thuyền tới đàn áp. Nguyễn Hữu Cầu cho quân đem thuyền chiến loại nhỏ ra khiêu chiến rồi vờ thua và bỏ chạy. Trịnh Bảng hung hăng cho quân đuổi theo. Đuổi mãi đến Giai Môn thì gặp lúc thủy triều lên. Chiến thuyền của

Trịnh Bảng to lớn cồng kềnh, ngược dòng thủy triều lên rất vất vả. Trước tình hình đó, Trịnh Bảng liền cho quân tạm nghỉ. Đúng lúc đó, Nguyễn Hữu Cầu liền cho hơn một trăm chiến thuyền bất ngờ từ bến Cát Bạc đổ ra tấn công. Thủy quân Trịnh Bảng nhanh chóng tan vỡ, bị giết và bị bắt không biết bao nhiêu mà kể. Bản thân Trịnh Bảng cũng bị hơn mười vết thương, bị bắt và sau đó là bị giết.

Chiến thắng này đã khiến cho thanh thế của Nguyễn Hữu Cầu trở nên rất lừng lẫy. Ông mở rộng phạm vi tấn công và chẳng bao lâu sau đó thì chiếm được cả một vùng rộng lớn, tương ứng với Hải Phòng và phần lớn Quảng Ninh ngày nay.

Chống trả cuộc đàn áp của Hoàng Công Kỳ và Hoàng Ngũ Phúc (từ tháng 2 đến tháng 6 năm Quý Hợi - 1743)

Hoàng Công Kỳ xuất thân là hoạn quan. Sử cũ cho biết viên hoạn quan này vốn người làng Trình Xá, huyện Thần Khê. Đầu năm 1740, Hoàng Công Kỳ đã được lệnh cầm quân đi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở Sơn Nam. Cuối năm 1742, Hoàng Công Kỳ được thăng chức Thống Tướng Chánh Đạo, chỉ huy cuộc đánh dẹp phong trào nổi dậy của nhân dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Hoàng Công Kỳ đã cố sức hoàn thành phận sự nhưng không sao có thể hoàn thành được.

Trong lúc Hoàng Công Kỳ đang lúng túng và sa lầy thì viên hoạn quan thứ hai của phủ chúa là Hoàng Ngũ Phúc lại dâng sớ lên chúa Trịnh Doanh, trình bày mười hai điều về binh pháp. Hoàng Ngũ Phúc người làng Phụng Công, huyện Yên Dũng, nay huyện này thuộc tỉnh Bắc Giang. Là một trong những tay chân thân tín của Trịnh Doanh, Hoàng Ngũ Phúc được thăng quan tiến chức rất nhanh. Đầu năm 1740, Hoàng Ngũ Phúc được trao chức Tả Thiếu Giám, sau đó không bao lâu lại được sung chức Nội Sai của Hình Phiên. Mười hai điều binh pháp của Hoàng Ngũ Phúc được Trịnh Doanh tán thưởng, vì thế, Trịnh Doanh vừa hạ lệnh thi hành, vừa phong cho Hoàng Ngũ Phúc chức Thống Lĩnh đạo kì binh (đạo binh chuyên lo việc bất ngờ đánh úp ở phía sau, khác với chính binh là đạo quân chuyên lo đánh trực diện với đối phương), cùng với Hoàng Công Kỳ đi đánh Nguyễn Hữu Cầu. Sử cũ chép rằng :

"Lúc (Hoàng) Ngũ Phúc mới nghe được mệnh lệnh (của chúa) thì rất lấy làm lo sợ, vì từ trước đến đó, (Hoàng Ngũ Phúc) chưa từng ra chiến trận bao giờ. Khi ấy, có một người khách (chỉ người Trung Quốc - NKT) đến khuyên :

- Tướng công nên vay một vạn quan tiền trong kho công của nhà nước để dùng mà mộ tráng sĩ cho mình.

Hoàng Ngũ Phúc nói :

- Nay nếu vay tiền trong kho công của nhà nước thì đến một ngày nào đó cũng phải trả, mà trả thì lấy đâu ra.

Người khách ấy nói tiếp :

- Tục ngữ có câu rằng "*tướng vô tài, sĩ bất lai*" nghĩa là người làm tướng mà không có của cải thì dũng sĩ chẳng bao giờ tìm đến cả. Nếu như tướng công thật lòng nghe kể sách của tôi, thì tráng sĩ đều hết sức vì tướng công và quyết thắng địch. Thắng rồi thì tướng công đã sang lại còn giàu, lo gì khoản nợ một vạn quan tiền ? Còn như nếu lỡ bị sa cơ đến chỗ không thể nói được nữa (ý nói là nếu có chết - NKT) thì còn ai nữa trách cứ món nợ? Mà trách cứ vào đâu được chứ ?

Hoàng Ngũ Phúc cho là phải, bèn làm theo lời ấy".

Trong lúc Hoàng Ngũ Phúc đang lo bỏ tiền để chiêu mộ quân sĩ thì Hoàng Công Kỳ được lệnh đem quân đến đàn áp Nguyễn Hữu Cầu trước. Lần này, Hoàng Công Kỳ trực tiếp chỉ huy bộ binh. Lực lượng thủy binh tham gia vào cuộc đàn áp có quy mô lớn này được giao cho tướng Trần Cảnh cầm đầu. Ngoài ra, một đạo quân khác của tướng Võ Tá Liễu cũng được huy động.

Người trực tiếp cầm quân đi đánh Nguyễn Hữu Cầu là Hoàng Công Kỳ, nhưng, người trực tiếp vạch kế hoạch cho cuộc tấn công đàn áp này lại là chúa Trịnh Doanh. Sử cũ xác nhận rằng : "Trước lúc ra đi, Trịnh Doanh thân hành trao mưu kế và phương pháp". Tuy lực lượng thủy bộ

đã rất hùng hậu, nhưng, Hoàng Công Kỳ vẫn chưa yên tâm nên cố nài Trịnh Doanh cho thêm một đạo thủy binh nữa :

“Hoàng Công Kỳ dâng tờ khai, nói rằng : giặc (chỉ quân của Nguyễn Hữu Cầu - NKT) bám vào núi và nương vào biển để làm chỗ dựa kiên cố, mà nước biển lên xuống không nhất định, cho nên, muốn phá Đồ Sơn mà ta không tranh chiếm địa lợi trước là không thể được. Muốn tranh chiếm địa lợi thì phải dùng thủy binh. Vậy, xin giữ đạo thủy quân Tứ Trạch lại để phòng bị”.

Trịnh Doanh chuẩn y lời đề nghị ấy. Bấy giờ, tướng chỉ huy đạo thủy quân Tứ Trạch là Nguyễn Đăng Hiến. Chính viên tướng này đã từng tham gia đàn áp nghĩa quân Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ. Ngay sau khi có thêm đạo thủy binh của Nguyễn Đăng Hiến, Hoàng Công Kỳ hạ lệnh đánh thẳng vào Đồ Sơn. Trước thế mạnh của đối phương như vậy, Nguyễn Hữu Cầu chủ động rút lui, và do đó, Hoàng Công Kỳ không thể nào đánh theo cách đánh của mình. Về phần mình, Nguyễn Đăng Hiến tự cho là đã hoàn tất phận sự, kéo đạo thủy binh của mình về thẳng Thăng Long.

Nguyễn Đăng Hiến đi rồi, Nguyễn Hữu Cầu lập tức cho quân quay lại bao vây Hoàng Công Kỳ ở Thanh Hà. Tình thế rất nguy cấp, Hoàng Công Kỳ buộc phải cho quân cảm tử mở đường máu về xin quân cứu viện. Bấy giờ, Hoàng Ngũ Phúc cũng vừa chiêu mộ xong lực lượng, liền tiến đến giải vây cho Hoàng Công Kỳ. Nhưng, đến khu vực Vĩnh Lại, quân của Hoàng Ngũ Phúc bị Nguyễn Hữu Cầu đánh chặn lại, không sao vượt qua được.

Đang lúc khốn quẫn, Hoàng Công Kỳ được quan Tán Lý là Vũ Khâm Lân bàn mưu tính kế giúp. Sử cũ cho biết, đại để, Vũ Khâm Lân đã nói với Hoàng Công Kỳ rằng :

- Quân từ kinh sư (chỉ quân Hoàng Ngũ Phúc - NKT) thì chưa thể tới ngay được mà nếu cứ ngồi đợi, ắt khó kịp, chi bằng, nhân khi giặc (chỉ quân Nguyễn Hữu Cầu - NKT) đang lo đối phó với đạo kì binh (chỉ đạo quân của Hoàng Ngũ Phúc - NKT), ta hãy nhanh tay cướp lấy mặt sau, cùng với đạo kì binh phối hợp trước sau đánh tới, thế nào cũng sẽ phá được.

Hoàng Công Kỳ nghe theo kế ấy, kéo quân ra cửa Ngự Đại, thấy lực lượng của Nguyễn Hữu Cầu ở đây không nhiều, liền tung quân vừa đánh vừa tìm đường tiến về khu vực sông Tranh để hội nhập với quân Hoàng Ngũ Phúc. Trong trận kịch chiến với quân của Hoàng Ngũ Phúc và Hoàng Công Kỳ, nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu đã giết được một viên tì tướng của họ Trịnh là Trịnh Bá Khâm cùng nhiều binh sĩ của hắn.

Bất ngờ đánh chiếm Kinh Bắc, khiến cả Thăng Long phải một phen hoảng loạn (5-1744)

Mưu kế của Vũ Khâm Lân kể cũng khá hiểm, chỉ tiếc cho Vũ Khâm Lân là Nguyễn Hữu Cầu còn có mưu kế hiểm hơn. Sau khi giết được Trịnh Bá Khâm, Nguyễn Hữu Cầu vừa bí mật bố trí nghi binh ở khu vực cửa Ngự Đại, vừa lặng lẽ kéo quân về Kinh Bắc. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu đã chiếm được sông Thọ Xương. Tại đây, ông gấp rút cho đắp lũy để chống cự, đồng thời, bày chiến thuyền theo thế trận rất sẵn sàng.

Bấy giờ, Kinh Bắc là một trong những trọng trấn, vì thế vào năm 1741, chúa Trịnh Doanh đã cho hai võ quan cao cấp là Nguyễn Huy Nhuận và Trần Đình Cẩm làm Chương Đốc, chỉ huy lực lượng quân sự ở trấn này. Đến tháng 5 năm 1744, không rõ vì lí do gì, trấn Kinh Bắc chỉ còn một Chương Đốc là Trần Đình Cẩm nữa mà thôi. Nghe tin nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu mới kéo tới, Trần Đình Cẩm lập tức giành thế chủ động tấn công. Từ đất Thiết Sơn, Trần Đình Cẩm tiến đến Trai Thị và tại đây, một trận kịch chiến đã xảy ra. Trần Đình Cẩm đại bại, phải lui về Thị Cầu còn nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu thì nhân đà thắng lợi đã đánh đuổi rất gấp. Cùng đường, Trần Đình Cẩm phải rút quân vào thành Kinh Bắc, nhưng một lần nữa, Nguyễn Hữu Cầu cho quân quyết đánh đến cùng. Thành Kinh Bắc bị hạ. Quan Đốc Đồng Kinh Bắc là Vũ Phương Đề cùng với Trần Đình Cẩm đã phải hoảng hốt vứt bỏ cả ấn tín mà tháo chạy. Tất cả dinh trại của quân đội chúa Trịnh ở đây đều bị thiêu trụi.

Tin Kinh Bắc thất thủ chẳng mấy chốc mà bay vào Thăng Long. Đang lúc nửa đêm mà nhân dân trong khắp kinh thành đều nhốn nháo sợ hãi, dấp dứ nhau chạy trốn tán loạn. Do đại binh

đã điều đi xa, chúa Trịnh Doanh bèn hạ lệnh chia mấy đội vệ binh còn lại, cấp tốc đi trấn giữ ở bốn vị trí hiểm yếu, đó là khu trường bản (nay là khu Giảng Võ, Hà Nội), xã Vân Canh (nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội), xã Nhân Mục (nay thuộc Từ Liêm, Hà Nội) và cầu Yên Quyết (tức là khu Cầu Giấy, Hà Nội). Mặt khác, Trịnh Doanh cũng gấp sai người đi triệu Hoàng Ngũ Phúc. Nghe tin Kinh Bắc thất thủ, Hoàng Ngũ Phúc cũng kinh hoàng, liền bỏ Vĩnh Lại, đưa quân về chiếm giữ Võ Giàng (vùng đất tiếp giáp giữa Hà Nội với Bắc Ninh ngày nay).

Chống trả cuộc tấn công đàn áp đại quy mô của quân đội chúa Trịnh vào Kinh Bắc (từ tháng 7 đến tháng 11-1744)

Sự lúng túng và bị động của Hoàng Ngũ Phúc khiến cho Trịnh Doanh rất bức tức. Vừa được tin Hoàng Ngũ Phúc kéo quân về Võ Giàng, Trịnh Doanh đã sai người đến quở trách Hoàng Ngũ Phúc rất thậm tệ. Sử cũ chép :

"Vừa đem quân đến Võ Giàng, (Hoàng) Ngũ Phúc đã bị Trịnh Doanh sai người tới quở trách rằng :

- Các người đi đánh dẹp đã hơn một năm, đã tiến sát đến Đồi Sơn những năm sáu tháng mà sao lại phòng bị sơ hở, khiến cho tên giặc hung hãn kia (chỉ Nguyễn Hữu Cầu - NKT) có thể rời khỏi sào huyệt của chúng ? Tại sao giặc bỏ đi được những bảy tám ngày rồi mới đuổi theo, khiến cho đồ đảng của chúng có thể đột ngột xâm phạm (Kinh Bắc), gây náo động cả lòng người ? Thử hỏi, như thế có đáng là đã làm được phận sự của tướng trấn giữ ngoài cõi hay không. Người phải cố sức lên mới mong chuộc được lỗi lầm.

(Hoàng) Ngũ Phúc dưng tờ khải, nói rằng :

- (Nguyễn) Hữu Cầu sau khi bị thua, phải trốn tránh đó đây, quân đã ít mà phải phân tán... thiết nghĩ, việc đánh dẹp cũng dễ dàng. Nay nếu tôi có thêm voi chiến trợ uy thì tôi sẽ dùng voi chia cắt lực lượng chúng, khiến chúng trước sau không tiếp ứng cho nhau được, tất sẽ toàn thắng thôi. Vả chăng, chúng bất quá chỉ có ý định liên kết với các đám giặc cỏ khác nên mới tiến lên quấy phá vùng sông Nhị. Nay, tôi đóng giữ Võ Giàng, nếu chúng đem hết quân ra mặt trước thì sợ tôi đánh mặt sau, cho nên, nhiều lắm thì chúng cũng chỉ dám liều chết cố thủ, không làm gì hơn được cả.

Nhận tờ khải của Hoàng Ngũ Phúc, Trịnh Doanh mừng lắm, lòng người bấy giờ mới tạm yên".

Một cuộc đàn áp đại quy mô được gấp rút tổ chức. Trịnh Doanh quyết định cử Cồn Quân Công là Trương Khuông đem binh lực lớn tới hỗ trợ cho Hoàng Ngũ Phúc. Mục tiêu hàng đầu của cả Hoàng Ngũ Phúc và Trương Khuông là phải làm sao nhanh chóng chiếm lại cho bằng được thành Kinh Bắc. Về phần mình, Nguyễn Hữu Cầu lại thấy rằng, nếu cố thủ trong thành Kinh Bắc là mắc mưu của đối phương, cũng là tự giam mình vào chỗ chết, vì thế, đã khôn khéo rút ra ngoài, linh hoạt bám giữ vùng đồng bằng phì nhiêu, giàu sức người và sức của.

Sau khi lấy lại được thành Kinh Bắc, Hoàng Ngũ Phúc và Trương Khuông rất hí hửng. Chúng dốc toàn lực, quyết tiêu diệt cho bằng được nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu. Sử cũ cho hay, 64 hiệu quân gồm 12.700 người do mười đại tướng chỉ huy đã được điều động vào cuộc truy quét này. Tất cả quân số nói trên được chia làm năm đạo, cùng đánh vào khu vực Yên Dũng. Năm đạo đó cụ thể như sau :

- Đạo thứ nhất đánh thẳng vào phía trước, do Trương Khuông cầm đầu.
- Đạo thứ hai đánh vào phía trái do Nguyễn Trọng Thận chỉ huy.
- Đạo thứ ba đánh vào phía phải do Lê Lệ quản lĩnh.
- Đạo thứ tư đánh vào mặt sau do Võ Tá Liễu thống suất.
- Đạo thứ năm do chính Hoàng Ngũ Phúc điều hành, chặn hết các ngã đường sông dẫn ra biển để đề phòng nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu trốn thoát.

Cuộc càn quét mang ý nghĩa quyết định này bắt đầu từ tháng 4 năm 1744, nhưng liên tục trong hơn nửa năm trời, nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu chẳng những không hề bị tiêu diệt mà

còn hiên ngang bám trụ được ngay giữa vùng đồng bằng Kinh Bắc. Trong lúc đó, nhân cơ hội xuất chinh, quân sĩ của chúa Trịnh tìm đủ mọi cách để sách nhiễu nhân dân, khiến cho ai ai cũng oán giận. Bấy giờ, chỉ có đạo quân do Lê Lệ quản lĩnh là ít xâm phạm đến tài sản của dân hơn cả, còn bốn đạo quân khác, hễ tiến tới đâu là của cải nhà dân tan hoang tới đó.

Khi quân sĩ của chúa Trịnh đã mệt mỏi, khi lòng căm giận của nhân dân đã lên cao, Nguyễn Hữu Cầu quyết định chủ động tấn công để phá thế bị bao vây. Trong năm đạo quân nói trên, Nguyễn Hữu Cầu quyết định chọn đạo quân do Trương Khuông cầm đầu làm đối tượng tiêu diệt và xã Ngọc Lâm được chọn làm địa điểm của trận đánh quan trọng này. Sử cũ chép rằng :

"Khi ấy, (Trương) Khuông tự mình dẫn quân bản bộ đánh thẳng vào mặt trước. Tướng Trịnh Phương được cử làm tiên phong. (Về phần mình, Nguyễn) Hữu Cầu giữ nơi hiểm trở rồi đặt quân mai phục, bề ngoài thì phô trương quân gầy ốm để vờ làm thế yếu, khiến cho Trương Khuông tưởng thật, hăm hở cho quân tiến lên. (Nguyễn) Hữu Cầu giả vờ thua, bỏ hết cả đồn lũy mà chạy, cốt nhử quân Trương Khuông vào chỗ hiểm. Tướng sĩ của (Trương) Khuông sau trước bám chặt lấy nhau, xa trông như những xâu cá, đang tiến tới thành linh thấy quân mai phục nổi dậy. (Nguyễn) Hữu Cầu tự mình chỉ huy sĩ tốt, liều chết đánh rất hăng. Quân của (Trương) Khuông thua to. Nghe tin ấy, quan quân bốn đạo khác không bị đánh cũng hoảng hốt mà tự tan vỡ. Thế giặc (chỉ quân Nguyễn Hữu Cầu - NKT) lại lên cao ngất. Lính ở các hỏa đài (những đài cao trên núi xa, hễ có biến thì nổi khói đen vào ban ngày hoặc nổi lửa vào ban đêm để cấp báo - NKT) un khói và đốt lửa cả ngày lẫn đêm để truyền tin. Từ bên này sông Nhị (tức Thăng Long - NKT), Trịnh Doanh hay được, giận dữ gửi thư quở trách Trương Khuông, đồng thời, hạ lệnh triệu hồi Trương Khuông về kinh thành."

Như vậy là, chỉ với một trận mai phục, Nguyễn Hữu Cầu đã khiến cho đạo quân lớn, do viên võ quan thuộc hàng cao cấp nhất của triều đình chỉ huy, phải nếm mùi thất bại nhục nhã. Thất bại của Cổn Quân Công Trương Khuông - Phó Tổng chỉ huy cuộc càn quét đại quy mô này - đã lập tức ảnh hưởng mạnh mẽ đến tinh thần chung của trên một vạn quân ở tất cả các đạo khác. Sự hoảng hốt của quân sĩ cộng với tin cấp báo của các hỏa đài, một lần nữa đã gây nhốn nháo kinh thành Thăng Long.

Để mong cứu vãn tình hình, Trịnh Doanh liền bổ dụng Thượng Tướng Đinh Văn Giai làm Thống Suất, quan giữ chức Bồi Tụng là Ngô Đình Oánh làm Tán Lý, Tổng chỉ huy cả bốn đạo quân, quyết đánh bại Nguyễn Hữu Cầu.

Thượng Tướng Đinh Văn Giai đã quyết định kế sách mới như thế nào ? Sử cũ chép :

"Đinh Văn Giai đến nơi, đóng quân một chỗ chứ không dám tiến, nhiều người lấy làm ngờ. Hay tin đó, Nguyễn Hữu Cầu liền tính kế như sau : đêm đến, sai người khiêng một cái kiệu không từ ở ngoài vào, lát sau lại khiêng ra. Xong, Nguyễn Hữu Cầu giả vờ mừng rỡ, nói phao lên với thủ hạ của mình rằng :

- Đinh Văn Giai đã ước hẹn xin hàng, nhưng nếu đến đây công khai xin đầu hàng thì sợ liên lụy đến gia quyến, vì thế mới bí mật đến hẹn trước là ngày sau ra trận sẽ giả vờ để cho bị bắt, cốt che lấp miệng thế gian ở ngoài. Nay mai giao chiến, các người cứ theo hướng chỉ của ta mà cố bắt lấy hấn, được vậy thì việc bình định thiên hạ lo gì mà không xong ?

Đồ đảng của (Nguyễn) Hữu Cầu ai cũng tin lời ấy là thật. Kịp khi giao chiến, quân giặc (chỉ quân Nguyễn Hữu Cầu - NKT) cứ tranh nhau nhằm chỗ con voi trên có hiệu cờ của Đinh Văn Giai mà xông tới, hăng hái đến độ tưởng như một người có thể địch nổi cả trăm người. Quân của Đinh Văn Giai chẳng mấy chốc mà tan vỡ."

Được tin đại bại của Đinh Văn Giai, Trịnh Doanh nổi giận, xuống lệnh quở trách nghiêm khắc, đồng thời, triệu hồi Đinh Văn Giai về. Cả Đinh Văn Giai và Ngô Đình Oánh đều bị giáng chức. Quyền Tổng chỉ huy lực lượng quân sĩ đi đàn áp Nguyễn Hữu Cầu, một lần nữa lại được trao cho Hoàng Ngũ Phúc. Phụ tá cho Hoàng Ngũ Phúc còn có một số tướng lĩnh cao cấp khác, như Đàm Xuân Vực, Nguyễn Danh Lệ, Phạm Đình Trọng..v.v...

Một kế hoạch đàn áp tàn bạo mới lại được xây dựng.

Từ Xương Giang rút về Hạc Động. Bình tĩnh đối phó với âm mưu vừa đàn áp vừa mua chuộc của Trịnh Doanh (mùa thu 1745 đến mùa thu năm 1746).

Tháng 8 năm 1745, Trịnh Doanh lại hối thúc các tướng Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng đàn áp nghĩa binh của Nguyễn Hữu Cầu. Một trận ác chiến đã diễn ra tại Xương Giang. Tại đây, lực lượng của Nguyễn Hữu Cầu bị tổn thất khá nặng nề, vì thế, Nguyễn Hữu Cầu lại quyết định lui quân về vùng đồng bằng duyên hải Đông Bắc. Dọc đường rút lui, một vị tướng thân cận và giàu tài năng của ông tên là Thông cùng với hơn mười thuộc hạ đã bị Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng bắt giết. Đây là một tổn thất lớn đối với Nguyễn Hữu Cầu, bởi "Thông là người nhanh nhen, có cơ mưu, được (Nguyễn) Hữu Cầu coi như là người ruột thịt". Tuy nhiên, cuối cùng thì gần như toàn bộ nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu cũng đã an toàn đến được nơi họ cần đến. Nguyễn Hữu Cầu quyết định đặt đại bản doanh mới của mình tại Hạc Động. Bám vào thế lợi hại của địa hình sông nước vùng duyên hải, nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu chẳng những khôn khéo tránh được những đòn tấn công hiểm hóc của Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng, mà còn tổ chức nhiều trận đánh bất ngờ, gây kinh hoàng cho hai viên tướng sùng sỏ này.

Tháng 3 năm 1746, để góp phần phân hóa, chia rẽ nội bộ kẻ thù, cũng là để có cơ hội củng cố lực lượng, Nguyễn Hữu Cầu đã bí mật sai người đến liên lạc với hai viên đại thần của Trịnh Doanh là Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đĩnh để nhờ hai viên đại thần này nói lời "cầu hòa" của mình. Và, Trịnh Doanh đã chấp thuận. Nguyễn Hữu Cầu được Trịnh Doanh phong cho chức Ninh Đông Tướng Quân, tước Hương Nghĩa Hầu. Tất cả các tướng của Nguyễn Hữu Cầu cũng đều được Trịnh Doanh phong cho quan chức. Ngay sau đó, Trịnh Doanh hạ lệnh triệu Nguyễn Hữu Cầu về kinh thành Thăng Long !

Biết rõ đó là kế "điều hổ li sơn" của Trịnh Doanh, cho nên, Nguyễn Hữu Cầu quyết không về Thăng Long, lấy cớ là bị Phạm Đình Trọng đánh chặn đường đi. Sử cũ chép :

"Trịnh Doanh sai quan Thiêm Tri là Nguyễn Phi Sảng đem lệnh chỉ đến phủ dụ và triệu (Nguyễn Hữu Cầu) về, mặt khác, khuyên (Phạm) Đình Trọng hoãn lại, chớ đánh (Nguyễn Hữu Cầu) vội.

Trước đó, (Nguyễn) Hữu Cầu nhiều lần bị (Phạm) Đình Trọng đánh nên tức giận mà đào mã mẹ (Phạm) Đình Trọng, lấy hài cốt vất xuống sông. (Phạm) Đình Trọng khốc lóc tế cáo việc đó với Trịnh Doanh, thề quyết chí giết Nguyễn Hữu Cầu. Trịnh Doanh rất khen ý chí của (Phạm) Đình Trọng. Nay, thấy (Nguyễn) Phi Sảng đem lời phủ dụ đến. (Phạm) Đình Trọng nói :

- Người làm tướng ở ngoài chiến trường, có khi không chịu nhận mệnh lệnh của vua. Tôi đã nói trước Chúa Thượng là thề không đội trời chung với (Nguyễn) Hữu Cầu. Nay, ông nhận mệnh đi chiêu dụ, tôi nhận mệnh đi đánh giết, nếu gặp tình thế có thể đánh được thì tôi cũng chẳng thể vì có có ông đến mà ngần ngại.

(Nguyễn) Phi Sảng và những người cùng đi nghe vậy thì thất sắc, liền từ giã đi ngay. Đến dinh cơ của Nguyễn Hữu Cầu, nói rõ lời phủ dụ của chúa Trịnh, lại cũng nhân đó nói luôn cả những lời của Phạm Đình Trọng cho (Nguyễn) Hữu Cầu hay. Chuyện chưa dứt thì (Phạm) Đình Trọng đã đem quân đến đánh úp. (Nguyễn) Hữu Cầu sai người dẫn (Nguyễn) Phi Sảng theo đường tắt trở về rồi đưa quân ra đánh trả (Phạm) Đình Trọng."

Cuộc tấn công bất ngờ này có gây cho Nguyễn Hữu Cầu một số thiệt hại, nhưng nhìn chung, lực lượng của ông vẫn được giữ vững. Trong lúc đó, để mong có thể lực áp đảo, Phạm Đình Trọng đã phải liên tiếp mộ thêm quân sĩ. Điều này khiến cho Đỗ Thế Giai (người nhận chuyển đạt lời cầu hoà của Nguyễn Hữu Cầu lên Trịnh Doanh) khó chịu. Đỗ Thế Giai mật tâu với Trịnh Doanh rằng : "Phạm Đình Trọng cầm quân ở ngoài, tự ý đặt cơ mưu riêng, sợ là sẽ có ý khác". May cho Phạm Đình Trọng là Trịnh Doanh không tin lời ấy.

Lại tảo bạo đánh vào Bồ Đề. Kinh thành Thăng Long thêm một phen hoảng loạn (từ 1748 đến 10-1749)

Đầu tháng 9 năm 1748, Trịnh Doanh lại sai người đến dụ hàng Nguyễn Hữu Cầu. Lần này, người đi chiêu dụ là Nguyễn Thế Khải. Nguyễn Hữu Cầu chẳng những không chịu nhận lời phủ

dụ mà còn cho quân băng qua Duyên Hà (nay thuộc Thái Bình), đánh mạnh vào Sơn Nam (trấn này xưa rất lớn, nhưng khu vực Nguyễn Hữu Cầu tới đánh lần này ở vào khoảng Nam Định và Hà Nam ngày nay). Tướng của chúa Trịnh nắm chức Trấn Thủ ở đây là Võ Tá Sắt đánh trả rất quyết liệt nhưng vẫn không sao dập tắt được. Trịnh Doanh buộc phải điều Phạm Đình Trọng đến Sơn Nam cứu nguy cho Võ Tá Sắt. Phạm Đình Trọng cất quân đi rồi, Trịnh Doanh vẫn thấy chưa yên tâm, vì thế, ra lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc phải sẵn sàng phối hợp.

Sử cũ chép rằng :

"Trịnh Doanh dụ bảo (Hoàng) Ngũ Phúc rằng :

- Sơn Nam Hạ là vùng dân cư đông đúc, sản vật phong phú, cũng có thể ví là đất Quan Trung (vùng Thiểm Tây của Trung Quốc ngày nay - NKT) và Hà Nội (vùng phía Bắc sông Hoàng Hà của Trung Quốc ngày nay - NKT) của nước nhà vậy. Nay, bè đảng giặc đầy rẫy ở đây, thế đang rất nguy cấp. Nếu Sơn Đông (vùng Hưng Yên và Hải Dương ngày nay - NKT) đã tạm ổn thì người nên cùng (Phạm) Đình Trọng hợp sức thúc quân càn quét để giữ cho bằng được vùng đất chẳng khác gì Quan Trung và Hà Nội ấy của nước nhà."

Tất nhiên, với ưu thế áp đảo về quân số, Phạm Đình Trọng đã giành được một số thắng lợi nhất định. Điều này khiến cho Trịnh Doanh lại một lần nữa tỏ ra chủ quan. Và, Nguyễn Hữu Cầu đã không bỏ qua cơ hội đó. Ông nói với các tướng của mình rằng :

"Ta mới thua vài trận nhỏ, tin ấy đưa về tất nhiên sẽ khiến cho việc phòng bị kinh sư trở nên lơ là. Nhân cơ hội này mà đánh úp thì thế nào phần thắng cũng về ta".

Nói là làm. Ông hạ lệnh cho quân sĩ nhân đêm tối, tìm đường tiến gấp về Bồ Đề, hẹn đến khoảng canh năm thì sẽ từ bến Bồ Đề, vượt sông đánh thẳng vào Thăng Long. Nhưng, rất tiếc là cuộc chuyển quân này có phần chậm trễ hơn so với kế hoạch đã định. Quân của Nguyễn Hữu Cầu tập kết ở bến Bồ Đề không phải là canh năm (tương ứng với khoảng từ 3 đến 5 giờ sáng) mà là vào lúc trời đã sáng rõ. Được tin cấp báo, Trịnh Doanh một mặt thì sai người đi triệu Phạm Đình Trọng về cứu nguy, mặt khác thì tự mình làm tướng, cầm quân ra đối địch với Nguyễn Hữu Cầu. Nguyễn Hữu Cầu buộc phải lui quân nhưng kinh thành Thăng Long lại thêm một lần hoảng loạn.

Bấy giờ, do thấy Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng từng có kinh nghiệm nhiều năm trực tiếp cầm quân đi đàn áp, tuy thắng lợi thu được chưa đáng là bao nhưng sự am tường địa hình vùng đồng bằng Đông Bắc thì khó ai sánh kịp, vì thế, Trịnh Doanh quyết định phong Hoàng Ngũ Phúc làm Thống Lĩnh và Phạm Đình Trọng làm Hiệp Thống Lĩnh, được quyền tùy ý điều động binh mã đi càn quét khắp nơi. Hoạt động của nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn trước.

Từ Mã Nãi và Hương Nhi đến Lộng Khê và Quang Dự, anh hùng lữ vận vẫn hiên ngang

Sau khi rút lui khỏi Bồ Đề, Nguyễn Hữu Cầu về hoạt động tại các huyện Thần Khê và Thanh Quan (nay đều thuộc tỉnh Thái Bình). Tại đây, ông liên kết với nghĩa quân của Hoàng Công Chất để vừa tăng cường sức mạnh cho mình, vừa phân tán đội quân đàn áp hung hãn của Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng. Bấy giờ, hễ Nguyễn Hữu Cầu đi tới đâu là tướng sĩ của chúa Trịnh hoảng sợ tới đó. Sử cũ chép rằng :

"Nguyễn Hữu Cầu là người mạnh khỏe, nhanh nhẹn và rất hăng hái, cơ mưu trăm nẻo khó ai lường. Nhiều phen bị vây đến mấy vòng, (Nguyễn Hữu Cầu) chỉ một mình một ngựa vượt được ra ngoài, thế mà chỉ vài hôm sau đã có quân đông đến hàng vạn. Khi ra trận, (Nguyễn Hữu Cầu) cưỡi ngựa, cầm siêu đao, tiến như bay, quân sĩ ai ai cũng phải sợ mà chạy dạt, đến cả các tướng cũng phải tránh uy phong của hắn. Khi ấy chỉ có (Phạm) Đình Trọng là thề quyết chí giết Nguyễn Hữu Cầu cho bằng được. Triều đình do vậy đã đặt hết niềm tin ở (Phạm) Đình Trọng."

Nhưng do việc phối hợp với Hoàng Công Chất chưa thật chặt chẽ, lại cũng do đạo quân trấn áp của Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng quá mạnh, Nguyễn Hữu Cầu bị thua liên tiếp mấy trận liền. Ông cho nghĩa quân rút lui về Nam Xang (nay là Lý Nhân) và Bình Lục (tỉnh Hà Nam).

Tháng 2 năm 1751, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng tiến quân dọc theo dòng Hoàng Giang (khúc sông Hồng chảy qua Mỹ Lộc, Nam Định) đánh tới tấp vào khu căn cứ mới của Nguyễn Hữu Cầu ở Nam Xang và Bình Lục. Tại Mã Nỗ và Hương Nhu, Nguyễn Hữu Cầu thua to, phải chạy về Quang Dự (thuộc huyện Vĩnh Lại của Hải Dương xưa) và Lộng Khê (thuộc huyện Phú Dự, nay thuộc về tỉnh Thái Bình). Và tại Quang Dự cũng như Lộng Khê, một lần nữa, Nguyễn Hữu Cầu lại bị thua trận. Ông đem tàn quân chạy vào Nghệ An.

Bấy giờ, Nghệ An là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Nguyễn Diên. Là người cùng chí hướng, lại cũng là chỗ thân tình, Nguyễn Diên đã giúp cho Nguyễn Hữu Cầu một ít lương thực thực phẩm và quân lính. Ông tạm đóng quân tại Hương Lãm để chờ thời.

Cũng trong tháng 2 năm 1751, Phạm Đình Trọng đem đại quân đánh gấp vào Hương Lãm. Ở đây, sau nhiều năm chiến đấu mệt mỏi, thể đã cùng, lực đã kiệt, Nguyễn Hữu Cầu không sao chống đỡ nổi. Ông bí mật cho quân lui ra vùng cửa biển, dùng thuyền men theo duyên hải mà tiến ra Bắc. Nhưng, thật không may cho Nguyễn Hữu Cầu, ông và các nghĩa sĩ kiên trung vừa ra đi chưa được bao lâu thì bão biển nổi lên, thuyền vỡ chìm gần hết. Không còn cách nào khác hơn được nữa, Nguyễn Hữu Cầu và tàn quân đành dắt nhau vào ẩn náu tạm trong dãy Hoàng Mai (ở xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An). Chưa kịp dựng trại thì đã bị tướng của Phạm Đình Trọng là Phạm Đình Sĩ bắt ngờ dẫn quân đánh ập vào. Nguyễn Hữu Cầu thua trận, bị bắt và bị đóng cũi giải về Thăng Long.

Trong những ngày bị giam cầm tại Thăng Long, Nguyễn Hữu Cầu đã có ý định tổ chức vượt ngục nhưng không thành. Anh hùng lữ vận vẫn hiên ngang ! Nơi ngục tối, Nguyễn Hữu Cầu vẫn giữ vững khí phách quật cường của mình. Ông có để lại cho đời bài thơ *Chim trong lồng* với lời lẽ rất cảm động.

Tháng 3 năm 1751, Nguyễn Hữu Cầu bị Trịnh Doanh xử tử cùng một lần với Nguyễn Danh Phương. Ông được coi là vị anh hùng nông dân Đàng Ngoài lớn nhất thế kỷ thứ XVIII. Trong kí ức bất diệt của nhân dân, tên tuổi của Nguyễn Hữu Cầu mãi mãi tỏa sáng. Ông được các thế hệ nhân dân yêu nước triu mến gọi với tên gọi thật thân thương là *Quận He*.

03. HOÀNG CÔNG CHẤT (? - 1769)

Mãnh Thiên hang thăm, núi cùng,

Hãy còn Hoàng Chất lâm tùng dẫn thân.

(Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái : *Đại Nam quốc sử diễn ca*)

Nơi chôn nhau cắt rốn

Hoàng Công Chất còn có tên khác là Hoàng Công Thư và trong thư tịch cổ, đôi khi tên ông còn được chép là Hoàng Văn Chất. Hiện chưa rõ Hoàng Công Chất chào đời vào năm nào. Cũng có tài liệu nói rằng Hoàng Công Chất người làng Vân Hoàng, huyện Phú Xuyên (nay thuộc Hà Tây), lại cũng có tài liệu nói ông người huyện Thư Trì (nay là huyện Vũ Thư của tỉnh Thái Bình), nhưng, phần lớn các tài liệu xưa đều nói Hoàng Công Chất người làng Đại Lan, huyện Đông Yên (nay là xã Đại Quân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên).

Xưa Đông Yên là một trong số bốn huyện của phủ Khoái Châu (Đông Yên, Kim Động, Phù Cừ và Thiên Thi). "Đất này đời Hán và đời Đường thuộc Châu Diên, mãi đến đời Trần mới đổi là Đông Kết, sang đời Lê, khoảng niên hiệu Hồng Đức (tức là khoảng từ năm 1470 đến năm 1497 - NKT) thì đổi gọi như hiện nay".

Phủ Khoái Châu nói chung và huyện Đông Yên nói riêng là vùng đồng bằng sông nước, dân nơi đây rất giỏi nghề chài lưới và bơi lội. Đây là nơi gặp gỡ kì thú giữa Công Chúa Tiên Dung với chàng trai nghèo Chủ Đồng Tử, nơi có những tên đất rất cổ như đầm Dạ Trạch, bãi Tự Nhiên, bãi Mạn Trù ... v.v. Đây cũng là đất có truyền thống bất khuất lâu đời mà một trong những biểu tượng tuyệt vời của truyền thống đó chính là Dạ Trạch Vương Triệu Quang Phục (? - 571) :

"Triệu Quang Phục cầm cự với Trần Bá Tiên (lúc này là tướng của nhà Lương - NKT), thế chưa phân thắng bại. Thấy quân của Trần Bá Tiên quá đông, (Triệu) Quang Phục liệu thấy chưa thể phá nổi, bèn lui về giữ đầm Dạ Trạch. Đầm này ở Chu Diên, chu vi không biết bao nhiêu là dặm, cây cỏ mọc um tùm, bụi rậm che kín mọi chỗ. Giữa đầm có một nền đất cao có thể ở được, bốn phía là bùn lầy, người và ngựa đều khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc loại nhỏ, chống sào lướt trên cỏ và nước mới đi được. Nếu không quen rất dễ bị lạc, chẳng thể tìm được lối về. Nếu lỡ rơi xuống nước là lập tức bị rắn độc cắn chết. (Triệu) Quang Phục thuộc rõ đường đi lối lại, đem hơn hai vạn binh sĩ vào đóng ở nền đất trong đầm, ban ngày thì tuyệt không để lộ khói lửa và dấu người, ban đêm thì dùng thuyền độc mộc đem quân ra đánh doanh trại của Trần Bá Tiên, giết và bắt sống được rất nhiều tên, lại còn lấy được lương thực dùng cho kế cầm cự lâu dài. (Trần) Bá Tiên theo đánh mãi mà không sao đánh được. Người trong nước gọi (Triệu Quang Phục) là Dạ Trạch Vương".

Khi Hoàng Công Chất lớn lên, mâu thuẫn của xã hội Đàng Ngoài đã trở nên rất gay gắt. Hàng loạt những cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã liên tiếp nổ ra. Một trong những trung tâm sôi động của cuộc chiến đấu quyết liệt đương thời chính là quê hương ông. Hoàng Công Chất đã tham gia một cách rất tự nhiên vào phong trào chung ấy.

Bốn năm chiến đấu quyết liệt đầu trên (1739-1743)

Năm 1739, khi Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ khởi nghĩa ở Ninh Xá, Vũ Trác Oánh khởi nghĩa ở Mộ Trạch thì Hoàng Công Chất cũng dựng cờ xưng nghĩa ở Đông Yên. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, ảnh hưởng của Hoàng Công Chất đã lan rộng khắp vùng Sơn Nam. Phát huy khả năng giỏi thủy chiến của các nghĩa sĩ, bám chặt và triệt để tận dụng địa hình lợi hại của vùng đầm lầy sông nước, Hoàng Công Chất đã khôn khéo tổ chức nhiều trận tấn công hiểm hóc gây cho tập đoàn thống trị họ Trịnh nhiều tổn thất rất nặng nề.

Tháng 1 năm 1740, ngay sau khi giành được ngôi chúa một cách khá êm thấm từ tay anh ruột là Trịnh Giang, Trịnh Doanh đã hạ lệnh thẳng tay đàn áp tất cả các cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ. Binh lính được cấp tốc tuyển thêm. Những nhân vật thân tín nhanh chóng được đưa tới các vùng trọng yếu :

- Trần Đình Miên (cũng tức là Trần Đình Cẩm) được bổ làm Đốc Lãnh, cùng với quan Bồi Tụng là Nguyễn Bá Lân đem quân đi đánh Sơn Tây.
- Hoàng Kim Trảo được bổ làm Đốc Lãnh, cùng với một số tướng lĩnh khác như Nguyễn Thế Siêu, Trần Danh Quán,... cầm quân đi đàn áp vùng Hải Dương và Hưng Yên.
- Ngô Đình Thạc được bổ làm Tổng Phu cầm quân lên Lạng Sơn.
- Nguyễn Trọng Ưông được làm Thống Lãnh, đưa quân đi trấn áp vùng Hải Dương.
- Võ Tá Lý được bổ làm Chinh Tây Đại Tướng Quân, đi Sơn Tây phụ giúp cho Trần Đình Miên.
- Ngay sau khi Võ Tá Lý xuất quân, Hoàng Công Kỳ là hoạn quan cũng được bổ làm Chinh Tây Đại Tướng Quân, sẵn sàng tiếp ứng cho Trần Đình Miên và Võ Tá Lý bất cứ lúc nào.
- V.v...

Đại để một vòng vây quân sự hùng mạnh đã được thiết lập và ngày càng kết chặt. Các lãnh tụ

nghĩa quân đương thời như Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất... gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình thế đó họ quyết định liên minh với nhau, nhằm tăng cường sức mạnh cho mình và làm phân tán, làm suy yếu bớt lực lượng của quân đội chúa Trịnh. Năm 1741, khi cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ lãnh đạo đã bị thất bại, Hoàng Công Chất đã liên kết với nghĩa quân do Nguyễn Hữu Cầu cầm đầu. Điều này khiến cho Trịnh Doanh thực sự lo ngại. Hoàng Ngũ Phúc được cử làm tướng chỉ huy toàn bộ lực lượng quân đội chúa Trịnh đi đàn áp ở vùng Đông Bắc, quyết bình định cho được miền đất trọng yếu này. Tháng 3 năm 1743, quan Tham Tụng là Nguyễn Công Thái được Trịnh Doanh điều đi làm Trấn Thủ Sơn Nam nhằm tăng cường thêm sức mạnh cho guồng máy chính quyền thống trị ở đây.

Tháng 11 năm 1743, do thấy mức độ ác chiến ngày một căng thẳng, lại cũng do muốn mở thêm những mặt trận tấn công mới hơn, Hoàng Công Chất đã chủ động dâng thư xin hàng lên chúa Trịnh. Bức thư đó đã khiến cho nội bộ phủ chúa Trịnh bị phân hóa khá gay gắt. Bấy giờ phủ chúa bị chia làm hai phe. Phe thứ nhất chủ trương quyết đánh đến cùng chứ không chịu nhượng bộ. Phe này gồm tuyệt đại đa số các quan cả văn lẫn võ. Phe thứ hai chủ trương chấp nhận để rồi tìm cách dụ dỗ, mua chuộc và dần dần sẽ thủ tiêu. Phe này có Nguyễn Đình Hoàn, Trần Huy Mật và cả chính chúa Trịnh Doanh nữa. Tất nhiên, phe thắng thế là phe của Trịnh Doanh. Trịnh Doanh hạ lệnh cho Hoàng Công Chất (và các lãnh tụ nông dân khác) ở yên tại chỗ; được chính thức trao cho quan chức để cai trị dân trong vùng đã chiếm đóng của mình :

"Trịnh Doanh cũng đã chán nản việc dùng binh đánh dẹp lâu năm, bèn nhân đây, trao cho chúng được quan chức và cho chiếu theo từng vùng chiếm đóng mà cai quản lấy." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 39, tờ 35).

Hoàng Công Chất có dâng thư xin hàng nhưng trong thực tế, ông chưa bao giờ hàng. Giữa nghĩa quân Hoàng Công Chất với Trịnh Doanh cũng gần như chưa bao giờ có được một khoảng thời gian hòa hoãn đáng kể nào.

Chiếm Khoái Châu (1743), liên tục tấn công khiến cho chúa Trịnh Doanh nổi giận, bãi chức của Nguyễn Đình Hoàn

Cuối năm 1743, ngay sau khi dâng thư xin hàng, do thấy sức ép quân sự của chúa Trịnh vẫn không giảm, Hoàng Công Chất chủ trương phá thế bị bao vây bằng cách bất ngờ cho quân tấn công. Và, Hoàng Công Chất đã hoàn toàn đúng. Các tướng của chúa Trịnh bị thua liên tiếp mấy trận liên, đất Khoái Châu bị nghĩa quân Hoàng Công Chất đánh chiếm, đồng thời, trở thành sào huyệt tin cậy của Hoàng Công Chất. Từ Khoái Châu, một loạt những cuộc tấn công lớn nhỏ đến các vùng chung quanh dồn dập được tổ chức. Điều này khiến cho Trịnh Doanh rất tức tối.

Bấy giờ, các tướng Đình Văn Giai và Nguyễn Đình Hoàn có thắng được một trận nhỏ ở Đỗ Xá (thuộc huyện Kim Động, Hưng Yên). Nhưng, thắng lợi đó không đủ để vực dậy tinh thần chung của đông đảo quân sĩ chúa Trịnh, càng không đủ để làm nhục chí Hoàng Công Chất. Nhân thấy nước sông Hồng bỗng dựng lên cao, Nguyễn Đình Hoàn tâu với Trịnh Doanh, xin phá đê sông Hồng để nhận chìm lực lượng của Hoàng Công Chất. Nhưng, lời tâu ấy không được Trịnh Doanh chấp thuận, "lấy cớ rằng nếu làm như thế sẽ gây hại cho nhân dân ở các huyện lân cận" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 39, tờ 35).

Để đàn áp nghĩa quân Hoàng Công Chất, các tướng lĩnh của chúa Trịnh mà đặc biệt là Nguyễn Đình Hoàn đã ra sức tìm đủ mọi cách để bắt lính và vơ vét tài sản của nhân dân. khắp nơi náo loạn bởi hành vi này của Nguyễn Đình Hoàn. Nhân dân biểu lộ sự phản kháng bằng nhiều hình thức khác nhau, hoặc đùm bọc chở che, hoặc góp tiền góp của, hoặc trực tiếp cầm vũ khí tham gia vào lực lượng chiến đấu của nghĩa quân Hoàng Công Chất. Biết được điều này, Trịnh Doanh rất tức tối. Sử cũ viết :

"Nguyễn Đình Hoàn tự cho mình có trách nhiệm chuyên lo khống chế mặt Nam (kinh thành) cho nên đã thiện tiện bắt dân phu đi đánh giặc, làm náo động khắp vùng. Nghe tin này, Trịnh Doanh giận lắm, vừa xuống lệnh nghiêm trách, vừa lập tức bãi chức Nguyễn Đình Hoàn." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 39, tờ 36).

Cùng với việc nghiêm trách và bãi chức của Nguyễn Đình Hoàn, Trịnh Doanh còn ra lệnh triệu Đình Văn Giai về kinh tâu trình rõ mọi điều. Sau đó không bao lâu, Đình Văn Giai lại được lệnh trở lại vùng đồng bằng sông Hồng, đốc thúc các đạo quân đi đàn áp Hoàng Công Chất. Không may cho Đình Văn Giai, mọi cố gắng lúc này hầu như không mang lại hiệu quả đáng nói nào:

"Giặc cỏ (chỉ nghĩa quân Hoàng Công Chất - NKT) tung hoành bao ngược, càng ngày càng dữ. Dân vùng Hải Dương và Kinh Bắc không ngày nào được yên." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 39, tờ 35).

Để cứu vãn tình hình, Trịnh Doanh sai hoạn quan Hoàng Công Kỳ đi làm Trấn Thủ của trấn Sơn Nam. Hoàng Công Kỳ còn được kiêm giữ chức Thống Lĩnh, chỉ huy cuộc đàn áp ở vùng này. Tuy xuất thân là hoạn quan nhưng Hoàng Công Kỳ rất được Trịnh Doanh tin cậy, ủy thác nhiều trọng trách ở triều đình và nhiều phen giao việc cầm quân. Chính Hoàng Công Kỳ là kẻ đã đàn áp khốc liệt nghĩa quân của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Hữu Cầu. Cùng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và một loạt tướng lĩnh cao cấp khác như Đình Văn Giai, Phạm Đình Trọng... Hoàng Công Kỳ là một trong những chỗ dựa quan trọng của Trịnh Doanh. Cũng do từng trải nhiều năm cầm quân đi trấn áp, Hoàng Công Kỳ rất thông thạo địa hình vùng đồng bằng sông Hồng. Tóm lại, đối mặt với một tướng sừng sỏ như Hoàng Công Kỳ là khó khăn không nhỏ của nghĩa quân Hoàng Công Chất.

Bắt giết Hoàng Công Kỳ (1745), đánh cho Đình Văn Thản phải hoảng sợ mà chết (1761)

Tháng 12 năm 1745, Hoàng Công Kỳ lấy danh nghĩa là quan Trấn Thủ kiêm Thống Lĩnh, trực tiếp đi kiểm tra việc xây dựng đồn lũy và kế hoạch bố phòng của các địa phương trong trấn Sơn Nam. Cứ như nhận xét của sử cũ thì Hoàng Công Kỳ tuy là tướng có tài nhưng bản tính rất chủ quan. Hoàng Công Chất cũng biết rất rõ điều đó cho nên đã khôn khéo bố trí một trận mai phục, quyết trùng trị đích đáng viên tướng đầu sỏ này. Và cơ hội tốt đã đến với Hoàng Công Chất vào tháng 12 năm 1745.

Bấy giờ, nhận được tin Hoàng Công Kỳ cưỡi voi đi kiểm tra các địa phương, lính theo hầu chỉ có độ vài chục tên. Hoàng Công Chất lập tức cho quân bất ngờ tấn công. Hoàng Công Kỳ không sao chống đỡ nổi, bị thua và bị bắt, sau đó bị giết. Một trong những tướng cao cấp nhất của Trịnh Doanh bị thiệt mạng! Tin đó nhanh chóng lan đi khắp nơi, khiến cho các lực lượng nổi dậy chống họ Trịnh rất hồ hởi. Thắng lợi này của Hoàng Công Chất có ý nghĩa rất lớn lao. Sau cái chết của Hoàng Công Kỳ, băng đi một thời gian khá dài, tướng sĩ của họ Trịnh không dám mạo hiểm đánh vào Khoái Châu nữa. Nghĩa quân Hoàng Công Chất có cơ hội để không ngừng củng cố và phát triển.

Năm 1748, Trịnh Doanh tổ chức một cuộc càn quét có quy mô rất lớn vào Khoái Châu. Các đạo quân thủy bộ do nhiều tướng lĩnh cao cấp của Trịnh Doanh chỉ huy cùng tiến vào khu căn cứ của Hoàng Công Chất. Các trận ác chiến liên tiếp xảy ra. Cuối cùng, do tương quan thế và lực hoàn toàn không cân xứng, để bảo toàn lực lượng, Hoàng Công Chất đã quyết định rút vào Thanh Hóa rồi từ Thanh Hóa, rút lên Hưng Hóa.

Gắn liền với cuộc rút lui này, địa bàn hoạt động và phương thức hoạt động của nghĩa quân Hoàng Công Chất cũng buộc phải thay đổi theo. Từ thói quen tổ chức những trận chiến đấu ở vùng đồng bằng sông nước, đến đây, Hoàng Công Chất phải xây dựng kế hoạch tấn công và phòng thủ sao cho thật phù hợp với điều kiện địa hình của vùng rừng núi Tây Bắc. Và, một khi đã đến với vùng Tây Bắc, vùng cư ngụ của đồng bào các dân tộc ít người, muốn tồn tại, trước hết phải lo thiết lập và củng cố khối đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc anh em. Điều rất bất ngờ là Hoàng Công Chất đã thành công rất nhanh chóng. Tại Hưng Hóa, nghĩa quân Hoàng Công Chất đã được sự ủng hộ mãnh liệt của nhân dân, đặc biệt là sự hợp tác chiến đấu chống kẻ thù chung của các nghĩa sĩ Tây Bắc do một vị thủ lĩnh tên là Thành (chưa rõ họ) chỉ huy. (Theo ghi chép của *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 42, tờ 8 thì thủ lĩnh Thành là người đã phát động và lãnh đạo một cuộc nổi dậy khá lớn ở vùng Hưng Hóa. Nghĩa quân của thủ lĩnh Thành đã có lần đánh sang cả đất Trung Quốc. Quan Tổng Đốc Vân Nam phải

hợp lực với Đinh Văn Thản đánh dẹp rất vất vả mà vẫn không sao thắng nổi).

Để đối phó với tình hình này, Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan Trấn Thủ ở Hưng Hóa là Đinh Văn Thản phải lập tức đem quân đi trấn áp (Đinh Văn Thản người làng Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng nay thuộc tỉnh Hải Dương, là dòng dõi của võ quan lừng danh Đinh Văn Tả). Sử cũ chép :

"Trấn Thủ Đinh Văn Thản được lệnh đem quân tiến đánh nhưng (Đinh Văn) Thản có ý sợ, đóng quân ở nơi rừng sâu nước độc lâu ngày, nhiều người nhiễm chướng khí, mắc bệnh sốt rét rồi chết. (Đinh Văn) Thản bị triều đình vạ hỏi, quở trách nhiều lần, vì thế, hấn sợ đến phát chết. Triều đình hạ lệnh truy lột hết quan chức, tước vị của hấn, lại còn sai người đánh vào áo quan." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 42, tờ 10).

Một cuộc đàn áp mới hơn, nguy hiểm hơn được gấp rút tổ chức. Lần này, Trịnh Doanh giao trách nhiệm cho các tướng lĩnh sau đây :

- Lê Đình Châu được giao chức Đốc Chiến. (Lê Đình Châu người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa).

- Nguyễn Quốc Khuê được giao chức Tham Mưu. (Nguyễn Quốc Khuê người làng Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì nay thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội; đỗ Tiến Sĩ năm 1748, làm quan được thăng dần lên đến chức Giám Sát Ngự Sử).

- Phan Cảnh lúc bấy giờ đang là Đốc Đồng ở Tuyên Quang có nhiệm vụ đem quân bản bộ từ Tuyên Quang tới để phối hợp chiến đấu. (Phan Cảnh cũng tức là Phan Kính, người làng Lai Thạch, huyện La Sơn nay thuộc xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; đỗ Thám Hoa năm 1743, làm quan trải được phong dần đến chức Đốc Đồng).

Cuộc tấn công đàn áp ác liệt này đã gây cho nghĩa quân Hoàng Công Chất không ít khó khăn. Thủ lĩnh Thành bị bắt và bị giết. Hoàng Công Chất buộc phải cho toàn bộ lực lượng của mình rút lui. Tuy nhiên, tướng sĩ của chúa Trịnh cũng bị tiêu hao không ít. Đốc Đồng Phan Cảnh vì quá mệt mỏi với những cuộc hành quân, đã lâm bệnh và chết ở Hưng Hóa.

Xây căn cứ Mãnh Thiên và từ Mãnh Thiên, liên tục tấn công đến khắp các vùng lân cận

Thủ lĩnh Thành bị giết hại nhưng lực lượng của Hoàng Công Chất về cơ bản vẫn được bảo toàn. Ông rút về Mãnh Thiên (Mãnh Thiên là tên động, động này thuộc châu Ninh Biên, trấn Hưng Hóa. Nay động Mãnh Thiên thuộc địa phận tỉnh Lai Châu) và nhanh chóng biến Mãnh Thiên thành một khu căn cứ rất lợi hại. Sự kiện này xảy ra vào khoảng đầu năm 1761. Tại Mãnh Thiên, Hoàng Công Chất cho xây dựng thành lũy rất kiên cố, trong đó, lớn nhất là *Tam Vạn Thành* (có nghĩa là thành chứa được ba vạn quân). "Hiện nay ở xã Ba Man phía nam Lai Châu, trên thượng lưu sông Đà còn có dấu vết một thành lũy xưa của Hoàng Công Chất gọi là *Tam Vạn Thành*". (Hoàng Bình Chính : *Hưng Hóa phong thổ lục*. Dẫn lại của Phan Huy Lê - Chu Thiên - Vương Hoàng Tuyên - Đinh Xuân Lâm trong *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* (Tập III), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1960, trang 233).

Từ Mãnh Thiên, Hoàng Công Chất liên tục tổ chức những trận đánh vào các địa phương lân cận. Tháng 10 năm 1767, nhân cơ hội chúa Trịnh Doanh vừa mới qua đời, Chúa Trịnh Sâm mới lên nối nghiệp và đang chú tâm lo củng cố địa vị của mình, nghĩa quân Hoàng Công Chất đã đánh bảy trận lớn. Cụ thể như sau:

- *Trận thứ nhất* : đánh vào Mai Châu (nay thuộc tỉnh Hòa Bình, khu vực nằm sát với Mộc Châu của tỉnh Sơn La).

- *Trận thứ hai* : đánh vào Mộc Châu (nay thuộc tỉnh Sơn La, khu vực nằm sát với Mai Châu của Hòa Bình).

- *Trận thứ ba* : đánh vào Quan Gia (nay thuộc Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

- *Trận thứ tư* : đánh Cổ Lũng (nay thuộc Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa).

- *Trận thứ năm* : đánh Thiết Ứng (nay thuộc Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa).

- *Trận thứ sáu* : đánh Ái Chủ (nay thuộc Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

- *Trận thứ bảy* : đánh Bất Một (nay thuộc Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa).

Tin cáo cấp liên tiếp đưa về, bá quan văn võ ai cũng lấy làm lo ngại. Trịnh Sâm vội vã hạ lệnh thành lập một guồng máy chỉ huy cuộc trấn áp gồm các nhân vật chủ chốt như sau :

- Thiếu Phó Phương Nghĩa Hầu Trịnh Phương làm tổng chỉ huy, đồng thời, trực tiếp cầm đầu đạo quân đi càn quét ở Hưng Hóa. (Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 43, tờ 14 thì Trịnh Phương là người thuộc dòng họ của chúa Trịnh. Ngoài ra, các chi tiết khác về lai lịch cuộc đời Trịnh Phương hiện vẫn chưa rõ).

- Điển Vũ Hầu Nguyễn Trọng Điển chỉ huy đạo quân đi càn quét ở Thanh Hóa. (Nguyễn Trọng Điển còn có tên là Nguyễn Trọng Thân, người làng Quế Ô, huyện Quế Dương (nay thuộc Bắc Ninh), con của Tào Sĩ Nguyễn Trọng Uông).

- Trấn Thủ Thanh Hóa, là Nguyễn Đình Điển có nhiệm vụ đem hết quân bản bộ ra hợp sức chiến đấu với đạo quân của Nguyễn Trọng Điển. (Nguyễn Đình Điển người làng Nội Duệ, huyện Tiên Du cũ nay thuộc Bắc Ninh, xuất thân là hoạn quan).

Thực hiện chủ trương lánh chỗ mạnh, đánh vào chỗ yếu, Hoàng Công Chất đã nhanh chóng cho rút hầu hết lực lượng của mình khỏi đất Thanh Hóa và Hòa Bình ngày nay. Nhưng, một loạt các cuộc tấn công ồ ạt khác lại nhất loạt được tổ chức. Tháng giêng năm 1768, Hoàng Công Chất đã chiếm được đất của mười châu (Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 43, tờ 16 chú thích rằng : "Mười châu đó gồm có Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Ninh Biên, Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Khiêm Châu và Tuy Phụ. Nay bốn châu Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu và Ninh Biên đều thuộc Hưng Hóa. Hai châu Quảng Lăng và Hoàng Nham đều thuộc Vân Nam (Trung Quốc- NKT). Còn bốn châu Hợp Phì, Lễ Tuyền, Khiêm Châu và Tuy Phụ không khảo cứu được"). Điều này khiến cho Trịnh Sâm vô cùng tức tối. Một bộ chỉ huy đàn áp mới hơn được thành lập, gồm có :

- Nguyễn Đình Huấn làm Chánh Thống Lãnh. (Nguyễn Đình Huấn người làng Yên Thường huyện Đông Ngàn nay thuộc Bắc Ninh, xuất thân là hoạn quan).

- Phạm Ngô Cầu làm Hiệp Thống Lãnh. (Phạm Ngô Cầu hiện chưa rõ lai lịch, chỉ biết về sau được phong tới tước Quận Công. Năm 1786, Phạm Ngô Cầu bị Tây Sơn bắt giết).

- Hoàng Phùng Cơ làm Hiệp Thống Lãnh. (Hoàng Phùng Cơ quê ở Vân Cốc, huyện Bạch Hạc nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ. Lúc này, Hoàng Phùng Cơ đang giữ chức Lưu Thủ Sơn Tây).

- Phan Lê Phiên làm Tán Lí. (Phan Lê Phiên (1735-1809) người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm nay là thôn Đông Ngạc, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội; đỗ Tiến Sĩ năm 1757. Phan Lê Phiên chỉ giữ chức Tán Lí từ tháng giêng đến tháng 6 năm 1768. Từ tháng 7 năm 1768, Đốc Trấn Cao Bằng là Nguyễn Trọng Hoàn - người làng Bột Thái, huyện Hoàng Hóa, nay thuộc Thanh Hóa, được cử đến thay Phan Lê Phiên).

- Nguyễn Xuân Huyền làm Hiệp Tán Lí. (Nguyễn Xuân Huyền còn có tên là Nguyễn Diêu, người làng Hoàng Xá, huyện Thư Trì nay là làng Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; đỗ Tiến Sĩ năm 1752).

Đến tháng 8 năm 1768, Đoàn Nguyễn Thục (còn có tên là Đoàn Duy Tĩnh (1728 - 1783), người làng Hải An, huyện Quỳnh Côi nay là xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đỗ Hoàng Giáp năm 1752) được điều động tới, giữ chức Giám Quân và tăng cường cho bộ chỉ huy cuộc đàn áp này. *Tam Vạn Thành* và căn cứ Mãnh Thiên phải chịu đựng một sức ép ngày càng dữ dội. Đứng vào lúc căng thẳng nhất ấy, nghĩa quân Hoàng Công Chất lại phải chịu một tổn thất rất nặng nề : Hoàng Công Chất qua đời vì lâm bệnh nặng tại Mãnh Thiên. Người kế tục sự nghiệp của Hoàng Công Chất là con trai ông : Hoàng Công Toán. Hoàng Công Toán tuy là người có chí lớn, nhưng, xét về kinh nghiệm trận mạc thì chưa thể sánh với Hoàng Công Chất. Đó chính là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thất bại của cuộc khởi nghĩa này.

Tam Vạn Thành bị phá vỡ, Mãnh Thiên nhuộm đỏ máu anh hùng

Nguyễn Đình Huấn là Thống Lãnh, nhưng chính Thống Lãnh Nguyễn Đình Huấn lại luôn tỏ

ra dè dặt, thậm chí là có phần lo sợ khi cầm quân đánh vào các địa phương ở Hưng Hóa. Sai quân đi thu lương thực trong dân không được, hạ lệnh bắt thêm lính cũng không xong, Nguyễn Đình Huấn biết là lòng người đều đã hướng về căn cứ Mãnh Thiên, vì thế, cố sức nghĩ kế để rút quân. Các tướng dưới quyền, đặc biệt là Phạm Ngô Cầu, rất ủng hộ Nguyễn Đình Huấn, chỉ có Giám Quân Đoàn Nguyễn Thục là phản đối mà thôi. Sử cũ chép :

"Bọn (Nguyễn) Đình Huấn cho người phi ngựa về kinh đô, đệ tờ khải đại ý nói rằng : Lương ăn của quân không được đầy đủ, tiến thoái đều khó cả. Vả chăng, quân sĩ có nhiều người mắc bệnh, vậy xin cho thêm thuốc thang để chữa.

Lúc ấy, (Đoàn) Nguyễn Thục cũng làm tờ khải trình lên theo, nói là (Nguyễn) Đình Huấn hiệu lệnh không nghiêm, đã thế lại còn khinh rẻ và lấn át chư tướng, thả lỏng cho binh lính đi cướp bóc, chần chừ không chịu tiến quân. Tóm lại có mười việc sai trái.

Nhận được tờ khải của (Nguyễn) Đình Huấn, đang đêm mà Trịnh Sâm cũng không bằng lòng, liền cho triệu các quan vào phủ đệ bàn định. (Trịnh Sâm) nghiêm trách Nguyễn Đình Huấn. Kế đó lại nhận được tờ khải của (Đoàn) Nguyễn Thục, Trịnh Sâm nổi giận nói :

- Ta vẫn biết (Nguyễn) Đình Huấn không thể dùng được, nay quả nhiên là đúng như thế.

(Nói rồi), lập tức hạ lệnh triệu (Nguyễn) Đình Huấn về và bổ (Đoàn) Nguyễn Thục kiêm chức Thống Lãnh các đạo, thay (Nguyễn) Đình Huấn. Vũ Huy Định được bổ làm Giám Quân và Nguyễn Trọng Hoàn được bổ làm Tán Lý." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 43, tờ 21).

Tháng giêng năm 1769, Đoàn Nguyễn Thục đốc toàn lực ra đánh trận quyết định với Hoàng Công Toản. Trước khi xuất quân, Đoàn Nguyễn Thục tuốt gươm ra nói với quân sĩ rằng : "Kể nào không tuân theo mệnh lệnh thì hãy trông vào thanh kiếm này".

Hoàng Công Toản đã chủ động bố trí nhiều trận mai phục rất lợi hại, nhưng, quân ít chẳng thể chống nổi đối thủ mạnh, nghĩa quân bị thua liên tiếp mấy trận liền. Cuối cùng, Hoàng Công Toản đành phải chạy sang Vân Nam (Trung Quốc). Số phận Hoàng Công Toản về sau ra sao thì không thấy thư tịch cổ ghi chép gì. Các tướng lĩnh và nghĩa sĩ của Hoàng Công Toản cũng mỗi người tản mác một nơi, không chịu đầu hàng, khuất phục.

Cuộc khởi nghĩa do Hoàng Công Chất phát động và chỉ huy, sau ba mươi năm chiến đấu ngoan cường, đến đó là chấm dứt. Hoàng Công Chất là biểu tượng của khí phách hiên ngang, của ý chí chiến đấu dẻo dai phi thường, của tài chỉ huy chiến đấu ở nhiều địa hình rất khác nhau. Hiện nay, ở Điện Biên Phủ vẫn còn đền thờ Hoàng Công Chất do nhân dân địa phương dựng lên.

04. NGUYỄN DANH PHƯƠNG (? - 1751)

“Danh Phương chiếm Độc Tôn Sơn,
Tuyên - Hưng là đất, Lâm Man là nhà.”
(Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái : *Đại Nam quốc sử diễn ca*)

Trước năm 1740, ở trấn Sơn Tây có một cuộc khởi nghĩa khá lớn do thủ lĩnh Tế cầm đầu. Trong thành phần của lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa này, có một nhà Nho trẻ, đó là Nguyễn Danh Phương.

Nguyễn Danh Phương còn có tên là Nguyễn Danh Ngũ, tuy nhiên, người đương thời thường gọi ông một cách thân mật và trìu mến là *Quận Hẻo*. Ông người làng Tiên Sơn, huyện Yên Lạc, trấn Sơn Tây (nay quê ông thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc). Hiện vẫn chưa rõ Nguyễn Danh Phương sinh vào năm nào. Thư tịch cổ cũng như một số tài liệu dân gian cho biết rằng, thuở thiếu thời, ông từng dùi mài kinh sử để thử vận may khoa trường, nhưng rồi chán cảnh nhân tình thế thái ngày một đen bạc, ông đã hăng hái đi theo nghĩa binh của thủ lĩnh Tế. Nhờ có nghĩa khí và văn tài, ông được thủ lĩnh Tế trọng dụng, xếp vào hàng những người thân tín nhất.

Tháng 2 năm Canh Thân (1740), chúa Trịnh lúc đó là Trịnh Doanh đã phong cho Võ Tá Lý (người làng Hà Hoàng, huyện Thạch Hà nay là xã Thạch Môn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Lúc này Võ Tá Lý được phong tới tước Quận công) làm Chinh Tây Đại Tướng Quân, đồng thời, sai cầm quân đi đánh thủ lĩnh Tế. Trong trận ác chiến ở Yên Lạc (nay thuộc Vĩnh Phúc), thủ lĩnh Tế thua trận, Nguyễn Danh Phương liền đem tàn quân chạy về Tam Đảo để tính kế chiến đấu lâu dài. Từ đây, Nguyễn Danh Phương thực sự trở thành thủ lĩnh của một cuộc khởi nghĩa mới.

"Nguyễn Danh Phương vốn là dư đảng của Tế, chiếm núi Tam Đảo, lợi dụng địa thế hiểm trở để xây thành đắp lũy, chiêu mộ dân binh, quyên góp lương thực và rèn đúc khí giới, họp phe đảng ẩn náu trong núi rừng". (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 43, tờ 28).

Theo Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái, chốn núi rừng mà Nguyễn Danh Phương cùng nghĩa sĩ của mình ẩn náu chính là ngọn Độc Tôn Sơn trong dãy Tam Đảo (*Đại Nam quốc sử diên ca*). Từ Độc Tôn Sơn, Nguyễn Danh Phương liên tục tổ chức nhiều cuộc tấn công ra các vùng chung quanh, gây chấn động khắp cả hai trấn Tuyên Quang và Hưng Hóa.

Khi mới dựng cờ khởi nghĩa, do tương quan thế và lực rất chênh lệch Nguyễn Danh Phương chủ trương kết hợp rất chặt chẽ giữa kiên quyết với mềm mỏng. Kiên quyết là kiên quyết trừng trị đích đáng những kẻ tham quan ô lại, những đơn vị quân đội nhỏ của chúa Trịnh dám hung hăng tiến sâu vào căn cứ của nghĩa quân. Mềm dẻo là mềm dẻo trong sách lược đối phó với âm mưu đàn áp đẫm máu của triều đình. Mục tiêu của Nguyễn Danh Phương là gây tiếng vang bằng những trận đánh hiểm hóc, giành hiệu quả lớn nhất với những tổn thất nhỏ nhất. Bấy giờ, hễ gặp cơ hội thuận tiện là Nguyễn Danh Phương tấn công không khoan nhượng, nhưng, nếu xét thấy điều kiện chưa cho phép thì thường là ông gửi thư giả vờ xin hàng.

"Nhiều lần (Nguyễn) Danh Phương vờ xin hàng để hoãn binh, Trịnh Doanh biết là mưu giả trá nhưng cũng đem ra bàn với bày tôi. (Trịnh) Doanh cho rằng, việc đánh dẹp cần phải biết có lúc phải hòa hoãn. Nay, trước hết là phải bàn cho rõ, giặc nào cần diệt trước, giặc nào cần dẹp sau" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 43, tờ 28).

Giặc cần dẹp trước, theo Trịnh Doanh, chính là nghĩa binh của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Công Chất... còn như giặc có thể dẹp sau chính là nghĩa binh của Nguyễn Danh Phương. Xuất phát từ nhận định đó, Trịnh Doanh chủ trương tập trung lực lượng đàn áp Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Công Chất, đồng thời, hạ lệnh cho Trấn Thủ Sơn Tây tạm chấp nhận đề nghị xin hàng của Nguyễn Danh Phương.

Bất ngờ đánh vào Bạch Hạc (1744), phá vòng vây của tướng Văn Đình Ưc ở Nghĩa Yên và xây căn cứ mới ở Thanh Lãnh

Tháng 11 năm 1744, lợi dụng lúc chúa Trịnh Doanh đang phải lúng túng huy động lực lượng đối phó với nghĩa quân của Nguyễn Hữu Cầu và Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương đã táo bạo cho quân đánh chiếm Việt Trì (Việt Trì ở đây là tên thôn. Lúc này, thôn Việt Trì thuộc làng Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc. Nay đất này thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ) và sau đó là tung hoành khắp cả vùng Bạch Hạc. Trước đó chỉ mấy ngày, Trịnh Doanh vừa nhận được tin

Trương Khuông bị Nguyễn Hữu Cầu đánh cho tơi bời ở Ngọc Lâm, kế tiếp là Đinh Văn Giai bị Nguyễn Hữu Cầu đánh cho đại bại tại Xương Giang, cho nên, rất lấy làm tức tối. Tướng Văn Đình Ưc lập tức được lệnh chiêu mộ thêm quân sĩ để đi bình định đất Bạch Hạc (Văn Đình Ưc người làng Lạc Phố, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh đỗ Tào Sĩ (Tiến Sĩ võ). Ông sinh ra trong một gia đình nổi đời là võ quan cao cấp :ông nội là Cồn Quận Công Văn Đình Nhân, cha là Điều Quận Công Văn Đình Dẫn, bản thân ông cũng được phong là Quảng Quận Công. Con ông là Tào Sĩ Văn Đình Cung). Văn Đình Ưc nắm quyền chỉ huy khoảng vài vạn quân, thanh thế rất hùng mạnh. Với quân số áp đảo như vậy, Văn Đình Ưc hi vọng sẽ nhanh chóng bóp nát lực lượng của Nguyễn Danh Phương. Nhưng, Văn Đình Ưc đã lầm. Mới bày binh bố trận ở Nghĩa Yên (một làng của huyện Bạch Hạc xưa, nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ), chưa kịp ra tay thì Nguyễn Danh Phương đã khôn khéo dùng kế nghi binh rồi nhanh chóng dẫn hết quân sĩ về chiếm cứ Thanh Lãn (một làng thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Từ Thanh Lãn, Nguyễn Danh Phương cho các tướng chia quân đi đánh hầu khắp các huyện thuộc trấn Sơn Tây cũ. Những vị trí quan trọng trong trấn này đều bị nghĩa quân Nguyễn Danh Phương chiếm giữ. Đánh giá về sai lầm của Văn Đình Ưc trong trận Nghĩa Yên, sử cũ viết : “Từ đây (Nguyễn Danh Phương) bố trí đồn lũy, chiếm cứ nơi hiểm yếu để kháng cự với triều đình. Tất cả đều do sai lầm (của Văn Đình Ưc) ở trận này cả.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 40, tờ 11).

Sau Văn Đình Ưc, tướng Hoàng Ngũ Phúc cũng được điều đến trấn Sơn Tây, nhưng tất cả các tướng lĩnh cao cấp này của chúa Trịnh đều bị sa lây, suốt bốn năm trời (từ 1744 đến 1748) vẫn không đánh được một trận nào đáng kể. Trước diễn biến ngày một phức tạp của tình hình chung như vậy, Trịnh Doanh quyết định đưa tướng Đinh Văn Giai lên thay Hoàng Ngũ Phúc. Đinh Văn Giai được trao chức Trấn Thủ và phải chịu trách nhiệm tổ chức trấn áp cho bằng được lực lượng của Nguyễn Danh Phương. Trước khi ra đi, Đinh Văn Giai được Trịnh Doanh trực tiếp giao nhiệm vụ rất rõ như sau :

“Trấn Sơn Tây là phen giàu của nước nhà, thế mà phía bắc thì bị (Nguyễn) Danh Phương (chiếm cứ), mặt nam thì bị (thủ lĩnh Trương và (Lê Duy) Mật chiếm cứ, giặc mạnh tràn lan, lòng người lo sợ. Vậy, cho phép người được tùy ý làm việc, miễn sao ta đỡ lo nghĩ mặt tây (kinh thành) là được.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 40, tờ 29).

Tháng 9 (nhuận) năm 1748, Đinh Văn Giai đến trấn Sơn Tây nhận chức. Nhưng, Đinh Văn Giai là kẻ khôn ngoan, thích sống để giữ quyền cao chức trọng, chẳng đại xông pha trận mạc quá mức để rồi có thể chết bất cứ lúc nào, bởi thế, bắt đắ dĩ lắm Đinh Văn Giai mới cho quân ra đánh cho có đánh vậy thôi. Nghĩa quân Nguyễn Danh Phương nhờ đó vẫn ung dung đóng giữ ở hầu khắp các vị trí hiểm yếu của trấn Sơn Tây. Để có thêm cơ hội thuận tiện, nhằm xây dựng và củng cố lực lượng của mình, một lần nữa, Nguyễn Danh Phương lại giả vờ xin hàng. Sử cũ cho biết :

“Nguyễn Danh Phương dùng lễ vật rất hậu rồi mật sai người đến dứt lốt cho vợ của chúa Trịnh là Trịnh Thị (quê ở làng Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương nay thuộc Thanh Hóa) và hoạn quan là Đàm Xuân Vực. (Đàm) Xuân Vực giúp (Nguyễn Danh Phương) dâng tờ biểu xin hàng. Trịnh Doanh đã y cho, nhưng khi xuống lệnh triệu vào thì (Nguyễn Danh Phương) không chịu vào nhận mệnh.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 41, tờ 3).

Cuối năm 1749, Nguyễn Danh Phương bắt ngờ cho quân đi đánh ở huyện Tiên Phong (nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây). Tình hình rất nguy cấp. Hiệp Trấn Sơn Tây là Hà Tông Huân (cũng tức là Hà Huân (1697-1766) người làng Kim Vực, huyện Yên Định nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa, trước đã đỗ Sĩ Vọng, đến năm 1724 lại đỗ Bảng Nhãn. Ông làm quan được thăng dần lên đến chức Thượng Thư, quyền Tham Tụng, hàm Thái Bảo, tước Quận Công) phải dâng thư chạy gấp về triều đình. Trịnh Doanh phải hạ lệnh cho các tướng Bùi Trọng Huyền (người làng Tiên Mộc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến Sĩ năm 1739) và Nguyễn Phan (người làng Hà Dương, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, võ quan cao cấp) đưa quân đi cứu viện. Nhưng, rốt cuộc thì hàng vạn quân của chúa Trịnh, do những viên tướng được coi là tài ba nhất chỉ huy, vẫn không sao có thể đè bẹp được lực lượng của Nguyễn Danh Phương.

Đặt đại bản doanh ở Ngọc Bội, thành lập chính quyền và anh dũng chống trả cuộc đàn áp do đích thân Trịnh Doanh chỉ huy

Từ cuối tháng 9 (nhuận) năm 1748, sau khi từ chối việc về triều, Nguyễn Danh Phương bắt đầu tiến hành xây dựng một hệ thống căn cứ mới. Đại bản doanh của Nguyễn Danh Phương đặt tại núi Ngọc Bội (dãy núi nằm tiếp giáp giữa hai huyện Tam Dương và Bình Xuyên xưa của Sơn Tây, nay cả hai huyện này đều thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phúc). Ông cho gọi đó là *Đại Đồn*. Tại Đại Đồn, Nguyễn Danh Phương cho xây thành lũy kiên cố, đồng thời, bước đầu xây dựng chính quyền riêng. Theo sự mô tả của sử cũ thì : "Nguyễn Danh Phương xưng là *Thuận Thiên Khả Vận Đại Nhân*, lập cung điện, đặt quan chức, quy định cờ quạt, xe cộ và đồ dùng, tiếm lạm ngang với Thiên Tử". (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 41, tờ 3).

Phía ngoài Đại Đồn, cách Đại Đồn không xa là đồn Hương Canh (tên làng, thuộc huyện Yên Lãng xưa, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc). Đồn Hương Canh được gọi là *Trung Đồn*. Tuy không lớn và không kiên cố bằng Đại Đồn, nhưng, Trung Đồn cũng được xây dựng khá chắc chắn. Và, phía ngoài Trung Đồn, tại khu vực Úc Kỳ (làng này xưa thuộc huyện Tư Nông, nay thuộc tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Danh Phương còn cho xây dựng thêm một hệ thống đồn lũy khác, gọi là *Ngoại Đồn*. Đại Đồn, Trung Đồn và Ngoại Đồn phối hợp rất chặt chẽ với nhau, sẵn sàng ứng phó một cách linh hoạt với mọi cuộc tấn công từ ngoài vào. Nguyễn Danh Phương cũng cho xây dựng rất nhiều đồn lũy ở các địa phương khác tính ra, tổng số còn lớn gấp đôi Đại Đồn, Trung Đồn và Ngoại Đồn cộng lại. Theo ghi chép của sử cũ thì :

"Quân đóng ở đâu là làm ruộng, chứa thóc để làm kế lâu dài. (Nguyễn Danh Phương) lại còn tự tiện giữ mỗi lợi về sản xuất và buôn bán chè, sơn, tre, gỗ... ở miền thượng du, chưa kể xưởng khai thác mỏ ở Tuyên Quang, do đó mà thóc gạo và của báu chất cao như núi. Hãn (chỉ Nguyễn Danh Phương - NKT) chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu để chống lại quan quân. Triều đình bao phen cất quân đánh nhưng hãn lại đem của đến đút lót, mà các tướng thì háms lợi, cứ dung túng cho giặc (chỉ nghĩa quân Nguyễn Danh Phương - NKT), cốt bảo toàn lấy tấm thân, vì thế, giặc càng ngày càng vững vàng. Trái hơn mười năm trời, (Nguyễn) Danh Phương nghiêm nhiên là vua một nước đối địch với triều đình vậy." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 41, tờ 3 và 4).

Tháng 12 năm 1750, các đạo quân của chúa Trịnh phối hợp đánh mạnh vào lực lượng của Nguyễn Danh Phương ở khu vực Thanh Lãn. Bấy giờ, khu vực này do hai người em của Nguyễn Danh Phương là Nguyễn Văn Bì và Nguyễn Văn Quảng trông coi. Bởi quá bất ngờ, cả Nguyễn Văn Bì và Nguyễn Văn Quảng đều bị bắt. Nhưng, quan quân của họ Trịnh chưa kịp vui mừng thì Nguyễn Danh Phương đã kịp thời đem binh sĩ tới. Từ chỗ chủ động đi tấn công và bao vây, các tướng lĩnh của chúa Trịnh buộc phải lâm vào thế bị tấn công, bị bao vây và có nguy cơ bị tiêu diệt hết. Chúng bèn thả Nguyễn Văn Bì và Nguyễn Văn Quảng để đổi lại là được tháo lui.

Sau trận Thanh Lãn, Nguyễn Danh Phương mở rộng phạm vi hoạt động của nghĩa quân ra nhiều vùng lân cận. "Các huyện thuộc những phủ như Tam Đái, Lâm Thao và Đà Dương đều bị (Nguyễn Danh) Phương chiếm cứ". Lo sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của nghĩa quân, Trịnh Doanh đã tự mình làm tướng, đem đại binh đi đánh dẹp. Trước khi xuất quân, Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai (người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội, tuy chỉ đỗ có Hương cống (sau đổi gọi là Cử Nhân), nhưng rất có thể lực trong triều đình) cùng phối hợp với nhau, soạn ra 37 điều quân lệnh, buộc tất cả tướng sĩ phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Trịnh Doanh cũng thành lập một bộ chỉ huy hành quân, theo đó thì ngoài Trịnh Doanh ra, bộ chỉ huy này còn có :

- Hoàng Ngũ Phúc làm Giám Quân.
- Nguyễn Nghiễm làm Tán Lý. (Nguyễn Nghiễm (1708-1775) người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân nay là xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; đỗ Hoàng Giáp năm 1731. Ông là cha của Tiến Sĩ Nguyễn Khản và thi hào Nguyễn Du).
- Đoàn Chú làm Hiệp Đồng.

Tất cả quân sĩ được chia làm bốn đạo, tiến thẳng vào khu căn cứ của Nguyễn Danh Phương.

Nhưng, Trịnh Doanh cũng chẳng thể làm được gì hơn các tướng trước đó. Trải một năm chinh chiến gian nan mà chẳng thu được kết quả gì, Trịnh Doanh đành phải kéo quân về.

Mất Úc Kỳ và Hương Canh, Ngọc Bội Đại Đồn tan vỡ, Nguyễn Danh Phương thua trận và bị bắt (1751)

Hao công tổn của mà không diệt được nghĩa quân Nguyễn Danh Phương, Trịnh Doanh tuy buộc phải kéo quân về nhưng lòng vẫn rất lấy làm ảm ức. Sau tết Nguyên đán năm Tân Mùi (1751), một lần nữa, Trịnh Doanh lại cầm đại quân đi đánh Nguyễn Danh Phương. Lần này, để tạo bất ngờ lớn, Trịnh Doanh cho quân băng qua Kinh Bắc (vùng Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay), tiến thẳng đến Thái Nguyên rồi từ Thái Nguyên đánh ập xuống.

Tháng 2 năm 1751, Trịnh Doanh thúc quân, nhân đêm tối, đánh ồ ạt vào Ngoại Đồn Úc Kỳ. Do hoàn toàn bị bất ngờ, Ngoại Đồn Úc Kỳ không sao chống đỡ nổi. Toàn bộ lực lượng nghĩa quân Nguyễn Danh Phương đóng ở đây bị diệt. Trịnh Doanh lập tức hạ lệnh cho các tướng đánh thẳng đến Trung Đồn Hương Canh. Tại đây, lực lượng nghĩa quân của Nguyễn Danh Phương do đã biết Ngoại Đồn Úc Kỳ thất thủ nên chủ động đánh trả rất quyết liệt. Một trận ác chiến thực sự đã diễn ra. Sử cũ viết :

"Giặc (chỉ nghĩa quân Nguyễn Danh Phương - NKT) đem hết quân ra chống cự, tên đạn bay như mưa, quan quân không sao tiến lên được. Bấy giờ, trong hàng tướng lĩnh của chúa Trịnh chỉ có Nguyễn Phan được coi là vô địch. Trịnh Doanh trao thanh gươm cho Nguyễn Phan và nói :

- Nếu không phá được đồn này thì lập tức sẽ bị đem ra xử theo đúng quân pháp.

(Nguyễn) Phan dẫn quân tiến lên, cưỡi chiến bào, bỏ ngựa đi chân đất. Trước khi xông ra, y ngoảnh lại nói với thủ hạ của mình rằng :

- Quân sĩ đã có tên trong sổ, tất phải biết giữ quân pháp. Các người đều là tôi tớ của ta, nay chính là lúc ta liệu mình đền nợ nước, cũng chính là lúc các người có dịp đền ơn ta. Vậy, những ai có cha mẹ già hoặc con thơ, không nỡ dứt tình riêng thì ta cho lui ra, còn thì hãy cùng ta quyết liều mình vì nước, chẳng nên sống uổng một kiếp mây râu.

Mọi người nghe lời (Nguyễn) Phan nói, không ai chịu lùi. (Nguyễn) Phan tự xông lên trước quân sĩ, cố sức đánh, phá tan được (đồn Hương Canh).

(Nguyễn) Danh Phương thu nhặt tàn quân, lui về giữ Đại Đồn Ngọc Bội. Ngọc Bội là sào huyệt của giặc, thế núi cao chót vót, rất hiểm trở. Ở đây giặc đã lấp hết các cửa ngõ và đường tắt từ trước, lại còn bố trí súng ở trên núi cao để cố thủ. Trịnh Doanh lại sai (Nguyễn) Phan tiến đánh. (Nguyễn) Phan sai quân cầm gươm giáo, cho phép ai cũng được tự ý đâm chém, đồng thời hạ lệnh rằng, hễ nghe tiếng súng nổ thì nằm phục xuống, bằng không thì phải trèo lên núi đá mà tiến. (Nguyễn) Phan đem quân tiến trước, ba quân ồ ạt theo sau, quân sĩ tràn lên núi, xa trông cứ như một đàn kiến. Giặc tan vỡ. (Nguyễn) Danh Phương chạy về Độc Tôn Sơn. Quan quân lại đuổi tiếp, (Nguyễn) Danh Phương thua trận, đành phải đốt đồn lũy rồi nhân đêm tối chạy trốn.

Quan quân đuổi theo, bắt được (Nguyễn) Danh Phương tại làng Tĩnh Luyện, huyện Lập Thạch." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 41, tờ 7 và 8).

Sau hơn mười năm chiến đấu ngoan cường và thông minh, đến đây, cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Danh Phương lãnh đạo đã bị đè bẹp. Nguyễn Danh Phương bị bắt và bị giết cùng một ngày với Nguyễn Hữu Cầu.

Nguyễn Danh Phương là một trong những danh tướng xuất thân áo vải lừng danh nhất Đàng Ngoài. Cuộc đời oanh liệt của ông đã khiến cho không biết bao nhiêu tướng lĩnh cao cấp của Đàng Ngoài phải thất điên bát đảo. Ông chưa từng được học ở bất cứ một trường võ bị nào, nhưng, tài năng quân sự của ông thì các võ quan chuyên nghiệp đương thời chưa dễ đã sánh được. Nói khác hơn, ông chính là tướng tài trong số những tướng tài vậy.

05. LÊ DUY MẬT (? - 1770)

“Lê Duy Mật là người chí thân của vua Lê, đau về nỗi nhà Lê không sao ngóc đầu lên được nên đã đem thân ra xa mãi chốn núi rừng để đánh giặc. Việc Lê Duy Mật làm có thể gọi là danh chính ngôn thuận, không thể ví như bọn giặc cỏ được. Dầu rằng lòng trời chẳng còn muốn giúp nhà Lê, khiến cho việc của Lê Duy Mật không thể thành công, nhưng, nói về nghĩa lớn vua tôi thì không bao giờ mai một được.”

(Lời cần án của các sử gia thời Nguyễn trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 37, tờ 25)

Chuyện bắt đầu từ trong hoàng cung

Tháng 4 năm Kỷ Dậu (1729), chúa Trịnh lúc bấy giờ là Trịnh Cương đã ép vua Lê Dụ Tông (tên thật là Lê Duy Đường, ở ngôi 1705-1729, làm Thượng Hoàng 1729-1731, mất tháng 1 năm 1731, thọ 51 tuổi) phải nhường ngôi cho con thứ là Lê Duy Phường (cũng là cháu ngoại của chính Trịnh Cương). Lê Dụ Tông sợ bị chúa Trịnh bức bách, cho nên đã lặng lẽ chấp nhận việc này. Lê Duy Phường ở ngôi được ba năm thì bị chúa Trịnh lúc đó là Trịnh Giang vu cho tội thông dâm với vợ của cha hắn là Trịnh Cương rồi phế làm Hôn Đức Công. Tháng 9 năm 1732, Lê Duy Phường bị Trịnh Giang giết khi mới vừa 26 tuổi. Sự kiện này đã tạo ra một làn sóng phản kháng mạnh mẽ trong hoàng tộc cũng như bá quan văn võ.

Lợi dụng sự bất bình này, tháng 12 năm Mậu Ngọ (1738), Lê Duy Mật (là con thứ của vua Lê Dụ Tông), Lê Duy Chúc (là con thứ của vua Lê Hy Tông 1675-1705, chú ruột của Lê Duy Mật, Lê Duy Quy) và Lê Duy Quy (là con thứ của vua Lê Dụ Tông) đã cùng với một loạt văn thần và võ tướng khác, như Phạm Công Thế (người làng Hoàng Xá, huyện Đông Quan nay là xã Phương Đông, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đỗ Tiến Sĩ năm 1727), Vũ Thước, Lại Tế Thế ... v.v. đã bí mật họp bàn tính kế đốt kinh thành, lật đổ Trịnh Giang. Nhưng, kế lớn chưa kịp tiến hành đã bị bại lộ và Trịnh Giang đã thẳng tay đàn áp. Lê Duy Quy chạy đi Cẩm Thủy (Thanh Hóa) và sau đó thì lâm bệnh và mất. Lê Duy Mật và Lê Duy Chúc thì chạy đến Nghi Dương (một trong những huyện của phủ Kinh Môn, Hải Dương). Ở Nghi Dương chưa được bao lâu thì Lê Duy Chúc cũng lâm bệnh mà qua đời. Lực lượng hoàng tộc nhà Lê quyết chí chống lại họ Trịnh, lúc ấy chỉ còn lại một mình Lê Duy Mật nữa mà thôi.

Từ đây, một cuộc khởi nghĩa lớn do Lê Duy Mật cầm đầu đã hình thành ở vùng thượng du phía tây của Thanh Hóa. Khẩu hiệu đầu tiên của Lê Duy Mật là *Phù Lê diệt Trịnh*. Tuy không tạo được sức hút mạnh mẽ đối với toàn xã hội, nhưng chính khẩu hiệu này lại có tác dụng khá to lớn đối với đội ngũ trí thức Nho học đương thời. Có không ít Nho sĩ đã hăng hái tề tựu dưới ngọn cờ của Lê Duy Mật, một phần cũng bởi lí do quan trọng này.

Trước khi khởi sự, Lê Duy Mật đã cho phổ biến rộng rãi bài hịch của mình. Trong bài hịch đó, Lê Duy Mật vừa ca ngợi công đức của Lê Thái Tổ, ca ngợi cống hiến của các bậc tiên đế nhà Lê, vừa lên án sự chuyên quyền độc đoán của họ Trịnh, đồng thời, kêu gọi tất cả mọi người hãy đồng lòng vùng lên trừ khử họ Trịnh và trả lại quyền uy ngôi báu cho nhà Lê. Với nhân dân đang bị đọa đày, giềng mối chính thống của nhà Lê chẳng có ý nghĩa gì đáng kể nữa, nhưng, chí lớn và lời hịch khảng khái của Lê Duy Mật lại khiến cho họ rất cảm kích. Giữa họ và Lê Duy Mật lúc đầu tuy địa vị và nếp nghĩ rất khác nhau, nhưng lại có chung một kẻ thù, đó là ách thống trị

tàn bạo của tập đoàn họ Trịnh. Họ tập hợp và chiến đấu anh dũng dưới ngọn cờ của Lê Duy Mật, trước hết và chủ yếu cũng bởi sự trùng hợp tự nhiên này.

Những thử thách và tổn thất đầu tiên

Ngay khi vừa phát hiện kế hoạch đốt cháy kinh thành của Lê Duy Mật, Trịnh Giang đã hạ lệnh vây bắt để trừng trị rất gắt gao. Như trên đã nói, Lê Duy Mật và những người đồng lòng hợp mưu đã phải vội vã trốn khỏi kinh thành Thăng Long. Trịnh Giang liền sai quân đuổi theo. Vũ Thước bị bắt và bị giam vào ngục tối. Sau đó không bao lâu, Vũ Thước bị đem ra xử tử.

Lê Duy Mật chạy đến Nghi Dương. Trong thế bức bách, ông thấy không thể nào ở lại đất Nghi Dương được. Rất may cho Lê Duy Mật, một viên thổ hào của huyện Nghi Dương là Ngô Hưng Tạo đã đưa ông vượt biển vào Nam, đến với đất tổ của nhà Lê là Thanh Hóa.

Tháng 12 năm 1738, cuộc đụng độ đầu tiên giữa quân đội của chúa Trịnh Giang với lực lượng của Lê Duy Mật đã xảy ra. Trong cuộc đụng độ này, một nhân vật rất thân tín của Lê Duy Mật là Phạm Công Thế đã bị bắt và sau đó là bị giết. Sử cũ viết rằng :

“Lúc bấy giờ, Phạm Công Thế đang giữ chức Đông Các Hiệu Thư, theo (Lê) Duy Mật dấy quân, đánh nhau rồi bị bắt. Bày tâu trong triều trách (Phạm) Công Thế rằng :

- Nhà ngươi là người khoa giáp, tại sao lại đi theo bọn phản nghịch ?

(Phạm) Công Thế cười và nói :

- Danh phận không rõ đã từ lâu, thuận nghịch lấy đâu mà phân biệt ? Nói rồi vươn cổ chịu chém, không hề tỏ sự nao núng hay khuất phục.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 38, tờ 7).

Cái chết của Vũ Thước rồi kể đến là cái chết của Phạm Công Thế thực sự là những tổn thất lớn của Lê Duy Mật và những người cùng chí hướng với ông. Trong bối cảnh đầy khó khăn như vậy, nếu không biết khôn khéo xây dựng và phát triển lực lượng mà lại công khai đối địch vũ trang với quân đội của chúa Trịnh là hết sức sai lầm. Xuất phát từ nhận thức đó, Lê Duy Mật đã lặng lẽ rút lui về miền thượng du ở phía tây Thanh Hóa và từng bước xây dựng căn cứ hoạt động cho mình tại đây.

Trong khoảng hai năm (từ năm 1738 đến năm 1740). Lê Duy Mật đã thực sự chung sống với nhân dân thượng du, có cơ hội để hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng cũng như những sở trường và sở đoản của họ. Đây là hai năm đầu tiên nhưng cũng là hai năm có ý nghĩa rất đặc biệt đối với Lê Duy Mật. Từ một người có địa vị cao sang trong hoàng tộc, ông đã đến với nhân dân, chịu sự cảm hóa mạnh mẽ của nhân dân để rồi dần dần trở thành một lãnh tụ thực sự của nhân dân. Nói khác hơn, tuy không phải xuất thân áo vải, nhưng, Lê Duy Mật cũng là một trong những thủ lĩnh xuất sắc của lực lượng nông dân áo vải trong cuộc đấu tranh xã hội quyết liệt đương thời.

Căn cứ đầu tiên của Lê Duy Mật ở Thanh Hóa là vùng huyện Thạch Thành ngày nay. Tại đây, Lê Duy Mật đã cho xây dựng dinh lũy tại xã Ngọc Lâu. Ông xưng là *Thiên Nam Đế Tử*. Một guồng máy chỉ huy khởi nghĩa nhanh chóng được tổ chức và ngày càng được nâng cao. Thuận lợi đáng kể nhất của Lê Duy Mật lúc này là sự phân hóa và chia rẽ trong nội bộ cung vua và phủ chúa, sự sa đọa của Trịnh Giang và những cuộc vùng dậy của đồng bào các dân tộc ít người. Nhưng, cũng trong hai năm đầu tiên, khó khăn của Lê Duy Mật là phải chống trả hàng loạt những cuộc tấn công đàn áp đẫm máu của quân đội chúa Trịnh. Lúc này, các cuộc khởi nghĩa lớn do Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và đặc biệt là do Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Công Chất và Nguyễn Danh Phương chỉ huy, hoặc chỉ vừa mới hình thành, hoặc đang trong thời kì chuẩn bị, cho nên, chưa thể góp phần phân tán sức mạnh quân sự của họ Trịnh, chưa thể "chia lửa" một cách tự nhiên đối với Lê Duy Mật.

Tháng 1 năm 1740, Trịnh Doanh đã khôn khéo thực hiện được cuộc phế truất Trịnh Giang và lên ngôi chúa. Trịnh Giang tuy được tôn làm Thượng Vương nhưng kì thực là đã bị mất hết mọi quyền hành. Về phần mình, ngay sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Doanh đã ra lệnh đàn áp một cách khốc liệt đối với mọi phong trào đấu tranh của nhân dân. Nhưng, cũng đúng lúc Trịnh Doanh lên ngôi chúa, một loạt những cuộc khởi nghĩa lớn đã bùng nổ. Cơ hội để Lê Duy Mật tìm

cách đẩy mạnh và mở rộng hoạt động đã hình thành. Và, Lê Duy Mật cũng đã không bỏ qua cơ hội thuận lợi đó.

Bình tĩnh chống trả âm mưu kết hợp giữa tấn công với mua chuộc của Trịnh Doanh

Cuối tháng giêng năm 1740, từ căn cứ Ngọc Lâu, Lê Duy Mật cho quân tràn ra, tấn công dồn dập vào các đồn lũy của quân đội chúa Trịnh ở hai huyện Phúc Lộc (huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây) và Tiên Phong (Ba Vì, tỉnh Hà Tây). Khắp các địa phương của trấn Sơn Tây bị náo động. Trịnh Doanh vội vã trao cho Trần Đình Miên chức Đốc Lãnh Sơn Tây, cầm quân đi đánh dẹp. Trần Đình Miên cất quân chưa được bao lâu thì Trịnh Doanh lại sai tiếp quan giữ chức Bồi Tụng là Nguyễn Bá Lân (1701-1786, người làng Cổ Đô, huyện Tiên Phong nay là thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, đỗ Tiến Sĩ năm 1731) đem cả bộ binh lẫn tượng binh lên tiếp ứng. Dù quân số đã rất đông, Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân vẫn tiếp tục chiêu mộ thêm binh sĩ, quyết dùng lực lượng áp đảo để đàn áp cho bằng được nghĩa binh của Lê Duy Mật. Trước tình thế khó khăn này, Lê Duy Mật liền cho lui quân về Thanh Hóa. Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân cũng không dám cho quân mạo hiểm đuổi theo.

Tháng 5 năm 1740, một biến cố chính trị khá lớn nữa lại xảy ra trong kinh thành Thăng Long. Bấy giờ, Trịnh Doanh đã ép vua Lê Ý Tông (tên thật là Lê Duy Thận, con thứ 11 của vua Lê Dụ Tông. Lê Ý Tông ở ngôi 5 năm : 1735-1740) phải nhường ngôi cho cháu là Lê Duy Diêu (tức vua Lê Hiến Tông 1740-1786) để lên làm Thái Thượng Hoàng. Sử cũ viết rằng :

"Lê Duy Diêu là con trưởng (của vua Lê Thuần Tông), lẽ ra đã được lập làm vua từ trước, nhưng vì có chú ruột là (Lê) Duy Mật dấy quân cho nên, Trịnh Giang ghét mà truất đi đã lâu, lại còn giam vào ngục cấm. Đến đây, Trịnh Doanh sai người bí mật dời Lê Duy Diêu đến ở tại nhà Bính Quận Công Vũ Tất Thận (em của Vũ Thái Phi - vợ Trịnh Cương). Vũ Tất Thận không hề được báo trước chuyện này, nhưng một hôm, ông nằm mơ thấy một người ra vẻ "kẻ cả" đến nhà, cờ quạt, âm nhạc ... nghi trọng hết như là thiên tử. Hôm sau thì thấy (Lê) Duy Diêu đến. (Vũ) Tất Thận bèn đem chuyện nằm mơ nói với (Trịnh) Doanh. (Trịnh) Doanh cũng muốn nhờ cậy ở phúc đức của (Lê) Duy Diêu, bèn bàn với các đại thần tôn lập (Lê) Duy Diêu làm vua. Xong, xin vua (Lê Ý Tông) nhường ngôi cho (Lê) Duy Diêu. Trong tờ chiếu nhường ngôi của Lê Ý Tông có đoạn :

- Nghĩ bọn gian ngoan và ngu tối đang quấy rối ở chốn biên cương (chỉ cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật), nên muốn kinh kì được yên, bốn biển được tĩnh, mà theo lẽ chính đáng, suy tôn người đích trưởng, cốt sao kính trọng giềng mối chính thống và thuận theo lòng dân". (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chính biên, quyển 38, tờ 31).

Đây thực chất là một âm mưu mua chuộc của Trịnh Doanh. Thông qua việc đưa Lê Duy Diêu lên ngôi, Trịnh Doanh hi vọng sẽ làm lung lay ý chí của Lê Duy Mật, bởi vì một khi ngôi đích trưởng của họ Lê đã được xác lập, ngọn cờ *phù Lê* của Lê Duy Mật sẽ thật khó mà vững vàng. Lê Duy Diêu là cháu gọi Lê Duy Mật bằng chú ruột, nếu Lê Duy Mật chấp thuận bỏ vũ khí trở về với triều đình ắt hẳn đặc quyền đặc lợi của Lê Duy Mật cũng sẽ được bảo vệ. Tóm lại, biến cố tuy xảy ra trong hoàng thành nhưng mối liên hệ thì vươn đến tận biên cõi xa xôi. Khác với tính toán của chúa Trịnh Doanh, Lê Duy Mật nhận ra rất rõ, rằng đó bất quá chỉ là đòn phủ đầu thường thấy của các chúa Trịnh đối với vua Lê mỗi khi nhà chúa muốn xác lập quyền uy lúc mới lên ngôi mà thôi. Và, Lê Duy Diêu nhiều lắm thì cũng chỉ là con bài tội nghiệp của chúa Trịnh, chẳng có thực lực hay quyền uy gì cả...

Cuộc đụng độ với tướng Đặng Đình Mật ở Sơn Tây (9-1741)

Tháng 9 năm 1741, nghĩa là chẳng bao lâu sau các trận giáp chiến với Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân, Lê Duy Mật lại táo bạo cho quân tấn công ra Bắc lần thứ hai. Lần này, nghĩa quân Lê Duy Mật men theo An Hóa và Phụng Hóa (An Hóa, Phụng Hóa là tên huyện, xưa thuộc phủ Thiên Quan, nay thuộc tỉnh Ninh Bình) , băng qua Mỹ Lương và Minh Nghĩa (Mỹ Lương, Minh Nghĩa là tên huyện. Huyện này xưa thuộc trấn Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Hà Tây) rồi đánh đến tận Hưng Hóa và Sơn Tây. Cuộc tấn công này khiến cho Trịnh Doanh rất lo ngại, vì vậy mới

sai Đặng Đình Mật (người làng Lương Xá, huyện Chương Đức nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Con của Huân Quận Công Đặng Đình Gián và là cháu của Ứng Quận Công Đặng Đình Tướng) là một trong những viên tướng thân tín nhất đem quân đi đàn áp. Sử cũ viết :

“Trịnh Doanh thấy (Đặng) Đình Mật là con nhà thuộc dòng dõi thể thần, vừa là chỗ thân thích lại cũng vừa là kẻ có công, nên muốn đãi ngộ hơn các tướng khác. (Trịnh Doanh) liền cho triệu (Đặng Đình Mật) đến, trao cho thanh kiếm vàng lại còn ban cho cả cờ mao và phủ việt của tướng quân. Đã thế, (Trịnh Doanh) còn chọn ngày làm lễ bái yết cung miếu (nơi thờ các chúa Trịnh) rồi mới sai đi đánh. Trước đó, triều đình sai tướng đem quân đi đánh dẹp, chưa bao giờ cử hành lễ này.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chính biên, quyển 39, tờ 17).

Đặng Đình Mật được Trịnh Doanh trao quyền Thống Lĩnh, chỉ huy quân các đạo ở Thanh Hóa, An Sơn (cũng tức là Anh Sơn hay Yên Sơn, là tên một huyện thuộc trấn Sơn Tây xưa, nay thuộc Hà Tây), Mỹ Lương và Chương Đức trong trận đánh quan trọng này. Để tạo sự bất ngờ, nhân đêm tối, Đặng Đình Mật cho quân tấn công vào lực lượng của Duy Mật. Nghĩa quân Lê Duy Mật tuy có bị lúng túng trong cuộc giao tranh đầu tiên, nhưng ngay sau đó đã nhanh chóng tìm được phương pháp đánh trả thích hợp. Một trận đồ nghi binh và mai phục được hình thành. Đặng Đình Mật tuy đã cố gắng hết sức vẫn không sao có thể đè bẹp được nghĩa quân. Tuy nhiên, do tình thế chưa cho phép đẩy mạnh và mở rộng hơn nữa những trận đụng độ với các đạo quân của Đặng Đình Mật. Lê Duy Mật đã hạ lệnh rút lui về Văn Lãng, rồi từ Văn Lãng, tìm đường lui về với căn cứ Ngọc Lâu.

Khi phần lớn lực lượng của Lê Duy Mật đã trở về căn cứ Ngọc Lâu, tình hình Thanh Hóa ngày một trở nên căng thẳng. Trịnh Doanh cho rằng, muốn đàn áp được Lê Duy Mật, muốn làm dịu lòng dân ở miền đất đặc biệt này, trước hết phải biết khôn khéo tìm cách phủ dụ và trấn an. Xuất phát từ nhận định đó, Trịnh Doanh đã sai hai văn thần rất tin cậy là Lê Hữu Kiều và Hà Tông Huân đến Thanh Hóa (Hà Tông Huân 1697-1766, cũng tức là Hà Huân, người làng Kim Vực, huyện Yên Định, nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Bảng Nhân năm 1724). Bấy giờ, Lê Hữu Kiều đang giữ chức Bồi Tụng trong phủ chúa được điều đến Thanh Hóa giữ chức Lưu Thủ, còn Hà Tông Huân là Binh Bộ Thượng Thư quyền Tham Tụng. Đưa một nhân vật quê Thanh Hóa, rất có danh vọng với đời như Hà Tông Huân, về ngay chính đất Thanh Hóa để phủ dụ nhân dân, Trịnh Doanh hi vọng sẽ cô lập được Lê Duy Mật. Nhưng, mưu sâu này của Trịnh Doanh cũng không thu được kết quả gì Căn cứ Ngọc Lâu nhìn chung vẫn được giữ vững, đất Thanh Hóa vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Lê Duy Mật..

Trận Thịnh Mỹ (10-1742) và trận Kinh Lão (3-1749)

Trong khi Lê Hữu Kiều và Hà Tông Huân đang ra sức tìm cách để phủ dụ nhân dân Thanh Hóa thì Lê Duy Mật đã cho quân đánh vào Nghệ An. Nghĩa quân Lê Duy Mật chiếm được Cổ Nam (thuộc châu Quy Hóa, nay là Quy Châu, Nghệ An) và nhanh chóng biến Cổ Nam thành một cứ mới của mình. Khoảng giữa năm 1742, Lê Duy Mật bất ngờ đưa quân tiến ra Lôi Dương (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa), đánh bại quân đội của chúa Trịnh đóng ở thành Bái Thượng (tên làng ở huyện Lôi Dương). Nhân đà thắng lợi, Lê Duy Mật còn định cho quân vượt đò Lương Giang (cũng tức là Ngu Giang, tên một chi lưu của sông Mã ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) để ra An Trường (tên làng ở huyện Thụy Nguyên, nay thuộc Thanh Hóa).

Tháng 10 năm 1742, Trịnh Doanh hạ lệnh cho Đặng Đình Mật phải gấp rút đem quân đi đánh trả. Hà Tông Huân và Nguyễn Nghiễm (người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, nay thuộc Hà Tĩnh, đỗ Hoàng Giáp năm 1731. Ông là cha của Tiến Sĩ Nguyễn Khản và thi hào Nguyễn Du) cũng được điều đến để giúp sức cho Đặng Đình Mật. Đại binh của họ Trịnh do tướng Đặng Đình Mật cầm đầu đã đánh một trận khá lớn với nghĩa quân Lê Duy Mật tại Thịnh Mỹ (làng này thuộc huyện Lôi Dương xưa, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa). Với ưu thế áp đảo về quân số, Đặng Đình Mật quyết tiêu diệt hoàn toàn lực lượng của Lê Duy Mật ngay tại Thịnh Mỹ và các vị trí khác thuộc huyện Lôi Dương. Rất tiếc là viên tướng khét tiếng mưu dũng hơn người này đã không thể nào thực hiện được tham vọng đó. Lê Duy Mật vừa tổ chức đánh trả một cách ngoan cường, vừa khôn khéo tìm cách bố trí lui quân để bảo toàn lực lượng. Khi Đặng Đình Mật vào được Thịnh Mỹ thì nghĩa quân Lê Duy Mật đã rút về Lang Chánh rồi.

Tại Lang Chánh, Lê Duy Mật vừa xây căn cứ mới, vừa tổ chức cho quân khai khẩn đất hoang, sản xuất và tích trữ lương thực đồng thời, không ngừng chiêu mộ thêm lực lượng. Sau bảy năm (1742-1749), sức mạnh của nghĩa quân chẳng những đã được hồi phục mà còn phát triển hơn trước. Lang Chánh trở thành đầu não của nghĩa quân trong một thời gian khá dài.

Tháng 3 năm 1749, từ Lang Chánh, Lê Duy Mật đã cho quân bất ngờ vượt đường xa, đánh thẳng vào Kinh Lão (làng này thuộc huyện Mỹ Lương xưa, nay thuộc tỉnh Hà Tây). Đây là một vị trí cách kinh thành Thăng Long không xa, vì thế, Trịnh Doanh rất lấy làm lo lắng. Đã vậy, phối hợp chặt chẽ với Lê Duy Mật, đạo quân do thủ lĩnh Trương chỉ huy cũng tình nguyện đánh mạnh vào Kiệt Sơn (làng này thuộc huyện Mỹ Lương xưa, nay thuộc tỉnh Hà Tây) nhằm tạo ra thế thanh viện lẫn nhau, không dễ gì đàn áp được. Trước tình hình nguy cấp đó, Trịnh Doanh đã có hai quyết định quan trọng. Một là sai Văn Đình Ưc (người làng Lạc Phố, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh; đỗ Tạo Sĩ (Tiến Sĩ võ) và Mai Thế Chuẩn (1703-1761, người làng Thạch Tuyền, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, đỗ Tiến Sĩ năm 1731. Làm quan văn được phong tới chức Hữu Thị Lang, sau chuyển sang ngạch quan võ, được phong tới chức Hữu Hiệu Điểm, quyền Phủ Sự) đem quân đánh chặn bước tiến của Lê Duy Mật và Thủ lĩnh Trương. Hai là mật sai Lân Trung Hầu đem quân vào Thanh Hóa, đánh ồ ạt vào căn cứ của Lê Duy Mật. Văn Đình Ưc và Mai Thế Chuẩn đánh trả rất quyết liệt nhưng vẫn không thu được thắng lợi nào đáng kể. Lân Trung Hầu dốc sức đánh vào Ngọc Lâu. Lúc này, Ngọc Lâu không còn là căn cứ đầu não nữa, nhưng, cuộc tấn công vào Ngọc Lâu quả thật là một đòn rất hiểm của Trịnh Doanh. Tin cáo cấp đưa ra. Lê Duy Mật buộc phải đình chỉ cuộc tấn công để kéo quân về Thanh Hóa.

Đánh Quỳnh Châu và Trà Long (5-1763), tướng giữ chức Đốc Suất ở trấn Nghệ An là Văn Đình Ưc thua trận và bị Trịnh Doanh lột hết chức tước

Sau trận đụng độ với Lê Duy Mật ở Kinh Lão, tướng Văn Đình Ưc được bổ làm Đốc Suất ở trấn Nghệ An. Văn Đình Ưc là một kẻ tham lam, "bòn rút của dân, chính lệnh hà khắc, lại còn hay những nhiễu dân lành, bị thuộc hạ nhiều phen tố cáo" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chính biên, quyển 42, tờ 16). Suốt thời gian giữ chức Đốc Suất ở Nghệ An, ngoài việc bòn rút và vơ vét của dân, Văn Đình Ưc hầu như không làm được bất cứ một việc gì. Nhân lòng căm giận của dân, đầu tháng 5 năm 1763, Lê Duy Mật cho quân đánh vào Trấn Ninh (phía tây Nghệ An) và Cao Châu (thuộc Nghệ An). Thấy tình hình nguy cấp, viên Tù Trưởng của Trấn Ninh là Lư Cầm sai người đi cấp báo cho Văn Đình Ưc. Thay vì đem quân đến Trấn Ninh, Văn Đình Ưc đã bắt giam người của Lư Cầm !

Trấn Ninh và Cao Châu nhanh chóng bị nghĩa quân Lê Duy Mật khống chế và kiểm soát. Tướng dưới quyền của Văn Đình Ưc là Võ Tá Đoan xin xuất quân mãi mà không được, bèn dâng thư tố cáo Văn Đình Ưc về triều đình. Trong khi đó, Lê Duy Mật cũng không bỏ qua cơ hội hiểm hoi, tung quân đánh vào Quỳnh Châu và Trà Long (Trương Dương, tỉnh Nghệ An). Lần này, Văn Đình Ưc mới quyết định đưa quân đi đánh trả, nhưng, tất cả đã muộn màng. Những vị trí then chốt ở Quỳnh Châu và Trà Long đều đã bị nghĩa quân Lê Duy Mật chiếm lĩnh. Văn Đình Ưc thua trận, bị đem ra xét xử. Triều đình đương thời luận tội rằng : "Văn Đình Ưc dối trên lừa dưới, phải khếp vào án tử hình, nhưng Trịnh Doanh lấy cớ rằng Văn Đình Ưc là người từng có công lao, cho nên, chỉ lột hết quan chức. cho về làm dân." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chính biên, quyển 42, tờ 17).

Sau trận đánh quan trọng này, Lê Duy Mật biến toàn bộ những vùng đất mới chiếm được ở Nghệ An thành căn cứ mới của mình. Đại bản doanh của Lê Duy Mật đặt tại đông Trình Quang (thuộc phủ Trấn Ninh, Nghệ An). Bao quanh đại bản doanh Trình Quang là Nội Phủ và Ngoại Phủ (tức là những cơ quan trực thuộc của Lê Duy Mật). Án ngữ phía ngoài Nội Phủ và Ngoại Phủ là cả một hệ thống đồn lũy. Sử cũ cho biết có tất cả 16 đồn lũy với đầy đủ thành cao, hào sâu, đài quan sát và điểm canh từ xa để bảo vệ một cách cẩn thận. Từ đây, hàng loạt những cuộc tấn công xuống đồng bằng Nghệ An và đồng bằng Thanh Hóa liên tiếp được tổ chức.

Trịnh Doanh vội vã bổ dụng Bùi Thế Đạt nắm giữ các việc ở Nghệ An, kiêm giữ chức Đốc Suất, "được tùy ý lo xếp đặt mọi việc". Tháng 7 năm 1764, Trịnh Doanh lại bổ dụng viên hoạn quan thân tín là Đàm Xuân Vực làm Thống Suất cả hai trấn Thanh Hóa và Nghệ An. Nhưng,

thêm Bùi Thế Đạt rồi thêm cả Đàm Xuân Vực, tình hình Thanh Hóa và Nghệ An vẫn không thay đổi. Nghĩa quân Lê Duy Mật vẫn tồn tại và hoạt động rất mạnh mẽ.

Trận Hương Sơn (4-1767)

Khi Lê Duy Mật đang chiếm được nhiều vùng đất rộng lớn của Thanh Hóa và Nghệ An thì ở Thăng Long, chúa Trịnh Doanh qua đời (Trịnh Doanh mất vào tháng 1 năm Đinh Hợi 1767 sau 27 năm ở ngôi chúa : 1740-1767). Tin này truyền đến Trịnh Quang khiến cho Lê Duy Mật và toàn thể lực lượng của ông rất hồ hởi. Một kế hoạch tấn công cấp tốc được thông qua. Lần này, Lê Duy Mật chủ trương kết hợp giữa việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở vùng đồng bằng Nghệ An với việc đánh mạnh xuống khu vực phía nam sông Lam.

Ở Nghệ An, mục tiêu chính của Lê Duy Mật là đất Thanh Chương. Ở phía nam sông Lam, mục tiêu chính của Lê Duy Mật là đất Hương Sơn. Ngoài lực lượng chủ yếu là bộ binh, khá nhiều voi chiến cũng được huy động vào cuộc tấn công bất ngờ này. Tháng 4 năm 1767, quân Lê Duy Mật đồng loạt ra trận. Tướng huy quân đồn trú của họ Trịnh tại Nghệ An là Hà Lãm không sao chống đỡ nổi, liền bỏ chạy thục mạng. Tại phía nam sông Lam, nghĩa quân Lê Duy Mật cũng nhanh chóng chiếm được Hương Sơn. Tin thua trận liên tục truyền về Thăng Long, chúa mới lên nối nghiệp là Trịnh Sâm rất lo lắng. (Trịnh Sâm là con của Trịnh Doanh, nối nghiệp chúa từ tháng 1 năm Đinh Hợi 1767, ở ngôi chúa được tất cả 15 năm : 1767-1782)

Để cứu nguy, Trịnh Sâm liền sai Nguyễn Nghiễm đến Nghệ An, giữ chức Hiệp Đốc Suất, cùng với quan giữ chức Đốc Suất đã có mặt ở Nghệ An trước đó là Bùi Thế Đạt để cùng nhau bàn định kế sách đánh dẹp. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Nghiễm vừa dốc hết lực lượng, vừa cưỡng bức dân đi lính và làm dân phu, vất vả trong một thời gian khá dài mới tạm đẩy lùi được các đạo quân của Lê Duy Mật. Nghĩa quân rút về Trấn Ninh, tiếp tục chiếm đóng và khống chế Trấn Ninh, Cao Châu, Quỳnh Châu và Trà Long như cũ.

Bị con rể là Lại Thế Thiệu phản phúc, anh hùng ôm hận tự thiêu (1-1770)

Tại Trịnh Quang, thanh thế của Lê Duy Mật ngày một lên cao. Ảnh hưởng của nghĩa binh Lê Duy Mật không phải chỉ dừng lại ở Nghệ An và Thanh Hóa mà còn lan sang tận cả đất Lào. Một khối đoàn kết chống tập đoàn họ Trịnh ngày càng được mở rộng và củng cố. Điều này khiến cho chúa mới nối nghiệp là Trịnh Sâm rất tức tối. Tháng 8 năm Kỷ Sửu (1769), Trịnh Sâm sai viên quan lúc ấy đang giữ chức Tham Nghị ở Nghệ An là Nguyễn Mậu Dĩnh đem thư tới phủ dụ, nhưng Nguyễn Mậu Dĩnh không được vào Trịnh Quang. Trước tình thế đó, Trịnh Sâm quyết chí dùng đại binh để đàn áp. Kế hoạch của Trịnh Sâm là đồng thời đưa cả ba đạo quân lớn, nhất loạt đánh vào Trấn Ninh mà mục tiêu quan trọng nhất ở Trấn Ninh là thành Trịnh Quang. Ba đạo quân đó gồm có :

- *Đạo thứ nhất* là tất cả quân sĩ Nghệ An, đặt dưới quyền chỉ huy chung của Thống Lãnh Bùi Thế Đạt.

- *Đạo thứ hai* bao hàm tất cả quân sĩ ở Thanh Hóa, do Nguyễn Phan cầm đầu.

- *Đạo thứ ba* gồm toàn bộ quân sĩ ở Hưng Hóa, do Đốc Lãnh Hoàng Đình Thế điều khiển.

Nghe tin đại binh của họ Trịnh kéo đến, Lê Duy Mật đã bình tĩnh bố trí trận địa, sẵn sàng đánh trả. Ba đạo quân lớn, vũ khí đầy đủ, lương thực dồi dào, nhưng phải đánh mãi từ tháng 8 năm 1769 đến tháng 1 năm 1770 mới tiến đến được ở phía ngoài của Ngoại Phủ Trịnh Quang mà thôi.

Trình Quang là một vị trí rất hiểm yếu. Ngoài 16 đồn lũy bảo vệ rất chắc chắn cho Ngoại Phủ và Nội Phủ, ngoài thành cao, hào sâu được xây dựng rất kiên cố, nơi đây còn có vách núi cheo leo, không dễ gì vượt qua được. Bấy giờ, Lê Duy Mật chủ trương cố thủ trong thành, không vội động binh. Các tướng của chúa Trịnh sợ mắc mưu của Lê Duy Mật nên cũng không dám tiến.

Thấy đại quân bị sa lầy, Trịnh Sâm vội điều thêm tướng Hoàng Ngũ Phúc tới Nghệ An. Hoàng Ngũ Phúc không vội đem quân đi đánh mà sai người bắt và tìm cách dụ hàng mẹ của Lại Thế Thiệu. Đối với Lê Duy Mật, Lại Thế Thiệu vừa là tướng tâm phúc, lại cũng vừa là con rể, cho

nên rất được tin cậy. Biết rõ điều ấy, Hoàng Ngũ Phúc đã kết hợp giữa hù dọa với dụ dỗ và mua chuộc để mẹ của Lại Thế Thiều chịu viết thư cho con, xúi giục Lại Thế Thiều chống Lê Duy Mật, làm nội ứng cho quân sĩ họ Trịnh. Và, Lại Thế Thiều đã đồng ý. Sử cũ chép rằng :

"Lại Thế Thiều là con rể của (Lê) Duy Mật. Khi nhận được thư của mẹ, hấn bỗng hóa thành kẻ ăn ở hai lòng, ngầm sai đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành cho quan quân (chỉ quân đội họ Trịnh - NKT) tiến vào. Khi quan quân đã vào rồi, hấn bèn cho dựng thang treo lên cao mà bắn. Lê Duy Mật biết rõ biến loạn đã bắt đầu ngay từ trong nhà mình, vì thế, tụ tập hết vợ con lại rồi phóng lửa đốt mà tự thiêu." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chính biên, quyển 43, tờ 28).

Cuộc khởi nghĩa do Lê Duy Mật phát động và lãnh đạo, sau hơn ba mươi năm chiến đấu anh dũng và ngoan cường, đến đó đã bị đè bẹp. Tuy xuất thân không phải là nông dân áo vải, nhưng, trải hơn ba mươi năm đồng cam cộng khổ với nhân dân bị đọa đày, dần dần, Lê Duy Mật đã thực sự trở thành một trong những thủ lĩnh xuất sắc của phong trào chiến tranh nông dân thế kỉ thứ XVIII. Cuộc trường chinh chống tập đoàn họ Trịnh đã biến Lê Duy Mật từ một nhân vật bình thường của hoàng tộc nhà Lê thành một bậc danh tướng, thành một trong những biểu tượng của khí phách hiên ngang.

CHƯƠNG THỨ HAI

NGUYỄN NHẠC, NGUYỄN HUỆ VÀ NGUYỄN LỮ

BA LÃNH TỰ CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN, BA DANH TƯỚNG KIỆT XUẤT NHẤT CỦA THẾ KỈ XVIII

I - QUÊ HƯƠNG, DÒNG HỌ VÀ GIA ĐÌNH

01. ĐÔI LỜI VỀ NGUỒN GỐC

Từ năm 1627 đến năm 1672, hai bên họ Trịnh và họ Nguyễn đã xua quân đánh nhau tất cả bảy trận lớn. Trong số bảy trận đánh lớn ấy, chỉ có trận thứ năm (bắt đầu từ năm 1655 kéo dài cho đến hết năm 1660) là trận duy nhất họ Nguyễn chủ động đem quân vượt sông Gianh, tấn công vào khu vực lãnh thổ do họ Trịnh cai quản. Quân đội của chúa Nguyễn đã chiếm được một vùng đất rộng lớn từ Nghệ An trở vào. Nhưng rồi năm năm sau, thấy không thể nào giữ được, họ Nguyễn lại rút quân về. Và, khi rút quân về như vậy, họ Nguyễn đã cưỡng bức rất nhiều người di cư vào Nam. Trong số những người bị cưỡng bức di cư ấy, có người họ Hồ ở Hưng Nguyên (Nghệ An). Người họ Hồ được đưa đến ấp Tây Sơn Nhất, trải bốn đời thì đổi thành họ Nguyễn, đó là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ... v.v. Hiện nay, ở khu vực chân núi Đài Phong, gần với núi Đại Hải, thuộc làng Thái Lão, xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, còn có một khu đất bằng phẳng, tương truyền là khu mộ tổ của anh em Tây Sơn.

Trong lịch sử nước ta, họ Hồ là một trong những cự tộc. Theo những tài liệu hiện còn lưu giữ được thì người đầu tiên của họ Hồ định cư tại trấn Nghệ An xưa là Hồ Hưng Dật. Ông đến Nghệ An vào năm 960 và chẳng bao lâu thì đã có sản nghiệp lớn. Vào thời Lý, hậu duệ của Hồ Hưng Dật đã có người được cưới Công Chúa của vua Lý, trở thành Phò Mã của nhà Lý.

Hậu duệ đời thứ mười hai của Hồ Hưng Dật là Hồ Liêm đã di cư từ Nghệ An ra Thanh Hóa. Tại Thanh Hóa, Hồ Liêm trở thành con nuôi của quan Tuyên úy là Lê Huấn, vì thế, chi họ Hồ ở Thanh Hóa cũng có một thời mang họ Lê. Cháu bốn đời của Hồ Liêm là Hồ Quý Ly - người đã lật đổ triều Trần và lập ra triều Hồ (1400-1407).

Tổ tiên đời thứ nhất và đời thứ hai của ba anh em Tây Sơn tại xứ Đàng Trong tên là gì, hiện vẫn chưa được rõ, chỉ biết đời thứ ba, tức thân sinh của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ là Hồ Phi Phúc. Hồ Phi Phúc không ở ấp Tây Sơn Nhất nữa mà di cư về ấp Kiên Thành (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). "Ở đây còn di tích *Gò Lặng*, theo nhân dân địa phương là vườn ở và nền nhà cũ của ông bà Hồ Phi Phúc - Nguyễn Thị Đồng". Bấy giờ, ấp Kiên Thành có nhiều thôn, nơi Hồ Phi Phúc định cư đầu tiên là thôn Phú Lạc. Ở Phú Lạc một thời gian ngắn, Hồ Phi Phúc lại di cư đến quê vợ - bà Nguyễn Thị Đồng - là thôn Kiên Mỹ (cũng thuộc ấp Kiên Thành). Khu đất xưa kia là nhà của ông bà Hồ Phi Phúc ở thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, nay chính là khu đất đại để tương ứng với *Bảo tàng Tây Sơn* (huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Nơi đây còn có một cây me và một giếng nước cổ là hai chứng tích vườn xưa của ông bà Hồ Phi Phúc - Nguyễn Thị Đồng.

Như vậy, dòng dõi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ từ Đàng Ngoài vào Đàng Trong, trải bốn đời, đã định cư ở bốn địa chỉ khác nhau như sau :

01 - HƯNG NGUYÊN (Nghệ An).

02 - TÂY SƠN NHẤT (Hoài Nhơn, Quy Nhơn).

03 - PHÚ LẠC (Kiên Thành, Hoài Nhơn, Quy Nhơn).

04 - KIÊN MỸ (Kiên Thành, Hoài Nhơn, Quy Nhơn).

Trong bốn địa chỉ nói trên, địa chỉ thứ tư chính là nơi chôn nhau cắt rốn của Nguyễn Huệ.

02. QUÊ HƯƠNG VÀ GIA ĐÌNH

Thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành là vùng nằm giáp ranh giữa cao nguyên Gia Lai với đồng bằng Bình Định ngày nay. Nơi đây có dòng sông Côn, tuy không lớn nhưng cũng rất thuận tiện cho việc giao thông buôn bán. Kinh tế Kiên Mỹ nhờ đó mà khá phát đạt. Trước hết ruộng đồng Kiên Mỹ rất tươi tốt, cho nên, hầu như gia đình nào cũng tương đối no đủ. Ngoài trồng trọt, dân Kiên Mỹ còn có khá nhiều nghề thủ công khác nhau, mỗi nghề tập trung vào một số cụm gia đình nhất định, gọi là xóm, ví dụ:

- Xóm Ươm : chuyên nuôi tằm, ươm tơ.
- Xóm Rèn : chuyên về nghề rèn.
- Xóm Mía : chuyên ép mía lấy mật, làm đường ăn.
- Xóm Đậu : chuyên làm bánh đậu và nấu chè đậu.
- Xóm Bún : chuyên làm bún.
- Xóm Chợ : nơi có chợ Kiên Mỹ.
- Xóm Tràu : chuyên buôn bán tràu.
- Xóm Giấy : chuyên sản xuất giấy bản.

Kiên Mỹ có chợ Kiên Mỹ (*Xóm Chợ*) buôn bán khá tấp nập, tạo cho Kiên Mỹ sự giao lưu kinh tế rộng rãi với nhiều địa phương khác nhau. Bản thân Nguyễn Nhạc cũng có thời từng tham gia vào hoạt động buôn bán tại quê nhà.

Đất Hoài Nhơn xưa là nơi định cư của khá nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Lâu đời hơn cả vẫn là đồng bào các dân tộc ít người mà đặc biệt là người Bana. Người Việt đến lập nghiệp muộn hơn và như trên đã nói, trong số những người Việt đến vùng này vào khoảng giữa thế kỷ thứ XVII, có tổ tiên của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Tây Sơn Nhất và Tây Sơn Nhì là hai ấp người Việt cổ nhất của vùng này.

Quê hương Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ rất nổi danh với truyền thống thương võ. Nơi đây có hai lò võ được gần xa biết đến, đó là Thuận Truyền và An Thái. Dân gian có câu : "*Roi Thuận Truyền, quyền An Thái*" là để chỉ đặc trưng riêng của hai lò võ nức tiếng này.

Trên miền đất trù phú và có truyền thống thương võ ấy, gia đình Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ là một trong những gia đình khá giả. Cả ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đều được cha là ông Hồ Phi Phúc và mẹ là bà Nguyễn Thị Đồng tạo điều kiện cho ăn học và để lại cho một sản nghiệp cũng tương đối lớn. Họ tuy xuất thân là nông dân nhưng không phải là nông dân nghèo khổ, càng không phải là nông dân "không một tấc đất cắm dùi".

Thuở thiếu thời, ba anh em Tây Sơn được gửi đến Bàn Châu để học võ với võ sư Đinh Văn Nhưng. Bàn Châu nay thuộc xã Đập Đá, huyện An Nhơn, anh Bình Định. Võ sư Đinh Văn Nhưng là một người giàu nghĩa khí, tính ngang tàng, dân địa phương đương thời thường gọi ông là *Ông Chàng*. Dân Bình Định có câu "*Ngang quá Ông Chàng*" và câu "*Chàng ngang thiên*" là để chỉ khí khái ngang tàng kiểu võ sư Đinh Văn Nhưng. Nghĩa khí của thầy dạy võ có ảnh hưởng rất lớn đối với phẩm cách của ba anh em Tây Sơn sau này. Về chữ nghĩa văn chương, ba anh em Tây Sơn cũng có gia sư riêng. Gia sư của cả ba anh em Tây Sơn thường được sử cũ chép là *thầy giáo Hiến*. Thầy giáo Hiến từng là một trong số những môn khách của quan Nội Hữu Trương Văn Hạnh. Khi Nội Hữu Trương Văn Hạnh bị tên quyền thần Trương Phúc Loan giết hại, thầy giáo Hiến chạy về dạy học tại An Thái (nay thuộc xã An Nhơn, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định). Trường học do thầy giáo Hiến mở tại An Thái chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn mà thôi. Khi thầy giáo Hiến về Tây Sơn, trường này cũng không còn nữa). Sau, ông về hẳn Tây Sơn và trở thành gia sư của ba anh em Tây Sơn. Thầy giáo Hiến cũng là người giàu lòng yêu nước thương dân và chính lòng yêu nước thương dân đó đã có ảnh hưởng không nhỏ tới cả ba anh em Tây Sơn. Nhưng, điều rất quan trọng mà ba anh em Tây Sơn thụ đắc được ở thầy giáo Hiến không phải chỉ là văn chương chữ nghĩa và lòng yêu nước thương dân. Vốn dĩ là môn khách của quan

Nội Hữu Trương Văn Hạnh, từng sống và làm việc ở ngay trong phủ chúa Nguyễn, thầy giáo Hiến còn cung cấp cho ba anh em Tây Sơn những thông tin đầy đủ và chính xác về nội tình thối nát của tập đoàn thống trị họ Nguyễn đương thời. Đây chính là cơ sở thực tiễn để về sau, ba anh em Tây Sơn có thể căn cứ vào đó mà nêu lên được khẩu hiệu phân hóa kẻ thù một cách rất lợi hại.

Như trên đã nói, thân phụ của ba anh em Tây Sơn là Hồ Phi Phúc, còn thân mẫu là Nguyễn Thị Đồng. Nơi định cư của hai ông bà là thôn Phú Lạc, ấp Kiên Thành (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Nơi đây, ngoài di tích *Gò Lãng* còn có di tích được nhân dân địa phương gọi là *Hai hố Nguyệt*. Di tích này nằm ở dưới chân núi Ngang, tương truyền, đó là mộ của hai ông bà Hồ Phi Phúc và Nguyễn Thị Đồng. Mộ đã bị triều Nguyễn khai quật vào đầu thế kỷ thứ XIX nên chỉ còn hai cái hố mà thôi.

Ông bà Hồ Phi Phúc và Nguyễn Thị Đồng sinh hạ được ba người con trai và một người con gái. Sử cũ nói : "Con trưởng là Nhạc, con thứ là Lữ và con thứ nữa là Huệ" (*Đại Nam liệt truyện*, Chính biên, sơ tập, quyển 30, mục *Ngụy Tây truyện*), nhưng, xét hành trạng cụ thể của từng người trong toàn bộ quá trình tham gia phát động và lãnh đạo phong trào Tây Sơn, đặc biệt là xét hàng loạt những chuyện kể dân gian vùng Tây Sơn nói riêng và Bình Định nói chung, thì thứ bậc trước sau của ba anh em Tây Sơn có khác, theo đó thì con trưởng là Nguyễn Nhạc, kế đến là Nguyễn Huệ và sau cùng mới là Nguyễn Lữ.

Nguyễn Nhạc còn có tên là ông Hai Trầu và tên khác nữa là ông Biện Nhạc. Sở dĩ có tên là ông Hai Trầu vì Nguyễn Nhạc từng có một thời đi buôn trầu và với người miền Nam, thứ hai chính là con trưởng. Sở dĩ còn có tên khác là Biện Nhạc, bởi lẽ Nguyễn Nhạc cũng từng có một thời làm Biện Lại, tức là làm một viên chức hành chánh bậc thấp ở địa phương.

Nguyễn Huệ còn có tên là anh Ba Thơm hoặc Nguyễn Văn Bình. Nguyễn Nhạc thường hay gọi Nguyễn Huệ là *chú Bình*. Với người miền Nam, *anh ba*, *chị ba*... là từ dùng để chỉ người con kế ngay sau con trưởng và điều ấy đã xác nhận rằng, Nguyễn Huệ là em kế của Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Lữ còn có tên là *thầy tư Lữ*. Sở dĩ gọi là *thầy* vì Nguyễn Lữ từng có một thời đi tu, còn như *thứ tư (thầy tư Lữ)* cũng có nghĩa là Nguyễn Lữ ở vai em Nguyễn Huệ (thứ ba) và Nguyễn Nhạc (thứ hai).

Hiện tại, chúng ta chỉ mới biết năm mất của ba anh em Tây Sơn, còn như năm sinh, thì ngoài Nguyễn Huệ, chưa ai rõ Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ sinh năm nào. Tuy nhiên, căn cứ vào nhiều cơ sở khác nhau, một số nhà nghiên cứu đã đoán định rằng, Nguyễn Nhạc lớn hơn Nguyễn Huệ chừng 10 tuổi, tức là sinh vào khoảng năm 1743, còn như Nguyễn Lữ thì có lẽ chỉ nhỏ hơn Nguyễn Huệ một vài tuổi, tức là sinh vào khoảng từ năm 1754 đến 1756.

II - TÓM LƯỢC CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO TÂY SƠN

01. GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT : *CHUẨN BỊ*

*Giận Quốc Phó ra lòng bội bạc,
Nên Tây Sơn xướng nghĩa cần vương.
Trước là ngăn cột đá giữa dòng.
Kẻ đảng nghịch đặt mưu ngấp nghé.
Sau là tưới mưa dầm khi hạn,
Kẻ cùng dân sa chốn lằm than.*

(*Hịch xuất quân đánh Trịnh của Tây Sơn năm 1786. Quốc Phó ở đây là quyền thần Trương Phúc Loan*).

Bước đường sa đọa của tập đoàn thống trị họ Nguyễn

Từ khoảng giữa thế kỉ thứ XVI trở đi, với sự kiện 1558 và sau đó là sự kiện 1570 (Năm 1558, Nguyễn Hoàng đi làm Trấn Thủ xứ Thuận Hoá và năm 1570, Nguyễn Hoàng được kiêm quản cả xứ Quảng Nam), cơ đồ riêng của họ Nguyễn mới bắt đầu hình thành. Để xây dựng và ra sức củng cố cơ đồ riêng đó, họ Nguyễn đã ban hành nhiều chính sách tương đối tích cực và tiến bộ. Mâu thuẫn xã hội ở khu vực Thuận Hóa và Quảng Nam không gay gắt như ở những vùng thống trị của tập đoàn họ Trịnh.

Từ năm 1627 đến năm 1672, bảy trận ác chiến lớn giữa họ Trịnh và họ Nguyễn đã bùng nổ. Bởi ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc phân tranh quyết liệt này, xã hội Đàng Trong tuy có bị phân hóa và phân cực ngày một sâu sắc, nhưng nhìn chung, cũng chưa đến nỗi khốc liệt như ở Đàng Ngoài. Sau năm 1672, với những thành công trong việc kết hợp giữa mở đất về phương Nam với tổ chức khẩn hoang, họ Nguyễn lại tiếp giữ vững và củng cố tính tương đối ổn định của xã hội Đàng Trong thêm một thời gian nữa.

Từ thế kỉ thứ XVIII trở đi, tập đoàn thống trị họ Nguyễn càng ngày càng lao sâu vào con đường ăn chơi xa xỉ. Nếu các chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725), Nguyễn Phúc Chú (1725 - 1738) và Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) chỉ mới là những người mở đường cho sự sa đọa, thì đến chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765 - 1777), nhân cách và phẩm giá của giai cấp thống trị đã sụp đổ một cách thảm hại.

Năm 1766, Nguyễn Phúc Khoát qua đời, cuộc khủng hoảng trong nội bộ phủ chúa diễn ra ngày một sâu sắc. Nguyễn Phúc Khoát có tất cả 15 người con, con trưởng là Nguyễn Phúc Hiệu, cũng tức là Đức Mục (Từ thời Nguyễn Phúc Khoát, con trai nhà chúa thì gọi là ả hoặc mục, còn con gái thì gọi là anh) chẳng may qua đời sớm. Theo lẽ, con trưởng của Nguyễn Phúc Hiệu là Nguyễn Phúc Dương, tức Hoàng Tôn Dương (cũng gọi là ả Dương hay chị Dương) sẽ được lên nối nghiệp làm chúa, nhưng vì trước đó, do thấy Nguyễn Phúc Dương còn nhỏ tuổi, Nguyễn Phúc Khoát đã có ý cho người con thứ đã hơn hai mươi tuổi là Chương Vũ được phép tập điều khiển các việc của Phủ chúa. Chương Vũ được giao cho quan Nội Hữu, tước Ý Đức Hầu kèm cặp. Nhưng, Nguyễn Phúc Khoát vừa qua đời thì quan Thái Giám, tước Chủ Đức Hầu và quan Ngoại Tả, tước Đạt Quận Công là Trương Phúc Loan đã cùng với bà phi là Nguyễn Thị Ngọc Cầu lập mưu hãm hại Ý Đức Hầu, Nguyễn Phúc Dương không được lập làm chúa nữa mà bị quản thúc. Con út của Nguyễn Phúc Khoát (do bà Nguyễn Thị Ngọc Cầu sinh hạ) là Nguyễn Phúc Thuần được đưa lên nối nghiệp chúa. Lúc này, Nguyễn Phúc Thuần mới 12 tuổi nhưng hoang chơi lại rất quá quắt. Sử cũ viết :

"Nguyễn Phúc Thuần mới 12 tuổi được nối nghiệp làm chúa, lấy hiệu là Khánh Phủ Đạo Nhân. (Nguyễn) Phúc Thuần còn có tên là (Nguyễn) Phúc Hân. Chúa tuổi trẻ, thích chơi bời múa hát, mắc bệnh không gần được đàn bà, bèn sai người con hát dâm loạn với đám cung nữ để mua vui." (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, quyển 1).

Từ khi phe cánh của mình tạm thắng thế, Trương Phúc Loan đắc chí, xưng là Quốc Phó.

Trương Phúc Loan có hai người con trai là rể của Nguyễn Phúc Khoát, cả hai đều là võ quan cao cấp, được phong tới Chưởng Doanh Cai Cơ, quyền uy vì thế mà lấn lướt cả nhà chúa. Trương Phúc Loan cũng là kẻ tham lam vô độ :

"(Trương Phúc) Loan hưởng ngụ lộc riêng, chỉ tính việc thu thuế lâm thổ sản ở các nguồn như Sái Nguyên, Thu Bồn, Trà Sơn, Trà Vân và Đông Hương đã có mỗi năm từ bốn đến năm vạn quan tiền. Hắn còn lãnh trưng các tạp vụ ở Hộ Tào (cơ quan làm công việc của Bộ Hộ trong phủ Chúa), thu nhập thêm không dưới ba bốn vạn quan tiền nữa. Đã thế, hắn lại còn bán quan, thu tiền chuộc tội để làm giàu, vàng bạc châu báu và gấm vóc lụa là chất đầy như núi. Hắn có ruộng vườn, nhà cửa và nô bộc, trâu ngựa, nhiều không biết bao nhiêu thà kể. (Trương Phúc) Loan có biệt thự ở xã Phấn Dương, một năm, mùa thu nước lụt, hòm rương bị ướt hết, đến khi nước rút, hắn đem vàng ra phơi giữa ban ngày, khiến cả một sân rộng rực sáng". (*Đại Nam liệt truyện*, Tiền biên, quyển 6).

Để có đủ tiền chi phí cho cuộc sống xa hoa, tập đoàn thống trị ở Đàng Trong đã tiến hành hai biện pháp chính yếu. Một là bán chức tước và hai là tăng cường bóc lột nhân dân bằng sưu cao thuế nặng. Về việc bán chức tước. Lê Quý Đôn cho biết :

"Có nơi một xã mà gồm những mười sáu hoặc mười bảy Tướng Thần (là người lo việc đi thu thuế) và đến hơn hai mươi viên Xã Trưởng, đều cho được cùng làm việc." (*Phủ biên tạp lục*, quyển 3).

Lê Quý Đôn còn cho biết một trường hợp cụ thể với những chức tước và các khoản tiền phải nộp một cách rất chi tiết. Ví dụ :

- Năm Bính Tuất (1766) ở huyện Phù Ly (nay là đất hai huyện Phù Cát và Phù Mỹ, tỉnh Bình Định - NKT) có viên Tướng Thần là Đoàn Phúc Chiêm đã nộp nhiều khoản tiền khác nhau, tổng cộng là 664 quan, 3 tiền, 6 đồng để được thăng chức làm Kí Phủ (chức việc hành chánh ở phủ).

- Người ở huyện Duy Xuyên (nay thuộc Quảng Nam - NKT) là Nguyễn Kim Châu và người huyện Đông Xuân (nay thuộc tỉnh Phú Yên - NKT) là Trần Văn Kiến phải nộp mỗi người tổng cộng các khoản là 277 quan, 1 tiền, 45 đồng để được làm Kí Huyện (là chức việc hành chánh ở huyện).

- Người huyện Minh Linh (nay thuộc địa phận Quảng Trị - NKT) là Dương Bá Tích, đang là con quan, đã nộp các khoản tiền tổng cộng là 165 quan, 2 tiền, 15 đồng để được làm Cai Tổng (là người đứng đầu một tổng).

- Người ở Phú Châu (nay chưa rõ thuộc địa phận tỉnh nào - NKT) là Trần Văn Tình đã nộp các khoản tiền tổng cộng là 82 quan, 4 tiền, 30 đồng để được làm Duyên Lại (là nhân viên hành chính bậc thấp ở huyện và ở phủ).

Biện pháp chính yếu thứ hai là tăng thuế. Trên danh nghĩa thuế ở xứ Đàng Trong không cao, nhưng do chỗ giai cấp thống trị Đàng Trong càng ngày càng đặt ra lắm khoản phụ thu, cho nên, mức đóng góp của nhân dân rất nặng nề. Thống kê ghi chép của thư tịch cổ, chúng ta có thể kể ra đây mấy khoản phụ thu thường thấy như sau :

- Gạo đầu mẫu (gạo dân phải nộp cho quan đi thu thuế tính theo diện tích đất đai cụ thể mà họ canh tác).

- Tiền trình diện (khi đến đóng thuế).

- Tiền dầu đèn (dùng cho quan khi đi thu thuế).

- Tiền trâu cau (dùng cho quan khi đi thu thuế).

- Ngụ lộc Cai Trưng (Bổng lộc của Cai Trưng - người làm nhiệm vụ thu thuế).

- Tiền chuyên chở (Dân phải tự chuyên chở thóc lúa đóng thuế đến tận kho nhưng vẫn phải đóng khoản tiền này).

- Tiền làm nhà kho.

- Tiền làm bao (đựng thóc) và mua mây (xỏ tiền).

- v.v.

Nếu từ khoảng giữa thế kỉ thứ XVIII trở về trước, chế độ bóc lột ở Đàng Trong, nói theo cách nói của Trịnh Hoài Đức là “pháp chế khoan dung giản dị” thì từ giữa thế kỉ thứ XVIII trở về sau, đời sống của nhân dân Đàng Trong càng ngày càng bị chèn ép nặng nề. Mâu thuẫn xã hội cũng càng ngày càng trở nên sâu sắc. Đúng lúc đó thì các phe phái trong nội bộ phủ chúa lại hình thành, không ngừng mâu thuẫn, xung đột và xâu xé lẫn nhau. Bấy giờ, phe quyền thần Trương Phúc Loan mạnh hơn cả, do vậy, ra sức khuynh loát mọi hoạt động của phủ chúa, tự cho mình quyền ban phúc hoặc giáng họa bất cứ một ai. Sử cũ chép :

"Chú của chúa Nguyễn Phúc Thuần là Thường Quán Công bị (Trương) Phúc Loan ghét, bèn vu cho tội dám tự chế tạo binh khí để rồi đem giết đi." (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, quyển 1).

Trương Phúc Loan đã là một nhà quý hiển, quyền uy lẫn át cả trong lẫn ngoài, lại còn đưa tay chân là Thái Sinh nắm giữ Hộ Bộ, đoạt về cho mình mọi chức trọng yếu. Hắn càng ngày càng kiêu rông và tàn nhẫn, làm điều càn quấy không biết sợ ai, người đương thời gọi hắn là Trương Tần Cối.

Thực trạng rối ren và bi đát của phủ chúa đều được thầy giáo Hiến cung cấp cho ba anh em Tây Sơn. Từ đất quê hương của mình, ba anh em Tây Sơn đã âm thầm chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy, trước là để cứu sinh linh của trăm họ đang bị áp bức đọa đày, sau là "khuấy nước chọc trời", làm thay đổi cả một trật tự xã hội lỗi thời và xấu xa. Quá trình chuẩn bị công phu, âm thầm và quyết liệt này được tiến hành với nhiều nội dung phong phú khác nhau, Dưới đây là một vài nội dung chủ yếu và nổi bật nhất.

Khôn khéo tìm cách tạo ra sự nhất trí hoàn toàn trong đồng bào các dân tộc ở Tây Sơn.

Muốn chuẩn bị khởi nghĩa và khởi nghĩa thành công, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải làm sao tạo ra được sự nhất trí cao độ trong nội bộ đồng bào các dân tộc quần cư ở Tây Sơn. Lòng căm phẫn của nhân dân đối với ách cai trị tàn bạo của tập đoàn họ Nguyễn thì có thừa, nhưng, điều ấy không có nghĩa là ai ai cũng đều sẵn lòng tập hợp dưới ngọn cờ của ba anh em Tây Sơn. Xuất phát từ nhận thức như vậy, ba anh em Tây Sơn mà người có công đầu lúc này là Nguyễn Nhạc, đã kiên nhẫn và khôn khéo tìm nhiều biện pháp khác nhau để lôi kéo và tập hợp nhân dân, xây dựng một sự nhất trí cao độ trước hết là trong đồng bào các dân tộc ở Tây Sơn. Hiện tại, nhân dân vùng Tây Sơn nói riêng và nhân dân Bình Định cùng các địa phương lân cận nói chung, còn lưu truyền rất nhiều chuyện kể lí thú về quá trình chuẩn bị này. Dưới đây là tóm lược vài chuyện kể tiêu biểu nhất :

Dùng gùi gánh nước để gây sự chú ý đầu tiên : Chuyện kể rằng, một hôm, Nguyễn Nhạc sai người đan cho mình mấy cái gùi liền. Xong, ông lấy nhựa cây trát kín bên trong và đem hai cái gùi đã trát kín nhựa cây ở bên trong như thế đi gánh nước. Mọi người trông thấy, cho là kì dị, liền hỏi rằng :

- Không ai có thể dùng gùi để đựng nước, tại sao ông lại làm được như vậy ?

Nguyễn Nhạc đáp :

- Tôi là người nhà trời. Người nhà trời làm việc tất nhiên là có chỗ không giống với người của hạ giới làm việc rồi.

Từ đó trở đi, khắp cả một vùng rộng lớn, người ta liên tục rỉ tai nhau rằng, Nguyễn Nhạc là người nhà trời, không phải là người thường của hạ giới. Họ nhìn ba anh em Tây Sơn với cái nhìn đầy cảm phục, nhưng cũng phảng phất chút hoài nghi.

Gọi bầy ngựa hoang tới gần, đánh tan sự nghi hoặc : Bấy giờ, trong số những người phảng phất hoài nghi, có người mạnh. dạn đề nghị phải thử để xác định rõ hư thực. Nhân vì ở núi Hiến Hách (cách Tây Sơn không xa) có bầy ngựa hoang rất nhát, hề thấy bóng người từ xa

là đã nhanh chân chạy mất, đồng bào các dân tộc đương thời gọi là ngựa trời, họ bèn đến gặp Nguyễn Nhạc và nói :

- Nếu quả thật ông là người nhà trời thì ắt hẳn là ông phải gọi được bầy ngựa trời ấy đến với ông. Liệu ông có làm được không ?

Nguyễn Nhạc bình tĩnh trả lời :

- Điều ấy có gì là khó đâu.

Nói vậy nhưng thực ra thì lúc ấy, Nguyễn Nhạc vẫn chưa nghĩ ra được cách gì có thể gọi bầy ngựa hoang đến với mình. Về nhà, Nguyễn Nhạc nghĩ mãi, nghĩ mãi, cuối cùng, ông ra chợ mua một con ngựa cái tơ. Ngày ngày, Nguyễn Nhạc cất công tập cho con ngựa cái tơ của mình một thói quen, ấy là hễ ông phát tín hiệu thì dẫu đang ở đâu, con ngựa cái tơ ấy vẫn chạy đến với chủ và sung sướng được chủ thưởng cho một mớ cỏ non. Sau khi đã tập thành thục. Nguyễn Nhạc dắt con ngựa cái tơ của mình vào núi Hiến Hách. Câu "*Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*" của cổ nhân quả là không sai. Bầy ngựa hoang tỏ ra rất háo hức khi thấy con ngựa cái tơ của Nguyễn Nhạc xuất hiện. Đúng lúc quan hệ giữa bầy ngựa hoang với con ngựa cái tơ của Nguyễn Nhạc đạt tới mức mật thiết nhất thì Nguyễn Nhạc phát tín hiệu. Con ngựa cái tơ vội chạy tới Bầy ngựa hoang cũng chạy theo. Dần dần thành quen, Nguyễn Nhạc đã có thể gọi bầy ngựa hoang đến với mình một cách rất nhanh chóng và tự nhiên. Bấy giờ, Nguyễn Nhạc mới mời các vị Tù Trưởng tới và nói :

- Tôi là người nhà trời, cho nên, tôi có thể gọi bầy ngựa trời ấy tới với mình. Không tin, các ông hãy đến mà xem, có điều tất cả các ông phải núp thật kín, làm sao để các ông có thể nhìn thấy ngựa mà ngựa thì không thể nào nhìn thấy các ông.

Các vị Tù Trưởng đồng ý và họ đã được chứng kiến cảnh Nguyễn Nhạc gọi bầy ngựa trời tới. Từ đó, ai cũng tin rằng ba anh em Tây Sơn quả đúng là người nhà trời. Nhưng, họ là người được trời sai xuống hay bị trời đày xuống ? Một mối nghi hoặc khác lại nổi lên. Nguyễn Nhạc biết và lại khôn khéo nghĩ cách phá tan sự nghi hoặc ấy.

Nhận mệnh trời trên đỉnh Trung Sơn : Ở Phú Lạc có khá nhiều núi non, nhưng nổi danh hơn cả vẫn là Trung Sơn. Núi này còn có nhiều tên gọi khác như Hòn Sung, Hòn Sung, Độc Nhũ Sơn, Độc Xỉ Sơn. Tuy chỉ cao khoảng hơn 400 mét, nhưng Trung Sơn vẫn được coi là một trong những ngọn núi thiêng. Sự tích Chàng Lía kể rằng, khi mẹ Chàng Lía qua đời, Chàng Lía đội quan tài trên đầu, một tay thì giữ, một tay cầm cái mâm vệt mạnh. Mâm bay, Chàng Lía nhanh chân nhảy lên và cứ thế bay mãi, bay mãi đến đỉnh Trung Sơn thì dừng lại. Chàng Lía đã mai táng mẹ ở đó. Hiện nay trên đỉnh Trung Sơn còn có một tảng đá bằng phẳng, hình chữ nhật, bên cạnh lại có hai tảng đá vuông vức chồng lên nhau, người địa phương nói đó là mả của mẹ Chàng Lía.

Thời bấy giờ, Trung Sơn có rất nhiều cọp, vì thế, hầu như chẳng mấy ai dám bước chân lên. Một hôm, Nguyễn Nhạc tổ chức một bữa tiệc linh đình trong nhà mình. Trong số khách mời có khá nhiều vị Tù Trưởng, những người vốn dĩ rất cả tin nhưng cũng rất đa nghi. Đêm khuya, khi tiệc vừa tàn thì bỗng thấy trên đỉnh Trung Sơn lửa sáng rực trời và tiếp đó là tiếng chiêng trống rộn rã nổi lên. Nguyễn Nhạc cùng với nhiều vị Tù Trưởng rủ nhau cầm đuốc đi lên xem chuyện gì đã xảy ra. Khi gần đến nơi, họ bỗng thấy ở chỗ mả của mẹ Chàng Lía, có nhiều người ăn mặc thật dị kì, nắm tay nhau múa hát theo nhịp trống chiêng chung quanh một đồng lửa lớn. Đang lúc kinh ngạc và lo sợ thì bỗng có một người cao lớn nhất, ăn mặc dị kì nhất, bước ra và đồng dục nói :

- Truyền cho Nguyễn Nhạc tới đây !

Nguyễn Nhạc run lấy bầy, ngoan ngoãn bò tới. Người cao lớn liền mở một cái hòm thật đẹp, lấy ra một tờ giấy và trình trọng đọc rồi nói rằng :

- Ta vâng mệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế, truyền cho người được quyền làm vua để trị vì thiên hạ kể từ đây.

Được chứng kiến cảnh này, các Tù Trưởng đều rất tin rằng Nguyễn Nhạc chính là người

được trời sai xuống để làm vua thiên hạ chứ không phải là bị trời đày xuống.

Trời đã ban cho ấn kiếm lại còn ban cho cả bút nghiên để biên chép một sự nghiệp phi thường : Sau đêm kính nhận mệnh trời trên đỉnh Trung Sơn được một thời gian, thì một hôm, trời bỗng nổi sấm chớp đùng đùng rồi tuôn mưa xối xả. Nguyễn Nhạc đang vui vẻ đàm đạo với khách tại nhà thì thấy một người hốt hải đội mưa chạy đến và thưa :

- Vừa rồi, sét đánh vỡ tung một tảng đá trên Hòn Giải, tôi tình cờ đi qua và thấy trong đám đá vụn, có cái này.

Nguyễn Nhạc chỉ mới liếc qua đã mỉm cười và nói :

- Đó là ấn thiêng trời ban cho ta, ta biết rồi, đưa đây.

Mọi người chưa hết ngạc nhiên thì lại thấy một người khác, cũng hốt hải đội mưa chạy đến nhà Nguyễn Nhạc và thưa rằng:

- Lúc nãy, tôi tình cờ đi qua Gò Sặt, thấy sét đánh vỡ tung một tảng đá và trên đồng đá vụn ấy, có thanh kiếm lạ này.

Nguyễn Nhạc cũng chỉ liếc qua một cái đã quả quyết :

- Đó là kiếm báu trời ban cho ta, ta biết rồi, đưa đây.

Từ đây, Nguyễn Nhạc có thêm ấn thiêng và kiếm báu, tin ấy nhanh chóng loan đi khắp nơi, thiên hạ cho rằng chuyện đất bằng nổi sóng chắc chẳng còn bao lâu nữa. Hòn Giải từ đó có tên là Ấn Sơn và Gò Sặt cũng kể từ đó có tên là Kiếm Sơn.

Bấy giờ, lòng người ở Tây Sơn đều hướng về Nguyễn Nhạc, người ta tin là nhất định sẽ có ngày Nguyễn Nhạc chính thức lên ngôi. Có *nhân kiệt* ấy cũng bởi có *địa linh*, mỗi ngọn núi của Tây Sơn từ đây lại có thêm những tên gọi mới, hùng tráng và thiêng liêng kì lạ :

- Núi Ngang (tên chữ là Hoàn Sơn) vốn dĩ chỉ là một dãy núi bình thường, nhưng từ đây lại được mô tả với dáng vẻ khác thường : xa trông, Hoàn Sơn như bức bình phong của trời ban tặng.

- Hai ngọn núi nhỏ ở Tây Sơn, một ở bên phải và một ở bên trái Hoàn Sơn, từ đây được người đời gọi là Nghiên Sơn và Bút Sơn. Trên đỉnh Nghiên Sơn có vũng nước không bao giờ cạn, đời truyền tụng rằng đó chính là nguồn mực vô tận, đủ để chép tất cả những sự tích phi thường của Tây Sơn. Bút Sơn xa trông như một ngọn bút lớn đang chĩa thẳng lên trời. Chuyện "kinh thiên động địa" của Tây Sơn phải chép giữa trời xanh rộng lớn cho muôn đời thấu tỏ.

- Cũng ở dưới chân Núi Ngang, có hai núi nhỏ nữa. Một có tên là Hòn Giải, tức Ấn Sơn, thi thoảng cũng có người gọi là Cổ Sơn. Sở dĩ gọi là Cổ Sơn vì xa trông, Ấn Sơn hay Hòn Giải rất giống hình cái trống (âm Hán Việt đọc là *Cổ*). Núi nhỏ thứ hai vốn có tên là Hòn Một, bỗng được mang tên mới là Chung Sơn. Sở dĩ gọi là Chung Sơn vì xa trông, ngọn núi này có hình dáng tựa như cái chuông (âm Hán Việt đọc là *Chung*).

- v. v.

Nhưng, nếu Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng Đế thì liệu ngôi vị Hoàng Đế của Nguyễn Nhạc sẽ tồn tại trong bao lâu ? Nếu Nguyễn Nhạc ở ngôi lâu, lại truyền nối được nhiều đời mà không theo Nguyễn Nhạc, tức là trái mệnh trời, thế nào cũng sẽ bị nghiêm trị. Nếu Nguyễn Nhạc chỉ ở ngôi Hoàng Đế trong một thời gian ngắn, thì theo Nguyễn Nhạc, sau thế nào cũng sẽ bị kẻ khác trả thù. Nguyễn Nhạc biết rất rõ điều này, vì thế, ông lại âm thầm tìm cách trấn an. Và, đó chính là cơ sở nảy sinh của một câu chuyện li kì khác.

Táng hài cốt song thân vào long mạch dưới chân Hoàn Sơn, Nguyễn Nhạc ngầm tỏ rằng nghiệp đế vương của dòng họ mình sẽ vững bền mãi mãi : Chuyện kể rằng, vào một ngày nọ, có một thầy địa lí lừng danh từ Trung Quốc đi sang. Lần theo mạch đất, ông đến Tây Sơn và lặng lẽ dừng lại dưới chân Hoàn Sơn. Sau nhiều ngày trầm ngâm suy nghĩ, ông ta liền trồng hai bụi trúc ở hai vị trí khác nhau, ngay trên khu đất đầy sỏi. Nguyễn Nhạc bí mật theo dõi và thấy thầy địa lí đến ngay vuông đất đầy sỏi là sỏi trồng vào đó hai khóm trúc rồi đi

thẳng. Biết chắc đó là phép thử huyết khí, Nguyễn Nhạc liền canh chừng từng ngày một. Thế rồi một trong hai khóm trúc khô héo dần và chết, còn một khóm nữa thì xanh tươi lạ thường. Nguyễn Nhạc hiểu là long huyết nằm ở đây, bèn đào một khóm trúc đã chết khô ở nơi khác đem đến, nhổ khóm trúc tươi tốt đi mà trồng thay vào. Việc vừa xong thì cũng đúng lúc thầy địa lí quay trở lại. Thấy cả hai khóm trúc đều khô héo, ông ta liền bỏ đi luôn, sau, không hề thấy ông ta về Tây Sơn lần nào nữa.

Thầy địa lí đi rồi, Nguyễn Nhạc lập tức đem hài cốt của song thân cải táng vào long huyết. Việc này khiến cho dân Tây Sơn đương thời rất vui, bởi lẽ họ tin rằng, một người được trời che đất chở như Nguyễn Nhạc, phúc đức sẽ bền lâu vô cùng. Họ tin và đến với Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ ngày một đông đảo.

Khu mộ cải táng của song thân Nguyễn Nhạc, về sau bị triều Nguyễn khai quật để trả thù, đó chính là di tích *Hai hố Nguyệt* đã nói ở mục *Quê hương và gia đình*.

Cũng chuyện cải táng hài cốt của song thân vào long huyết do thầy địa lí người Trung Quốc tìm ra, dân Tây Sơn còn có truyền thuyết kể rằng, sau khi biết chắc rằng mình đã tìm được long huyết dưới chân Hoàn Sơn, thầy địa lí người Trung Quốc liền trở về cố hương, lấy hài cốt của tổ tiên mình, đựng vào một cái tráp thật đẹp, đem sang để cải táng vào đây. Nhưng ông ta đi gần đến nơi thì bị một con cọp lao ra. Hốt hoảng quá, thầy địa lí người Trung Quốc bèn quăng cả tráp mà chạy. Khi hoàn hồn quay trở lại thấy cái tráp hãy còn nguyên, nằm lẩn lóc bên đường, ông ta vui mừng đem đến long huyết mai táng cẩn thận. Xong, ông ta về mà không hề biết rằng, con cọp kia chỉ là cái lốt, Nguyễn Nhạc đội vào để hù, còn cái tráp kia tuy ngỡ như còn y nguyên, nhưng kì thực, hài cốt bên trong đã bị Nguyễn Nhạc đánh tráo. Đó không còn là hài cốt tổ tiên thầy địa lí mà là hài cốt của song thân Nguyễn Nhạc.

*

* *

Vài truyền thuyết dân gian kể trên, rõ ràng là mang rất đậm màu sắc mê tín. Đó là hiện tượng tự nhiên của thế kỉ thứ XVIII và của quá khứ dân tộc ta nói chung. Có truyền thuyết nảy sinh do chính lòng ngưỡng mộ của nhân dân đối với ba anh em Tây Sơn, tuy nhiên, cũng không loại trừ khả năng có những truyền thuyết, hoặc giả là một phần nào đó của truyền thuyết, do chính ba anh em Tây Sơn xây dựng nên. Nhưng, bất kể là ra đời từ nguồn gốc trực tiếp nào, kết quả đáng yêu của những truyền thuyết nói trên cũng đều là một, đó là đã tạo ra được sự nhất trí hành động ngày càng cao độ trong đồng bào các dân tộc anh em ở Tây Sơn, là đã tạo ra được một ngọn cờ chính trị, thể hiện ý chí quật khởi chung của nhân dân bị áp bức đương thời. Về phương diện đó mà xét, những câu chuyện li kì nói trên có ý nghĩa thực tiễn rất lớn lao.

Chuẩn bị về lực lượng và tổ chức

Như trên đã nói, đất Tây Sơn lúc bấy giờ có khá nhiều đồng bào các dân tộc ít người, trong đó, đông đảo hơn cả vẫn là đồng bào người Bana và đồng bào người Xêđăng. Ngoài đồng bào các dân tộc ít người, từ thế kỉ XVII, Tây Sơn còn có thêm một số làng xã của người Việt và cả người Hoa. Để có lực lượng, trước hết, ba anh em Tây Sơn đã tập hợp và huy động các tầng lớp nhân dân ngay quê hương mình.

Truyền thuyết dân gian vùng Tây Sơn cũng cho hay rằng Nguyễn Nhạc có một người vợ lẽ là con gái của Tù Trưởng người Bana. Người vợ lẽ này thường được gọi là Cô Hầu. Gia đình Cô Hầu sống ở Cổ Yêm (đất này nay thuộc An Khê, tỉnh Gia Lai). Cổ Yêm vừa là tên một thung lũng rất rộng, đất đai phì nhiêu, lại cũng vừa là tên một ngọn núi. Núi ấy cứ đến chiều tà là có hàng ngàn con chim bay về nghỉ ngơi, cho nên, mới có thêm tên chữ là Mộ Điểu. Tuy kết hôn với Nguyễn Nhạc nhưng người vợ lẽ này vẫn ở lại Cổ Yêm. Tại đây, cô ngày ngày lo tổ chức sản xuất để tích trữ lương thực cho Nguyễn Nhạc, vì thế, thung lũng Cổ Yêm cũng có tên là *đồng Cô Hầu*, núi Mộ Điểu về sau được coi là một trong những nơi phát tích của Nguyễn Nhạc, cho nên, lại có thêm tên mới là *núi Hoàng Đế*. Từ mối quan hệ hôn nhân này, Nguyễn Nhạc đã lôi kéo được rất nhiều đồng bào các dân tộc ít người tham gia vào lực lượng nghĩa sĩ của mình.

Tại Tây Sơn có hai ngọn núi mang hai tên gọi khá đặc biệt, một là *Hòn Ông Bình* và một nữa

là *Hòn Ông Nhạc*. Hòn Ông Bình là nơi Nguyễn Văn Bình (tức Nguyễn Huệ) tập hợp và huấn luyện binh sĩ trước lúc khởi nghĩa. Hòn Ông Nhạc là nơi Nguyễn Nhạc tập hợp và huấn luyện binh sĩ trước khi làm lễ tế cờ xuất quân. Truyền thuyết dân gian nói rằng, trong ba anh em Tây Sơn, Nguyễn Lữ được phân công lo sản xuất và tích trữ lương thực, không trực tiếp tham gia huấn luyện binh sĩ như hai anh của mình. Kho tàng Tây Sơn do Nguyễn Lữ phụ trách để ở Núi Lãnh Lương (tên cũ là núi Đồng Phong).

Trong số rất đông đảo những người ủng hộ và tham gia phong trào Tây Sơn ở giai đoạn chuẩn bị này, có hai nhân vật được nhắc tới nhiều nhất, đó là Huyền Khê và Nguyễn Thung. Hai ông đều là những người rất giàu có và đã đem tất cả của cải nhà mình dâng nạp cho nghĩa quân. Về sau, khi Nguyễn Nhạc tự phong làm Đệ Nhất Trại Chủ thì Nguyễn Thung được phong làm Đệ Nhị Trại Chủ, chỉ huy quân dân ở hai huyện Bồng Sơn và Phù Ly, còn Huyền Khê được phong là Đệ Tam Trại Chủ, trông coi về quân lương cho Tây Sơn.

Càng về sau, chủ trương tập hợp và huy động sức mạnh của toàn dân càng được anh em Tây Sơn mở rộng. Ở huyện Tuy Viễn (nay thuộc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), có ông bầu gánh hát tên là Nhung Huy và một kép hát tên là Tứ Linh đã đi theo nghĩa quân. Ở Thạch Thành (nay thuộc Phú Yên) có nữ chúa người Chăm là Thị Hỏa cũng đã hăng hái hưởng ứng, lập đồn trại, luyện binh mã, sẵn sàng ứng viện cho nghĩa quân Tây Sơn. Sự có mặt của một bầu hát và một kép hát cùng với sự sẵn lòng ủng hộ của nữ chúa Thị Hỏa tỏ rõ ảnh hưởng rất sâu và rất rộng của Tây Sơn.

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ là những người có công chuẩn bị một cách công phu và chu tất cho cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ cũng là những người đứng đầu của bộ chỉ huy khởi nghĩa.

Chuẩn bị về khẩu hiệu đấu tranh

Như trên đã nói, từ nửa cuối của thế kỉ thứ XVII trở đi, ách thống trị của tập đoàn họ Nguyễn ngày một nặng nề, mâu thuẫn xã hội ở xứ Đàng Trong ngày một trở nên sâu sắc. Cũng từ nửa cuối của thế kỉ thứ XVII trở đi, một số phong trào đấu tranh của nhân dân Đàng Trong đã bùng nổ, trong đó, nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa do Chàng Lía (tức Võ Văn Doan) phát động (ở phủ Quy Nhơn cũ, nay thuộc tỉnh Bình Định) và cuộc vùng dậy do Lý Văn Quang chỉ huy (ở Cù Lao Phố, nay thuộc Biên Hòa, Đồng Nai). Vấn đề quan trọng hàng đầu của xã hội Đàng Trong lúc ấy là phải cứu dân nghèo. Xuất phát từ nhận thức đó, khẩu hiệu khởi nghĩa đầu tiên mà ba anh em Tây Sơn đề ra là lấy của nhà giàu chia cho người nghèo. Các giáo sĩ phương Tây có mặt ở nước ta lúc bấy giờ đều xác nhận rằng Tây Sơn đã "lấy của cải bọn quan lại và bọn nhà giàu phân phát cho dân nghèo. Những làng mạc bị thuế má hà khắc đè nặng đã nhiệt liệt tuyên thệ hưởng ứng khởi nghĩa". Hoặc : "Họ (chỉ Tây Sơn - NKT) lấy những của quý đem chia cho dân nghèo, chỉ giữ gạo và thực phẩm cho họ mà thôi. Người ta gọi là bọn giặc nhân đức đối với người nghèo khổ". Trong *Hịch xuất quân đánh Trịnh*, các lãnh tụ Tây Sơn gọi đó là : "Tưới mưa dầm khi hạn, kéo cùng dân sa chốn lầm than". Đây là khẩu hiệu có ý nghĩa tập hợp lực lượng ngày càng đông đảo cho Tây Sơn.

Có mặt ở Tây Sơn trong thời kì trứng nước của cuộc khởi nghĩa này, thầy giáo Hiến có một ảnh hưởng không nhỏ. Những hiểu biết của thầy giáo Hiến về nội tình rối ren của phủ chúa Nguyễn, trở thành cơ sở quan trọng để Tây Sơn nêu khẩu hiệu hành động thứ hai, đó là ủng hộ Hoàng Tôn Dương, đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan. Đây là khẩu hiệu có ý nghĩa phân hóa kẻ thù. Bởi khẩu hiệu này, cuộc đối đầu giữa Tây Sơn và tập đoàn họ Nguyễn, cũng có lúc được dân gian diễn đạt như là cuộc đối đầu giữa Quốc Phó Trương Phúc Loan với Hoàng Tôn Dương

Binh triều là bibh Quốc Phó,

Binh ó là binh Hoàng Tôn.

Một khi nội bộ kẻ thù bị phân hóa và chia rẽ sâu sắc, khả năng đề kháng của chúng sẽ yếu đi rất nhanh, và ngược lại, cơ hội thành công của Tây Sơn đến ngày một nhiều.

02. GIAI ĐOẠN THỨ HAI : KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN ĐẤU QUYẾT LIỆT Ở XỨ ĐÀNG TRONG

(Từ đầu năm 1771 đến giữa năm 1784)

*Quảng Nam đà quét sạch bụi trần,
Thuận Hóa lại đem về bờ cõi.
Nam một dải tâm kinh phẳng lặng
Cơ thái bình đứng đợi đã gần,
Bắc mấy thành tin nhận chưa yên.
Bề cứu viện ngồi trông sao tiện.
(Hịch xuất quân đánh Trịnh của Tây Sơn năm 1786).*

Toàn bộ quá trình chuẩn bị công phu của Tây Sơn có lẽ chỉ diễn ra trong khoảng vài ba năm trước năm 1771. Từ đầu năm 1771, các lãnh tụ Tây Sơn quyết định khởi nghĩa, mở đầu cuộc trường chinh vĩ đại của mình. Từ đầu năm 1771 đến giữa năm 1784 là giai đoạn khá đặc biệt của Tây Sơn. Nhìn về tính chất, có thể nói đây là giai đoạn Tây Sơn gần như chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là đấu tranh chống ách thống trị của tập đoàn họ Nguyễn, tức là mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của một cuộc chiến tranh nông dân. Nhìn về phạm vi hoạt động, đây là giai đoạn Tây Sơn chiến đấu quyết liệt ở khu vực từ Quảng Nam trở vào, tức là hoàn toàn thuộc không gian riêng của Đàng Trong. Giai đoạn thứ nhất này có thể chia làm ba chặng nối tiếp nhau như sau :

Chặng thứ nhất : Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ và liên tiếp giành được nhiều thắng lợi vang dội, giải phóng một vùng đất rộng lớn, tương ứng với các tỉnh ngày nay như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum và Phú Yên (từ đầu năm 1773 đến cuối năm 1774).

Trong khoảng hai năm đầu, nghĩa quân Tây Sơn hoạt động chủ yếu ở vùng rừng núi Tây Sơn, biến vùng đất rộng lớn, tương ứng với huyện Tây Sơn của Bình Định và An Khê của Gia Lai ngày nay thành căn cứ vững chắc của mình. Chính quyền của chúa Nguyễn biết rất rõ thực tế này nhưng vẫn hoàn toàn bất lực không đề ra được một biện pháp chống trả nào đáng kể. Năm 1773, khi xét thấy quân số ngày một đông, tiềm lực ngày một mạnh, anh em Tây Sơn đã nhanh chóng mở rộng phạm vi tấn công. Lần lượt các huyện Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn... lọt vào tay Tây Sơn. Cuối năm 1773, thành Quy Nhơn bị Tây Sơn đánh gục.

Sau khi chiếm được thành Quy Nhơn, Tây Sơn cho quân đánh mạnh ra vùng Quảng Ngãi và Quảng Nam ngày nay. Tại đây khá nhiều thương nhân người Hoa đã hăng hái tham gia nghĩa quân. Sử cũ có chép tên hai nhân vật người Hoa đặc biệt, một là Lý Tài (thủ lĩnh của đội quân Hoa Nghĩa) và một nữa là Tập Đình (thủ lĩnh của đội quân Trung Nghĩa). Hai đội quân này đã chiến đấu dưới ngọn cờ Tây Sơn trong khoảng hơn ba năm.

Tin bại trận liên tiếp đưa về. Chúa Nguyễn hết hoảng sai tướng đem quân đi chống trả nhưng không sao cản nổi bước tiến của Tây Sơn. Đến cuối năm 1774, Tây Sơn đã chiếm được một vùng đất rộng lớn và liên hoàn, tương ứng với một loạt các tỉnh ngày nay như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Gia Lai và Phú Yên. Thậm chí, một số đạo quân của Tây Sơn còn đánh vào đến tận vùng Nha Trang ngày nay.

Chặng thứ hai : Tam hòa hoãn với quân Trịnh, kịp thời phá thế bị tấn công cùng lúc ở hai mặt Nam - Bắc khác nhau (từ cuối năm 1774 đến đầu năm 1776)

Diễn biến của tình hình Đàng Trong được chúa Trịnh lúc bấy giờ là Trịnh Sâm rất quan tâm. Đàng lúc Trịnh Sâm có ý định can thiệp vào Đàng Trong thì "Trần Thủ ở Nghệ An là Bùi Thế Đạt sai người chạy ngựa trạm về triều đình, đệ trình văn thư nói rằng tình trạng ở Thuận Hóa (chỉ Đàng Trong - NKT) rất rối ren, có thể nhân đó mà đánh lấy được. Bọn Hoàng Ngũ Phúc và Nguyễn Nghiễm cũng tán đồng ý kiến này, do vậy, Trịnh Sâm bèn quyết chí sai quân đi đánh". Một bộ chỉ huy hành quân được gấp rút thành lập, cụ thể như sau :

- Hoàng Ngũ Phúc giữ chức Tổng chỉ huy.
- Phan Lê Phiên và Uông Sĩ Điền giữ chức Tùy Quân Tham Biện.
- Đoàn Nguyên Thục giữ chức Đốc Thị.
- Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế cùng với hai nhân vật thân tín khác là Nguyễn Lê và Hoàng Đình Bảo cũng được chỉ định tham gia Bộ chỉ huy.

Lực lượng quân sĩ của chúa Trịnh được huy động vào cuộc Nam chinh này là ba vạn. Tháng 10 năm 1774, đạo quân ba vạn này bắt đầu vượt sông Gianh, mở đầu cuộc tấn công ồ ạt và bất ngờ vào Đàng Trong. Phủ chúa Nguyễn bị kẹp chặt bởi hai thế lực đối nghịch, phía bắc là quân Trịnh và phía nam là quân Tây Sơn. Bấy giờ, Hoàng Ngũ Phúc tuyên bố rằng : "Việc hành quân này bất quá chỉ để trừ khử một Trương Phúc Loan và phe đảng của hắn, sau nữa là diệt bọn giặc kiệt hiệt (ý chỉ Tây Sơn - NKT) chứ thực tình không có ý gì khác". Đứng trước tình thế thúc bách như vậy, cách duy nhất là phải thí bỏ Trương Phúc Loan, kẻ mà cả Tây Sơn lẫn quân Trịnh đều lên án, trong phủ chúa cũng lắm người không ưa. Tướng của chúa Nguyễn là Nguyễn Cửu Pháp liền lập mưu bắt sống Trương Phúc Loan giao cho Hoàng Ngũ Phúc, nhưng, Hoàng Ngũ Phúc vẫn lấy cớ là chưa diệt được Tây Sơn nên vẫn cho quân tiến vào. Không còn con đường nào khác nữa, chúa Nguyễn cùng với toàn bộ tôn thất và bá quan văn võ phải bỏ Phú Xuân, tìm đường chạy vào Gia Định (tức vùng Nam Bộ ngày nay).

Đến Gia Định, chúa Nguyễn dần dần củng cố lực lượng của mình và điều đó đã khiến cho tình thế xoay chuyển có phần bất lợi cho Tây Sơn. Từ đây, lực lượng bị kẹp chặt ở giữa hai đối phương hùng mạnh không phải là chúa Nguyễn nữa mà là Tây Sơn. Họ Trịnh và họ Nguyễn tuy là hai thế lực không đội trời chung, nhưng trong tình huống đặc biệt này, họ rất dễ có thể liên minh để chống Tây Sơn. Xuất phát từ nhận định ấy, Tây Sơn đã có một chủ trương rất đúng đắn và cũng rất kịp thời, đó là tam thời hòa hoãn với quân Trịnh để chủ động phá thế bị tấn công cùng lúc từ hai mặt Nam-Bắc khác nhau. Bấy giờ, quân sĩ của Hoàng Ngũ Phúc vừa mệt mỏi vì hành quân xa, lại vừa bị bệnh dịch hoành hành, cho nên, vui vẻ nhận lời cầu hòa ngay. Về phần mình, Hoàng Ngũ Phúc cũng muốn mượn việc hòa hoãn để lợi dụng. Hắn hi vọng rằng cả Tây Sơn và chúa Nguyễn sẽ mệt mỏi và kiệt sức trong cuộc tranh hùng, và đến lúc đó hắn sẽ ra tay cũng không muộn.

Chặng thứ ba : Năm lần tấn công vào Gia Định, lật nhào cơ đồ thống trị của họ Nguyễn ở Đàng Trong (từ đầu năm 1776 đến giữa năm 1784)

Sau khi được tam yên ở mặt Bắc, Tây Sơn quyết tâm dốc sức tiêu diệt quân Nguyễn ở mặt Nam. Năm chiến dịch lớn đã được tổ chức. Đại lược như sau :

- *Lần thứ nhất* là vào tháng hai năm Bính Thân (1776) do Nguyễn Lữ chỉ huy. Nguyễn Lữ đã đánh bật quân đội chúa Nguyễn ra khỏi thành Gia Định và ráo riết cho quân truy đuổi Nguyễn Phúc Thuần. Chúa Nguyễn Phúc Thuần may được một giáo sĩ phương Tây là Diego do Jumilla giấu ở dưới giường ngủ mới thoát được. Tuy nhiên, Nguyễn Lữ cũng chỉ chiếm giữ thành Gia Định trong một thời gian rất ngắn rồi lại rút về Quy Nhơn.

- *Lần thứ hai* là vào tháng ba năm Đinh Dậu (1777). Lần này, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã tấn công rất dữ dội. Nguyễn Phúc Dương (lúc này là Tân Chính Vương) và sau đó là Nguyễn Phúc Thuần (lúc này là Thái Thương Vương) đều bị bắt và bị giết. Đến đây, cơ đồ của họ Nguyễn gậy dựng trên hai trăm năm kể như đã bị lật đổ hoàn toàn.

Cầm đầu tàn quân của họ Nguyễn lúc này chỉ còn có Nguyễn Ánh nữa mà thôi.

- *Lần thứ ba* là vào tháng hai năm Mậu Tuất (1778). Lần này quân Tây Sơn do hai tướng là Tổng Đốc Chu (hiện chưa rõ họ) và Hộ Giá Phạm Ngạn chỉ huy. Tổng Đốc Chu và Hộ Giá Phạm Ngạn đã đánh khá mạnh vào vùng tương ứng với Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, nhưng rất tiếc là không giành được thắng lợi. Tây Sơn chẳng những mất Gia Định mà còn mất luôn cả vùng Bình Thuận.

- *Lần thứ tư* là vào tháng ba năm Nhâm Dần (1782). Lần này, quân Tây Sơn do cả Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ chỉ huy. Mục tiêu của lần này là đánh gục tàn binh của Nguyễn Ánh. Và, Tây Sơn đã thành công, Nguyễn Ánh bị đại bại, phải chạy đi phiêu bạt đó đây. Viên sĩ quan phương Tây giúp Nguyễn Ánh là Manuel (sử cũ phiên âm là Mạn Hòe) bị giết chết.

- *Lần thứ năm* là vào tháng hai năm Quý Mão (1783). Lần này, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ chỉ huy. Mục tiêu của Tây Sơn lần này vẫn là đập tan lực lượng của Nguyễn Ánh vừa mới được hồi phục. Với cuộc tấn công này, Nguyễn Ánh bị đánh cho tơi bời, nhưng rất cuộc, vẫn trốn thoát được.

03. GIAI ĐOẠN THỨ BA : KẾT HỢP ĐÁNH CÁ THÙ TRONG LẦN GIẶC NGOÀI

(Từ cuối năm 1784 đến đầu năm 1789)

Đây là giai đoạn ngắn nhất nhưng lại chính là giai đoạn rực rỡ nhất của phong trào Tây Sơn. Xét về quy mô, đây là giai đoạn Tây Sơn hoạt động trên phạm vi cả nước. Xét về tính chất, đến đây, Tây Sơn đã đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ trọng đại khác nhau. Một là đẩy mạnh và mở rộng cuộc tấn công vào cơ đồ của giai cấp phong kiến thống trị ở cả Đàng Ngoài. Hai là dũng cảm đảm nhận sứ mệnh bảo vệ độc lập dân tộc, lập nên những võ công chống xâm lăng vô cùng hiển hách, góp phần làm rang rỡ thêm truyền thống ngoan cường, bất khuất của cả dân tộc ta. Đại để tính theo tuần tự thời gian thì giai đoạn này có mấy sự kiện nổi bật sau đây :

- Cuối năm Giáp Thìn (1784), đầu năm 1785, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã quét sạch năm vạn quân Xiêm La do Nguyễn Ánh rước về trong trận quyết chiến chiến lược Rach Gầm-Xoài Mút. Từ đây, nói theo cách nói của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì "quân đội nông dân đã chuyển hóa một cách kì diệu và tự nhiên thành quân đội dân tộc".

- Giữa năm 1786, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã tấn công vào quân Trịnh ở Phú Xuân, toàn bộ xứ Đàng Trong đã hoàn toàn thuộc về Tây Sơn.

- Ngay sau khi đánh bại đạo quân đông đảo của chúa Trịnh ở Phú Xuân, lực lượng Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã táo bạo tấn công ra Đàng Ngoài, lật nhào cơ đồ thống trị của họ Trịnh. Đây là cuộc tấn công có hai ý nghĩa hết sức lớn lao. Một là xóa bỏ biên giới sông Gianh chia cắt đất nước từ rất lâu dài trước đó, mở ra một trong những cơ sở quan trọng cho việc thống nhất quốc gia sau này. Hai là chấm dứt ách thống trị thối nát của họ Trịnh, tức là tiêu diệt trở lực lớn nhất của xã hội Đàng Ngoài.

- Cuối năm Mậu Thân (1788), trong bước đường cùng, Lê Chiêu Thống đã đi cầu cứu nhà Mãn Thanh và nhân cơ hội đó, hai mươi chín vạn quân xâm lược Mãn Thanh đã tràn sang nước ta. Quân đội Tây Sơn dưới sự chỉ huy thiên tài của Nguyễn Huệ đã đánh trận quyết chiến chiến lược tuyệt vời ở Ngọc Hồi-Đống Đa vào đúng Tết Kỷ Dậu (1789). Với võ công oanh liệt này, Tây Sơn đã khiến cho nhà Mãn Thanh phải kinh hồn bạt vía, khiến cho Lê Chiêu Thống và bọn tay

chân mù quáng phải bỏ nước sống lưu vong để rồi cuối cùng phải chết một cách bi thảm trên đất Trung Quốc.

Chỉ trong vòng năm năm mà hai lần đại thắng quân xâm lược đến từ hai hướng khác nhau, đó hiện tượng chưa từng có ở bất cứ một phong trào nông dân nào, cũng là hiện tượng chưa từng có của lịch sử dân tộc. Vinh quang ngàn đời bất diệt của Tây Sơn trước hết và chủ yếu là kết tinh ở đây.

04. GIAI ĐOẠN THỨ TƯ : CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC TÂY SƠN

(Từ đầu năm 1789 đến cuối năm 1801)

Cùng với quá trình chiến đấu không mệt mỏi là quá trình không ngừng xây dựng và củng cố chính quyền. Tuy nhiên, lịch sử hình thành và phát triển của phong trào Tây Sơn có một giai đoạn rất đặc biệt, đó là giai đoạn Tây Sơn đã quản lãnh được toàn cõi nước ta và tồn tại với tư cách của những hệ thống chính quyền khác nhau, bắt đầu từ đầu năm 1789 và kết thúc vào cuối năm 1801. Các hệ thống chính quyền này, tuy đều là thành quả chung của phong trào Tây Sơn, nhưng, bởi nhiều lí do khác nhau, mỗi hệ thống chính quyền có một xu hướng tồn tại riêng khá rõ rệt. Đại để, Tây Sơn có ba hệ thống chính quyền cụ thể như sau:

- *Một là* hệ thống chính quyền do Nguyễn Lữ đứng đầu, cai quản miền đất Gia Định (Nam Bộ ngày nay). Nguyễn Lữ mất năm 1787 nhưng chính quyền của ông thì trên danh nghĩa, vẫn tiếp tục tồn tại thêm một thời gian nữa. Đây là chính quyền yếu kém nhất của Tây Sơn.

- *Hai là* hệ thống chính quyền của Nguyễn Nhạc, quản lí miền đất từ Bình Thuận ra đến Bến Ván của Quảng Nam ngày nay. Nguyễn Nhạc mất vào cuối năm 1793 nhưng con ông là Nguyễn Bảo (tức Nguyễn Quang Thiệu) vẫn tiếp tục duy trì chính quyền thêm một thời gian nữa. Trong giai đoạn đầu của phong trào Tây Sơn, Nguyễn Nhạc là người có công lớn nhất, nhưng, cũng trong số các lãnh tụ Tây Sơn, Nguyễn Nhạc là người bị phong kiến hóa sớm nhất.

- *Ba là* hệ thống chính quyền của Nguyễn Huệ, quản lãnh miền đất từ Bến Ván của Quảng Nam ngày nay trở ra cho đến hết Đàng Ngoài. Đây là hệ thống chính quyền mạnh nhất, có nhiều cải cách táo bạo, tích cực và tiến bộ nhất. Nguyễn Huệ qua đời năm 1792 nhưng con ông là Quang Toản vẫn tiếp tục duy trì chính quyền cho đến cuối năm 1801.

Nhược điểm lớn nhất của các lãnh tụ Tây Sơn khi nắm chính quyền là đã để xảy ra tình trạng mất đoàn kết rất nghiêm trọng. Nguyễn Ánh đã triệt để lợi dụng điều này để tổ chức phản công. Và cuối cùng, Nguyễn Ánh đã giành được thắng lợi. Sau ba mươi năm chiến đấu ngoan cường (1771-1801), đến đây, phong trào Tây Sơn bị Nguyễn Ánh đè bẹp. Từ trong máu lửa của cuộc chiến đấu ngoan cường này, một loạt danh tướng đã xuất hiện, mà trước hết, ba lãnh tụ tối cao của Tây Sơn cũng chính là ba danh tướng xuất sắc nhất.

III - NGUYỄN NHẠC (? - 1793)

Nhân dĩ sơn phiêu danh nhi thoa kế tăng quang,

Sơn dĩ nhân đắc hiệu nhi thảo hoa sinh sắc.

(Người nhờ núi nêu danh mà trâm tóc thêm sáng.

Núi nhờ người được hiệu mà hoa cỏ tốt tươi).

Trong số những non xanh của đất Tây Sơn, có ngọn núi mang tên *Hòn Ông Nhạc*, lại có ngọn núi nữa mang tên *Núi Hoàng Đế*. Đúng là người nhờ núi nêu danh thơm mà tên tuổi sáng mãi với thiên thu, núi nhờ mang tên đấng anh hùng mà như có khí thiêng ngưng tụ. Cùng với sông núi của quê nhà, sự nghiệp của Nguyễn Nhạc còn mãi trong kí ức bất diệt của các thế hệ nhân dân, trong sử sách của nước nhà.

1. Người có công đầu trong quá trình chuẩn bị, lãnh tụ cao nhất, đồng thời cũng là linh hồn của Tây Sơn trong những cuộc chiến đấu đầu tiên

Như trên đã nói, hiện tại vẫn chưa rõ Nguyễn Nhạc sinh vào năm nào, các nhà nghiên cứu chỉ đoán định rằng ông sinh vào khoảng năm 1743 mà thôi. Với một khoảng cách tuổi tác khá xa so với Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, lại vốn dĩ là người từng trải và nhiều cơ mưu, Nguyễn Nhạc là người rất có uy với các em của mình. Đó chính là điều kiện thuận lợi để ông có thể dễ dàng dẫn dắt hai em và cùng với hai em nhen nhóm lên ngọn lửa quật khởi ở Tây Sơn.

Trong giai đoạn thứ nhất của Tây Sơn - giai đoạn chuẩn bị Nguyễn Nhạc là người có công đầu tiên, cũng là người có công lớn nhất. Nguyễn Nhạc đã khôn khéo đi từng bước chắc chắn từ thấp lên cao, từ đơn giản đến nâng cao và hoàn thiện. Kho tàng truyền thuyết dân gian ở Tây Sơn và những ghi chép tản mạn của chính sử cũng như dã sử đã cho thấy rằng, quá trình chuẩn bị của Nguyễn Nhạc ở Tây Sơn vừa rất công phu vừa đạt tới trình độ nghệ thuật rất xuất sắc. Ông là người hiểu dân, một sự hiểu biết không phải chỉ dừng lại ở sự cảm thông sâu sắc về bao nỗi bất công và oan ức bởi ách thống trị hà khắc của giai cấp phong kiến đương thời, mà cao hơn, ông tỏ ra rất nhạy bén với đặc trưng nhận thức của xã hội ở chung quanh mình. Nhờ sự hiểu biết quý báu đó, ông đã nghĩ ra được nhiều biện pháp phong phú khác nhau để tập hợp và huy động sức mạnh cũng như trí tuệ của nhân dân.

Khi quá trình chuẩn bị còn dang dở dang thì kế hoạch của Nguyễn Nhạc bị bại lộ. Bấy giờ có một viên Đốc Trung tên là Đàng mật báo cho chúa Nguyễn, vì thế, một cuộc đàn áp có quy mô khá lớn đã được chúa Nguyễn gấp rút tổ chức. Tây Sơn đứng trước một thử thách rất cam go. Nếu chống cự thì chưa đủ sức, còn nếu tìm cách ẩn náu để chờ thời thì cũng không dễ gì qua mắt kẻ thù. Truyền thuyết dân gian kể rằng, để giải quyết tình huống đặc biệt khó xử này, Nguyễn Nhạc đã quyết định : nhanh chóng tịch thu và cất giấu hết toàn bộ kho tàng của chúa Nguyễn do viên Đốc Trung tên là Đàng quản lí, sau đó, bất kể phản bội mà giết đi (Trương truyền, Nguyễn Nhạc đã giết kẻ phản bội bằng cách cắt bộ phận sinh dục. Ở Tây Sơn có đồi Cắt Cu, ắt là nơi xử tử Đốc Trung Đàng). Xong xuôi mọi việc, Nguyễn Nhạc liền tạm lánh khỏi Tây Sơn một thời gian ngắn và phao tin rằng : Nguyễn Nhạc đánh bạc, bị thua to, lấy trộm hết cả kho tàng của nhà nước rồi bán hết của cải trong nhà vẫn không đủ trả nợ, bị viên Đốc Trung tên là Đàng giận, vu cho là làm phản. Nay, Nguyễn Nhạc vì không kiếm chế được cơn bực tức, đã lỡ tay giết chết kẻ dám cả gan vu oan cho mình, sợ quan trên bắt tội nên đã bỏ trốn. Vụ án đến đó là hoàn toàn bế tắc, bởi nguyên cáo đã bị giết còn bị cáo thì trốn biệt tăm. Chúa Nguyễn đành phải hạ lệnh lui quân!

Các sử gia thời Nguyễn không hiểu được thực chất của câu chuyện li kì này, vì thế đã có những nhận định không đúng về nguyên nhân bùng nổ của phong trào Tây Sơn :

"Vì đánh bạc tiêu phí hết cả kho tàng nhà nước, Nguyễn Nhạc bèn trốn vào Tây Sơn làm giặc cướp, những kẻ vô lại và những người nghèo đói phần nhiều đều đi theo, vì thế, thủ hạ có đến vài ngàn người." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 44, tờ 22).

Một kẻ đam mê cờ bạc, trong chỗ không ngờ, đôi khi cũng có thể cả gan làm nhiều việc khó lường trước được, nhưng, làm gì thì làm, quyết không thể quyết chí liều thân "tươi mưa dầm khi hạn, kéo cùm dân sa chốn lằm than" như anh em Tây Sơn nói chung và cá nhân Nguyễn Nhạc nói riêng đã làm. Vả chăng, một vài người thì có thể nhằm chửi cá dân tộc thông minh như dân tộc ta, quyết không thể nhằm lẫn để rồi dốc cả trí tuệ, tài sản và xương máu cho một kẻ chỉ biết đắm mình trong những cuộc sát phạt đẫm máu.

Đầu năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc chính thức phát động khởi nghĩa. Sử cũ cho biết, những đồn trại đầu tiên của nghĩa quân Tây Sơn được thiết lập ở vùng Thượng Đạo. Bấy giờ, thầy giáo Hiến cho phổ biến khắp đó đây lời sấm (mà ông cho là của người xưa), nói rằng : "*Tây khởi Bắc thu công*" (khởi phát ở phía Tây, thu công ở phía Bắc) khiến cho nghĩa binh Tây Sơn rất hồ hởi. Họ liên tiếp tổ chức tấn công và liên tiếp giành thắng lợi.

Một trong những cuộc tấn công táo bạo nhất của Nguyễn Nhạc trong giai đoạn đầu tiên này là trận tấn công vào thành Quy Nhơn. Bấy giờ, thành Quy Nhơn do Tuần Phủ Nguyễn Khắc Tuyên trấn giữ. Sử cũ cho hay một hôm, Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi sai quân lính khiêng đến cửa thành Quy Nhơn, nói là đã bắt được Nguyễn Nhạc, xin đem đến nạp. Tuần Phủ Nguyễn Khắc Tuyên tưởng thật, đang đêm tối cũng mở cửa thành ra đón. Bỗng thấy đúng Nguyễn Nhạc bị nhốt ở trong cũi nên Nguyễn Khắc Tuyên rất chú quan. Đúng lúc ấy, quân Tây Sơn ập vào, Nguyễn Nhạc cũng phá cũi xông ra, tất cả quan lại quân lính của chúa Nguyễn trong thành Quy Nhơn, từ Nguyễn Khắc Tuyên trở xuống, đều bị bắt.

Thành Quy Nhơn là một trong những thành lớn và có vị trí rất quan trọng. Thành này trước đó có tên là thành Đồ Bàn, từng là cố đô của Chiêm Thành, được xây dựng rất vững chắc. Xưa, thành Quy Nhơn thuộc huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, nay thuộc tỉnh Bình Định. Chiếm được thành Quy Nhơn cũng có nghĩa là chiếm được vị trí then chốt, án ngữ trục lộ Bắc - Nam của xứ Đàng Trong, khiến cho lực lượng của chúa Nguyễn bị chia cắt làm hai, rất khó liên lạc để phối hợp ứng phó. Thắng lợi này của Tây Sơn đã gây được tiếng vang rất lớn. Hào kiệt và nhân dân các địa phương nô nức tìm đến với Nguyễn Nhạc, trong đó, có hai nhân vật rất đặc biệt là Lý Tài và Tập Đình. Hai nhân vật này đều là người Trung Quốc, sang làm ăn buôn bán ở nước ta. Lý Tài đã lập ra đạo Hòa Nghĩa Quân còn Tập Đình thì lập ra đạo Trung Nghĩa Quân. Những người Việt cao lớn cũng được Nguyễn Nhạc đưa vào hàng ngũ của hai đạo quân này. Sử cũ cho hay, mỗi khi ra trận, họ uống rượu say, cởi trần tròng trọc, cổ đeo vàng mã (ý nói liều chết), cho nên, quân chúa Nguyễn không sao chống đỡ nổi.

Sau trận hạ thành Quy Nhơn, do quân số ngày một đông, đất đai chiếm được cũng ngày một rộng, Nguyễn Nhạc đã sắp đặt lại lực lượng của mình. Bấy giờ, Nguyễn Nhạc chia quân Tây Sơn làm năm đồn, gồm Tiền Đồn, Hậu Đồn, Tả Đồn, Hữu Đồn và Trung Đồn. Từ thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cho quân tấn công theo ba hướng khác nhau. Một là hướng tây - tây bắc, giải phóng khu vực tương ứng với hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum ngày nay. Hai là hướng bắc, giải phóng khu vực tương ứng với tỉnh Quảng Ngãi ngày nay. Ba là hướng nam, giải phóng khu vực tương ứng với tỉnh Phú Yên ngày nay. Hiện vẫn chưa rõ, đồn quân nào đánh ở hướng nào, chỉ biết cả ba hướng tấn công nói trên đều thu được những thắng lợi rất giòn giã. Đặc biệt, lực lượng Tây Sơn tấn công lên hướng bắc đã khiến cho chúa Nguyễn rất lo ngại. Nếu Tây Sơn mà chiếm được Quảng Nam thì cũng có nghĩa là phủ chúa hoàn toàn bị cô lập, đèo Hải Vân đầu rất hiểm trở vẫn không đủ để che chở cho Phú Xuân. Trước tình thế nguy cấp đó, chúa Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần quyết định đưa gấp quân đến đánh chặn Tây Sơn ở phía nam tỉnh Quảng Nam ngày nay. Các tướng chỉ huy đạo quân đi đánh chặn này gồm có :

- Chưởng Cơ Nguyễn Cửu Thống.
- Chưởng Cơ Nguyễn Cửu Sách.

- Tổng Nhung Tổng Sùng.
- Tán Lí Đỗ Văn Hoảng.

Quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc chỉ huy và quân của chúa Nguyễn do một loạt các tướng lĩnh cao cấp nói trên cầm đầu đã đụng độ với nhau trên đầu tiên ở Bến Ván. Thấy thế giặc đang hăng, Nguyễn Nhạc cho quân tạm rút lui về Bến Đá và tổ chức một trận đồ mai phục tại khu vực này. Nguyễn Cửu Thống cùng các tướng hung hăng tiến quân, chẳng dè, bị lọt vào ổ mai phục và bị quân Tây Sơn đánh cho tơi bời. Nguyễn Cửu Thống vài một tùy tướng là Nguyễn Cửu Pháp may mắn thoát chết nhưng Tổng Nhung Tổng Sùng cùng Tán Lí Đỗ Văn Hoảng thì bị giết tại trận.

Tháng 12 năm 1773, chúa Nguyễn lại sai Tôn Thất Hương làm Tiết Chế, đem Nội Quân (lực lượng chủ lực trực tiếp bảo vệ phủ chúa) đi đánh Tây Sơn. Tôn Thất Hương tràn qua đất Quảng Ngãi ngày nay mà vẫn không gặp một trở lực nào đáng kể, vì thế, rất lấy làm chủ quan. Nhưng, cũng đúng lúc chúng đang chủ quan một cách cao độ nhất, Nguyễn Nhạc đã bí mật sai Lý Tài và Tập Đình đem quân đi mai phục tại Bình Khê. Một trận đánh lớn đã diễn ra tại đây. Tướng Tôn Thất Hương thua trận và bị giết. Toàn bộ đạo quân do Tôn Thất Hương chỉ huy cũng tan rã.

Đầu năm 1774, quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc chỉ huy đã liên tiếp đánh bốn trận lớn với quân đội của chúa Nguyễn. Bốn trận đó cụ thể như sau :

- *Trận thứ nhất* : diễn ra tại Quảng Ngãi. Bấy giờ, chúa Nguyễn sai Cai Cơ là Tôn Thất Mân, bất ngờ băng qua đất Quảng Nam, đánh vào tận Quảng Ngãi. Nhưng, trận đánh bất ngờ này bị chặn đứng, Tôn Thất Mân đại bại phải hốt hoảng chạy về vùng phía bắc của Quảng Nam ngày nay. Nhân đà thắng lợi ấy, Nguyễn Nhạc lập tức hạ lệnh cho lực lượng nghĩa sĩ của mình đánh mạnh về phía nam, giải phóng thêm một số vùng thuộc Phú Yên, Đắc Lắc, Khánh Hòa và Ninh Thuận ngày nay.

- *Trận thứ hai* : là trận chưa đánh đã thắng. Thấy quân Tây Sơn có thanh thế ngày một lớn, chúa Nguyễn sai tướng Tôn Thất Thặng cầm quân đi đánh. Nhưng, Tôn Thất Thặng lo sợ quá, chỉ mới nghe đồn là Nguyễn Nhạc sắp đem đại binh đến, đã hoảng hốt bỏ chạy. Quân sĩ Của Tôn Thất Thặng chỉ sau một đêm chạy dài đã tan rã hết.

- *Trận thứ ba* : diễn ra ở dải đất mà Tây Sơn mới giải phóng trong trận đánh thứ nhất. Khi ấy, Lưu Thủ Long Hồ là Tổng Phúc Hợp cùng với Cai Bạ là Nguyễn Khoa Tuyển đem quân sĩ năm dinh đánh mạnh ra Bắc. Tổng Phúc Hợp và Nguyễn Khoa Tuyển đã chiếm lại được các địa phương từ Phú Yên ngày nay trở vào.

- *Trận thứ tư* : diễn ra tại khu vực Quảng Nam ngày nay. Lần này, chúa Nguyễn sai Tôn Thất Nghiễm và Nguyễn Cửu Dật đem quân vào Quảng Nam, dự kiến sẽ đánh một trận quyết định với Tây Sơn. Nhưng, Tôn Thất Nghiễm chưa đánh được trận nào thì đã nghe tin chúa Trịnh sai Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn quân vượt sông Gianh đánh ồ ạt vào Đàng Trong. Tôn Thất Nghiễm lập tức nhận được lệnh phải trở về để bảo vệ Phú Xuân. Cuộc giằng co giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn chuyển sang một giai đoạn mới.

2. Người quyết định chủ trương đúng đắn, đưa Tây Sơn ra khỏi thế “lưỡng đầu thọ địch” đầy nguy nan

Những khó khăn và lúng túng của chúa Nguyễn ở Đàng Trong lúc bấy giờ được chúa Trịnh Sâm theo dõi rất chặt chẽ. Quan giữ chức Trấn thủ ở Nghệ An là Bùi Thế Đạt luôn luôn tìm cách thu thập và báo cáo đầy đủ mọi tin tức của xứ Đàng Trong về triều đình.

Tháng 5 năm Giáp Ngọ (1774), Trịnh Sâm quyết định đưa ba vạn quân, giao cho Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc cầm đầu, vượt sông Gianh tiến thẳng vào Nam. Khi vừa vượt qua sông Gianh, đóng ở xã Cao Lao (thuộc huyện Bồ Trạch, Quảng Bình), Hoàng Ngũ Phúc đã gặp may. Sử cũ chép rằng :

“Quan giữ chức Trấn Thủ dinh Bồ Chính (của Đàng Trong) là Tôn Thất Tiệp liền sai viên Cai Đội là Quý Lộc (không rõ họ) và viên Câu Kê là Kiêm Long (không rõ họ), đem sản vật tới khao quân để tìm cách hoãn binh. (Hoàng) Ngũ Phúc bèn bí mật sai người giao thiệp riêng với hai người này. Kiêm Long nói :

- Đường mà không đi thì không đến, chuông mà không đánh thì không kêu.

(Hoàng) Ngũ Phúc hiểu ý, bèn ra lệnh tiến quân. Tướng Hoàng Đình Thế cũng được Hoàng Ngũ Phúc sai đem một đạo quân, bí mật tiến đến lũy Trấn Ninh. Bọn Cai Đội trông coi ki binh (của chúa Nguyễn) là Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thí, tình nguyện làm nội ứng, mở cửa đồn ra xin hàng. Quân sĩ của (Hoàng) Ngũ Phúc vừa đánh trống reo hò vừa tiến vào. Tướng giữ đồn là Tống Hữu Trường hoảng sợ mà bỏ chạy. Đồn lũy Trấn Ninh từng có tiếng là kiên cố ở giữa nơi thiên nhiên hiểm trở, nay (Hoàng) Ngũ Phúc kéo vào và san phẳng hết.

Chúa Trịnh Sâm thấy (Hoàng) Ngũ Phúc đem đạo quân cô độc vào sâu trong đất đối phương, sợ xảy ra bất trắc, bèn tự mình đem quân đi tuần hành ở biên giới (phía nam) để gây thanh thế yểm trợ từ xa cho (Hoàng) Ngũ Phúc”. (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 44, tờ 18).

Sau khi lấy được Trấn Ninh, Hoàng Ngũ Phúc gấp rút cho quân tiếp tục đánh vào Nam. Ngon cò chính trị giả hiệu là tiêu diệt quyền thần Trương Phúc Loan mà Hoàng Ngũ Phúc giương lên đã tạo ra được những ảnh hưởng không nhỏ. Bấy giờ, tướng Đàng Trong là Nguyễn Cửu Pháp đã lập mưu bắt sống được Trương Phúc Loan đem đến nạp cho Hoàng Ngũ Phúc, nhưng, lấy cớ là chưa diệt được Tây Sơn, quân Đàng Ngoài chưa thể rút, Hoàng Ngũ Phúc lại thúc quân ào ạt Nam tiến. Chúa Nguyễn buộc phải điều quân đi đánh chặn. Chỉ huy cuộc đánh chặn này gồm có :

- Tôn Thất Tiệp : Thống Binh.

- Cai Đội người họ Đặng : Quản Lãn.

Ngoài ra, lực lượng thủy binh của chúa Nguyễn còn được điều động tới khu vực Bái Đạp, đặt dưới quyền chỉ huy của Chương Cơ Nguyễn Văn Chính. Nhưng, quân chúa Nguyễn chưa đánh được trận nào thì đã bị Hoàng Ngũ Phúc cho lính men theo đường tắt, vượt Ghềnh Trầm và Ghềnh Ma, hai mặt trước sau cùng giáp chiến, khiến Nguyễn Văn Chính bị đại bại và bị giết, quân của chúa Nguyễn tan vỡ hoàn toàn. Không còn cách nào khác, chúa Nguyễn đành phải bỏ Phú Xuân, đem toàn bộ tôn thất và bá quan vào Gia Định để tránh thế bị tấn công từ hai phía khác nhau. Hoàng Ngũ Phúc cũng lập tức kéo quân vào Phú Xuân, còn Trịnh Sâm thì thấy Hoàng Ngũ Phúc đã nắm được phần chắc thắng bèn trở về Thăng Long.

Từ tháng hai năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc bắt đầu cho quân vượt đèo Hải Vân để tiếp tục cuộc Nam chinh. Bấy giờ, lực lượng bị lâm vào thế "lưỡng đầu thọ địch" là Tây Sơn chứ không phải là chúa Nguyễn nữa. Các tướng của Tây Sơn như Lý Tài và Tập Đình hăng hái đem quân ra đánh và đã giết được Quế Vũ Bá trong trận Cẩm Sa (thuộc huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam) nhưng vẫn không sao cản được bước tiến của Hoàng Ngũ Phúc.

Mùa hạ năm 1775, từ phía nam, tướng của chúa Nguyễn là Tống Phúc Hợp đem quân đánh mạnh lên vùng phía bắc của tỉnh Phú Yên ngày nay, trong lúc đó, quân của Hoàng Ngũ Phúc cũng đã tiến đến khu vực Châu Ổ (Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Tình hình biến đổi ngày một bất lợi cho Tây Sơn.

Trước tình thế đặc biệt khó khăn ấy, Nguyễn Nhạc đã quyết định : phải nhanh chóng tìm cách tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh, đưa Tây Sơn ra khỏi cuộc đối đầu cùng lúc với hai lực lượng hùng mạnh khác nhau. Tướng Phạm Văn Tham được cử thay mặt Nguyễn Nhạc, thay mặt Bộ chỉ huy Tây Sơn đến gặp Hoàng Ngũ Phúc. Với lời lẽ rất nhã nhặn và nhún nhường là "xin hàng" và "xin làm tướng đi tiên phong" cho quân Trịnh, với khá nhiều vàng lụa làm lễ vật ra mắt... Phạm Văn Tham đã được Hoàng Ngũ Phúc tiếp đón nồng hậu. Bấy giờ, quân sĩ của Hoàng Ngũ Phúc vừa mệt mỏi vì phải đi xa lâu ngày, lại vừa bị bệnh dịch hoành hành, mặt khác, Hoàng Ngũ Phúc cũng muốn lợi dụng Tây Sơn, cho nên, hẳn đồng ý ngay với những đề nghị của Tây Sơn Nguyễn Nhạc do Phạm Văn Tham chuyển đến. Hoàng Ngũ Phúc lập tức phong ngay cho Nguyễn Nhạc làm *Tây Sơn Hiệu Trưởng, Tiên Phong Tướng Quân*. Phạm Văn

Tham về rồi, Hoàng Ngũ Phúc nói với các tướng rằng : "Tây Sơn bây giờ đang như ngọn lửa bốc mạnh. Tôi già mất rồi, còn các tướng, tôi e không phải là tay đối địch với họ được". Tuy nói vậy nhưng Hoàng Ngũ Phúc vẫn sai gia khách, giữ công việc thư kí của hắn là Nguyễn Hữu Chính đem sắc, ấn, cờ và kiếm đến ban cho Nguyễn Nhạc. Cuộc tấn công của quân Trịnh vào lực lượng của Tây Sơn cũng đình chỉ kể từ đó. Tây Sơn nhờ vậy mà được thanh thoi ở mặt Bắc để tập trung đối phó ở mặt Nam.

3. Nhanh chóng giành lại đất Quảng Nam và từng bước tìm cách lợi dụng những xung đột trong nội bộ chính quyền họ Trịnh.

Sử cũ viết rằng :

"Bấy giờ, Hoàng Ngũ Phúc đóng quân ở Châu Ô lâu ngày, bệnh dịch phát sinh, quân sĩ nhiều người bị chết, bèn bí mật tính kế lui quân. Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Lệnh Tân thì muốn tiếp tục đóng giữ Quảng Nam, cắt đặt quan lại ở các địa phương trong vùng. (Hoàng) Ngũ Phúc không theo cách ấy, liền cho người chạy gấp về triều đề nghị cho rút quân ra Thuận Hóa, đất Quảng Nam sẽ tính toán sau. Trịnh Sâm y cho" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 44, tờ 28).

Ngay khi quân Trịnh vừa rời khỏi Quảng Nam, Nguyễn Nhạc liền lập tức cho lực lượng của mình đến tiếp quản ngay. Phương châm chung của Nguyễn Nhạc là lạng lẽ, mềm dẻo nhưng kiên quyết. Hệ thống chính quyền do quân Trịnh mới dựng lên đều được thay thế bởi chính quyền của Tây Sơn. Việc thay thế diễn ra khá êm thấm, tránh được những xung đột không cần thiết với quân đội họ Trịnh ở phía bắc đèo Hải Vân. Sử cũ viết tiếp :

"Sau khi chiếm cứ được Quảng Nam, (Nguyễn) Văn Nhạc bèn sai thuộc hạ là Đỗ Phú Tuấn ra xin với Trịnh Sâm để được làm Trấn Thủ ở vùng đất này. Trịnh Sâm ngại việc dùng binh, bèn nhân đó chuẩn y cho. (Nguyễn) Văn Nhạc sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực, đắp lũy nơi hiểm yếu, đóng giữ nơi quan ải, dần dần trở lại thế hùng cường. Phó Đốc Thi là Nguyễn Lệnh Tân xin hãy sớm trừ diệt đi nhưng tướng Phạm Ngô Cầu cản lại. (Nguyễn) Lệnh Tân liền làm tờ khai, mật tâu với Trịnh Sâm rằng :

- Phạm Ngô Cầu là người nhút nhát, không có cơ mưu, nếu giao phó việc lớn cho Phạm Ngô Cầu tất nhiên là Thuận Hóa cũng sẽ mất. Vậy, xin bãi chức của Phạm Ngô Cầu đi mà cử viên tướng khác đến, như thế may ra mới giữ được.

Nhưng, Trịnh Sâm lại cho rằng, Phạm Ngô Cầu là người trầm tĩnh và cẩn trọng mà không cho lời của Nguyễn Lệnh Tân là đúng, bèn triệu Nguyễn Lệnh Tân về, bổ đi làm Tham Chính ở Sơn Tây. Từ đấy, (Nguyễn) Nhạc được thế cứ mặc sức vùng vẫy, đánh phá cả các địa phương Phú Yên và Bình Thuận, không ai còn có thể kiềm chế được nữa." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 45, tờ 2).

Lấy lại được Quảng Nam, đẩy quân Trịnh về phía bắc đèo Hải Vân là một thắng lợi lớn. Thắng lợi lớn này thu được trước hết và chủ yếu là nhờ vào cơ mưu của Nguyễn Nhạc. Ở đây không có những trận kịch chiến lớn nhưng tài năng quân sự của Nguyễn Nhạc vẫn thể hiện một cách đầy đủ và sâu sắc. Từ thắng lợi này, một tư thế mới của Tây Sơn được xây dựng và khẳng định ngày càng vững vàng hơn.

Trong khi Tây Sơn ngày một mạnh thì ở Đàng Ngoài, cơ đồ thống trị của họ Trịnh ngày một lung lay. Bấy giờ, kiêu binh thực sự trở thành một tai họa lớn, chúng mặc sức phá phách, hoành hành, không phải chỉ đối với nhân dân, quan lại đại thần... mà còn cả với cung vua và phủ chúa. Cả Đàng Ngoài, nhất là các địa phương ở chung quanh kinh đô Thăng Long bị náo loạn. Chúa Trịnh nhiều phen muốn tìm cách ngăn chặn nhưng đều thất bại. Nạn kiêu binh đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến lực lượng của quân đội họ Trịnh tại Thuận Hóa. Nguồn cung cấp của hậu phương bị suy giảm và chính điều đó đã khiến cho các tướng của họ Trịnh ở đây không dám tổ chức những cuộc hành quân nào đáng kể nữa. Thực tế này đã được Nguyễn Nhạc triệt để lợi

dụng. Bấy giờ, Tây Sơn chỉ để một bộ phận nhỏ ở phía bắc, còn thì tập trung về phía nam, chuẩn bị đánh những trận đánh quyết định với tập đoàn họ Nguyễn.

4. Người hoạch định chủ trương và cũng là người từng trực tiếp chỉ huy quân Tây Sơn tấn công vào sào huyệt cuối cùng của họ Nguyễn tại Gia Định.

Khi mới khởi nghĩa, Nguyễn Nhạc xưng là *Đệ Nhất Trại Chủ*. Đó là danh xưng khiêm nhường, phù hợp với thực lực của Tây Sơn trong giai đoạn chiến đấu đầu tiên. Khi thực hiện chủ trương tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh để cứu Tây Sơn khỏi thế "lưỡng đầu thọ địch", Nguyễn Nhạc đã vui vẻ nhận danh xưng *Tây Sơn Hiệu Trưởng, Tiên Phong Tướng Quân* do Hoàng Ngũ Phúc thay mặt chúa Trịnh trao cho. Một lần nữa, đó cũng là sự nhún nhường cần thiết, phù hợp với tương quan thế và lực giữa Tây Sơn với quân đội họ Trịnh và giữa Tây Sơn với quân đội họ Nguyễn lúc bấy giờ.

Sau khi lấy lại được đất Quảng Nam, sự nhún nhường của Tây Sơn là không cần thiết nữa. Vấn đề hàng đầu của Tây Sơn lúc này là phải làm sao nhanh chóng phát triển thực lực, từng bước hạ gục kẻ thù này đến kẻ thù khác. Một danh xưng lớn hơn và phù hợp hơn là hết sức quan trọng đối với Tây Sơn lúc này. Xuất phát từ thực tế đó, năm 1776, anh em Tây Sơn đã quyết định về danh xưng mới như sau :

- Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương.
- Nguyễn Huệ là Phụ Chính Đại Thần.
- Nguyễn Lữ là Thiếu Phó.

Việc thay đổi danh xưng này tuy làm cho nội bộ các tướng lĩnh Tây Sơn có sự mất đoàn kết trong nhất thời nhưng nhân dân khắp nơi lại rất hồ hởi đến với Tây Sơn. Muốn đời vẫn vậy, một danh nghĩa chính thống bao giờ cũng có sức cuốn hút rất mạnh mẽ đối với tất cả những ai giàu thiện chí vì nước, vì dân.

Sau khi lên ngôi vương, Nguyễn Nhạc đóng bản doanh tại thành Đồ Bàn. Đây vốn dĩ là thành cũ của Chiêm Thành, xưa có tên là Vijaya, bị hoang phế đã từ lâu. Năm 1778, Nguyễn Nhạc chính thức lên ngôi Hoàng Đế (lấy niên hiệu là Thái Đức. Bấy giờ, Nguyễn Huệ được phong làm Long Nhương Tướng Quân còn Nguyễn Lữ thì được phong làm Tiết Chế), thành Đồ Bàn được sửa sang lại và đổi tên là thành Hoàng Đế. Từ thành này, Nguyễn Nhạc đã quyết định đánh những trận cuối cùng với tập đoàn họ Nguyễn. Như trên đã nói, Tây Sơn đã năm lần tấn công vào Gia Định và với năm lần tấn công này, Nguyễn Nhạc không chỉ là người hoạch định chủ trương mà còn từng là người trực tiếp chỉ huy một trận lớn, đó là trận tấn công lần thứ tư, tổ chức vào tháng 3 năm Nhâm Dần (1782).

Cùng với em là Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc đã đưa một đạo bộ binh và một đạo thủy binh với khoảng vài trăm chiến thuyền, từ Quy Nhơn, vượt biển đánh thẳng vào cửa biển Cần Giờ (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Lần này, Nguyễn Ánh đã biết trước, cho nên đã chuẩn bị đối phó rất công phu. Ở khu vực Ngã Bảy (Thất Kỳ Giang), Nguyễn Ánh đã bố trí sẵn hơn 400 chiến thuyền (nghĩa là nhiều gấp đôi số chiến thuyền của Tây Sơn), đó là chưa kể một số tàu chiến của Pháp và của Bồ Đào Nha cũng có mặt để sẵn sàng trợ chiến. Cũng do biết trước được cuộc tấn công của Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã cấp báo cho cánh quân của họ Nguyễn ở khu vực Bình Thuận ngày nay, do các tướng Tôn Thất Du, Trần Xuân Trạch, Trần Văn Tự, Trần Công Chương... cầm đầu để các tướng này mau đem quân vào Nam ứng cứu. Tóm lại, Nguyễn Ánh rất tự tin ở khả năng phòng giữ của mình và niềm tin đó xem ra cũng rất có cơ sở. Tuy nhiên, Nguyễn Ánh hoàn toàn không dự đoán được tài dùng binh của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ trong trận này biến hóa hiểm hóc đến mức nào.

Trong cuộc giáp chiến đầu tiên ở Ngã Bảy, thủy quân của Nguyễn Ánh đã đại bại, Nguyễn Ánh phải tháo chạy thực mạng, lực lượng chiến thuyền đông đảo, kể cả các tàu chiến của Pháp và của Bồ Đào Nha đều tùy nghi tìm chỗ náu mình. Một tàu chiến của Pháp do viên sĩ quan

Manuel chỉ huy bị thiêu cháy, Manuel bị giết chết.

Cuộc giáp chiến thứ hai xảy ra tại khu vực Bến Nghé, Thị Nghè và thành Gia Định. Bấy giờ, từ Ngã Bảy, Nguyễn Ánh chạy về khu vực Bến Nghé, Thị Nghè và thành Gia Định, muốn dựa vào thể chân vạc vững chắc của hệ thống thành lũy nơi đây để chống cự. Nhưng, chỉ với một trận tập kích chớp nhoáng, quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh bật Nguyễn Ánh ra khỏi khu vực này. Không còn con đường nào khác, Nguyễn Ánh phải chạy về vùng Tiền Giang ngày nay để rồi sau đó lao nhanh vào con đường hại dân vừa phản quốc, cam tâm đi cầu cứu quân Xiêm La.

Trong lúc Nguyễn Ánh đang liên tiếp bị đại bại thì cánh quân của họ Nguyễn từ Bình Thuận cũng vừa tiến vào. Một cuộc đụng độ lớn đã diễn ra tại khu vực cầu Tham Lương (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Thấy không thể nào chống đỡ nổi, Tôn Thất Dụ và các tướng chỉ huy đạo quân này của họ Nguyễn buộc phải rút lui.

Như vậy là năm 1782, cùng với em là Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh dưới quyền khác, chỉ với một cuộc hành quân, ba lần lâm trận, Nguyễn Nhạc đã đánh gục quyết tâm của Nguyễn Ánh và của những kẻ ủng hộ Nguyễn Ánh. Trong giai đoạn này, đây là lần thể hiện tài năng quân sự của Nguyễn Nhạc rõ nét nhất. Sinh ra và lớn lên ở vùng rừng núi Tây Sơn, nhưng, Nguyễn Nhạc đã tự cho thấy khả năng điều khiển thủy chiến rất sắc sảo của ông. Đó là nét độc đáo trong tài năng quân sự của Nguyễn Nhạc, cũng là nét độc đáo chung trong tài năng quân sự của ba anh em Tây Sơn.

5. Vẫn biết tất nhiên là như thế, nhưng...

Sau trận tấn công vào Gia Định (tháng 3 năm Nhâm Dần, 1782), nếu như vai trò của Nguyễn Nhạc trong quản lý nhà nước có phần nổi bật lên, thì ngược lại, vai trò của ông trong chỉ huy trận mạc dần dần bị mờ nhạt. So với các lãnh tụ khác của phong trào Tây Sơn, Nguyễn Nhạc là người bị phong kiến hóa sớm nhất và cũng sâu sắc nhất.

Tại thành Hoàng Đế ở Quy Nhơn, quyết định đúng đắn và táo bạo cuối cùng của Nguyễn Nhạc có lẽ là cho quân tấn công vào lực lượng quân Trịnh ở Phú Xuân nói riêng và Thuận Hóa nói chung. Nhưng, lần này Nguyễn Nhạc chỉ hoạch định chủ trương chứ không hề trực tiếp cầm quân tham chiến. Người chỉ huy xuất sắc trận đánh quan trọng này là Nguyễn Huệ. Giữa năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ cùng các tướng dưới quyền, chia quân đánh mạnh vào lực lượng quân Trịnh. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, hơn ba vạn quân Trịnh đóng tại đây đã bị quét sạch khỏi lãnh thổ Đàng Trong.

Nhân đà thắng lợi, Nguyễn Huệ cho quân vượt sông Gianh, tiến thẳng ra Bắc, đập tan cơ đồ thống trị của họ Trịnh, dựng lại triều Lê tàn tạ vốn dĩ đã mấy trăm năm. Sự vươn tới mạnh mẽ của Nguyễn Huệ khiến cho Nguyễn Nhạc lấy làm lo sợ. Ông đã làm một việc lẽ ra không nên làm, ấy là đã đuổi theo với mục đích ngăn chặn bước tiến của em mình. Chính điều này đã dẫn tới cuộc đụng độ đáng tiếc giữa Nguyễn Nhạc với Nguyễn Huệ. Đành rằng chẳng bao lâu sau đó, cuộc xung đột này chấm dứt, nhưng, di hại của nó thì còn kéo dài rất lâu.

Cuối năm 1786, sau khi ở Thăng Long về và sau khi chấm dứt cuộc xung đột với Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc xưng là *Trung Ương Hoàng Đế*, đồng thời, phong cho Nguyễn Huệ làm *Bắc Bình Vương* và Nguyễn Lữ làm *Đông Định Vương*. Thực ra, danh xưng Trung Ương Hoàng Đế có ý nghĩa xác lập một thể thứ hoàng tộc mới chứ không hề có giá trị khẳng định quyền lực bao trùm của Nguyễn Nhạc. Ông chỉ kiểm soát một vùng đất giới hạn từ Bình Thuận trở ra cho đến phía nam của Bến Ván (tỉnh Quảng Nam ngày nay) mà thôi. Đất Gia Định, và đặc biệt là đất từ Bến Ván trở ra, Nguyễn Nhạc hoàn toàn không hề chi phối và cũng không thể nào chi phối được.

Đến đây, chí lớn của Nguyễn Nhạc đã hao mòn, đúng như Nguyễn Huệ nhận xét là : “Đại huynh có ý mệt mỏi, tình nguyện giữ một phủ Quy Nhơn”. Cuối cùng, ảnh hưởng của Nguyễn

Nhạc gần như bó hẹp trong thành Hoàng Đế hoặc trong phủ Quy Nhơn mà thôi. Ngay cả khi Nguyễn Ánh đánh đuổi lực lượng của Đông Định Vương Nguyễn Lữ ra khỏi Gia Định, thậm chí là mở những đợt phản công mạnh mẽ vào khu vực do mình quản lí, Nguyễn Nhạc cũng hầu như không nêu ra được một biện pháp nào đáng kể.

Năm 1793, Nguyễn Nhạc qua đời, con ông là Nguyễn Bảo lên nối nghiệp. Nguyễn Bảo là người thiếu tinh táo, chẳng những không có khả năng làm cho nội bộ Tây Sơn ngày một xích lại gần nhau mà còn đẩy tướng lĩnh Tây Sơn lún sâu vào hố xung đột. Năm 1797, Nguyễn Bảo sắp đặt kế hoạch đầu hàng Nguyễn Ánh, nhưng, cơ mưu bị bại lộ, Nguyễn Bảo bị con của Quang Trung là Quang Toản giết chết.

*

* *

Nguyễn Nhạc xuất thân là nông dân, tuy là nông dân khá giả nhưng sự khá giả đó cũng không hề làm thay đổi bản chất nông dân của con người Nguyễn Nhạc. Và, con đường tất yếu của nông dân trung đại trong trào lưu chống phong kiến là cuối cùng, chính họ sẽ bị phong kiến hóa. Xét về phương diện đó, Nguyễn Nhạc không phải là một ngoại lệ của lịch sử. Và, cũng xét về phương diện đó, nếu cuối cùng Nguyễn Nhạc có sự biến đổi xa lạ với nguồn gốc ban đầu của ông, thì đó cũng là tất nhiên. Vẫn biết là như vậy, nhưng... dầu sao thì cũng tiếc thay.

Không thấy nguồn gốc ban đầu để rồi không thấy quá trình phong kiến hóa của Nguyễn Nhạc là một thiếu sót lớn. Nhưng, nếu chỉ thấy quá trình phong kiến hóa mà không thấy những cống hiến xuất sắc của Nguyễn Nhạc đối với nước nhà, là một sai lầm cũng rất lớn. Đó không phải chỉ là sai lầm khi đánh giá về cá nhân Nguyễn Nhạc mà còn là sai lầm với cả lịch sử nữa.

Nguyễn Nhạc, vị anh hùng đời mãi mãi không quên.

6. Chuyện kể về thần Bạch Mã hay là lời thắm định đáng yêu của nhân dân Tây Sơn trong sự nghiệp phi thường của Nguyễn Nhạc

Muôn đời vẫn thế, chuyện kể dân gian bao giờ cũng là chuyện kể dân gian, nó không hoàn toàn là lịch sử nhưng lại luôn luôn phản ánh một cái lõi sự thật nào đó của lịch sử. Chuyện kể dân gian ở vùng Tây Sơn về thần Bạch Mã cũng không ngoài lẽ thường đó.

Chuyện kể rằng : sinh thời, Nguyễn Nhạc có một con tuấn mã lông trắng mượt mà, chân cao, bụng thon, dáng vẻ thật dũng mãnh. Con tuấn mã ấy đã gắn bó với Nguyễn Nhạc suốt cả cuộc trường chinh. Nhờ đó mà Nguyễn Nhạc mới có thể chỉ huy trận mạc một cách kịp thời và sắc bén, cũng nhờ nó mà Nguyễn Nhạc đã lập được rất nhiều chiến công. Tóm lại, từ khi là Tây Sơn Đệ Nhất Trại Chủ, là Tây Sơn Hiệu Trưởng Tiên Phong Tướng Quân, là Tây Sơn Vương, là Hoàng Đế hay Trung Ương Hoàng Đế, hình ảnh của Nguyễn Nhạc bao giờ cũng gắn liền với hình ảnh con tuấn mã nổi tiếng của ông.

Nhưng rồi năm 1793, khi Nguyễn Nhạc qua đời, con tuấn mã ấy cũng xổng chuồng, chạy thẳng một mạch về Tây Sơn. Một thời gian đầu, vào những lúc chiều tà, thi thoảng, nhân dân ở vùng Núi Ngang lại thấy con tuấn mã ấy xuất hiện. Vẫn bộ lông trắng tuyết vờn ấy, vẫn dáng vẻ dũng mãnh rất quen thuộc ấy, chỉ có khác là tiếng hí của nó nghe sao mà náo nê đến kì lạ. Tương truyền, mộ Nguyễn Nhạc ở đấy, cho nên, con ngựa nhớ chủ mà về thăm. Chủ được dân yêu quý tôn làm thần và con ngựa của chủ cũng được dân tôn làm thần của xứ sở : thần Bạch Mã.

Bởi thờ thần Bạch Mã nên dân Tây Sơn không ai nuôi ngựa trắng nữa. Tục ấy giữ mãi cho đến sau này. Đầu thế kỉ thứ XIX, khi triều Nguyễn được dựng lên, một cuộc trả thù tàn bạo đối với Tây Sơn đã được tiến hành. Mộ của Nguyễn Nhạc bị đào lên, nắm xương tàn bị hành hạ, thần Bạch Mã đến Núi Ngang, cất tiếng hí bi ai rồi đi thẳng vào rừng xanh.

Năm 1885, đất Tây Sơn lại sôi động bởi một phong trào yêu nước mới : phong trào hưởng

ứng chiếu cần vương của Hoàng Đế Hàm Nghi. Lãnh tụ của phong trào này là Mai Xuân Thưởng, quê ở Phú Lạc, huyện Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Ông sinh năm 1860, trong một gia đình Nho học và bản thân ông cũng đỗ Cử Nhân (khoa Ất Dậu, 1885, tại trường thi Hương ở Bình Định). Mai Xuân Thưởng kêu gọi nhân dân vùng dậy chống Pháp dưới ngọn cờ cần vương ngay sau khi ông vừa đỗ đạt. Tương truyền, đúng ngày trọng đại đó, thần Bạch Mã lại xuất hiện ở Tây Sơn, cất tiếng hí vang động cả núi rừng. Chừng như thần có vẻ rất lấy làm mãn nguyện vì lại thấy trên đất Tây Sơn có người nối được chí lớn của Nguyễn Nhạc thuở nào.

Ở một chừng mực nào đó, chuyện kể của dân cũng chính là một cách diễn đạt lòng dân. Với dân Tây Sơn, chuyện kể về thần Bạch Mã còn có giá trị như một như một nhận định mang tính khái quát về Nguyễn Nhạc. Hồn thiêng con người đó và tất cả những gì gắn bó mật thiết với con người đó lúc sinh thời, đều là bất diệt. Khí thiêng sông núi Tây Sơn đã đúc nên ông và khi về với cõi vĩnh hằng, chính ý chí kiên cường của ông lại trở thành một bộ phận của khí thiêng sông núi quê nhà. Thần Bạch Mã hí vang như là để chào đón cuộc gặp gỡ khí phách của hai thế hệ ngoan cường vậy. Mai Xuân Thưởng anh dũng hi sinh năm 1887 khi vừa mới 27 tuổi (1860-1887) và có để lại bài thơ tuyệt mệnh, rất xứng đáng là một trong những người con ưu tú của Tây Sơn.

IV - NGUYỄN HUỆ (1753 - 1792)

"Mắt sáng như chớp, tiếng nói như chuông, khôn ngoan trí xảo hơn người, giỏi chiến trận, không ai là không phải khiếp sợ."

(Đại Nam chính biên liệt truyện - sơ tập, quyển 30).

1. Bước khởi đầu của một sự nghiệp lớn

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 và điều ấy cũng có nghĩa là khi tham gia chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, ông còn ở tuổi vị thành niên. Năm 1771, khi chính thức trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của Tây Sơn, Nguyễn Huệ vừa tròn 18 tuổi. Trong hàng các bậc danh tướng kiệt xuất nhất của lịch sử nước ta, rất hiếm thấy những trường hợp bắt đầu sự nghiệp sớm như thế.

Trong quá trình chuẩn bị, nếu như Nguyễn Nhạc là người chịu trách nhiệm bao quát chung, Nguyễn Lữ là người gần như chỉ chủ yếu là chuyên lo sản xuất và tích trữ lương thực, thì Nguyễn Huệ, ngay từ đầu đã là người trực tiếp cầm quân. Ở Tây Sơn có *Hòn Ông Bình*, tương truyền, đó chính là nơi thuở xưa Nguyễn Huệ huấn luyện binh mã trước khi xuất quân khởi nghĩa.

Tài năng quân sự đầu tiên của Nguyễn Huệ thể hiện rõ nhất là ở việc vạch kế hoạch và trực

tiếp chỉ huy xây dựng một chiến lũy rất dài, nối liền Hòn Ông Nhạc, Hòn Ông Bình với Hòn Lãnh Lương. Đó là chiến lũy nằm án ngữ trục đường qua đèo An Khê, đủ để ngăn chặn những cuộc tấn công của quân đội chúa Nguyễn lên vùng Tây Sơn Thượng Đạo. Nay, chiến lũy do Nguyễn Huệ chỉ huy xây đắp chỉ còn dấu tích một số đoạn ngắn nữa mà thôi.

Năm 1771, khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Nguyễn Huệ là một trong số những tướng lĩnh cao cấp đầu tiên và ông đã cầm quân xông pha trận mạc như thế cho đến tận phút cuối của cuộc đời mình. Nếu như hình ảnh của Nguyễn Nhạc luôn luôn gắn liền với hình ảnh của con tuấn mã có bộ lông màu trắng tuyệt đẹp, thì hình ảnh của Nguyễn Huệ luôn luôn gắn bó với thanh long đao có cán màu đen. Ở vùng Tây Sơn hiện vẫn còn có di tích một ngôi miếu, gọi là Miếu Xà và nhân dân địa phương hiện vẫn còn lưu truyền một sự tích khá li kì như sau : lần đầu tiên xuất quân, Nguyễn Huệ và các tướng rất náo nức. Nhưng, đoàn quân vừa rời khỏi căn cứ thì bỗng chững lại, hàng ngũ phía trước tự dung rối loạn. Nguyễn Huệ tới để kiểm tra nguyên do thì thấy có hai con rắn đen cực lớn nằm chắn ngang đường, cả hai đều vươn cổ lên, há miệng đỏ như đang ngậm máu. Quân sĩ Tây Sơn cho đó là điềm chẳng lành nên ngần ngại, không dám hăng hái đi tiếp. Nguyễn Huệ lập tức xuống ngựa, cung kính thi lễ và khẩn rằng :

- Nay, anh em chúng tôi xuất quân là vì đại nghĩa. Nếu biết trước là sự nghiệp của chúng tôi sẽ thành công thì kính xin Xà Thần (Thần Rắn) mở lối cho chúng tôi đi, còn như nếu biết trước được rằng chúng tôi chỉ uống công vô ích thì xin Xà Thần hãy trị tội mình tôi mà tha cho hết thủy nghĩa sĩ đều được trở về với gia đình, vợ con.

Không ngờ, Nguyễn Huệ vừa khẩn xong thì cả hai con rắn đen cực lớn kia đều quay đầu lại, thoăn thoắt tiến lên phía trước, mở đường cho cả đạo binh cùng đi. Đi được một quãng đường khá xa thì bỗng một con rắn lao nhanh vào bụi rậm và chốc lát sau thì trở ra, miệng ngậm một thanh long đao có cán màu đen, vươn cổ lên "trao" cho Nguyễn Huệ. Đó là thanh long đao cực bén, thế gian không ai có được. Nguyễn Huệ kính cẩn nhận lấy thanh long đao và thề sẽ vì đại nghĩa cứu dân, vì ân huệ của Xà Thần mà chiến đấu đến cùng. Hai con rắn đen nghe Nguyễn Huệ thề xong thì biến mất. Về sau, để tưởng nhớ ơn đức lớn lao của Xà Thần, Nguyễn Huệ đã cho dựng miếu thờ. Miếu ấy lâu ngày đã bỏ hoang tàn, di tích còn lại chính là Miếu Xà đã nói ở trên.

2. Tổng chỉ huy xuất sắc trận Phú Yên (năm 1775 : năm 22 tuổi), tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào Tây Sơn

Năm 1774, lợi dụng lúc chúa Nguyễn đang phải lúng túng đối phó với hàng loạt những cuộc tấn công của Tây Sơn, chúa Trịnh lúc bấy giờ là Trịnh Sâm đã sai Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn quân tiến thẳng vào Đàng Trong và chẳng bao lâu sau đó, Hoàng Ngũ Phúc đã chiếm được thủ phủ của chúa Nguyễn. Toàn bộ tập đoàn họ Nguyễn phải tháo chạy vào Gia Định. Tuy nhiên, cũng kể từ đó, Tây Sơn bị đẩy vào thế "lưỡng đầu thọ địch". Ở mặt Bắc, quân Hoàng Ngũ Phúc bắt đầu vượt đèo Hải Vân. Ở mặt Nam, quân Nguyễn cũng phản công dữ dội. Trước sự xoay chuyển đột ngột và phức tạp của tình hình như vậy, Tây Sơn đã quyết định tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh. Mặt Bắc tạm yên nhưng mặt Nam vẫn rất căng thẳng.

Năm 1775, hơn hai vạn quân Nguyễn do Tổng Phúc Hiệp chỉ huy đã ồ ạt đánh từ phía Nam đánh ra. Một dải đất rộng lớn và liên hoàn, tương ứng với các tỉnh ngày nay như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk... mới được Tây Sơn giải phóng đã bị Tổng Phúc Hiệp chiếm lại. Tổng Phúc Hiệp còn đánh ra tận Phú Yên, tình hình trở nên rất nguy cấp. Tây Sơn chỉ còn giữ được một vùng đất tương ứng với các tỉnh ngày nay như Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Kon Tum và Gia Lai nữa mà thôi.

Tổng Phúc Hiệp đặt đại bản doanh ngay tại Phú Yên và lập hai đại đồn, một ở Xuân Đài (cách Phú Yên chừng 4 km) và một nữa ở Vũng Lắm (cách Phú Yên chừng 10 km). Nếu Xuân Đài là đại đồn của lực lượng bộ binh hùng hậu thì Vũng Lắm chính là đại đồn của lực lượng thủy binh cũng rất đáng gờm. Xuân Đài và Vũng Lắm là hai khu vực xuất phát, cũng là hai địa điểm tập kết rất lợi hại của Tổng Phúc Hiệp. Thế đứng của Tổng Phúc Hiệp được khẳng định khá vững vàng.

Trong khi khí thế quân Nguyễn đang được dần dần phục hồi thì ngược lại, phía Tây Sơn gặp không ít khó khăn. Ngoài việc đất đai bị thu hẹp, Bộ chỉ huy Tây Sơn cũng có sự tổn thất và xáo trộn. Bấy giờ, tướng Tập Đình da bỏ trốn còn tướng Lý Tài thì liên tiếp bị thua đau mấy trận liền, vì thế hoang mang và uy thế giảm sút rất nhanh. Muốn đánh bại Tổng Phúc Hiệp ở Phú Yên, Bộ chỉ huy Tây Sơn không thể trao trọng trách chỉ huy chiến dịch cho tướng Lý Tài được nữa. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Huệ đã dũng cảm đảm trách sứ mệnh Tổng chỉ huy chiến dịch này. Bấy giờ, Nguyễn Huệ vừa tròn 22 tuổi, nhưng, vị tướng rất trẻ này từng là người chỉ huy luyện tập quân sĩ trong thời kì Tây Sơn chuẩn bị khởi nghĩa, và quan trọng hơn, từng là tướng trực tiếp cầm quân xông pha trận mạc bốn năm trời. Tài năng bẩm sinh cộng với những kinh nghiệm thực tiễn quý giá đã tạo cho Nguyễn Huệ một bản lĩnh rất cao cường.

Để tạo yếu tố bất ngờ, trước lúc mở màn trận tấn công, Nguyễn Huệ đã cho người đến gặp Tổng Phúc Hiệp để bàn hai việc lớn, một là tôn lập Nguyễn Phúc Dương (tức Hoàng Tôn Dương) lên làm chúa và hai là kế hoạch phối hợp giữa Tây Sơn và Tổng Phúc Hiệp trong việc chống lại quân Trịnh ! Cuộc thương lượng giữa đại diện của Tây Sơn với Tổng Phúc Hiệp đang tiến hành thì quân của Nguyễn Huệ tràn tới. Chỉ trong chớp nhoáng, thành Phú Yên bị hạ. Tổng Phúc Hiệp phải bỏ thành Phú Yên chạy thực mạng. Tướng của Tổng Phúc Hiệp là Nguyễn Văn Hiến ra sức chống trả đã bị giết ngay tại trận. Một viên tướng nữa của Tổng Phúc Hiệp là Nguyễn Khoa Kiện bị Nguyễn Huệ bắt sống. Bộ binh của Tổng Phúc Hiệp ở Xuân Đài vội vã tháo chạy khiến cho thủy binh ở Vũng Lắm cũng hết hoảng rút ngay về phía Nam.

Tin Nguyễn Huệ thắng lớn ở Phú Yên nhanh chóng truyền vào Nam. Tướng của chúa Nguyễn giữ chức Trấn Thủ tại Bình Khang là Bùi Công Kế cùng với thuộc tướng là Tổng Văn Khôi lập tức đem quân đi cứu, nhưng vừa đến nơi, chưa kịp bày binh bố trận đã bị Nguyễn Huệ đánh cho tan tành. Tổng Văn Khôi bị giết tại trận, Bùi Công Kế phải lập tức rút hẳn về Bình Khang (Bình Khang là một khu vực hành chánh địa phương thời các chúa Nguyễn. Khu vực này trong khoảng những năm từ 1775 đến 1790 có nhiều thay đổi. Khi Bùi Công Kế làm Trấn Thủ, Bình Khang chỉ tương ứng với Khánh Hòa và một phần Đắk Lắk ngày nay).

Trận Phú Yên là trận có ý nghĩa rất quan trọng. Từ đây, quân đội của chúa Nguyễn liên tiếp bị đại bại để rồi cuối cùng là bị đánh bật khỏi Gia Định. Từ đây, tên tuổi của Nguyễn Huệ nổi

bật hẳn lên, tài năng quân sự của Nguyễn Huệ ngày một nở rộ.

Sau trận Phú Yên, theo yêu cầu của Nguyễn Nhạc, Hoàng Ngũ Phúc đã phải xin chúa Trịnh là Trịnh Sâm phong cho Nguyễn Huệ chức *Tây Sơn Hiệu, Tiên Phong Tướng Quân*. Cũng sau trận Phú Yên, Nguyễn Huệ được lệnh ra ổn định tình hình Quảng Nam. Bấy giờ, Hoàng Ngũ Phúc rút quân khỏi vùng Quảng Nam, ra hẳn phía bắc đèo Hải Vân, tuy nhiên, tay chân của chúa Nguyễn ở vùng này cũng nhân đó mà nổi dậy chống Tây Sơn. Hai nhân vật nổi bật của đám tay chân này là Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân. Chỉ trong một trận đánh chớp nhoáng, Nguyễn Huệ đã quét sạch lực lượng của Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân ra khỏi Quảng Nam. Toàn bộ vùng đất từ Quảng Nam vào đến Phú Yên do Tây Sơn quản lí, nhìn chung là ổn định. Ở tuổi 22, Nguyễn Huệ không phải chỉ là một vị tướng có tài mà còn là một người rất giàu năng lực tổ chức quản lí hành chính. Tóm lại, Nguyễn Huệ bắt đầu trở thành linh hồn của Tây Sơn kể từ đây.

3. Tổng chỉ huy cuộc tấn công của quân Tây Sơn vào Gia Định lần thứ hai (năm 1777 : năm 24 tuổi), hai nhân vật cao nhất của tập đoàn họ Nguyễn ở Đàng Trong là Thái Thượng Vương và Tân Chính Vương đều bị giết.

Năm 1776, khi Nguyễn Huệ đang lo trấn áp bọn tay chân của chúa Nguyễn ở Quảng Nam và xây dựng chính quyền Tây Sơn ở vùng này, thì Nguyễn Lữ được lệnh đem quân tấn công vào Gia Định. Với Tây Sơn, đó là lần tấn công thứ nhất vào Gia Định. Nguyễn Lữ đã chiếm được thành Gia Định, thậm chí còn cho quân đánh xuống tận Long Hồ (Vĩnh Long ngày nay), đuổi chúa Nguyễn Phúc Thuần phải chạy về trốn ở Trấn Biên, bắt sống được tướng của chúa Nguyễn là Bùi Hữu Lễ... nhưng, sau đó thì rút về Quy Nhơn, Nguyễn Phúc Thuần lại mộ quân đánh chiếm Gia Định như cũ.

Bấy giờ, Tây Sơn có thêm một trở ngại mới. Hai tướng gốc thương nhân người Hoa là Tập Đình (chỉ huy đạo Trung Nghĩa Quân) và Lý Tài (chỉ huy đạo Hòa Nghĩa Quân) đều phản bội Tây Sơn. Trước đó, Tập Đình đã bỏ trốn còn Lý Tài thì do nhiều phen bại trận, tinh thần và năng lực sa sút nghiêm trọng, cho nên, trong trận Phú Yên, Lý Tài chỉ được giao làm Phó tướng cho Nguyễn Huệ. Thay vì quyết chí lập công để sửa chữa sai lầm, Lý Tài đã tỏ ra bất mãn. Tướng của chúa Nguyễn ở Phú Yên là Tổng Phúc Hiệp biết rất rõ điều này nên đã chiêu hàng được Lý Tài. Trong Bộ chỉ huy Tây Sơn, vị trí của Lý Tài tuy không phải là lớn lao gì, nhưng, Lý Tài là một trong những người nắm được khá rõ sở trường cũng như sở đoản của quân đội Tây Sơn, vì thế, tác hại của sự phản bội này cũng không phải là nhỏ.

Về phía chúa Nguyễn, nội bộ cũng có những xung đột rất phức tạp. Tháng 6 năm 1776, sau khi tháo chạy từ Phú Yên trở về, Tổng Phúc Hiệp lâm bệnh rồi mất. Cuộc tranh giành chi phối quân đội chúa Nguyễn, giữa một bên là Lý Tài với một bên là Đỗ Thanh Nhơn bắt đầu. Lý Tài tuy chỉ mới về đầu hàng, nhưng, lực lượng quân lính mà Lý Tài nắm được cũng khá lớn. Tháng 10 năm 1776, Nguyễn Phúc Dương cũng trốn về được ở Gia Định và dùng Lý Tài làm vây cánh cho mình. Cộng thêm số quân lính tùy tùng của Nguyễn Phúc Dương nữa, thanh thế của Lý Tài tăng lên rất nhanh. Đỗ Thanh Nhơn tự nhận là người không chịu đội trời chung với Tây Sơn. Đội quân do Đỗ Thanh Nhơn lập ra mang tên là Đông Sơn, theo cách giải thích của chính Đỗ Thanh Nhơn, cũng chỉ cốt để tỏ cái chí đối nghịch sâu sắc với Tây Sơn mà thôi.

Khi Lý Tài đem quân về Gia Định, Đỗ Thanh Nhơn buộc phải bỏ Gia Định mà chạy về Ba Giồng (nay thuộc Tiền Giang). Nguyễn Phúc Thuần bị Lý Tài bắt được và sau đó lại bị Lý Tài ép phải nhường ngôi cho Nguyễn Phúc Dương. Bởi lẽ này, xứ Đàng Trong từ đây có đến hai chúa, một là Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần và hai là Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương. Lý Tài được phong làm Bảo Giá Đại Tướng Quân. Cuộc xung đột nội bộ này đã làm cho thế và lực của tập đoàn họ Nguyễn bị suy giảm khá mạnh.

Lúc này, tình hình Quảng Nam đã tạm ổn, Bộ chỉ huy Tây Sơn quyết định cử Nguyễn Huệ

làm Tổng chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định. Tháng 3 năm Đinh Dậu (1777), đại binh Tây Sơn do Nguyễn Huệ cầm đầu, chia làm hai đạo cùng tiến.

Đạo thủy binh là đạo quân chủ lực, do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy, vượt miền duyên hải khu vực Nam Trung Bộ ngày nay, đánh thẳng vào cửa Cần Giờ, sau đó, tấn công vào các đơn vị quân đội chúa Nguyễn đóng ở chung quanh thành Gia Định.

Đạo bộ binh nhỏ hơn, gồm chủ yếu là các đơn vị Tây Sơn đang đóng tại Phú Yên, có nhiệm vụ đánh mạnh vào khu vực tương ứng với các tỉnh ngày nay như Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, rồi tiến thẳng vào Gia Định.

Để đối phó với cuộc tấn công của lực lượng thủy bộ Tây Sơn, tập đoàn họ Nguyễn quyết định phải chủ động vạch kế hoạch phòng ngự và khi thời cơ đến thì kiên quyết tổ chức phản công. Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương tự mình làm tướng, đem một đạo quân khá lớn đến Trấn Biên để sẵn sàng chặn đứng lực lượng bộ binh của Tây Sơn. Lý Tài cùng với Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần chỉ huy quân sĩ giữ vững thành Gia Định để khi thủy binh Tây Sơn đã mệt mỏi với trận đánh thành cam go thì sẽ tung quân ra đánh trận quyết định. Các tướng cầm quân đóng giữ ở các địa phương thì phải chuẩn bị trong tư thế có thể đi ứng cứu bất cứ lúc nào. Xét về phương diện lí thuyết, đây là một kế hoạch đối phó rất chắc chắn, khả năng thành công cũng rất cao. Tuy nhiên, điều mà tập đoàn họ Nguyễn không lường trước được là tài chỉ huy vừa táo bạo, thần tốc lại vừa biến hóa lạ lùng của Nguyễn Huệ. Diễn biến của trận đánh vì thế mà rất gọn gàng.

Trước hết, thủy binh do Nguyễn Huệ trực tiếp cầm đầu đã đánh thẳng một mạch từ Cần Giờ lên Gia Định và chẳng mấy chốc thì thành Gia Định thất thủ, Lý Tài phải bỏ cả Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần mà chạy về Hóc Môn.

Đạo quân do Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương chỉ huy mới giáp chiến với Tây Sơn mấy trận ở Trấn Biên đã tỏ ra khó bề chống đỡ. Nguyễn Phúc Dương rút về Gia Định, tướng để tăng cường sức mạnh cho Lý Tài, nhưng, đến nơi thì Lý Tài đã bại trận, Nguyễn Phúc Dương phải cùng Nguyễn Phúc Thuần chạy ra Hóc Môn với Lý Tài.

Sau khi chiếm được thành Gia Định, Nguyễn Huệ cho một đạo quân ra Hóc Môn để truy kích Lý Tài đến cùng. Lý Tài đang điên cuồng chống trả và tình thế chiến trận đang ở lúc rất gay go thì một viên tướng của chúa Nguyễn là Trương Phúc Thận đem quân tới cứu. Lý Tài làm tướng đó là quân Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhơn, cho nên, đã vội vã tháo chạy. Trương Phúc Thận tự thấy không đủ sức để đối địch với Tây Sơn, bèn dẫn Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương về Tranh Giang (nay thuộc Tiền Giang).

Quân tan, lực kiệt... không còn con đường nào khác, Lý Tài phải chạy về Ba Giồng là khu vực đóng quân của Đỗ Thanh Nhơn. Cơ hội trả thù của Đỗ Thanh Nhơn đã đến. Hắn cho quân đánh úp, bắt sống Lý Tài đem về giết đi. Cuộc xung đột giữa Thanh Nhơn với Lý Tài đến đó là chấm dứt và mâu thuẫn nội bộ của tập đoàn họ Nguyễn cũng nhờ đó mà giảm dần. Bấy giờ, trong tôn thất họ Nguyễn có một nhân vật rất trẻ nhưng cũng rất đáng gờm là Nguyễn Ánh. Lúc này, Nguyễn Ánh dựa vào Đỗ Thanh Nhơn, khiến cho thế lực của Đỗ Thanh Nhơn phát triển rất nhanh. Tại Tranh Giang, tập đoàn họ Nguyễn quyết định một kế hoạch đối phó mới, theo đó thì :

- Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương và tướng Trương Phúc Thận chỉ huy lực lượng đóng tại Tranh Giang.
- Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần chỉ huy lực lượng đóng tại Tài Phụ (nay thuộc Tiền Giang).
- Nguyễn Ánh và Đỗ Thanh Nhơn chỉ huy lực lượng đóng tại Gia Khê (nay thuộc Kiên Giang).

Ba cánh quân, ba vị trí, thủy bộ cùng phối hợp, sẵn sàng giao tranh với Tây Sơn và ứng cứu cho nhau khi cần... Một lần nữa, xét về mặt lí thuyết, đây quả thật là kế hoạch rất chặt chẽ. Nhưng, cũng một lần nữa, kế hoạch của tập đoàn họ Nguyễn bị Nguyễn Huệ đập tan.

Thủy quân Tây Sơn do đích thân Nguyễn Huệ cầm đầu đã đồng thời tấn công vào cả Tranh Giang và Tài Phụ. Chỉ với một trận, Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương và Trương Phúc

Thận đã đại bại, phải bỏ Tranh Giang chạy về Ba Việt (nay thuộc Mỏ Cày, Bến Tre). Cũng chỉ với một trận, Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần đã phải bỏ Tài Phụ mà chạy về Long Hưng (nay thuộc Tiền Giang) rồi sau đó chạy về Cần Thơ. Thấy tình hình quá nguy cấp, tướng Đồ Thanh Nhơn được lệnh lên đường quay trở ra vùng Bình Thuận để tìm cánh quân của Châu Văn Tiếp đang ẩn náu tại đây. Gặp Đồ Thanh Nhơn, Châu Văn Tiếp lập tức cùng thuộc tướng là Trần Văn Thức đem quân đi gặp vào Gia Định để ứng cứu.. Nhưng, Châu Văn Tiếp chưa kịp đến Trấn Biên thì đã bị đánh cho tơi bời, tướng Trần Văn Thức bị giết tại trận còn Châu Văn Tiếp thì may mắn thoát chết.

Tại Ba Việt, Nguyễn Huệ cho quân kết hợp bao vây với tấn công tiêu diệt. Các tướng thân tín của Tân Chính Vương như Tôn Thất Chí, Nguyễn Mẫn và Tống Phước Hựu đều bị giết. Trong thế quần bách, Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương định phá vòng vây chạy trốn. Nhưng, ý định đó đã bị tan thành mây khói. Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương và 18 tướng lĩnh tùy tùng bị bắt sống, sau đó bị đưa về xử tử tại Gia Định vào tháng 8 năm 1777.

Tại Cần Thơ, nghe tin Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Dương bị bắt, Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần hoảng sợ, định theo kế của Mạc Thiên Tứ tìm đường chạy sang tam lánh nạn ở Trung Quốc. Nhưng, khi đang chờ tàu ở Long Xuyên, Thái Thượng Vương Nguyễn Phúc Thuần cùng với toàn bộ tướng lĩnh đi theo hộ giá như Trương Phúc Thiện, Nguyễn Danh Khoáng, Nguyễn Phúc Đồng (anh ruột của Nguyễn Ánh)... đều bị bắt sống và đến tháng 9 năm 1777 thì bị xử tử tại Gia Định. Bấy giờ, tôn thất họ Nguyễn chỉ còn có Nguyễn Ánh là trốn thoát được.

Với cuộc tấn công vào Gia Định lần này, Nguyễn Huệ đã làm sụp đổ hoàn toàn cơ đồ thống trị của họ Nguyễn được tạo lập trước đó hơn hai trăm năm, thực hiện thắng lợi trọn vẹn mục tiêu lớn nhất của Tây Sơn đặt ra trong thời kì chuẩn bị khởi nghĩa. Cũng với cuộc tấn công dũng mãnh này, Nguyễn Huệ đã giải phóng được một vùng đất rộng lớn, nhanh chóng tăng cường sức người và sức của, khiến Tây Sơn có thể vững vàng bước vào những trận chiến đấu mới, lớn hơn và quyết liệt hơn.

Đến đây, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ bước vào thời kì nở rộ, phong phú và xuất sắc lạ thường. Các tướng lĩnh của họ Nguyễn đều xem ra không đáng là đối thủ của Nguyễn Huệ. Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương, Nguyễn Huệ nhờ những công lao xuất sắc trong hơn bảy năm chiến đấu, đặc biệt là ở trận Phú Yên (1775) và trận Gia Định (1777) nên đã được phong làm Long Nhương Tướng Quân.

4. Cùng với anh là Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư (năm 1782 : năm 29 tuổi), đánh cho Nguyễn Ánh phải đại bại.

Sau khi hoàn thành xuất sắc cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, Nguyễn Huệ trở về Quy Nhơn, giao vùng đất mới được giải phóng cho một số tướng lĩnh quản lí. Nhận cơ hội đó, Nguyễn Ánh và bè lũ lập tức nổi lên. Đất Gia Định chẳng mấy chốc đã bị Nguyễn Ánh chiếm lại. Lực lượng Tây Sơn ở Gia Định không sao chống đỡ nổi, đành phải cấp báo về Quy Nhơn. Do chỗ nhận định rằng Nguyễn Ánh chỉ là một kẻ tuổi đời còn quá trẻ, năng lực chỉ huy và uy tín cũng chưa cao, cho nên, Tây Sơn chỉ cử hai viên tướng là Tống Đốc Chu (chưa rõ họ là gì) và Hộ Giá Phạm Ngạn, đem hai đạo quân thủy bộ nhỏ đi cứu nguy cho Gia Định. Sau sáu tháng hành quân vất vả, Tống Đốc Chu và Hộ Giá Phạm Ngạn mới tiến được đến vùng Biên Hòa ngày nay. Các tướng của Tây Sơn chẳng những không cản nổi những cuộc phản công của Nguyễn Ánh mà còn bị đánh bật khỏi Gia Định, sau đó lại còn bị đánh bật khỏi Bình Thuận, tình hình phía Nam trở nên rất nguy cấp.

Tại Gia Định, lực lượng của Nguyễn Ánh được tăng cường rất nhanh. Đầu năm 1781, Nguyễn Ánh đã có khoảng ba vạn quân thủy bộ. Bấy giờ, sát cánh bên cạnh Nguyễn Ánh còn có năm tàu chiến với đầy đủ thủy thủ và vũ khí của phương Tây do viên sĩ quan người Pháp là Manuel chỉ huy. Từ Gia Định, Nguyễn Ánh liên tiếp chủ động tổ chức những cuộc tấn công vào Tây Sơn. Đã

có lúc, quân Nguyễn Ánh tiến tới tận khu vực gần thành phố Nha Trang ngày nay.

Tháng ba năm Nhâm Dần (1782), Bộ chỉ huy Tây Sơn quyết định đưa đại quân vào Nam, đánh gục toàn bộ lực lượng của quân Nguyễn. Bởi tính chất đặc biệt quan trọng của trận đánh này, đích thân hai lãnh tụ của Tây Sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy. Tương tự như ba lần trước, lần này, Tây Sơn cũng huy động cả bộ binh lẫn thủy binh, trong đó, thủy binh là lực lượng nòng cốt. Về phần mình, Nguyễn Ánh do đã biết được quyết tâm của Tây Sơn nên đã chủ động bố trí trận địa để đón đánh.

Tại Cần Giờ, thủy binh của Nguyễn Ánh do tướng Tống Phước Thiêm chỉ huy, có khoảng 400 chiến thuyền (chưa kể 5 tàu chiến của phương Tây do Manuel cầm đầu), chuẩn bị thế trận gần ở khu vực sông Ngã Bảy (Thất Kỳ Giang) với hi vọng chặn đứng thủy quân Tây Sơn để rồi sau đó là tùy cơ mà tổ chức phản công. Ngoài ra, Nguyễn Ánh còn sắp sẵn một đội chiến thuyền khác, do đích thân Nguyễn Ánh chỉ huy, có thể đến ứng cứu cho Tống Phước Thiêm bất cứ lúc nào. Bộ binh của Nguyễn Ánh thì tập trung chủ yếu ở khu vực thành Gia Định. Nơi đây, hệ thống đồn lũy được tu bổ cẩn thận, khả năng phòng thủ rất cao.

Về phần Tây Sơn, trận đánh quyết liệt đầu tiên là trận sông Ngã Bảy ở Cần Giờ. Trận này do đích thân Nguyễn Huệ chỉ huy. Nhân lúc thuận chiều gió, Nguyễn Huệ đã cho dùng hỏa công, khiến cho thủy quân Tống Phước Thiêm hoàn toàn bị bất ngờ về cách đánh, đội ngũ rối loạn, chẳng mấy chốc đã bị đại bại. Nguyễn Ánh tới cứu cũng không sao có thể xoay chuyển được tình thế, đành tháo chạy thục mạng. Tàu chiến của Manuel bị vây chặt và sau đó bị thiêu trụi, Manuel chịu chết cháy.

Tàn binh của Nguyễn Ánh và Tống Phước Thiêm chạy về Gia Định, kết hợp với lực lượng bộ binh đang đóng tại đây để tính kế chống trả. Ở Gia Định, Nguyễn Ánh có ba căn cứ rất vững chắc. Một là thành Gia Định, hai là đồn Bến Nghé và ba là đồn Thị Nghè. Trong thế chân vạc lợi hại này, Bến Nghé và Thị Nghè giữ vị trí yểm trợ rất đắc lực cho thành Gia Định. Cả thành lẫn đồn đều được xây dựng rất kiên cố. Bấy giờ, thân cây dừa được dùng làm kèo đỡ, súng lớn cũng không dễ gì phá hủy được. Nhưng, chỉ trong một trận giáp chiến, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy cũng đã đánh bật được Nguyễn Ánh ra khỏi ba căn cứ kiên cố nói trên. Nguyễn Ánh phải chạy về Ba Giồng. Tại đây, chưa kịp củng cố đội ngũ để đối phó thì tin bại trận cứ liên tiếp chuyển về và quân Tây Sơn cũng đang ồ ạt tiến tới, cho nên, Nguyễn Ánh lại phải tháo chạy. Lần này, Nguyễn Ánh chỉ còn lại đúng 150 người bỏ Ba Giồng, băng qua Hậu Giang, sang cả Chân Lạp, lòng vòng bôn tẩu khắp nơi.

Trong khi một bộ phận quan trọng của Tây Sơn đang lo truy kích Nguyễn Ánh thì một bộ phận khác của Tây Sơn lo đối phó với những đám tàn quân khác của Nguyễn Ánh. Bấy giờ, các tướng của Nguyễn Ánh như Tôn Thất Dụ, Trần Xuân Trạch, Trần Công Chương.. từ Bình Thuận cũng vội đem quân vào Gia Định. Sau các tướng nói trên, đến lượt Châu Văn Tiếp hùng hổ mang quân tới. Một trận ác chiến đã xảy ra tại khu vực cầu Tham Lương, Hộ Giá Phạm Ngan của Tây Sơn bị tử trận, nhưng phía đối phương, tướng Hồ Công Siêu cũng bị giết chết. Thấy không thể chống đỡ nổi, lực lượng của Nguyễn Ánh do các tướng nói trên chỉ huy đã buộc phải rút lui, tìm chỗ náu mình ở đất Bình Thuận như trước đó.

Mùa hè năm 1782, thấy tình hình Gia Định đã tương đối ổn, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ rút quân về Quy Nhơn, chỉ để lại tướng Đỗ Nhân Trập cùng ba ngàn quân ở lại trông coi Gia Định nữa mà thôi.

Trận tấn công vào Gia Định năm 1782 là trận đầu tiên Nguyễn Huệ chỉ huy quân đội đánh vào thế trận đã bày bố sẵn của đối phương, cả ở dưới nước lẫn trên bộ. Xét từ mọi phương diện khác nhau, thế trận của Nguyễn Ánh là thế trận rất vững chắc. Bên cạnh lực lượng khá hùng hậu của mình, Nguyễn Ánh còn được sự hỗ trợ đắc lực của các chiến thuyền phương Tây. Số lượng các chiến thuyền phương Tây tuy không nhiều, nhưng, vị trí và ảnh hưởng đối với chiến trận lại rất lớn. Nếu Tây Sơn phải hành quân xa từ hàng trăm cây số tới, thì ngược lại, Nguyễn Ánh gần như chỉ sắp đặt mọi việc tại chỗ. Tóm lại là về lí thuyết, khả năng giành phần thắng của Nguyễn Ánh cao hơn. Nhưng, thực tiễn sinh động của cuộc tấn công năm 1782 cho thấy Nguyễn Huệ đã làm được những việc ngỡ như không thể làm. Nghệ thuật đánh nhanh, thắng nhanh được Nguyễn Huệ thực hiện với một trình độ rất cao. Các tướng dày dặn kinh nghiệm

trận mạc của Nguyễn Ánh rồi cả đến bản thân Nguyễn Ánh phải kinh ngạc và hoảng sợ đã đành, ngay những sĩ quan chỉ huy chiến thuyền người phương Tây như Manuel cũng phải bó tay chịu chết. Chỗ dựa chủ yếu của Nguyễn Huệ không phải là vũ khí hay điều kiện thuận lợi của thời tiết và địa hình, mà trước hết và cao nhất vẫn là con người. Nếu nắm được thế mạnh riêng của từng tướng lĩnh, của từng đạo quân và sử dụng được, phát huy cao độ được những thế mạnh riêng đó, thì nhất định sẽ nắm phần thắng trong tay.

Trong cuộc tấn công vào Gia Định năm 1782 này, bên cạnh Nguyễn Huệ, Bộ chỉ huy quân Tây Sơn còn có một nhân vật rất quan trọng khác, đó là Nguyễn Nhạc. Với cương vị là Hoàng Đế, hẳn nhiên, tiếng nói của Nguyễn Nhạc có ý nghĩa quyết định. Nhưng xét diễn biến cụ thể của toàn bộ cuộc tấn công, vai trò của Nguyễn Huệ luôn luôn nổi lên hàng đầu. Những trận giáp chiến quan trọng nhất diễn ra tại sông Ngã Bảy, tại thành Gia Định, đồn Bến Nghé, đồn Thị Nghé và tại khu vực Tiền Giang ngày nay đều do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy. Sử cũ thực sự có lí khi hầu như chỉ nhắc riêng tên Nguyễn Huệ trong đoạn chép về năm này.

5. Tổng chỉ huy lực lượng Tây Sơn tấn công vào Gia Định lần thứ năm (năm 1783 : năm 30 tuổi), đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ vừa rút về Quy Nhơn thì lập tức tình hình Gia Định biến đổi nhanh chóng, theo chiều hướng ngày càng bất lợi cho Tây Sơn. Trước hết, tại Long Hồ, một viên tướng của Nguyễn Ánh là Hồ Văn Lân đã tập hợp được một số quân lính, bất ngờ tấn công và chiếm lại được Long Hồ. Ngay sau chiến thắng này của Hồ Văn Lân, các tướng khác của Nguyễn Ánh như Dương Công Trừng và Nguyễn Văn Quý cũng đem quân về Long Hồ để hỗ trợ Hồ Văn Lân, khiến cho tình thế của lực lượng ủng hộ Nguyễn Ánh ở đây tăng lên rất nhanh. Từ Long Hồ, một loạt những trận phản công lớn nhỏ được tổ chức. Quân Tây Sơn dẫu rất cố gắng vẫn không sao chống đỡ nổi, bỏ thành, bỏ đất mà chạy. Vùng đất đại để tương ứng với Long An ngày nay trở về Nam, dần dần nằm trong tay của nhóm tướng lĩnh Hồ Văn Lân. Tin này chẳng mấy chốc đã vang đi khắp nơi.

Tại Bình Thuận, Châu Văn Tiếp cũng nhận thấy quân đội Tây Sơn ở Gia Định lúng túng, bèn tới tập đánh vào Nam. Lần này, Châu Văn Tiếp có vẻ rất tự tin, giương cao ngọn cờ *Lương sơn tá quốc* (quân giỏi ở núi rừng lo giúp nước) mà tiến. Bấy giờ, quân Tây Sơn ở Gia Định do Đỗ Nhuận Trập chỉ huy chỉ có ba ngàn người mà phải phân tán đi đóng giữ nhiều đồn lũy khác nhau, vì thế, khả năng chống đỡ ở từng đồn lũy rất thấp. Châu Văn Tiếp cùng các tướng dưới quyền như Tôn Thất Mân, Phạm Văn Sĩ, Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Long, Phan Viện... chia quân dồn dập đánh vào Gia Định. Đỗ Nhuận Trập không sao cầm cự nổi, đành phải tháo chạy về Quy Nhơn.

Cũng có thể nói Đỗ Nhuận Trập đã sai lầm khi dàn mỏng lực lượng vốn dĩ rất khiêm nhường của mình trên nhiều địa bàn khác nhau, tuy nhiên, ở một góc độ khác, chúng ta lại cũng có thể nói rằng Đỗ Nhuận Trập thật khó mà chọn lựa cho mình một phương pháp nào khác. Sai lầm của tướng Đỗ Nhuận Trập chùng như lại bắt đầu từ sai lầm của Bộ chỉ huy Tây Sơn khi đánh giá về vị trí của đất Gia Định. Tây Sơn đã tập trung quân quá đông ở những nơi không phải là có vị trí chiến lược quan trọng. Nguyễn Ánh và tướng lĩnh dưới quyền đã triệt để lợi dụng sơ hở này và do đó đã dễ dàng chiếm lại Gia Định sau những phen đại bại thảm hại đến độ ngỡ như khó mà ngóc đầu lên được nữa.

Tại Gia Định, một lần nữa, Nguyễn Ánh lại gấp rút xây dựng hệ thống đồn lũy trên cả một tuyến dài từ vùng đại để tương ứng với Long An về cho đến thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Đồn lũy cũ được tu bổ và tôn tạo. Thành lũy mới được xây đắp. Bộ binh và thủy binh liên lạc chặt chẽ và sẵn sàng ứng cứu cho nhau. Khí thế của tập đoàn Nguyễn Ánh lại một lần nữa trở nên rất hưng thịnh.

Đứng trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Tây Sơn lại quyết định tổ chức cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm. Lần này, quân Tây Sơn đặt dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Huệ và Nguyễn

Lữ. Lực lượng tham chiến của Tây Sơn gồm chủ yếu là thủy binh. Tháng hai năm Quý Mão (1783), Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ bắt đầu cho quân rời Quy Nhơn tiến vào Nam, mở đầu cuộc tấn công lớn vào Nguyễn Ánh.

Cuộc giáp chiến đầu tiên diễn ra tại Cần Giờ. Cũng như tất cả các trận trước, Nguyễn Huệ đã triệt để lợi dụng thủy triều và gió khiến cho sức mạnh của thủy binh Tây Sơn được nhân lên gấp bội. Chỉ trong một trận chớp nhoáng, phòng tuyến kiên cố của Nguyễn Ánh tại Cần Giờ bị phá toang. Ngay sau đó, Nguyễn Huệ chia quân làm hai đạo đánh từ hai hướng khác nhau.

Đạo thứ nhất tiến xuống Thảo Câu (Vàm Cỏ), giao cho Đô Đốc Lê Văn Kế chỉ huy. Đạo thứ hai đánh thẳng vào Gia Định, giao cho Tư Khẩu Nguyễn Văn Kim chỉ huy. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ chịu trách nhiệm điều khiển chung.

Tại Thảo Câu, thủy quân Nguyễn Ánh đã chuẩn bị sẵn một trận hoả công rất lợi hại. Nhưng, theo đúng lời dặn của Nguyễn Huệ, Đô Đốc Lê Văn Kế chờ cho đến lúc thủy triều lên nhanh và gió bắt đầu thuận chiều mới đánh. Lửa hoả công của quân Nguyễn Ánh, thay vì nhằm thiêu cháy chiến thuyền của Tây Sơn, đã thiêu cháy ngay chính chiến thuyền của mình. Đô Đốc Lê Văn Kế nhân đó đã thúc quân đánh tới tấp. Lực lượng thủy quân của Nguyễn Ánh ở Thảo Câu nhanh chóng bị tan rã. Tướng chỉ huy quân Nguyễn ở Thảo Câu là Dương Công Trừng bị bắt, toàn bộ quân sĩ của Nguyễn Ánh đóng tại đây đều phải xin hàng.

Tại Gia Định, số phận của lực lượng quân Nguyễn cũng bi đát không kém. Tướng chỉ huy quân Nguyễn ở đây là Tôn Thất Mân cùng hàng loạt thuộc tướng và quân sĩ phải chịu chết.

Sau hai trận đại bại nói trên, Nguyễn Ánh buộc phải bỏ Gia Định, dắt díu thân nhân chạy trốn. Bấy giờ, Nguyễn Ánh còn độ dăm sáu tướng cùng với khoảng một trăm quân sĩ tùy tùng nữa mà thôi. Nhưng, chỉ mấy ngày sau, đám tàn quân của Nguyễn Ánh đã tập trung ở Ba Giồng và chúng lại tính kế để đánh trả Tây Sơn.

Quyết không cho Nguyễn Ánh kịp ra tay, Nguyễn Huệ đã trực tiếp cầm tới đánh. Lần này, Nguyễn Huệ cho cả tượng binh tham chiến. Một lần nữa, Nguyễn Ánh đại bại, các tướng như Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Kim Phẩm đều bị bắt, Nguyễn Đình Thuyên, Nguyễn Văn Quý, Trần Đại Huệ ... thì bị giết tại trận.

Từ đây, một cuộc truy đuổi ráo riết của quân Tây Sơn đối với Nguyễn Ánh bắt đầu. Nguyễn Ánh phải bôn tẩu khắp nơi và chịu thêm nhiều thiệt hại nặng nề nữa. Đại lược như sau :

- Sau nhiều ngày chạy lòng vòng trong khu vực thuộc Tiền Giang ngày nay, Nguyễn Ánh thấy không thể bám lại được, bèn chạy ra cửa biển Ba Thắc để tìm gặp Bá Đa Lộc. Nhưng trước đó Bá Đa Lộc đã đến Mac Bắc (nay thuộc Trà Vinh), cùng với giáo sĩ Liot, giáo sĩ Castuera và giáo sĩ Ginestar chạy trốn. Tám ngày sau, Nguyễn Ánh cũng đuổi kịp nhưng các giáo sĩ nói trên không dám ở chung với Nguyễn Ánh vì sợ bị liên lụy nên lại trốn đi nơi khác.

- Nguyễn Ánh hoảng hốt chạy ra Hà Tiên rồi sau đó là nương thân tại đảo Phú Quốc. Tướng Phan Tiến Thân được Nguyễn Huệ sai cầm quân đi truy kích. Trong trận giáp chiến tại Phú Quốc, một loạt các tướng của Nguyễn Ánh như Tôn Thất Cốc, Tôn Thất Điển (cũng tức là Tôn Thất Chương), Chương Cơ Hoảng (chưa rõ họ)... bị bắt. Nguyễn Ánh may được Lê Phúc Điển đổi áo để đánh lừa quân Tây Sơn mới thoát chết mà chạy trốn được.

- Sau khi được Lê Phúc Điển đổi áo, Nguyễn Ánh chạy ra đảo Cổ Long, nhưng chưa hoàn hồn đã bị tướng của Tây Sơn là Trương Văn Đa đem quân tới truy đuổi. Khi ấy, bỗng dưng gió bão nổi lên, Trương Văn Đa không thể tiếp tục cuộc truy quét, còn tàn quân của Nguyễn Ánh thì liều chết vượt cả gió bão, chạy về đảo Cổ Cốt và sau đó lại về đảo Phú Quốc.

- Tại Phú Quốc, do bị tuyệt lương, tàn quân Nguyễn Ánh lại quyết chí đi tìm nơi nương thân khác. Chẳng dè, vừa xuất đầu lộ diện đã bị quân Tây Sơn vây đánh tới tấp. Không còn con đường nào khác, Nguyễn Ánh phải chạy thẳng ra ngoài khơi, lênh dênh trên biển bảy ngày bảy đêm mới lui về được Phú Quốc.

- Thấy Phú Quốc không phải là đất dung thân, Nguyễn Ánh lại bí mật quay về Long Xuyên, nhưng, chưa đến được Long Xuyên đã bị tướng của Nguyễn Huệ là Nguyễn Hóa chặn đánh quyết liệt. Nguyễn Ánh chạy ra Hòn Chông và sau đó lại chạy đến đảo Thổ Châu, cách đất liền

những hơn 200 cây số. Cuối cùng, Nguyễn Ánh đã chạy sang cầu cứu Xiêm La.

Đến đây, những nhiệm vụ chính yếu đặt ra cho cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm đã hoàn thành. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ rút quân về Quy Nhơn, việc coi giữ đất Gia Định được giao cho tướng Trương Văn Đa đảm trách. Đánh giá về Nguyễn Huệ trong và sau cuộc tấn công này, một học giả phương Tây là Legrand de la Liraye viết :

"Bằng việc giải phóng đất Gia Định, Long Nhương Tướng Quân (chỉ Nguyễn Huệ - NKT) đã hoàn toàn làm chủ được cả xứ Đàng Trong. Ông không phải chỉ là tướng giỏi cầm quân mà còn là một nhà chính trị xuất sắc, tức là khác hẳn với những vị tướng mà trước đó Nguyễn Nhạc đã cử vào. Ông nắm được cả vùng Gia Định trong tay bằng những đồn lũy nằm án ngữ khắp các nẻo thủy bộ với một kỉ luật nghiêm minh và một lòng nhân từ với nhân dân."

Thực tiễn sinh động của cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm đã chứng tỏ rằng, Nguyễn Huệ là người vừa rất có tài quyết đoán lại vừa biết triệt để tận dụng những yếu tố thuận lợi của thời tiết và chế độ thủy văn, khiến cho cả thể và lực của quân đội Tây Sơn trong từng trận đánh cụ thể được nhân lên gấp bội. Do liên tiếp bị đại bại thảm hại, trong bước đường cùng, Nguyễn Ánh đã chạy sang cầu cứu Xiêm La, tức là đã đi từ chỗ hại dân đến chỗ phản quốc.

6. Tổng chỉ huy trận quyết chiến chiến lược ở Rạch Gầm - Xoài Mút (năm 1785 : năm 32 tuổi), đập tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm La và trừng trị đích đáng hành vi phản dân, hại nước của Nguyễn Ánh.

Đôi điều về quân xâm lược Xiêm La :

Khi quân Tây Sơn liên tiếp tổ chức những cuộc tấn công vào Gia Định thì ở Xiêm La, tình hình chung cũng rất bi đát. Bấy giờ, quân Miến Điện liên tiếp tấn công Xiêm La và giai cấp thống trị của Xiêm La đã tỏ ra rất bạc nhược, không đủ tinh thần và ý chí, càng không đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo sự nghiệp chống xâm lăng. Quân Miến Điện đã chiếm được kinh đô của Xiêm La lúc đó là Ayuthaya và tàn phá đất Xiêm La một cách khủng khiếp

Trước hiểm họa đó, người Xiêm La và những kiều dân làm ăn sinh sống trên đất Xiêm La đã đồng tâm hợp lực để tổ chức cuộc kháng chiến chống Miến Điện. Trong cuộc chiến đấu ngoan cường ấy, một nhân vật đặc biệt đã nổi lên, đó là Tak Sin. Tak Sin cũng tức là Phìa Tak, là Trịnh Tân, Phi Nhã Tân hay Trịnh Quốc Anh, xuất thân là một thương nhân gốc Trung Quốc. Ông đã lãnh đạo nhân dân Xiêm La đánh tan quân Miến Điện và nhờ có công lao đặc biệt này, sau chiến thắng, Trịnh Quốc Anh được tôn lên ngôi vua (1767 - 1782) của Xiêm La.

Trong những năm trị vì của Trịnh Quốc Anh. Xiêm La đã phục hưng khá nhanh. Từ vị trí của một nước luôn bị các thế lực cát cứ hoành hành, Xiêm La đã trở thành một vương quốc có chính quyền tập trung chuyên chế vững mạnh. Từ tư thế của một nước bị tấn công xâm lược triền miên, Xiêm La trở thành kẻ đi tấn công xâm lược nước khác. Nhưng, về cuối đời, Trịnh Quốc Anh đã mắc phải hai ác tật. Một là bị bệnh phong (dân gian gọi là bệnh cùi), vì thế, sử vẫn gọi Trịnh Quốc Anh là *phong vương* (ông vua bị bệnh phong) và hai là bị bệnh điên, cho nên, sử cũng gọi ông là *cuồng vương* (ông vua bị bệnh điên).

Sau khi đã củng cố được địa vị của mình trên vũ đài chính trị Xiêm La, Trịnh Quốc Anh đã xua quân sang tấn công xâm lược Chân Lạp. Viên tướng được Trịnh Quốc Anh trao phó trọng trách cầm quân sang Chân Lạp là Chakkri (sử ta phiên âm là Chất Tri). Bấy giờ, đất đai của Chân Lạp đã bị thu hẹp, nội bộ của Chân Lạp lại mất đoàn kết nghiêm trọng, vì thế, Chakkri đã thành công khá dễ dàng. Nhưng, khi Chakkri đang lập công ở Chân Lạp thì ở Xiêm La, Trịnh Quốc Anh không còn có thể tiếp tục làm vua như cũ nữa. Chakkri đã đem quân về, lật đổ Trịnh Quốc Anh và làm vua Xiêm La kể từ năm 1782.

Với Chakkri, cuộc khủng hoảng nhất thời của Xiêm La nhanh chóng chấm dứt và Xiêm La

phát đạt hơn hẳn thời trị vì của Trịnh Quốc Anh. Chính sách bành trướng của Xiêm La chẳng những được tiếp tục duy trì mà còn được đẩy mạnh. Quân đội của Chakkri đã hoành hành khắp các nước trên bán đảo Đông Dương.

Tập đoàn Nguyễn Ánh chạy sang cầu cứu Xiêm La vào năm 1783, tức là năm trị vì của Chakkri - Nhà vua cũng đồng thời là viên tướng khét tiếng nhất của Xiêm La lúc bấy giờ. Nói khác hơn, đối thủ mới của nghĩa quân Tây Sơn là rất đáng gờm.

Ngay sau khi nhận được lời cầu cứu của Nguyễn Ánh, đầu năm Giáp Thìn (1784), Chakkri đã quyết định mượn cớ giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn để xua quân sang xâm lược nước ta. Hai người cháu, cũng là hai viên tướng cao cấp của Chakkri là Chiêu Tăng và Chiêu Sương được lệnh làm tổng chỉ huy cuộc xâm lăng này. Lực lượng quân thủy bộ của Xiêm La được huy động đến năm vạn tên. Đi cùng với quân Xiêm La và sát cánh chiến đấu với quân Xiêm La còn có hàng ngàn quân bản bộ của Nguyễn Ánh. Chiêu Tăng và Chiêu Sương chia quân làm hai đạo cùng tiến sang nước ta.

- Đạo thứ nhất là đạo thủy binh gồm khoảng hai vạn tên do chính Chiêu Tăng và Chiêu Sương trực tiếp cầm đầu, vượt vịnh Xiêm La và tràn vào nước ta qua ngả Kiên Giang ngày nay.

- Đạo thứ hai là đạo bộ binh gồm khoảng ba vạn tên, do các tướng Lục Côn, Sa Uyển và Chiêu Thùy Biện chỉ huy, băng qua đất Chân Lạp rồi tràn vào nước ta qua ngả An Giang ngày nay.

Xét về tương quan, năm vạn quân là một lực lượng rất to lớn so với thực lực của Tây Sơn. Sức mạnh của năm vạn quân đó càng đáng sợ hơn, khi chúng nắm được cơ sở xã hội nguy hiểm từ bên trong là tập đoàn Nguyễn Ánh. Nhưng, vượt lên trên tất cả, khó khăn hàng đầu của Tây Sơn lúc này không phải là vũ lực của đối phương mà là ở chỗ, liệu Tây Sơn có đủ sức để tự phá bỏ giới hạn chật hẹp của một phong trào nông dân để đảm đương sứ mệnh bảo vệ độc lập dân tộc hay không. Và, vào đúng thời điểm nguy cấp này của đất nước, Tây Sơn đã kịp thời tự chuyển hóa một cách thật tuyệt vời từ quân đội nông dân trở thành quân đội dân tộc, đúng như nhận xét của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp.

Nguyễn Huệ với công cuộc chuẩn bị tiêu diệt quân xâm lược Xiêm La

Như trên đã nói, năm 1783, sau khi đã đập tan những cố gắng cuối cùng của Nguyễn Ánh và ráo riết truy đuổi, buộc Nguyễn Ánh phải chạy sang Xiêm La, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ trở về Quy Nhơn. Đất Gia Định được giao cho Phò Mã Trương Văn Đa quản lĩnh. Khi Nguyễn Ánh rước quân Xiêm La về giày xéo đất nước, Trương Văn Đa đã có hai quyết định rất đúng đắn. Một là cử người về Quy Nhơn cấp báo cho bộ chỉ huy Tây Sơn và hai là chủ động tổ chức đánh chặn để cản bước tiến của quân Xiêm La.

Trương Văn Đa vừa tổ chức đánh chặn, vừa tinh tảo bảo toàn lực lượng nhằm chuẩn bị cho trận đánh quyết định với quân Xiêm La. Với thực lực và cũng với tinh thần bao quát đó, quân Tây Sơn do Trương Văn Đa chỉ huy không thể có những trận giáp chiến lớn. Nhưng, hoạt động của Trương Văn Đa đã tạo nên được nhiều ảnh hưởng tốt đẹp rất lớn lao. Trước hết, kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của giặc bị sụp đổ. Sau sáu tháng trời, quân Xiêm La và quân bản bộ của Nguyễn Ánh cũng chỉ mới chiếm được một vùng đất đại thể từ sông Tiền trở về Nam mà thôi.

Vào nước ta, quân Xiêm La ngày càng lộ rõ bộ mặt cướp nước của chúng. Điều này đã được chính Nguyễn Ánh thú nhận đầy đủ và rõ ràng trong bức thư viết bằng chữ Nôm gửi giáo sĩ J.Liot:

"Nay thì Xiêm binh đại tứ lỗ lược (tự do cướp giết - NKT), dâm nhân phụ nữ (cưỡng hiếp phụ nữ của người ta - NKT), lược nhân tài vật (cướp bóc tài sản của người ta - NKT), túng sát bất dung lão thiếu (giết bừa không tha già trẻ - NKT), vậy nên, Tây tặc binh thể nhật thịnh (thể của giặc Tây Sơn ngày một mạnh - NKT), Xiêm binh thể nhật suy (thể của quân Xiêm La ngày một suy - NKT)."

Và, một khi bộ mặt cướp nước của quân xâm lăng đã bị phơi bày thì bản chất phản dân hại nước của cả tập đoàn Nguyễn Ánh cũng lộ rõ. Nhận thức chính trị của nhân dân Gia Định ngày

càng chuyển hóa theo chiều hướng có lợi cho Tây Sơn. Ngay trong hàng ngũ của tập đoàn Nguyễn Ánh cũng có người quay giáo chống lại Nguyễn Ánh.

Bấy giờ ở Quy Nhơn, ngay sau khi nhận được tin cấp báo của Phò Mã Trương Văn Đa, Bộ chỉ huy Tây Sơn liền quyết định cử Nguyễn Huệ vào Gia Định, trực tiếp lãnh đạo cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Xiêm La và bẻ lũ tay sai Nguyễn Ánh. Tháng chạp năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Huệ đã có mặt tại Mỹ Tho với lực lượng từ Quy Nhơn vào gồm chủ yếu là thủy binh. Ngay lập tức vùng đất này trở thành nơi đối đầu của hai lực lượng quân sự đối nghịch. Một là quân đội Tây Sơn do Nguyễn Huệ làm Tổng chỉ huy đặt đại bản doanh tại Mỹ Tho và hai là quân xâm lược Xiêm La đặt đại bản doanh tại Trà Tân.

Như trên đã nói, quân Xiêm La gồm tổng cộng khoảng năm vạn tên. Quân bản bộ của Nguyễn Ánh có khoảng từ ba tới bốn ngàn tên nữa. Đó là đội quân vừa đông vừa mạnh, được trang bị vào loại hiện đại nhất vùng Đông Nam Á lúc bấy giờ. Về phần mình, quân Tây Sơn có chừng vài vạn. Tuy quân số có ít hơn nhưng trang bị thì cũng không phải là quá thua kém.

Đến Mỹ Tho, nhận thấy Trà Tân là cứ điểm tập trung rất đông quân Xiêm, được canh phòng rất cẩn mật, vì thế Nguyễn Huệ chủ trương nhử địch ra khỏi Trà Tân để đánh một trận sống còn với chúng. Và, Nguyễn Huệ đã đồng thời kết hợp một cách khôn khéo hai hoạt động hoàn toàn khác nhau.

Một là giả vờ xin giảng hòa với quân Xiêm để phân hóa nội bộ kẻ thù. Một tù binh người Chân Lạp đã được Nguyễn Huệ cử làm sứ giả, đem của cải đến đại bản doanh của quân Xiêm La và nói rằng :

"Tân triều (ý muốn chỉ Tây Sơn - NKT) và cựu triều (ý muốn chỉ tập đoàn Nguyễn Ánh - NKT) của nước chúng tôi giành đất và giành dân với nhau, chẳng thể nào dung tha cho nhau được. Nước chúng tôi cùng với Xiêm La xa xôi và cách trở, trâu ngựa không đánh hơi nhau được, chẳng hay là Vương Tử (chỉ Chiêu Tăng và Chiêu Sương - NKT) đến chốn này làm gì ? Chi bằng hai nước chúng ta hãy hòa hiếu với nhau, xong việc, chúng tôi sẽ theo lệ tiến cống, như thế có phải là được lợi lâu dài không ? Vậy, việc cựu chúa (chỉ Nguyễn Ánh - NKT) của nước chúng tôi xin để mặc chúng tôi tự lo liệu, xin Vương Tử chớ bận tâm lo lắng việc giúp đỡ".

Chiêu Tăng và Chiêu Sương cũng là hai viên tướng lòng dạ rất nham hiểm, chúng muốn "tương kế tựu kế", lợi dụng việc Nguyễn Huệ xin giảng hòa để do thám tình hình bố phòng của Tây Sơn. Về phần mình, Nguyễn Huệ cũng vờ như không hề hay biết, cứ "ngày ngày sai người sang mời quân Xiêm đến xem chiến thuyền và khoe bày mọi chiến cụ của mình. Khi quân Xiêm về thì tặng cho vóc lụ". Kết quả là Chiêu Tăng và Chiêu Sương ngày một hí hửng, vì cho là Nguyễn Huệ hao tiền tốn của mà vẫn mắc mưu, còn Nguyễn Ánh thì ngày một nghi kỵ Chiêu Tăng và Chiêu Sương. Mọi bất hòa trong nội bộ kẻ thù bộc lộ cũng ngày một sâu sắc. Để xóa tan sự ngờ vực của Nguyễn Ánh, chính Chiêu Tăng đã có lần thề thốt rằng :

"Tôi phụng mệnh Quốc vương mình đem quân vượt biển đến giúp, nay chưa phân thắng bại mà tôi lại tham của cải thì có khác gì thú phản chủ ? Nếu vì háms lợi mà để thua trận, làm nhục đến quốc thể, thì làm sao tôi có thể trốn khỏi tội trời tru đất diệt ? Xin chớ nghi ngờ."

Hai là, tranh thủ thời gian hòa hoãn rất ngắn ngủi nói trên, Nguyễn Huệ nhanh chóng bố trí trận địa để chuẩn bị quyết chiến với quân xâm lược. Đoạn sông Tiền, từ Rạch Gầm về đến cù lao Thới Sơn được chọn làm chiến trường chính. Lực lượng Tây Sơn được huy động đến ở đây gồm đủ cả thủy binh lẫn bộ binh, trong đó thủy binh giữ vai trò quan trọng nhất. Dự tính của Nguyễn Huệ là sẽ tiêu diệt quân Xiêm La và quân bản bộ của Nguyễn Ánh bằng một trận mai phục. Chiến thuyền Tây Sơn được Nguyễn Huệ mai phục sẵn ở Rạch Gầm và ở rạch Xoài Mút, tức là ở nơi hoàn toàn bất ngờ đối với quân Xiêm La, bởi vì trước đó, chúng từng được phép tới nơi đóng quân của Nguyễn Huệ, từng có dịp qua lại nhiều lần trên chính đoạn sông này.

Điều không ngờ, cũng là rất không may cho quân Xiêm La là khi Nguyễn Huệ bố trí trận địa chắc chắn xong xuôi đâu đó rồi, chúng mới bắt đầu tấn công.

Trận quyết chiến chiến lược Rạch Gầm - Xoài Mút (đêm ngày 19 rạng ngày 20 tháng 1 năm 1785)

Từ Trà Tân, Chiêu Tăng và Chiêu Sương vẫn thường xuyên nhận được tin báo rằng Nguyễn Huệ đóng quân ở Mỹ Tho, không hề thấy chuẩn bị đối phó gì cả, vì thế, chúng cứ hí hửng cho là kế lớn đã thành, chỉ cần bất ngờ cho quân đến tấn công thì nhất định sẽ giành đại thắng. Chính Chiêu Tăng đã nói với Nguyễn Ánh rằng :

"Giặc (chỉ Tây Sơn - NKT) rất tin tôi, cho nên, tất nhiên là sẽ không phòng bị. Ta nên nhân đó mà đánh ngay. Vậy, xin hẹn đến đêm mồng chín tháng này (tháng chạp năm Giáp Thìn, 1784 - NKT), Quốc Vương (chỉ Nguyễn Ánh - NKT) hãy đem ngự binh đi trước xông vào binh thuyền của chúng, tôi và các tướng bản bộ sẽ đem tất cả chiến thuyền lớn nhỏ tiến theo, đánh phá chiến thuyền chặn ngang sông của giặc thì nhất định sẽ toàn thắng."

Thực ra, kẻ mắc mưu lại chính là Chiêu Tăng và Chiêu Sương. Nguyễn Huệ đã bí mật bố trí một trận đồ mai phục để chờ đợi chúng. Như trên đã nói, chiến thuyền của Nguyễn Huệ đã được giấu kín ở Rạch Gầm và Xoài Mút. Lực lượng khác của Nguyễn Huệ cũng đã được sắp đặt sẵn ở hai bên bờ sông Tiền và ở cù lao Thới Sơn. Những gì mà quân Xiêm La thấy được chỉ là bộ phận làm nhiệm vụ nghi binh mà thôi.

Rạch Gầm tức Sầm Giang, ngày nay tuy chỉ là một con rạch khá lớn, nhưng hơn hai trăm năm trước lại là một con sông, chiến thuyền cỡ lớn có thể dễ dàng qua lại. Rạch Gầm bắt nguồn từ Giồng Trôm (Bến Tre) rồi đổ ra sông Tiền.

Xoài Mút tức Xoài Hột, lại còn có tên khác nữa là sông An Đức. Ngày nay, Xoài Mút là một con rạch nhỏ, nhưng cách đây hơn hai trăm năm, Xoài Mút khá lớn, chiến thuyền có thể qua lại dễ dàng. Xoài Mút cũng là một trong những hợp lưu của sông Tiền.

Cù lao Thới Sơn nằm ở giữa sông Tiền, án ngữ cửa rạch Xoài Mút và cách Mỹ Tho không bao xa. Đây là một cù lao thuộc loại lớn, đủ để Nguyễn Huệ có thể bố trí bộ binh và đại bác, chặn đứng cuộc tấn công của Chiêu Tăng và Chiêu Sương lên Mỹ Tho. Như vậy, Rạch Gầm, Xoài Mút và cù lao Thới Sơn được Nguyễn Huệ sử dụng như ba vị trí then chốt, vừa chặn đầu, khóa đuôi, dồn đối phương vào thế bị bao vây và bị tấn công tiêu diệt, không cách gì chống đỡ nổi.

Ngoài ra, ở Rạch Rau Răm (một vị trí nằm giữa Rạch Gầm với cù lao Trà Tân hay cù lao Năm Thôn), Nguyễn Huệ còn bố trí một đơn vị thủy binh nhỏ, đại để cũng như là chốt tiền tiêu của quân đội Tây Sơn. Trước khi đến Mỹ Tho, quân Xiêm La buộc phải đi qua vị trí này.

Đêm ngày 19 rạng ngày 20 tháng 1 năm 1785, Chiêu Tăng và Chiêu Sương hạ lệnh tấn công vào đại bản doanh của Nguyễn Huệ ở Mỹ Tho. Quân bản bộ của Nguyễn Ánh gồm khoảng ba bốn ngàn tên, bị Chiêu Tăng và Chiêu Sương đẩy đi trước. Nhưng, Nguyễn Ánh không tin ở thắng lợi, vì thế, đã cố tìm cách đi sau. Một số bề tôi thân tín như Trần Phúc Giai, Nguyễn Văn Bình và Lê Văn Duyệt... được bố trí đi cùng để bảo vệ Nguyễn Ánh. Như thế vẫn chưa đủ, Nguyễn Ánh còn sai Mạc Tử Sinh bí mật bố trí một lối thoát dành riêng cho Nguyễn Ánh để đề phòng khi có chuyện chẳng lành xảy ra.

Khi xuất quân ở Trà Tân, Chiêu Tăng và Chiêu Sương gặp thuận lợi vì thủy triều đang rút, chiến thuyền của chúng cứ theo dòng nước mà tiến. Chúng qua chốt tiền tiêu của Tây Sơn ở Rạch Rau Răm một cách dễ dàng bởi ở đó chỉ còn một bộ phận nhỏ của Tây Sơn làm nhiệm vụ nghi binh mà thôi. Giặc hùng hổ tiến về Mỹ Tho, nhưng, khi khoảng ba trăm chiến thuyền của chúng lọt vào khoảng giữa Rạch Gầm và Xoài Mút thì thủy triều bắt đầu lên, lợi thế xuôi dòng của chúng không còn nữa. Và, đúng lúc đó, từ Rạch Gầm, từ Xoài Mút, từ cù lao Thới Sơn và từ hai bên bờ sông Tiền, lực lượng thủy bộ của Tây Sơn đồng loạt tấn công. Ngay từ phút giao tranh đầu tiên, hỏa lực của Tây Sơn đã giành được thế áp đảo. Nguyễn Huệ trực tiếp ra đốc chiến và hạ lệnh đánh đến cùng, "vì thế, tướng sĩ đều liều chết, không nghĩ gì đến tính mệnh, tấn công rất mãnh liệt". Mọi cố gắng chống cự của Chiêu Tăng và Chiêu Sương đều bị đập tan. Chiến thuyền của giặc, thứ bị thiêu trụi, thứ bị nhận chìm. Quân giặc số bị trúng tên đạn, số bị chém, số khác lại chết đuối giữa sông... Hàng ngàn tên cố liều chết vượt lên bờ thì bị bắt sống. Chỉ trong vòng chưa đầy một ngày, toàn bộ quân Xiêm La và quân bản bộ của Nguyễn Ánh đã đại bại. Chiêu Tăng phải liều chết mở đường máu, bỏ cả thuyền mà chạy bộ sang Chân Lạp mới may mắn thoát chết.

Mờ sáng hôm sau, khi nghe tiếng đại bác liên tục nổ từ xa, Mạc Tử Sinh đang tràn đầy hi

vọng là sẽ có tin chiến thắng, thì bỗng thấy Nguyễn Ánh cùng các tướng thân tín hốt hoảng chạy đến. Mạc Tử Sinh vội vã lấy thuyền chở Nguyễn Ánh trốn đi xa.

Chiêu Tăng và Chiêu Sương cùng đám tàn quân chạy sang đất Chân Lạp, tạm hoàn hồn mới điểm lại thì thấy năm vạn quân thủy bộ chỉ còn lại hơn một vạn tên nữa mà thôi. Vua Xiêm La là Chakkri tức giận nói rằng : “Hai tên súc sinh là Chiêu Tăng và Chiêu Sương làm việc kiêu căng và hung hãn, vào sâu trong đất giặc (chỉ Tây Sơn - NKT) mà không vâng mệnh Quốc vương, tàn hại dân của họ”. Ngay sau khi nghe tin Chiêu Tăng và Chiêu Sương bại trận Chakkri vội vã sai tướng Phi Nhã Xuân đem thêm 10 chiến thuyền đi cứu nguy. Nhưng, Phi Nhã Xuân vừa xuất quân thì đã thấy tàn quân của Chiêu Tăng và Chiêu Sương đang hốt hoảng chạy về. Chúng nói với Phi Nhã Xuân rằng :

“Chủ tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương đại bại, đã theo đường bộ, băng qua Chân Lạp mà chạy. Chúng tôi bị thua ở sau, chẳng biết họ sống chết thế nào, may cướp được thuyền của dân mà thoát được về đây.” (Vũ Thế Dinh - *Mạc thị gia phả*).

Quân bản bộ của Nguyễn Ánh cũng cùng chung số phận. Nguyễn Ánh được Mạc Tử Sinh đón chạy trước, về đến đất Hà Tiên, quân sĩ tùy tùng của Nguyễn Ánh chỉ còn 200 tên. Và, chưa kịp nghỉ chân đã bị Tây Sơn truy đuổi. Nguyễn Ánh đã phải bỏ Hà Tiên chạy ra đảo Thổ Châu, đảo Cổ Cốt và sau cùng là chạy sang Xiêm La. Đó là một cuộc tháo chạy nhục nhã nhất trong cuộc đời của Nguyễn Ánh. Đã có lúc vì cạn lương ăn, tướng của Nguyễn Ánh là Nguyễn Văn Thành phải đi ăn cướp, chẳng dè, bị đánh trọng thương, suýt chết.

Rạch Gầm-Xoài Mút là một trong những trận quyết chiến chiến lược tuyệt vời của lịch sử dân tộc. Với Rạch Gầm-Xoài Mút, Nguyễn Huệ đã có công viết nên khúc tráng ca đầu tiên về sự nghiệp chống xâm lăng của nhân dân Gia Định. Với Rạch Gầm- Xoài Mút, Nguyễn Huệ đã có công làm phong phú thêm kho tàng khoa học quân sự của tổ tiên ta. Cũng với Rạch Gầm - Xoài Mút và từ Rạch Gầm - Xoài Mút, phong trào Tây Sơn chuyển hẳn sang một giai đoạn hoàn toàn mới, giai đoạn đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau : vừa không ngừng mở rộng quy mô và phạm vi của cuộc đấu tranh chống giai cấp phong kiến thống trị tàn bạo trong cả nước, vừa dũng cảm vươn lên đảm nhận sứ mệnh bảo vệ độc lập dân tộc. Nói khác hơn, với Rạch Gầm - Xoài Mút và từ Rạch Gầm - Xoài Mút, giai đoạn hào quang rực rỡ nhất của Tây Sơn bắt đầu.

7. Tổng chỉ huy trận tấn công tiêu diệt lực lượng quân Trịnh ở Phú Xuân (năm 1786 : năm 33 tuổi), giải phóng vùng đất cuối cùng của xứ Đàng Trong.

Sau chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, Nguyễn Huệ rút quân về Quy Nhơn và tại đây, chính Nguyễn Huệ vừa là người đề xuất ý kiến, lại cũng là người trực tiếp vạch kế hoạch và chỉ huy quân Tây Sơn tấn công vào lực lượng quân Trịnh đang đóng ở vùng đất từ đèo Hải Vân trở ra, trong đó, vị trí quan trọng nhất là Phú Xuân.

Như đã nói ở trên, năm 1774, lợi dụng lúc chúa Nguyễn lúng túng bởi cuộc tấn công ồ ạt của Tây Sơn, chúa Trịnh đã sai Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn quân, vượt sông Gianh, đánh thẳng vào xứ Đàng Trong. Nhờ chủ trương khôn khéo của Bộ chỉ huy Tây Sơn, quân Hoàng Ngũ Phúc tạm dừng các cuộc tấn công Tây Sơn và sau cùng, chỉ chiếm đóng miền đất từ đèo Hải Vân trở ra mà thôi.

Tháng chạp năm Ất Mùi (1775), chúa Trịnh là Trịnh Sâm triệu Hoàng Ngũ Phúc về. Hai viên tướng cao cấp là Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Đốn được cử tới thay. Các văn thần như Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điền và Nguyễn Lệnh Tân cũng được cử tới để giúp sức. Sau, chúa Trịnh là Trịnh Sâm còn phải kể tiếp hai văn thần nữa là Lê Quý Đôn và Nguyễn Mậu Dĩnh, hi vọng sẽ sớm ổn định được tình hình ở vùng đất mới chiếm.

Tháng 8 năm Bính Thân (1776), tướng Phạm Ngô Cầu được Trịnh Sâm chỉ định làm Trấn Thủ, thay cho Bùi Thế Đạt. Tướng Hoàng Đình Thế cũng được lệnh đem quân đến đóng ở châu

Bổ Chính để sẵn sàng ứng cứu cho Phạm Ngô Cầu. Chỉ trong vòng vài ba năm, tình hình Thuận Hóa đã tạm ổn, các văn thần lần lượt được rút về Thăng Long. Các đồn lũy của quân Trịnh từ đèo Hải Vân trở ra được xây đắp rất chắc chắn. Tóm lại, việc tấn công ra Thuận Hóa không phải là dễ dàng đối với quân đội Tây Sơn.

Tuy nhiên, nếu quân Trịnh có thuận lợi là đồn lũy vững chắc, lại được đèo Hải Vân che chở ở phía nam, thì quân Trịnh cũng có khó khăn, đó là nội bộ tướng lĩnh mất đoàn kết. Ngoài ra, chủ tướng của quân Trịnh ở Thuận Hóa lúc ấy là Phạm Ngô Cầu còn rất mê tín và tham lam. Chính những chỗ yếu kém này đã gây nên những tác hại không nhỏ.

Là người chịu trách nhiệm cao nhất trong cuộc tấn công vào Thuận Hóa, Nguyễn Huệ đã chuẩn bị một cách rất khẩn trương nhưng cũng rất chu tất. Việc đầu tiên mà Nguyễn Huệ quyết thực hiện bằng được là lập mưu để chia rẽ kẻ thù. Chừng nào Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thế còn chung lưng đấu cật với nhau, thì chừng đó, cuộc tấn công của Tây Sơn còn gặp nhiều khó khăn. Xuất phát từ nhận thức đó, Nguyễn Huệ đã nghĩ kế li gián Phạm Ngô Cầu với Hoàng Đình Thế. Nhân vật được Nguyễn Huệ chọn để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt này là Nguyễn Hữu Chính. Năm 1774, khi Hoàng Ngũ Phúc được Trịnh Sâm sai đem ba vạn quân đánh vào xứ Đàng Trong, Nguyễn Hữu Chính là thư kí riêng của Hoàng Ngũ Phúc. Chính Hoàng Ngũ Phúc đã sai Nguyễn Hữu Chính đem sắc phong, ấn, kiếm và cờ hiệu Tây Sơn Hiệu Trưởng Tiên Phong Tướng Quân ban cho Nguyễn Nhạc. Tháng 12 năm 1775, khi Hoàng Ngũ Phúc được triệu về Thăng Long, Nguyễn Hữu Chính cũng đi theo. Đầu năm 1776, Hoàng Ngũ Phúc mất, Nguyễn Hữu Chính theo hầu Hoàng Đình Bảo. Hoàng Đình Bảo cũng tức là Hoàng Đăng Bảo, Hoàng Tố Lý, được phong tới tước Quận Công, cho nên, sử cũ thường gọi ông là Quận Huy. Quận Huy là con rể của chúa Trịnh Doanh (1740-1767), vì thế, Quận Huy rất được chúa Trịnh Sâm (1767-1782) và đặc biệt là vợ của Trịnh Sâm (bà Đặng Thị Huệ) sủng ái. Năm 1782, Hoàng Đình Bảo bị kêu binh nổi loạn giết chết. Nguyễn Hữu Chính bơ vơ vì không còn biết nương tựa vào ai, bèn chạy vào Nghệ An. Cùng chạy loạn một lần với Nguyễn Hữu Chính còn có tướng Hoàng Việt Tuyền. Đến Nghệ An, Nguyễn Hữu Chính bàn với Võ Tá Dao là Trấn Thủ ở đấy một kế hoạch làm phản khá táo bạo, nhưng thấy Võ Tá Dao chần chừ nên Nguyễn Hữu Chính và Hoàng Việt Tuyền vội chạy vào Quy Nhơn, xin đầu hàng Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc rất mừng vì chẳng đánh mà vẫn bắt được tướng của họ Trịnh, chẳng mất công sai người đi do thám mà vẫn nắm được khá tỉ mỉ tình hình của Đàng Ngoài. Nguyễn Nhạc giao Nguyễn Hữu Chính cho Nguyễn Huệ và đến đây thì Nguyễn Hữu Chính được Nguyễn Huệ dùng vào việc li gián Phạm Ngô Cầu với Hoàng Đình Thế. Bấy giờ Nguyễn Hữu Chính được lệnh viết thư bí mật hẹn với Hoàng Đình Thế về việc Hoàng Đình Thế sẽ quy hàng Tây Sơn, nhưng, bức thư ấy lại vờ để cho Phạm Ngô Cầu bắt được. Từ đó, Phạm Ngô Cầu luôn nghi ngờ Hoàng Đình Thế.

Điều không may cho Phạm Ngô Cầu là cũng vào lúc bấy giờ Phạm Ngô Cầu có cử Nguyễn Phu Như đến Quy Nhơn, mượn tiếng trao đổi về biên giới để dò la tin tức, nhưng, chính Nguyễn Phu Như lại khuyên các lãnh tụ Tây Sơn nên sớm đem quân ra đánh lấy Thuận Hóa. Cũng qua Nguyễn Phu Như, Nguyễn Huệ biết rõ Phạm Ngô Cầu là kẻ rất mê tín, vì thế, một nhân vật khác được đóng giả vai thầy coi tướng số từ xa tới để coi tướng số cho Phạm Ngô Cầu. Và, theo lời khuyên của thầy coi tướng số này, Phạm Ngô Cầu đã lập đàn tràng cúng tế rất trọng thể tại chùa Thiên Mục.

Đúng lúc nội bộ các tướng lĩnh của quân Trịnh đang mâu thuẫn với nhau, và cũng đúng lúc Phạm Ngô Cầu đang lo cúng tế, thì quân Tây Sơn chia làm ba đạo, nhất loạt đánh vào Thuận Hóa.

Đạo thứ nhất là đạo thủy binh do Nguyễn Lữ chỉ huy, từ Quy Nhơn, vượt biển tiến thẳng ra cửa sông Gianh rồi từ đó đánh vào Phú Xuân.

Đạo thứ hai cũng là đạo thủy binh do Vũ Văn Nhậm cầm đầu, từ Quy Nhơn, vượt biển, đánh vào Phú Xuân, cầm chân quân Trịnh ở Phú Xuân để sau đó là phối hợp với đạo quân của Nguyễn Huệ, san bằng căn cứ này.

Đạo thứ ba là đạo bộ binh do đích thân Nguyễn Huệ chỉ huy. Đạo quân này băng qua đèo Hải Vân, đánh vào căn cứ của quân Trịnh ở đèo Hải Vân, ở Phú Xuân và sau đó là ở Dinh Cát.

Tháng 4 năm Bính Ngọ (1786), ba đạo quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ làm Tổng chỉ huy đồng

loạt xuất phát. Diễn biến chung của trận đánh này được sử cũ ghi chép ngắn gọn như sau :

“Tướng giữ đồn (ở Hải Vân) là Hoàng Nghĩa Hồ đem quân ra đánh, bị thiệt mạng. Nguyễn Huệ nhân đà thắng lợi cho quân tiến thẳng ra Thuận Hoá. Bấy giờ, (Phạm) Ngô Cầu đương đặt đàn chay lớn, bỗng nhận được tin thì lúng túng không biết đối phó cách nào cho phải. Trước đây, vì có bức thư li gián của Nguyễn Hữu Chỉnh, cho nên, Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thế vẫn ngờ vực lẫn nhau, quân sĩ cũng vì lẽ đó mà thành ra biếng nhác, nghi hoặc nhau và chẳng còn ý chí trận mạc gì nữa. Khi ấy thủy triều lên mạnh, giặc (chỉ quân Tây Sơn - NKT) nhất loạt tiến sát chân thành. Hoàng Đình Thế đốc quân bản bộ ra đánh, đạn dược và thuốc súng đều bị cạn nhưng Phạm Ngô Cầu vẫn đóng kín cửa thành không chịu ra cứu viện. (Hoàng) Đình Thế cùng hai con, một người tên là Hoàng Đình Vị, một người không rõ tên và một viên tì tướng là Võ Tá Kiên bám lấy thành lũy để dàn trận. Họ đã đem hết sức ra đánh trả. Hai người con (của Hoàng Đình Thế) cưỡi ngựa xông ra, nhưng ngựa bị què, phải chạy bộ mà đánh, đều bị thương và chết tại trận. Cả Hoàng Đình Thế và Võ Tá Kiên cũng đều tử trận. Nguyễn Huệ lại cho quân ở sát tiến lên. Phạm Ngô Cầu mở cửa thành, cho xe chở quan tài ra để xin hàng. Tướng giữ chức Đốc Thị của quân Trịnh là Nguyễn Trọng Đang chết trong đám loạn binh. Giặc (chỉ quân Tây Sơn - NKT) xông vào thành, chém giết không biết bao nhiêu mà kể. Cả thành có những hơn hai vạn tướng sĩ, rốt cuộc chỉ còn độ vài trăm người sống sót chạy về Bắc Hà được mà thôi. Các đồn như Dinh Cát và Động Hải nghe tin (Phủ Xuân thất thủ) cũng lập tức tháo chạy.” (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 46, tờ 15 và 16).

Tấn công vào Phú Xuân, giải phóng toàn bộ vùng đất từ đèo Hải Vân ra đến sông Gianh là một trong những trận lớn của nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ làm Tổng chỉ huy. Thắng lợi của cuộc tấn công này đã tạo ra điều kiện hết sức thuận lợi để Tây Sơn tiếp tục mở rộng quy mô của cuộc đấu tranh trên phạm vi cả nước.

8. Tổng chỉ huy cuộc tấn công ra Đàng Ngoài (năm 1786 : năm 33 tuổi), xóa bỏ biên giới sông Gianh, lật nhào cơ đồ thống trị gây dựng trên 200 năm của chúa Trịnh.

Thắng lợi của Nguyễn Huệ trong cuộc tấn công vào đất Thuận Hóa đã gây được tiếng vang rất lớn. Bấy giờ, thấy quân sĩ thất trận hoảng hốt chạy về, tướng chỉ huy quân Trịnh ở vùng bờ Bắc sông Gianh là Ninh Tồn cũng vội vã lui quân. Thế của quân Tây Sơn nhanh chóng tăng lên gấp bội. Nhân đó, hàng tướng Nguyễn Hữu Chỉnh liền bàn với Nguyễn Huệ nên đánh thẳng ra Đàng Ngoài. Và, sử cũ đã chép lại cuộc đối thoại khá đặc biệt giữa Nguyễn Hữu Chỉnh với Nguyễn Huệ như sau :

“(Nguyễn) Huệ đánh bại (Phạm) Ngô Cầu, nhân đà thắng lợi đánh ra cả vùng Đông Hải (nay thuộc huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Viên tướng giữ chức Trấn Thủ ở đây là Ninh Tồn liền bỏ thành mà chạy. (Nguyễn) Huệ liền sửa sang đồn lũy ở sông La, ý muốn chia ranh giới để chống giữ. Khi ấy, Nguyễn Hữu Chỉnh đến nói với (Nguyễn) Huệ rằng :

- Tướng quân chỉ một lần xuất chinh đã bình định được xứ Thuận Hóa, uy danh lừng lẫy vang động đến tận Bắc Hà. Về phép dụng binh, thì quan trọng nhất là thời, thứ hai là thế và thứ ba là cơ hội. Ba điều ấy mà lợi dụng được thì đến đâu cũng thắng cả. Nay ở Bắc Hà, tướng thì lười, quân thì kiêu, ta nhân thế đang đại thắng mà đánh tới, tức là chiếm lấy nước đã suy, kiêm tình nước đang loạn, thu về nước sắp mất. Thời ấy, cơ hội ấy, thiết nghĩ là không nên bỏ qua.

Nguyễn Huệ nói :

- Bắc Hà là nơi lắm nhân tài, há đâu dám coi thường ?

(Nguyễn) Hữu Chỉnh đáp :

- Nhân tài Bắc Hà duy chỉ có một mình Chỉnh này mà thôi. Nay Chỉnh đi rồi, đâu còn ai nữa ? Xin tướng công chớ ngờ.

(Nguyễn) Huệ cười, nói rằng :

- Người khác không đáng ngờ, có chăng chỉ là ông thôi.

(Nguyễn Hữu) Chính tái mặt, từ tạ mà nói rằng :

- Chính này cũng tự thấy mình là kẻ ngu hèn, nói quá như thế cũng chỉ cốt tỏ rằng đất Bắc Hà không có người tài đó thôi.

(Nguyễn) Huệ nói sang chuyện khác, cốt để an ủi (Nguyễn Hữu) Chính :

- Nước có cơ nghiệp lâu dài những mấy trăm năm, nay nếu một sớm một chiều mà ta mang quân ra đánh lấy thì thiên hạ sẽ gọi đạo quân của ta là đạo quân gì ?

(Nguyễn Hữu) Chính nói :

- Nay ở Bắc Hà đã có Đế lại còn có Vương, đó là tai họa từ lâu để lại. Họ Trịnh tiếng là tôn phò Hoàng Đế họ Lê nhưng thực là hiệp chế quá lắm. Người trong nước không tuân phục đã lâu rồi, nhưng sờ dĩ chưa dám hành động là do chưa có thời và thế đó thôi. Tướng quân nên mượn tiếng *phù Lê diệt Trịnh* để đem quân ra thì khắp thiên hạ không ai là không theo. Đó là cơ hội ngàn năm mới có một thuở.

(Nguyễn) Huệ nói :

- Người nói rất phải. Nhưng còn như việc trái mệnh thì ta phải làm sao ? (Ý nói Nguyễn Huệ chưa có mệnh lệnh của Nguyễn Nhạc).

(Nguyễn Hữu) Chính thưa :

- *Kinh Xuân Thu* dạy rằng, trái mệnh lệnh nhỏ mà lập được công lớn thì đó là công. Thế thì, vì việc lập công mà trái mệnh, phỏng có sợ gì ? Vả chẳng, tướng cầm quân ra trận thì dầu có mệnh lệnh của vua cũng có quyền không theo, tướng công còn ngờ gì nữa ?" (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, Sơ tập, quyển 30).

Là người quả quyết lại có chí cả, sẵn gặp lời bàn của Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Huệ liền nhân đà thắng lợi, cho quân ồ ạt tiến ra Đàng Ngoài. Trước khi xuất quân, Nguyễn Huệ cử Nguyễn Lữ ở lại trông coi xứ Thuận Hoá, đồng thời, sai người về Quy Nhơn báo cho Nguyễn Nhạc biết. Kế hoạch của Nguyễn Huệ là chia quân làm hai đạo, cùng dùng chiến thuyền để tiến ra Bắc.

- *Đạo thứ nhất* giao cho Nguyễn Hữu Chính cầm đầu. Sờ dĩ được trao trọng trách này vì Nguyễn Hữu Chính vốn là người Đàng Ngoài, rất quen thuộc đường đi lối lại cũng như sở trường và sở đoản của quân đội họ Trịnh. Nhiệm vụ của Nguyễn Hữu Chính là tiến nhanh đến chiếm lĩnh vùng cửa sông Vị Hoàng và sau khi chiếm được thì đốt lửa làm hiệu.

- *Đạo thứ hai* do đích thân Nguyễn Huệ chỉ huy, cũng dùng chiến thuyền làm phương tiện hành quân nhưng đi sau đạo thứ nhất.

Khẩu hiệu hành quân của Nguyễn Huệ là *Phù Lê diệt Trịnh*. Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), quân Tây Sơn bắt đầu xuất phát. Trước đó, tin bại trận ở Thuận Hóa cứ liên tiếp truyền về, vì thế, tinh thần chung của quân Trịnh đã rất rệu rã. Quân Tây Sơn tiến thẳng một mạch qua các vùng như Nghệ An, Thanh Hóa và Ninh Bình ngày nay mà hầu như không gặp chút kháng cự nào đáng kể. Các tướng của chúa Trịnh như Bùi Thế Toại, Tạ Danh Thùy... vừa nghe tin Tây Sơn đến đã vội vàng bỏ chạy.

Đạo quân do Nguyễn Hữu Chính chỉ huy đã nhanh chóng chiếm Vị Hoàng đúng như kế hoạch đã định. Theo ghi chép của sử cũ thì Tây Sơn đã thu được rất nhiều lương thực và thực phẩm, đủ để ủng dung tổ chức cuộc tấn công có thể sẽ phải kéo dài vào khu vực đầu não của tập đoàn họ Trịnh.

Trong lúc đại quân của Nguyễn Huệ đang tiến như bay thì tại Thăng Long, phủ chúa Trịnh vẫn bối rối, không sao tìm ra được cách đối phó. Có người bàn rằng :

"Thuận Hóa vốn chẳng phải là đất đai của triều đình, trước kia phải tốn bao nhiêu công sức và của cải mới lấy được, mà rốt cuộc lại cũng chẳng có ích lợi gì. Bây giờ chỉ nên bàn cách đem quân đóng giữ Nghệ An mà thôi."

Triều đình cho lời bàn ấy là phải, vì thế, chúa Trịnh lúc bấy giờ là Trịnh Khải quyết định cử tướng Trịnh Tự Quyền làm Thống Tướng đem quân vào giữ đất Nghệ An và sẵn sàng đối địch

với Tây Sơn. Nhưng, Trịnh Tự Quyền là kẻ nhát gan, mới nghe tiếng Tây Sơn đã khiếp vía, vì thế, cứ trù trù mãi, không chịu tập hợp gấp binh mã để lên đường. Khi Nguyễn Huệ chiếm được Vị Hoàng thì Trịnh Tự Quyền mới ra khỏi kinh thành Thăng Long được ba mươi dặm!

Trước tình thế đó, Trịnh Khải buộc phải thay đổi kế hoạch. Trịnh Tự Quyền được lệnh đem quân đến Kim Động (nay thuộc Hưng Yên) để sẵn sàng đón đánh Tây Sơn. Tướng Đồ Thế Dân nguyên là Trấn Thủ trấn Sơn Nam đem tất cả quân bản bộ đến đóng tại bãi Phù Sa. Tướng Đinh Tích Nhưỡng thì chỉ huy thủy quân, đến giữ cửa sông Luộc. Trịnh Tự Quyền, Đồ Thế Dân và Đinh Tích Nhưỡng phải sắp đặt đường dây liên lạc và luôn luôn sẵn sàng trong tư thế phối hợp để ứng cứu lẫn nhau. Tóm lại, quyết chí của Trịnh Khải không phải là nhỏ, mưu lược của Trịnh Khải cũng không phải là thấp. Nhưng, quyết chí ấy, mưu lược ấy chưa đủ để đối đầu với một thiên tài quân sự như Nguyễn Huệ. Diễn biến của trận đánh được sử cũ mô tả rất ngắn gọn nhưng cũng khá đầy đủ như sau :

"Đương đêm, chợt thấy chiến thuyền của giặc (chỉ Tây Sơn - NKT) từ phía hạ lưu, nhân chiều gió mà tiến thẳng vào. (Đinh) Tích Nhưỡng liền sai quân sĩ bày chiến thuyền theo thế trận chữ nhất (-) để chặn ngang sông. Thế rồi tên nổ và súng đạn cùng nhất loạt bắn tới tấp. Xa trông thấy có một chiến thuyền của Tây Sơn vỡ tung và đắm xuống, ai cũng lấy làm vui. Nhưng, các chiến thuyền khác của Tây Sơn vẫn bất chấp, nổi nhau mà tiến lên, tất cả im lặng, không một tiếng người. Trong lúc (quân của Đinh Tích Nhưỡng) lấy làm lo sợ thì trời sáng rõ dần. Bấy giờ họ mới biết chiến thuyền Tây Sơn chỉ chờ toàn bù nhìn, theo chiều gió và thuận dòng nước mà tiến chứ chẳng thấy lính tráng nào cả. Tên nổ và đạn dược đã cạn, quân Đinh Tích Nhưỡng không sao chống đỡ được nữa. Chiến thuyền thật của giặc khi ấy mới xuất hiện. Giặc reo hò xông lên, thanh thế kinh động địa.

Một đạo quân khác của giặc nhanh chóng đánh mạnh vào thế trận của Đồ Thế Dân. Ống phun lửa phun loạn xạ. Quân của Đồ Thế Dân kinh sợ bỏ chạy. Quân của Đinh Tích Nhưỡng la hét om sòm, giành nhau thuyền mà trốn. Quân của Trịnh Tự Quyền chợt nghe tin cũng hoảng hốt mà tan vỡ.

Giặc đánh chiếm được Sơn Nam và gửi hịch đi khắp các địa phương, nói rõ ý định *Phò Lê diệt Trịnh*". (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 46, tờ 18).

Sau khi đê bẹp lực lượng của Trịnh Tự Quyền, Đồ Thế Dân và Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho quân tiến thẳng ra Thăng Long. Bấy giờ ở Thăng Long, tướng tá cũng như các đại thần phần nhiều chỉ lo việc chạy trốn, ít ai bàn chuyện đánh trả cả. Trịnh Khải bối rối chưa biết toan liệu ra sao thì Nguyễn Lệ thua trận từ Nghệ An chạy ra. Nguyễn Lệ bàn rằng :

"Nên sai tướng giữ kinh thành còn Chúa thì rước Vua chạy lên Sơn Tây để lo tính việc về sau. Nếu đánh nhau với giặc thì kêu binh không thể dùng được, việc nước do vậy sẽ hỏng hết."

Trịnh Khải nghe theo lời bàn của Nguyễn Lệ thì tin này chẳng hiểu sao đã lan ra với kêu binh. Kêu binh bèn họp nhau lại, quát nạt âm ỉ, cho là Nguyễn Lệ đã rước giặc vào kinh thành, rủ nhau tìm giết Nguyễn Lệ. Hoảng quá, Nguyễn Lệ phải bỏ trốn lên Sơn Tây.

Nguyễn Lệ bỏ trốn rồi, tình hình trong phủ chúa càng thêm rối ren. Trịnh Khải tức giận, đổ lỗi cho quan Tham Tụng Bùi Huy Bích và sau đó là vội vã nghe theo lời bàn của Trần Công Xán. Sử cũ chép như sau :

"(Trịnh) Khải cho là quan Tham Tụng Bùi Huy Bích giữ chức việc trong phủ mà không có công trạng gì, đến đây cũng chẳng có mưu chước gì cứu vãn tình thế, cho nên, lòng đã chán ghét, bèn cho (Bùi) Huy Bích ra làm Đốc Chiến rồi triệu Trần Công Xán (tên cũ là Trần Công Thước) vào phủ chúa để bí mật bàn định mưu kế, hoặc đánh, hoặc lánh. (Trần) Công Xán nói :

- Giặc đem đội quân thế trợ trợ vào sâu trong đất ta, đó là điều binh pháp tối kỵ. Nay nên nhử chúng đến gần rồi đánh một trận, giết nhẵn nhụi mới thôi. Còn như kinh sư là đất căn bản, không thể lìa bỏ mà đi được. Nếu tình thế quá ngặt nghèo, không sao xoay sở được thì cũng quyết đánh một trận cuối cùng.

(Trịnh) Khải cho lời ấy là phải." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 46, tờ 20).

Trịnh Khải lập kế hoạch đối phó như sau :

- Triệu tướng Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây về, trao cho chức Tiên Phong Tướng Quân, đem quân đóng giữ tại hồ Vạn Xuân và sông Thúy Ái.

- Đích thân Trịnh Khải đem quân bày sẵn thế trận tại bến Tây Long, chặn đứng cuộc tấn công của Tây Sơn vào thành Thăng Long.

- Các tướng như Nguyễn Trọng An, Ngô Cảnh Hoàn cũng được lệnh dàn chiến thuyền để đợi quân Tây Sơn đến là đánh theo chỉ huy chung của Trịnh Khải.

Nhưng quân Tây Sơn vừa xông vào thì trần đồ của Trịnh Khải đã tan vỡ. Hoàng Phùng Cơ cùng tám người con trai, cũng là tám viên tướng, chống đỡ được một lúc thì đại bại. Sáu người con của Hoàng Phùng Cơ bị giết tại trận. Hoàng Phùng Cơ đem hai người con còn lại chạy trốn.

Các tướng chỉ huy thủy quân như Nguyễn Trọng An và Ngô Cảnh Hoàn bị chém tại trận. Một viên tướng khác là Mai Thế Pháp cũng bị Tây Sơn giết chết.

Tại bến Tây Long, Trịnh Khải mặc nhung phục, ngồi trên bành voi, tự mình làm tướng để chỉ huy quân sĩ. Nhưng, hiệu lệnh của Trịnh Khải chẳng ai nghe, thấy Tây Sơn đến là mạnh ai nấy chạy. Trịnh Khải lo sợ, định quay về phủ, nhưng khi đến cửa Tuyên Võ (tên một cửa dẫn vào phủ chúa xưa) thì đã thấy cờ xin đầu hàng cắm la liệt rồi. Không còn cách nào khác, Trịnh Khải bèn dẫn theo chừng hơn một trăm voi chiến, chạy lên Sơn Tây. Dọc đường, bễ tôi của Trịnh Khải đều bỏ trốn, chẳng còn ai nghĩ tới chúa nữa.

Kết cục cuộc đời của Trịnh Khải rất bi đát. Chuyện này được sử cứ chép lại khá chi tiết như sau :

"Trịnh Khải chạy đến Hạ Lôi, huyện Yên Lãng thì quân sĩ tan tác hết. Bấy giờ, có quan Thiêm Sai giữ chức việc ở Lai Phiên là Lý Trần Quán cũng tình cờ đi chiêu mộ binh lính và có mặt tại đấy, vì thế, Trịnh Khải và Lý Trần Quán mới gặp nhau. (Lý) Trần Quán liền nói dối với người học trò của mình là Nguyễn Trang rằng :

- Đây là quan Tham Tụng họ Bùi, chạy nạn mà lạc đến đây. Anh hãy giúp ta hộ vệ ngài qua khỏi địa giới của huyện này.

Nguyễn Trang đã biết đấy là chúa Trịnh, bèn cùng với đồ đảng là Nguyễn Ba bắt Trịnh Khải đem đến nạp cho giặc. (Lý) Trần Quán nghe tin này liền vội vàng chạy đến, vừa khóc vừa nói :

- Làm cho chúa phải lầm lỗi đến thế này là tội ở tôi.

Rồi nhân đó, (Lý) Trần Quán đem đại nghĩa mà dụ bảo bọn Nguyễn Trang. Nguyễn Trang nói :

- Sợ thầy không bằng sợ giặc, quý chúa không bằng quý thân.

Nói xong liền giải Trịnh Khải đi. (Trịnh) Khải lấy dao cắt cổ tự tử. (Nguyễn) Trang đem thi thể của (Trịnh) Khải nạp cho giặc." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 46, tờ 21. Sách này còn cho biết thêm rằng, sau khi Trịnh Khải bị giải đi rồi, Lý Trần Quán sai người đào huyệt, mua quan tài và mặc lễ phục, nằm vào áo quan, nhờ người chôn sống. Khí khái của Lý Trần Quán được Nho gia xưa rất ca ngợi).

Chỉ trong vòng mười ngày, toàn bộ lực lượng quân đội của họ Trịnh đã hoàn toàn tan rã. Cơ nghiệp của họ Trịnh được gây dựng trên hai trăm năm đến đó là cáo chung. Bấy giờ, vua Lê là Lê Hiến Tông đang lâm bệnh nặng. Sức sống của triều Lê cũng chẳng khác gì sức khỏe của Vua Lê. Nguyễn Huệ vào Thăng Long, yết kiến vua và khẳng định lại mục đích *phò Lê diệt Trịnh*.

Sau lần tiếp kiến nói trên, Lê Hiến Tông đã đem Công Chúa Ngọc Hân gả cho Nguyễn Huệ. Mối lương duyên giữa Nguyễn Huệ với Ngọc Hân Công Chúa bắt đầu kể từ đó.

Trận tấn công năm 1786 của Nguyễn Huệ có ý nghĩa rất to lớn. Từ đây, biên giới sông Gianh bị xóa bỏ, lãnh thổ Đàng Ngoài với Đàng Trong bị chia cách trên hai thế kỉ đã được nối liền, cơ sở quan trọng đầu tiên cho sự thiết lập nền thống nhất quốc gia đã xuất hiện. Từ đây, những tập đoàn phong kiến cát cứ lớn nhất đã hoàn toàn bị tiêu diệt, tức là trở lực lớn nhất của sự nghiệp thống nhất quốc gia không còn nữa. Cũng từ đây, phong trào nông dân Tây Sơn đã gây được ảnh hưởng mạnh mẽ trên khắp cả nước, trở thành trung tâm hội tụ sức mạnh của hàng vạn

nông dân bị áp bức trên khắp mọi miền trong cuộc chiến đấu ngoan cường chống cả thù trong lẫn giặc ngoài.

Tháng 8 năm 1786, sau khi dựng lại triều Lê vốn đã rất tàn tạ, Nguyễn Huệ trở về Quy Nhơn. Chuyến này, Nguyễn Huệ trở về cùng với Nguyễn Nhạc (Sau khi nhận được tin báo của Nguyễn Huệ là sẽ tiến quân ra Thăng Long. Nguyễn Nhạc rất lo lắng, bèn vội vã đuổi theo. Đến đây, cả hai anh em cùng về Quy Nhơn).

9. Tổng chỉ huy trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa (năm 1789 : năm 36 tuổi), quét sạch 29 vạn quân Mãn Thanh và bẻ gãy tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Tình hình Đàng Ngoài sau khi Nguyễn Huệ rút quân về Nam

Một trong những viên tướng có công rất nổi bật đối với Tây Sơn năm 1786 là Nguyễn Hữu Chỉnh. Chính Nguyễn Hữu Chỉnh đã bàn mưu đánh vào quân Trịnh ở Thuận Hóa. Sau chiến dịch Thuận Hóa, chính Nguyễn Hữu Chỉnh đã tiếp tục bàn mưu đem quân đội Tây Sơn đánh ra Đàng Ngoài, đồng thời là tướng tiên phong của Nguyễn Huệ trong cuộc tấn công táo bạo này. Người đầu tiên đánh vào Vị Hoàng là Nguyễn Hữu Chỉnh. Người đầu tiên đánh vào Thăng Long cũng là Nguyễn Hữu Chỉnh. Và, cũng chính Nguyễn Hữu Chỉnh đã bàn với vua Lê Hiển Tông đem Ngọc Hân Công chúa gả cho Nguyễn Huệ. Tóm lại, Nguyễn Hữu Chỉnh đã cố làm tất cả mọi điều, cốt tạo niềm tin đối với Nguyễn Huệ. Nhưng, Nguyễn Huệ lại không tin ở con người này, bởi lẽ, Nguyễn Hữu Chỉnh đến với Tây Sơn, bất quá chỉ do thất thế và cô thân sau những cuộc tranh giành quyền lực giữa các phe phái của Đàng Ngoài mà thôi.

Xuất phát từ nhận định về bản chất con người của Nguyễn Hữu Chỉnh như vậy, canh ba đêm ngày 17 tháng 8 năm 1786, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ sai người vào từ biệt vua Lê (Lê Chiêu Thống - cháu đích tôn của vua Lê Hiển Tông) rồi bí mật hạ lệnh cho quân sĩ lặng lẽ trở về Nam, bỏ mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh ở lại. Sáng ngày hôm sau, khi Nguyễn Hữu Chỉnh hay tin thì Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã đi xa rồi. Sử cũ viết :

"Sáng ra, Nguyễn Hữu Chỉnh biết tin, vội vàng không biết tính sao, bèn cùng vài chục thủ hạ cướp lấy một chiếc thuyền để đuổi theo. Người trong kinh đô tranh nhau lấy gạch ngói để ném. (Nguyễn) Hữu Chỉnh phải tự tay đâm chết vài chục người mới thoát được thân." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 46, tờ 29).

Tới Nghệ An thì Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi kịp quân Tây Sơn, nhưng, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ vẫn không cho Nguyễn Hữu Chỉnh theo về Quy Nhơn mà sai ở lại, cùng với Nguyễn Duệ trông coi trấn Nghệ An. Quân Tây Sơn đi rồi, tình hình Thăng Long nói riêng và Đàng Ngoài nói chung trở nên rất bi đát. Đại lược như sau :

- Sau khi Trịnh Khải bỏ chạy, bị bắt rồi tự tử mà chết, hai nhân vật khác của họ Trịnh là Trịnh Bồng và Trịnh Lệ bắt đầu tranh giành quyền được tự lập làm chúa.

+ *Phe Trịnh Lệ* có Trương Tuân, Dương Trọng Khiêm làm vây cánh, nhưng Dương Trọng Khiêm chỉ theo Trịnh Lệ được một thời gian ngắn, sau thì làm phản, chống lại Trịnh Lệ.

+ *Phe Trịnh Bồng* có Đinh Tích Nhưỡng làm chỗ dựa. Trong cuộc tranh giành này, cuối cùng, Trịnh Bồng đã chiếm được phần thắng. Trịnh Bồng tự lập làm Nguyên Soái, tước Yến Đô Vương. Từ đấy, cục diện vua Lê-chúa Trịnh lại tái lập như cũ.

- Tháng 11 năm 1786, Trịnh Bồng đem quân vây chặt cung vua, định phế bỏ Lê Chiêu Thống. Nhờ có Hoàng Phùng Cơ bảo vệ, Lê Chiêu Thống mới chặn đứng được âm mưu của Trịnh Bồng. Nhân đó, Lê Chiêu Thống ra lệnh triệu Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An về Thăng Long.

- Cuối tháng 11 năm 1786, Nguyễn Hữu Chỉnh nhân danh việc phò tá vua Lê, đã đem quân đánh đuổi Trịnh Bồng ra khỏi Thăng Long. Nhờ công lao đó, Nguyễn Hữu Chỉnh được vua Lê Chiêu Thống phong làm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại Tư Đồ, tước Bằng Trung Công.

Từ đó, “quyền của Chính ngang với quyền Nhà vua, thế của Chính có thể lật nghiêng cả nước.”

- Tháng 2 năm 1787, do thấy Nguyễn Hữu Chính ngày một lộng quyền, Lê Chiêu Thống định ngầm bỏ thuốc độc để giết đi. Việc này vì có Vũ Trinh can ngăn nên mới thôi. Tuy vậy, Nguyễn Hữu Chính cũng đoán được sự chẳng lành đang rình rập mình, vì thế, bỏ cả việc châu hầu, thả cửa cho bọn tay chân đi cướp phá. Kinh thành Thăng Long bất an, nhiều người bắt đầu lên tiếng đòi giết Nguyễn Hữu Chính.

- Tháng 4 năm 1787, sau khi đã nắm khá đầy đủ những tin tức về hành vi sai trái của Nguyễn Hữu Chính ở Thăng Long, Nguyễn Huệ ra lệnh triệu Nguyễn Hữu Chính về Nam, nhưng, Nguyễn Hữu Chính lấy cớ là Bắc Hà chưa yên, không chịu tuân mệnh. Nguyễn Huệ tức giận, sai Vũ Văn Nhậm cầm quân ra Bắc để hỏi tội Nguyễn Hữu Chính.

- Trong lúc Vũ Văn Nhậm đang trên đường tiến ra Bắc thì tình hình Bắc Hà ngày một rối ren. Các phe cánh không ngừng tìm cách thanh toán lẫn nhau :

+ Dương Trọng Khiêm chạy đến Lạc Đạo, phát hịch kêu gọi khôi phục cơ nghiệp của chúa Trịnh. Nhưng, Dương Trọng Khiêm vừa mới khởi sự đã bị Nguyễn Hữu Chính sai tướng là Hoàng Việt Tuyển đem quân tới đánh. Dương Trọng Khiêm bại trận, bị bắt và bị giết.

+ Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây quyết đem quân về Thăng Long để giết Nguyễn Hữu Chính. Nhưng, quân Hoàng Phùng Cơ mới tiến đến Đại Phùng đã bị tướng của Nguyễn Hữu Chính là Nguyễn Duật đánh bại. Hoàng Phùng Cơ bị bắt và sau đó là bị bức tử.

+ Trịnh Bồng được sự hỗ trợ của một tướng như Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Trọng Mai, Phạm Đình Thiện và một số hào mục mà nổi bật nhất là Trần Mạnh Khuông đã nổi binh chống lại Nguyễn Hữu Chính. Nhưng, cũng chỉ sau một trận giao tranh, lực lượng của Trịnh Bồng đã hoàn toàn tan rã, Trịnh Bồng chạy trốn, về sau không rõ sống chết ra sao.

+ Tại Cao bằng, Nguyễn Hàn là người của vua Lê Chiêu Thống và Lưu Tiệp là người của Trịnh Bồng, đem quân đánh giết lẫn nhau. Kết quả là cả nhà Nguyễn Hàn đều bị Lưu Tiệp giết hại, lực lượng ủng hộ Lê Chiêu Thống ở đây hoàn toàn tan rã.

+ ...v.v.

- Tháng 11 năm 1787, Vũ Văn Nhậm đã tiến khá sâu vào đất Bắc Hà. Trận giao tranh đầu tiên diễn ra tại khu vực sông Thanh Quyết (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Quân của Nguyễn Hữu Chính nhanh chóng bị đẩy lùi. Sau đó, nhờ có thêm sự trợ giúp của Ngô Văn Sở, Vũ Văn Nhậm liên tiếp đánh bại những cố gắng của Nguyễn Hữu Chính. Cuối cùng, Nguyễn Hữu Chính bị thua và bị bắt giết. Vũ Văn Nhậm vào Thăng Long còn vua Lê Chiêu Thống thì hoảng hốt bỏ đi bôn tẩu khắp nơi.

- Vũ Văn Nhậm vào Thăng Long, tự cho là mình có công to không ai sánh kịp, liền làm nhiều điều sai trái khó có thể dung tha. Vì lẽ đó, tháng 4 năm 1788, đích thân Nguyễn Huệ đã cầm quân ra Bắc bắt giết Vũ Văn Nhậm, sau đó, trao quyền nắm giữ binh quyền ở Bắc Hà cho Ngô Văn Sở. Trước khi rút về Nam, Nguyễn Huệ còn có hai quyết định quan trọng khác. Một là đưa Sùng Nhượng Công Lê Duy Cận lên làm Giám Quốc. Giám Quốc là chức riêng của việc cúng tế ở nhà Thái Miếu của triều Lê. Lúc này, Lê Chiêu Thống đã rời Thăng Long mà bôn tẩu khắp đó đây, cho nên, Sùng Nhượng Công Lê Duy Cận mới được trao chức ấy. Hai là thành lập một guồng máy chính quyền của Tây Sơn đóng tại kinh đô Thăng Long để cai quản đất Đàng Ngoài. Đứng đầu guồng máy chính quyền này là Ngô Văn Sở. Sát cánh với Ngô Văn Sở trong guồng máy chính quyền này, bên cạnh một số tướng lĩnh của Tây Sơn, còn có một số cự thần của nhà Lê. Họ là những trí thức nhạy bén với thời cuộc, cũng là những người thực sự giàu nhiệt huyết và tài năng. Chính họ đã có đóng góp rất đáng kể vào những thắng lợi của Tây Sơn sau đó. Chúng ta có thể kể tên sáu nhân vật tiêu biểu sau đây :

- Ngô Thì Nhậm (1746-1803) người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ngô Thì Nhậm đỗ Tiến năm 1775. Ông là con của Hoàng Giáp Ngô Thì Sĩ (1725-1780).

- Phan Huy Ích (1751 - 1822) người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, nay là xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con của Tiến Sĩ Phan Huy Áng (cũng tức là Phan Huy Cận

: 1733-1800), anh của Tiến Phan Huy Ôn (1755-1786). Phan Huy Ích đỗ Tiến Sĩ năm 1775.

- Nguyễn Thế Lịch (1750-1829) cũng tức là Nguyễn Gia Phan, người làng Yên Lũng, huyện Từ Liêm, nay là thôn Yên Lũng, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Ông đỗ Tiến Sĩ năm 1775.

- Ninh Tồn (1744-1790) người làng Côi Trì, huyện Yên Mô nay là xã Yên Mỹ, huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đỗ Tiến Sĩ năm 1778. Ông là dòng dõi của Tiến Sĩ Ninh Đạt, cháu của Hoàng Giáp Ninh Địch.

- Nguyễn Du (1754 - ?) người làng Viên Ngoại, huyện Chương Đức nay là xã Viên Ngoại, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây, đỗ Tiến Sĩ năm 1785.

- Nguyễn Bá Lan (1757 - ?) người làng Cổ Linh, huyện Gia Lâm, nay thuộc Hà Nội, đỗ Tiến Sĩ năm 1785.

Trong sáu nhân vật nói trên, Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích có vị trí và ảnh hưởng to lớn nhất. Chính Ngô Thì Nhậm là người đã có công rất lớn trong việc tham gia vạch kế hoạch đối phó với quân xâm lược Mãn Thanh. (Phan Huy Ích là em rể của Ngô Thì Nhậm. Ngoài mối quan hệ gia đình, họ còn là hai bậc tài hoa có cùng chí hướng. Cả Ngô Thì Nhậm lẫn Phan Huy Ích đều rất được Nguyễn Huệ trọng dụng).

Bước đường cùng của Lê Chiêu Thống

Lê Chiêu Thống tên thật là Lê Duy Kỳ, lại có tên khác là Lê Tư Khiêm, sinh năm 1765. Sử cũ cho biết, Lê Chiêu Thống là con trưởng của Thái Tử Lê Duy Vĩ, cháu đích tôn của vua Lê Hiến Tông. Trước đó, Thái Tử Lê Duy Vĩ bị chúa Trịnh là Trịnh Sâm giết hại vào tháng 12 năm 1771. Năm 1786, vua Lê Hiến Tông mất. Trước đó bốn năm (năm 1782), chúa Trịnh Sâm cũng đã qua đời, triều thần nhân đó đã đưa Lê Duy Kỳ lên nối ngôi. Bấy giờ, Nguyễn Huệ đang có mặt tại kinh thành Thăng Long và thể theo đánh giá của Ngọc Hân về nhân cách của Lê Duy Kỳ, Nguyễn Huệ không thật sự bằng lòng với việc đưa Lê Duy Kỳ lên ngôi. Tuy nhiên, mọi việc sau đó cũng được thu xếp ổn thỏa, chỉ tiếc là quan hệ giữa Nguyễn Huệ với Lê Duy Kỳ vì thế mà gặp nhiều trở ngại. Lê Duy Kỳ vừa rất căm tức lại vừa rất sợ hãi Nguyễn Huệ.

Từ khi được đưa lên ngôi, Lê Duy Kỳ (lấy niên hiệu là Chiêu Thống, và từ đây xin gọi theo cách gọi phổ biến là Lê Chiêu Thống) hầu như không mấy khi được ở yên trong hoàng cung. Nỗi lo lắng về sự trôi dạt của thế lực ủng hộ họ Trịnh cộng với sự sợ hãi đối với Tây Sơn đã khiến cho Lê Chiêu Thống phải nhiều phen bon tẩu lao đao.

Đường bôn tẩu cũng là đường đắng cay. Dần dần, văn thần và võ tướng đều từ bỏ Lê Chiêu Thống, thậm chí, còn công khai chống lại Lê Chiêu Thống. Chuyện điển hình đáng cười ra nước mắt hơn cả có lẽ là chuyện Lê Chiêu Thống với Nguyễn Cảnh Thước. Tháng 12 năm 1787, quân Tây Sơn do Vũ Văn Nhậm chỉ huy đã tiến ra Thăng Long để hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh. Khi nghe tin Nguyễn Hữu Chỉnh thua trận. Lê Chiêu Thống rất bối rối. Bấy giờ có quan giữ chức Tham Tri Chính Sự là Nguyễn Khuê đến bàn với Lê Chiêu Thống rằng :

"Trần Thủ Kinh Bắc là Nguyễn Cảnh Thước, khí chất hùng mạnh và mưu lược hơn người, rất đáng được tin cậy, vậy, ta hãy giữ lấy Kinh Bắc làm nơi thủ thế. Nơi đó có thành lũy vững chắc, có sông Cái ngăn cách. Từ Kinh Bắc, ta phát lời kêu gọi cần vương thì có thể dễ dàng thông tin đi khắp các xứ, trên thì Thái Nguyên và Sơn Tây, dưới thì Hải Dương và Sơn Nam... chẳng mấy chốc mà có thể tập hợp được đại binh. Sau, ta sẽ tùy thời mà hành động, ắt sẽ có ngày phục hưng".

Lê Chiêu Thống nghe theo, bèn đi sang Kinh Bắc. Đến nơi, kẻ theo hầu chỉ còn dăm bảy người nữa mà thôi. Nhưng, Nguyễn Cảnh Thước cáo bệnh, đóng cửa thành lại, không chịu tiếp đón Nhà vua! Vừa buồn vừa tức, Lê Chiêu Thống đành phải tìm chốn dung thân ở nơi khác. Chẳng dè, vừa đi được một quãng thì "Nguyễn Cảnh Thước tung thủ hạ ra cướp hết mọi của cải do bọn hầu nự giá mang theo. Chúng còn đuổi theo Nhà vua và lột cả tấm hoàng bào của Nhà vua nữa. Nhà vua đau xót đến rơi cả nước mắt nhưng cũng đành phải cởi ra để trao cho chúng." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 47, tờ 17).

Từ đây, Lê Chiêu Thống hết lên ngược lại về xuôi, hết vào nam lại ra bắc, gian nan trở ngại không thể nào kể hết. Dưới đây xin theo ghi chép của thư tịch cổ, lược ghi mấy sự kiện chính như sau :

- Tháng 12 năm 1787, sau khi bị thủ hạ của Nguyễn Cảnh Thước cướp bóc hết của cải, Lê Chiêu Thống chạy đến vùng Yên Thế, nương nhờ ở một viên tướng cướp cũ là Dương Đình Tuấn.

- Tháng 2 năm 1788, sau một thời gian được Dương Đình Tuấn hết lòng phò tá, Lê Chiêu Thống bỗng lo sợ là Dương Đình Tuấn sẽ ăn ở hai lòng, do vậy, bỏ Yên Thế chạy đến Gia Định (nay thuộc Bắc Ninh). Kể theo hầu chỉ còn chừng dăm ba người nữa mà thôi.

- Ở Gia Định chỉ được mấy ngày, Lê Chiêu Thống lại chạy về Chí Linh. Nhờ sự ủng hộ của một số thổ hào địa phương, Lê Chiêu Thống tạm yên được một thời gian ngắn.

- Tướng cũ của chúa Trịnh là Đinh Tích Nhưỡng lúc bấy giờ đang ở Đông Triều, nghe tin Lê Chiêu Thống ở Chí Linh, liền đem quân tới đánh. Dân binh Chí Linh đánh giết được hai em của Đinh Tích Nhưỡng là Đinh Vũ Sầm và Đinh Vũ Kính, khiến Đinh Tích Nhưỡng hoảng sợ mà bỏ chạy, Lê Chiêu Thống mới được tai qua nạn khỏi.

- Sau cuộc đụng độ với Đinh Tích Nhưỡng ở Chí Linh, Lê Chiêu Thống chạy ra Thủy Đường (nay thuộc Hải Phòng). Ở Thủy Đường chưa ấm chỗ, Lê Chiêu Thống lại chạy vào Vị Hoàng. Nói theo cách nói của sử cũ là Lê Chiêu Thống phải "long đong xuôi ngược, hết sang đông lại lên bắc".

- Mới đến Vị Hoàng, chưa kịp ổn định nơi ăn chốn ở, Lê Chiêu Thống đã bị Ngô Văn Sở đem quân Tây Sơn tới đánh. Lê Chiêu Thống hốt hoảng chạy đến vùng Quần Anh (nay thuộc huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định) và tại đây, một trận bão đã nổi lên, chiến thuyền của Lê Chiêu Thống trôi dạt đến Thiết Giáp (thuộc Nga Sơn, Thanh Hóa). Từ Thiết Giáp, Lê Chiêu Thống đi bộ đến Kim Bảng (thuộc Hà Nam) và sau đó lại đi ra Kinh Bắc.

- Tháng 7 năm 1788, mẹ của Lê Chiêu Thống từ Cao Bằng được sự giúp đỡ của Hoàng Ích Hiếu, Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống, đã đem con trai của Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc.

- Tại Trung Quốc, mẹ của Lê Chiêu Thống và đám tùy tùng nói trên đã gặp Tôn Sĩ Nghị (Tổng đốc Lạng Quảng) và Tôn Vĩnh Thanh (Tuần phủ Quảng Tây). Sử cũ chép rằng :

"Bọn (Tôn) Sĩ Nghị tâu với vua Thanh là Tự Hoàng nhà Lê đang phải bôn ba, xét nghĩa lớn thì ta nên cứu. Vả chăng, An Nam vốn dĩ là đất xưa của Trung Quốc, cho nên, khi giúp khôi phục được nhà Lê rồi, ta cũng có thể nhân đó mà đặt đồn binh canh giữ. Vậy là ta vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lại được An Nam, thật đúng là làm một việc mà được hai điều lợi." (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 47, tờ 33).

- Nhận được lời tâu trên, vua Thanh lúc này là Càn Long lập tức đồng ý. Một kế hoạch xua quân sang mượn cờ phò Lê diệt Tây Sơn để xâm lược nước ta nhanh chóng được vạch ra. Nhận được tin này, Lê Chiêu Thống thực sự vui mừng, liền sai tay chân sang Trung Quốc để chuẩn bị đón rước quân Mãn Thanh.

Như vậy là đến đây, Lê Chiêu Thống đã đi từ chỗ chống đối Tây Sơn đến chỗ hại dân và phản quốc. Đòi thật khó mà dung tha hành vi nhục nhã này.

Quân Thanh sang xâm lược nước ta

Theo lệnh của Càn Long, Tổng Đốc Lạng Quảng của nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị đã nhanh chóng tổ chức cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Công việc chuẩn bị này bao hàm mấy bước với những nội dung cụ thể như sau :

- "Trước hết, tung ra chừng vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho gần xa đều biết" việc nhà Thanh sắp sửa xuất quân sang nước ta. Chính Càn Long trong một chỉ dụ gửi cho Tôn Sĩ Nghị cũng đã nói rõ như thế : "Cứ từ từ mà làm, không việc gì phải vội vã trước hãy truyền hịch để gây thanh thế...".

- Hạ lệnh cho quan Tri Phủ ở Điền Châu giúp đấm tay chân của Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, đứng ra tập hợp lực lượng chống Tây Sơn, đồng thời tuyển mộ thêm quân sĩ để sẵn sàng phối hợp với quân Của Tôn Sĩ Nghị.

- Nhanh chóng huy động quân lính, sẵn sàng tràn sang nước ta khi có chiếu chỉ của Càn Long. Tôn Sĩ Nghị đã huy động được hai mươi chín vạn quân chiến đấu và hàng chục vạn dân phu.

Cuối năm 1788, khi công cuộc chuẩn bị đã tương đối chu tất, Càn Long hạ chiếu phong cho Tôn Sĩ Nghị làm *Chinh Man Đại Tướng Quân*, nắm quyền Tổng chỉ huy toàn bộ lực lượng quân Thanh sang xâm lược nước ta, Tổng Đốc Vân Quý (tức Vân Nam và Quý Châu) là Phúc Khang An chịu trách nhiệm huy động và vận tải lương thực cho đạo quân lâm lược khổng lồ này. Tôn Sĩ Nghị chia quân làm ba đạo, tiến vào nước ta qua ba ngã khác nhau :

Đạo thứ nhất do tướng Ô Đại Kinh chỉ huy. Ô Đại Kinh nguyên là Đê Đốc ở Vân Nam và Quý Châu. Đạo này từ Vân Nam qua Mã Bạch Quan rồi xuống Hà Giang, Tuyên Quang, băng qua Thái Nguyên, về Hà Bắc và tiến xuống Thăng Long.

Đạo thứ hai do Sầm Nghi Đống chỉ huy, tiến vào nước ta qua ngã Cao Bằng. Đạo này, ngoài quân Trung Quốc còn có cả lực lượng ủng hộ Lê Chiêu Thống đang lưu vong ở Trung Quốc mới được Sầm Nghi Đống tuyển mộ.

Đạo thứ ba là đạo chủ lực, do đích thân Tôn Sĩ Nghị cầm đầu. Dưới trướng của Tôn Sĩ Nghị còn có các tướng khác như :

+ Đê Đốc Hứa Thế Hanh giữ chức Phó Tướng.

+ Tổng Binh Thượng Duy Thăng và Tổng Binh Khánh Thành chỉ huy các đơn bộ binh huy động được từ tỉnh Quảng Tây.

+ Tổng Binh Trương Triều Long và Tổng Binh Lý Hóa Long chỉ huy các đơn vị bộ binh huy động được từ tỉnh Quảng Đông.

Đạo thứ ba này tiến vào nước ta qua ngã Lạng Sơn. Ngày 28 tháng 10 năm Mậu Thân (nhằm ngày 25-11-1788 tính theo dương lịch), cả ba đạo quân nói trên đều nhất loạt xuất phát. Khẩu hiệu hành quân của Tôn Sĩ Nghị là *phù Lê diệt Tây Sơn*. Chỉ dụ của Càn Long gọi cho Tôn Sĩ Nghị trước lúc Tôn Sĩ Nghị xuất quân đã nói khá rõ mưu đồ của nhà Thanh đối với nước ta lúc bấy giờ :

"Trước hãy truyền hịch để gây thanh thế, sau đó thì để bọn cự thần nhà Lê về nước tìm Tự Quân của nhà Lê, khiến chúng ra đối địch với Nguyễn Huệ. Giá thử (Nguyễn) Huệ mà bỏ chạy thì cho Tự Quân của nhà Lê đuổi theo, ta chỉ nên đi tiếp ứng mà thôi. Đó là thượng sách vì không khó nhọc mà vẫn thành công.

Người trong nước họ, nếu một nửa theo (Nguyễn) Huệ mà (Nguyễn) Huệ không chịu rút quân, thì phải nhờ thủy binh ở Mãn Quảng vượt biển đánh vào Thuận Quảng rồi từ đó đánh ra, kể đến bộ binh mới tiến. Hai mặt trước sau đều bị đánh thì tất nhiên (Nguyễn) Huệ phải chịu quy phục. Ta sẽ nhân đó mà ràng buộc cả hai. Từ Thuận Quảng vào Nam thì chia cấp cho Nguyễn Huệ, từ Hoan Ai trở ra thì chia cấp cho nhà Lê, còn ta thì đóng đại binh ở giữa để kiểm chế cả hai, sau sẽ có cách xử trí khác." (*Đại Nam chính biên liệt truyện*, Sơ tập, quyển 30).

Trước khi lên đường, Tôn Sĩ Nghị ban bố cho toàn quân tám điều quân luật, trong đó có những điều luật nói rất rõ về cách đề phòng voi chiến và hỏa hổ (ống phun lửa) của Tây Sơn. Tóm lại, đội quân xâm lược Mãn Thanh vừa rất đông đảo, vừa được chuẩn bị rất chu tất và có quyết tâm rất cao. Một lần nữa, nền độc lập của nước nhà bị đe dọa nghiêm trọng. Cũng một lần nữa, Tây Sơn đứng trước một thử thách hết sức cam go. Thành bại của Tây Sơn lúc này hoàn toàn phụ thuộc vào thành bại của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh.

Tình hình Bắc Hà trước Tết Kỷ Dậu (1789)

Khi quân Thanh bắt đầu tràn vào nước ta, lực lượng ủng hộ Lê Chiêu Thống dần dần ngóc đầu dậy, xã hội Bắc Hà bị phân hóa thành nhiều xu hướng khác nhau. Xu hướng thứ nhất là sẵn sàng sát cánh với Tây Sơn để chống quân xâm lược, chống hành vi phản dân hại nước xấu xa

của Lê Chiêu Thống. Xu hướng thứ hai, do bị ảnh hưởng mạnh mẽ của quan niệm về giềng mối chính thống, đã tìm mọi cách để giúp đỡ Lê Chiêu Thống. Xu hướng thứ ba là bi quan và chán nản, họ không đứng về Tây Sơn nhưng cũng không chịu hợp tác với Lê Chiêu Thống. Tất nhiên, đó là ba xu hướng lớn chứ không phải là tất cả các xu hướng nhận thức và ứng xử khác nhau của Bắc Hà đương thời. Bối cảnh ấy đã đặt quân Tây Sơn trước những khó khăn rất lớn. Bấy giờ, Ngô Văn Sở đã có bốn quyết định rất quan trọng :

Một là cử người về Phú Xuân cấp báo cho Nguyễn Huệ rõ những diễn biến phức tạp của tình hình ở Bắc Hà, đồng thời, xin mệnh lệnh của Nguyễn Huệ.

Hai là cử một phái đoàn gồm chủ yếu là các cựu thần của nhà Lê như Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Đình Khoan, Lê Duy Chủ, Nguyễn Đăng Đàn... đem bức thư kí tên Giám Quốc Lê Duy Cận, cùng với một tờ bảm kí tên các hào mục nước ta, lên tận biên giới để trao cho Tôn Sĩ Nghị, xin được "nghị hòa". Đó thực ra chỉ là một trong những biện pháp cốt góp phần làm trì hoãn bước tiến của quân Thanh mà thôi.

Ba là chấp thuận cho một số võ tướng đem quân lên biên giới, sẵn sàng làm nhiệm vụ đánh chặn khi quân Thanh tràn sang nước ta.

Bốn là tổ chức một hội nghị quân sự cao cấp tại kinh thành Thăng Long nhằm thống nhất về phương hướng đối phó với quân xâm lược Mãn Thanh.

Tại cuộc hội nghị quân sự cao cấp tổ chức ở Thăng Long, Bộ chỉ huy Tây Sơn đã nhất trí với chủ trương chung là : tạm thời lui quân về Tam Điệp và Biện Sơn để bảo toàn lực lượng, chờ đại quân của Nguyễn Huệ ra rồi mới đánh trận quyết định với quân xâm lược Mãn Thanh. Bởi chủ trương chun này, quân Mãn Thanh đã tràn vào Thăng Long tương đối dễ dàng.

Nghe tin quân chủ lực Tây Sơn đã rút khỏi Thăng Long và đồng bằng Bắc Hà, Tôn Sĩ Nghị rất tức tối. Hắn đổ tội cho Lê Chiêu Thống, cho Lê Chiêu Thống và đám tay chân là hèn nhát và kém cỏi, không làm nên được tích sự gì, và "có Lê Chiêu Thống cũng kể như không". Lê Chiêu Thống phải cúi đầu năn nỉ mãi, Tôn Sĩ Nghị mới thôi không quở trách nữa. Vào Thăng Long Tôn Sĩ Nghị đặt đại bản doanh tại cung Tây Long. Đạo quân do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy thì đóng dọc theo bãi cát hai bên bờ sông Nhị, liên hệ với nhau bằng một chiếc cầu phao bắc qua sông. Đạo quân do Sầm Nghi Đống chỉ huy đóng tại Đống Đa. Đạo quân do Ô Đại Kinh cầm đầu đóng ở Sơn Tây. Và, một đạo thủy quân nhỏ của Tôn Sĩ Nghị đóng tại Hải Dương. Các đạo thường xuyên liên lạc để sẵn sàng ứng cứu cho nhau khi có lệnh.

Bấy giờ là những ngày cuối năm, Tôn Sĩ Nghị thả lỏng cho quân sĩ mặc sức đi cướp bóc, "tìm cách vu hãm người lương thiện, áp bức nhà giàu có, thậm chí là giữa đường giữa chợ cũng hãm hiếp đàn bà, cướp bóc của cải, không còn biết kiêng sợ gì cả". Người đương thời đã phải đau khổ mà than rằng : "Nước Nam ta từ thuở có Đế Vương đến nay, chưa từng thấy ông vua nào luôn cúi đê hèn như thế cả".

Nếu đối với Tôn Sĩ Nghị nói nêng và quân Mãn Thanh nói chung, Lê Chiêu Thống tỏ ra "đê hèn" và "luồn cúi", bao nhiêu, thì ngược lại, đối với người trong nước, Lê Chiêu Thống lại tỏ ra hống hách và tàn ác bấy nhiêu. Mượn thể quân xâm lược, Lê Chiêu Thống tìm đủ mọi cách để tác oai tác quái, oán dẫu chỉ như là tơ tóc cũng quyết trả cho bằng được mới thôi. Hành vi đó đã khiến cho xã hội Bắc Hà vốn dĩ đã bị phân hóa lại càng bị phân hóa sâu sắc hơn.

Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Quang Trung và đích thân cầm quân ra Bắc.

Tại Phú Xuân, ngày 24 tháng mười một (nhằm ngày 21 tháng 12 năm 1788), Nguyễn Huệ nhận được tin cấp báo của Ngô Văn Sở do Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết chuyển đạt về. Tình thế mới buộc Nguyễn Huệ cần phải có những quyết định mới, sắc bén, kiên quyết và phù hợp. Tiêu diệt quân Mãn Thanh và trừng trị tập đoàn Lê Chiêu Thống là quyết tâm tự nhiên và tất nhiên, vì đó là cách duy nhất để bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước, cũng là cách duy nhất để bảo vệ thành tựu của phong trào Tây Sơn. Nhưng, đánh quân Mãn Thanh, đánh một đội quân xâm lăng hùng hậu đang giương ngọn cờ chính trị giả hiệu là *phù Lê diệt Tây Sơn*, thì trước hết, Nguyễn Huệ phải tạo ra được một ngọn cờ chính trị khác, vừa đủ sức để tập hợp sức mạnh

cũng như trí tuệ của nhân dân, lại vừa đủ sức để loại Lê Chiêu Thống ra khỏi vũ đài chính trị. Xuất phát từ sự phân tích rất chính xác đó, ngay ngày hôm sau, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (nhằm ngày 22 tháng 12 năm 1788), tại Núi Bân (thuộc Phú Xuân), Nguyễn Huệ đã lên ngôi Hoàng Đế, lấy niên hiệu là Quang Trung. Trong tờ chiếu lên ngôi, Nguyễn Huệ nói rất rõ :

"Trẫm đã hai lần gầy dựng cho họ Lê, thế mà Tự Quân nhà Lê không biết giữ xã tắc, bỏ nước bên tầu ở ngoài, sĩ dân Bắc Hà không hướng về họ Lê mà chỉ trông mong vào Trẫm" (*Quang Trung tức vị chiếu*).

Ai lên ngôi để được hưởng cuộc sống nhung lụa của Đế Vương, còn Nguyễn Huệ thì khác hẳn. Với việc lên ngôi này, Nguyễn Huệ đã dũng cảm đảm nhận trước lịch sử sứ mệnh cực kì cao cả và vinh quang, đồng thời cũng vô cùng nguy hiểm, đó là lãnh đạo nhân dân quét sạch quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi. Cũng với việc lên ngôi này, Nguyễn Huệ là người tuyên bố sự cáo chung của triều Lê và khẳng định mình là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc điều khiển vận mệnh của quốc gia và dân tộc.

Ngay sau khi làm lễ đăng quang, Nguyễn Huệ đã chỉ huy đại quân tiến thẳng ra Bắc. Theo ghi chép của các thư tịch cổ, ngày 29 tháng 11 năm Mậu Thân (nhằm ngày 26-12-1788), nghĩa là đúng bốn ngày kể từ khi rời khỏi Phú Xuân, Nguyễn Huệ đã có mặt tại Nghệ An. Đó thực sự là một cuộc hành quân thần tốc rất hiếm thấy trong lịch sử. Đến Nghệ An, Nguyễn Huệ dừng lại mười ngày để tuyển mộ thêm quân lính. Cũng tại Nghệ An, Nguyễn Huệ đã tổ chức một cuộc duyệt binh lớn, nhằm kiểm tra và biểu dương sức mạnh của quân đội trước khi bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt với quân xâm lược Mãn Thanh. Trong cuộc duyệt binh này, Nguyễn Huệ đã đồng dục tuyên bố :

"Quân Thanh sang xâm lược nước ta, hiện đang ở Thăng Long, các người đã biết chưa ? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, tất cả đều đã được phân biệt rõ ràng, Bắc Nam hai phương chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời Hán đến nay, chúng đã bao phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vơ vét của cải khắp đất nước ta, cho nên, người mình không ai chịu nổi, đều muốn đánh đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ... Các ngài không nỡ ngồi yên nhìn chúng làm điều tàn bạo, cho nên đã thuận theo lòng người mà dấy nghĩa binh, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về hẳn bên phương Bắc".

..."Lợi hại và được thua đều là chuyện cũ rành rành của triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta mà đặt thành quận huyện của chúng, không biết trông gương các đời Tống, Nguyên và Minh thuở xưa, vì thế, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng". (Ngô Gia Văn Phái : *Hoàng Lê nhất thống chí*, hồi thứ 14).

Để kích thích thêm tính chủ quan vốn có của Tôn Sĩ Nghị, từ Nghệ An, Nguyễn Huệ "sai người ruổi ngựa chạy gấp ra, đưa thư xin đầu hàng Tôn Sĩ Nghị, lời lẽ trong thư rất nhũn nhặn, khiêm tốn".

Sau lễ duyệt binh ở Nghệ An, Nguyễn Huệ cho quân tiến gấp ra Thanh Hóa. Đến Thọ Hạc (nay thuộc thị xã Thanh Hóa), Nguyễn Huệ lại long trọng tổ chức lễ thệ sư (lễ tế cờ và thề trước lúc xuất quân). Tại đại lễ thệ sư này, Nguyễn Huệ tuyên bố :

"Bớ chư quân ! Phàm ai bằng lòng chiến đấu thì hãy vì ta giết sạch quân giặc. Nếu ai không muốn thì hãy xem ta giết vài vạn tên trong một trận, đó không phải là chuyện hiếm lạ đâu". (Nguyễn Thu : *Lê quý kỉ sự*).

Cũng trong đại lễ thệ sư ở Thọ Hạc, Nguyễn Huệ đã trịnh trọng đọc lời danh thếp của mình trước tướng sĩ và ba quân :

"Đánh cho để dài tóc,

Đánh cho để đen răng.

Đánh cho chúng chích luân bất phản,

Đánh cho chúng phiến giáp bất hoàn,

Đánh cho sử tri Nam quốc sinh hùng chi hữu chủ".

Sách xưa mô tả rằng : "(Nguyễn) Huệ vừa dứt lời, chư quân dạ ran như sấm, rung động cả núi, trời đất như muốn đổi màu. Thế rồi chiêm trống khua vang, quân sĩ tiến gấp ra Bắc."

Ngày 20 tháng chạp năm Mậu Thân (nhằm ngày 15-1-1789), Nguyễn Huệ đến Tam Điệp và Biện Sơn. Tại Tam Điệp và Biện Sơn, Nguyễn Huệ đã có bốn quyết định rất quan trọng :

Một là tuyên bố với các tướng lĩnh và văn thần rằng chủ trương của Bộ chỉ huy Tây Sơn ở Bắc Hà trước đó về việc tạm lui quân về Tam Điệp và Biện Sơn là hoàn toàn đúng đắn. Lời tuyên bố này có ý nghĩa rất lớn, bởi qua đó, Nguyễn Huệ đã củng cố thêm sự nhất trí ngày càng cao trong nội bộ của mình.

Hai là truyền hịch đi khắp các địa phương, kể tội Tôn Sĩ Nghị, lên án quân xâm lược Mãn Thanh, nhằm kích thích lòng yêu nước và chí căm thù giặc của nhân dân.

Ba là tổ chức khao quân, đồng thời tuyên bố rằng : "Nay hãy làm lễ ăn tết Nguyên Đán trước, đợi đến mùng 7 tháng giêng vào thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lấy lời ta nói xem có đúng như vậy không."

Bốn là chia quân làm năm đạo, đồng thời tấn công vào giặc từ năm mũi khác nhau :

+ Đạo thứ nhất là đạo chủ lực, do Nguyễn Huệ trực tiếp cầm đầu, gồm đủ cả bộ binh, tượng binh và kỵ binh, được trang bị đầy đủ nhất. Cùng tham gia chỉ huy đạo quân này với Nguyễn Huệ còn có Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Nội Hầu Phan Văn Lân, Hám Hồ Hầu (tức Chiêu Viễn Tướng Quân). Đạo quân này đánh thẳng vào phía nam kinh thành Thăng Long, nơi tập trung lực lượng chủ lực của quân Thanh đông đảo nhất.

+ Đạo quân thứ hai cũng gồm đủ cả bộ binh, tượng binh và kỵ binh, do Đô Đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy. Đạo này có nhiệm vụ đánh vào khu vực đóng quân của Sầm Nghi Đống ở Đống Đa, sau đó thì tràn vào Thăng Long, đánh vào đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị.

+ Đạo quân thứ ba do Đô Đốc Bảo chỉ huy, gồm kỵ binh và tượng binh. Đội tượng binh trong đạo quân này rất mạnh, khả năng cơ động rất cao. Đạo này có nhiệm vụ đánh vào phía tây nam của đồn Ngọc Hồi. Với nhiệm vụ này, đạo quân thứ ba chính là lực lượng kết hợp quan trọng nhất đối với đạo chủ lực do Nguyễn Huệ cầm đầu trong trận tấn công vào Ngọc Hồi.

+ Đạo quân thứ tư gồm chủ yếu là lực lượng thủy binh do Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy, có nhiệm vụ vượt biển, tiến vào Hải Dương để tiêu diệt thủy binh của giặc tại đây, sau đó, tiến vào Thăng Long, tấn công dinh trại của quân Mãn Thanh dọc hai bên bờ sông Nhị.

+ Đạo quân thứ năm cũng gồm chủ yếu là lực lượng thủy binh, do Đô Đốc Lộc chỉ huy, vượt biển để tiến ra khu vực sông Lục Đầu. Nếu chiến trận xảy ra ở Thăng Long mà gay go thì đây chính là đạo quân bất ngờ đánh từ phía sau đánh lại. Nếu quân Mãn Thanh ở Thăng Long mà nhanh chóng thất bại thì đây chính là đạo quân có nhiệm vụ đánh chặn đường rút lui của kẻ thù.

Nhìn tổng quát, kế hoạch của Nguyễn Huệ là kế hoạch tấn công vũ bão, dồn đối phương vào thế bị bao vây và bị tiêu diệt không cách gì chống đỡ nổi. Khác với trận quyết chiến chiến lược Rach Gầm-Xoài Mút diễn ra vào năm 1785 trong trận quyết chiến chiến lược này, lực lượng chủ yếu của Tây Sơn không phải là thủy binh mà là bộ binh và tượng binh.

Trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa : Tết Kỉ Dậu (1789)

Đêm ba mươi Tết, đạo quân của Nguyễn Huệ bắt đầu vượt Gián Khẩu và bất ngờ tấn công vào dinh trại của quân Lê Chiêu Thống ở vòng ngoài. Bấy giờ, quân bản bộ của Lê Chiêu Thống gần như đã bị buộc phải canh giữ từ la để quân sĩ của Tôn Sĩ Nghị có thể yên tâm nghỉ ngơi và ăn tết. Vừa giáp chiến, quân của Lê Chiêu Thống đã đại bại và bỏ chạy thục mạng. Nguyễn Huệ ra lệnh cho tướng sĩ của mình truy kích đến cùng, quyết không để một tên nào thoát được.

Từ xa, vừa thoáng thấy quân Tây Sơn, những tên lính do thám của Tôn Sĩ Nghị cũng đã vội vã tháo chạy. Nhưng, tất cả bọn chúng đã không sao thoát khỏi cuộc truy nã thần tốc của quân đội Tây Sơn. Khi Nguyễn Huệ tiến đến tận Phú Xuyên, tức là chỉ còn cách Thăng Long hơn ba chục cây số, Tôn Sĩ Nghị và tướng sĩ dưới quyền vẫn chưa hề hay biết gì. Nguyễn Huệ quyết định phải triệt để lợi dụng yếu tố bất ngờ này để tổ chức những trận đánh đầu tiên vào các đồn

lũy quan trọng nhất của quân Mãn Thanh.

Đêm mồng ba Tết Kỉ Dậu (nhằm ngày 28-1-1789), Nguyễn Huệ cho quân bí mật bao vây đồn Hà Hồi (nay thuộc xã Hồng Phong, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Đây là đồn nằm chắn ngang đường thiên lí từ phía nam ra Thăng Long. Phá được đồn Hà Hồi cũng có nghĩa là phá được vị trí tiền tiêu quan trọng nhất. Phá được đồn Hà Hồi cũng đồng thời có nghĩa là phá được cánh cửa bảo vệ mặt nam của Thăng Long. Sau khi đã bí mật bao vây xong đồn Hà Hồi, Nguyễn Huệ cho bắc loa gọi hàng. Tiếng loa vừa dứt, quân sĩ của Nguyễn Huệ liền đồng thanh cất tiếng dạ nhiều lần, chột nghe cứ tưởng là có đến hàng vạn người đã khép kín vòng vây dày đặc ở bốn bên. Quân Thanh trong đồn Hà Hồi rụng rời hồn vía, lập tức kéo nhau ra xin hàng. Đồn Hà Hồi bị tiêu diệt vừa rất nhanh, vừa rất gọn. Nguyễn Huệ thu được không biết bao nhiêu là lương thực, thực phẩm, vũ khí và các chiến lợi phẩm khác. Sau thắng lợi của trận Hà Hồi Nguyễn Huệ đóng quân tại cánh đồng Cung (xã Hồng Phong, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) và tại đây, một kế hoạch tấn công vào Ngọc Hồi đã nhanh chóng được xây dựng.

Tuy cùng án ngữ đường thiên lí dẫn vào Thăng Long, song, Ngọc Hồi có vị trí quan trọng hơn hẳn Hà Hồi. Đồn Ngọc Hồi (nay thuộc xã Ngọc Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) chỉ cách Thăng Long hơn mười cây số. Tại đây, lực lượng quân Mãn Thanh rất đông, vũ khí rất đầy đủ và lương thực cũng dồi dào. Chỉ huy quân Thanh ở Ngọc Hồi là Đề Đốc Hứa Thế Hanh - Phó Tướng của một trong ba đạo quân lớn do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp cầm đầu. Và, điều quan trọng hơn nữa là quân Thanh trong đồn Ngọc Hồi đã biết đồn Hà Hồi thất thủ, yếu tố bất ngờ tấn công của Tây Sơn đến đây không còn nữa. Cũng khác với Hà Hồi, đồn Ngọc Hồi rất kiên cố. Nhìn tổng thể, đồn Ngọc Hồi gồm có ba lớp khác nhau. Ngoài cùng là bãi chướng ngại vật, gồm cam bẫy, chông sắt và cả địa lôi. Đó là chưa kể ao Thọ Am ở phía đông nam cũng có giá trị như một bãi chướng ngại tự nhiên rất lợi hại. Nếu tính từ ngoài vào, sau bãi chướng ngại vật là chiến lũy và trong chiến lũy là dinh trại của quân Thanh. Theo ghi chép của một số thư tịch cổ, chúng ta có thể ước đoán tổng số quân Thanh trong đồn Ngọc Hồi vào khoảng vài vạn tên. Cùng tham gia chỉ huy quân Thanh ở đồn Ngọc Hồi, dưới trướng Đề Đốc Hứa Thế Hanh còn có một loạt các tướng lĩnh cao cấp khác. Đó là :

- Tổng Binh Thượng Duy Thăng.
- Tổng Binh Khánh Thành.
- Tổng Binh Trương Triều Long.
- Tổng Binh Lý Hóa Long.

Bản thân việc tập trung quân số và tướng lĩnh cao cấp này cũng đã đủ để khẳng định vị trí đặc biệt quan trọng của Ngọc Hồi. Đó là chưa nói rằng, ngay sau khi nhận được tin đồn Hà Hồi thất thủ, Tôn Sĩ Nghị còn điều động thêm một loạt quân sĩ, do Tổng Binh Thang Hùng Nghiệp cầm đầu, đến để tăng cường cho Ngọc Hồi. Tóm lại, Ngọc Hồi có giá trị như một cánh cửa sắt che chở cho Tôn Sĩ Nghị như một quyết chiến điểm chiến lược của quân Mãn Thanh.

Về phần mình, Nguyễn Huệ đã cho đại binh áp sát đồn Ngọc Hồi nhưng chưa đánh ngay. Nếu Nguyễn Huệ bình tĩnh bao nhiêu thì quân Thanh lại luôn ở trong tình trạng căng thẳng bấy nhiêu. Ngay trong đêm mồng ba Tết Kỉ Dậu, quân Thanh đã liên tục bị báo động. Chúng mệt mỏi chờ đợi suốt một phần của đêm mồng ba, nguyên ngày mồng bốn và cả đêm mồng bốn Tết Kỉ Dậu (nhằm ngày 29-1-1789). Mãi đến sáng mồng năm Tết Kỉ Dậu, cuộc tấn công của Nguyễn Huệ vào đồn Ngọc Hồi mới bắt đầu. Tham gia trận đánh này, lực lượng của Tây Sơn gồm có :

- Toàn bộ đạo quân do Nguyễn Huệ trực tiếp cầm đầu.
- Toàn bộ đạo quân do Đô Đốc Bảo chỉ huy.

Truyền thuyết dân gian vùng Thường Tín (Hà Tây) kể rằng, khuya mồng bốn Tết, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho quân sĩ phải ăn thật no, ăn xong thì bỏ hết dụng cụ nấu nướng và lương thực lại, hẹn đến trưa mồng năm Tết Kỉ Dậu (nhằm ngày 30-1-1789) thì vào ăn trong đồn Ngọc Hồi. Khi xuất trận, toàn quân Tây Sơn giương cờ đỏ, quân sĩ thắt khăn đỏ còn Nguyễn Huệ thì thắt khăn vàng.

Bấy giờ, Tôn Sĩ Nghị vừa nghe tin Hà Hồi thất thủ, chưa kịp nghĩ cách ứng phó gì đã nghe tin cấp báo của Ngọc Hồi. Sử cũ mô tả rằng, quân sĩ của Tôn Sĩ Nghị thì thán phục mà nói với nhau : “Tướng (Tây Sơn) như trên trời rơi xuống, quân (Tây Sơn) như dưới đất chui lên”, còn bản thân Tôn Sĩ Nghị thì rút kiếm chém xuống đất và nói : “Thần tốc, thật là thần tốc !” (Ngô Gia Văn Phái : *Hoàng Lê nhất thống chí*, Hồi thứ 14). Ngay sau đó, Tôn Sĩ Nghị điều ngay một đội kỵ binh thân cận của mình đến và giao nhiệm vụ thông tin thường xuyên giữa Ngọc Hồi với đại bản dinh.

Cuộc tấn công vào Ngọc Hồi của quân đội Tây Sơn được mở đầu bằng cuộc xuất trận của hơn một trăm voi chiến. Nguyễn Huệ là người có đầu óc cải tiến rất táo bạo. Lần đầu tiên, đại bác được bố trí trên lưng voi, và do đó, voi chiến của Tây Sơn tung hoành chẳng khác gì xe tăng hiện đại. Ngoài ra, tượng binh của Tây Sơn còn được trang bị thêm cả hỏa hổ, súng tay và giáo mác, cung nỏ... Đê Đốc Hứa Thế Hanh hạ lệnh cho đơn vị kỵ binh mạnh nhất của giặc ở Ngọc Hồi ra nghênh chiến. Nhưng, vừa thoáng thấy voi chiến, ngựa của đối phương đã "hốt hoảng hí lên rồi chạy lồng trở lại, giẫm đạp lên nhau". Giặc chui vào đồn, nã đại bác vào quân Tây Sơn rất dữ dội nhưng vẫn không sao lung lay nổi thế trận của Tây Sơn. Đợt tấn công thứ nhất tạm kết thúc với thất bại bước đầu thuộc về quân Thanh.

Cũng ngay trong buổi sáng mùng năm Tết Kỉ Dậu, Nguyễn Huệ tổ chức đợt tấn công thứ hai vào Ngọc Hồi. Đợt này cũng được mở đầu bằng cuộc xông trận của voi chiến, nhưng, khác với đợt thứ nhất, ở đợt thứ hai này voi chiến đóng vai trò mở đường cho quân cảm tử tràn lên. Theo mô tả của sử cũ thì cứ mỗi tốp có ba mươi người. Mười người thì giắt đoản đao bên hông, cùng nhau khiêng một tấm bảng lớn, phía ngoài có cuốn rơm tẩm bùn để chặn mũi tên của giặc. Hai mươi người còn lại thì núp phía sau tấm ván che nói trên rồi nhất loạt cùng tiến. Số quân cảm tử của Nguyễn Huệ tham gia tấn công Ngọc Hồi đợt thứ hai này gồm chừng 600 người (hai mươi tốp). Đáp lại, quân Thanh liên tục nã đại bác và phun hỏa mù ra, khiến cho "khói lửa mù trời, gần nhau trong gang tấc mà cũng chẳng thấy gì cả". Tiến ngay sau voi chiến và quân cảm tử, đại binh của Tây Sơn cũng rầm rộ tràn vào.. Những bó rơm lớn được dùng làm tấm đỡ, kẻ trước người sau đều liều chết mà đánh. Lũy Ngọc Hồi bị phá và Nguyễn Huệ dẫn đại binh đánh thẳng vào dinh trại giặc. Đồn Ngọc Hồi tan tành. Giặc chết chông chất lên nhau. Tổng chỉ huy quân Thanh ở đồn Ngọc Hồi là Hứa Thế Hanh cùng với Tổng Binh Thượng Duy Thăng bị giết tại trận.

Quân sĩ Mãn Thanh sống sót ở đồn Ngọc Hồi chạy thực mạng về Thăng Long. Nhưng, vừa đến Yên Duyên (nay thuộc thôn Sở Hạ, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) thì lập tức bị một đạo quân Tây Sơn đã được Nguyễn Huệ bố trí mai phục sẵn, đánh cho một trận tơi bời, lại bị giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Số sống sót lại liều chết tìm đường chạy nhanh về Thăng Long. Nhưng, đến Đầm Mực (nay thuộc xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội) thì gặp quân mai phục do Đô Đốc Bảo bố trí sẵn. Và, một trận đánh đã diễn ra tại đây. Toàn bộ quân giặc chạy đến vùng Đầm Mực đều bị giết hoặc bị bắt sống. Như vậy là chỉ với một buổi sáng, quân Tây Sơn đã đập tan đồn Ngọc Hồi, mở tung cánh cửa sắt che chở mặt nam kinh thành Thăng Long để rồi nhanh chóng tiến thẳng vào sào huyệt của giặc. Đây là trận phối hợp tuyệt vời giữa hai binh chủng chính là bộ binh và tượng binh, đây cũng là trận kết hợp chặt chẽ giữa tấn công trực diện với bí mật bao vây và tiêu diệt. Đê bẹp được lực lượng quân Mãn Thanh ở Ngọc Hồi cũng có nghĩa là Tây Sơn bắt đầu nắm được phần đại thắng ở trong tay.

Đồng thời với cuộc tấn công vào Ngọc Hồi, đạo quân Tây Sơn do Đô Đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy cũng đánh mạnh vào Đống Đa. Cầm đầu quân Mãn Thanh ở Đống Đa là Sầm Nghi Đống. So với những tướng lĩnh cao cấp dưới trướng của Tôn Sĩ Nghị thì Sầm Nghi Đống kém cỏi hơn cả. Quân do tướng Sầm Nghi Đống quản lĩnh cũng chủ yếu là quân ô hợp. Nhưng, do đóng giữ ở một vị trí thuận lợi, lại ở ngay cửa dẫn vào Thăng Long, Sầm Nghi Đống có không ít lợi thế. Tổ chức tấn công vào Đống Đa không đơn giản một chút nào cả. Tương tự như ở Ngọc Hồi, quân Tây Sơn đánh vào Đống Đa do Đô Đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy gồm chủ yếu là bộ binh và tượng binh. Quân số Tây Sơn tuy không đông nhưng rất tinh nhuệ và linh hoạt. Vào khoảng cuối canh tư (gần ba giờ sáng) của đêm mùng năm Tết Kỉ Dậu (nhằm ngày 30-1-1789), cuộc tấn công vào Đống Đa bắt đầu. Chỉ trong chốc lát, hàng ngàn quân Thanh đã bị giết, Sầm Nghi Đống hốt hoảng chui vào đồn để cố thủ mà chờ viện binh. Đúng lúc đó, nhân dân các địa

phương ở chung quanh đã lấy rơm rạ bện thành con cúi, châm lửa vào, cầm lên rồi vừa đi vừa múa. Khi ấy, sương mù còn dày đặc, xa trông những con cúi đã châm lửa ấy chẳng khác gì rồng lửa, vì thế, gọi là *hỏa long trận*. Tuyệt vọng vì biết không thể nào chống đỡ nổi, Sầm Nghi Đống đã thắt cổ tự tử. Hàng trăm thuộc hạ trung thành của Sầm Nghi Đống cũng tự sát theo chủ. Đống Đa bị hạ, đường Tây Sơn tiến thẳng vào đại bản dinh của Tôn Nghị đã thành thang.

Bấy giờ, Tôn Sĩ Nghị liên tiếp nhận được tin bại trận từ khắp nơi truyền về, chưa kịp nghĩ cách ứng phó thì đã thấy bốn bề lấp loáng hỏa long trận và những đơn vị đầu tiên của quân Tây Sơn dũng mãnh xông vào. Ngựa không kịp đóng yên, người không áp mặc giáp, dẫn bọn kỵ binh của mình bỏ trốn trước, qua cầu phao, nhằm thẳng hướng bắc mà chạy thực mạng, đó là hình ảnh thảm hại của Tôn Sĩ Nghị sáng mùng năm Tết Kỉ Dậu (1789). Quân Mãn Thanh thấy chủ tướng chạy thì cũng tranh nhau tìm đường chạy theo. "Chúng tranh nhau qua cầu để sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống nước chết không biết bao nhiêu mà kể". Sợ quân Tây Sơn cũng sẽ dùng cầu phao mà vượt sông truy đuổi, Tôn Sĩ Nghị đã hạ lệnh chặt đứt cầu phao. Hành động tàn ác đó đã khiến cho hàng vạn quân lính của Tôn Sĩ Nghị bị chết đuối, "nước sông Nhị vì thế mà tắc nghẽn, không chảy được". Số quân Thanh còn kẹt lại ở bờ Nam thì đi cướp giết thuyền của dân mà sang bờ Bắc, nhưng, quân đông mà thuyền ít, chúng tranh giành nhau, chém giết nhau, khiến thuyền chìm, người chết. Và, đúng lúc chúng đang hoảng sợ đến tột độ thì quân Tây Sơn ập tới. Tất cả đều bị giết hoặc bị bắt làm tù binh. Đó thực sự là một ngày thảm hại. Về sau, ngày thảm hại này được Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái khái quát bằng bốn câu thơ Nôm (phiên âm) như sau :

*Vua Lê khi ấy vội vàng,
Cùng Tôn Sĩ Nghị sang đàng Bắc Kinh.
Qua sông lại sợ truy binh,
Phù kiêu chặt đứt, quân mình thác oan.*

Khi đã qua được sông Hồng, chúng cứ ngỡ là có thể yên tâm chạy một mạch về Trung Quốc, chẳng dè, chưa kịp hoàn hồn thì đã bị quân Tây Sơn do Đô Đốc Lộc chỉ huy, xông tới đánh cho mấy trận kinh hoàng nữa. Rất tiếc cho Tây Sơn và cũng rất may cho tàn quân của Tôn Sĩ Nghị, ấy là do gặp bão, đạo quân do Đô Đốc Lộc chỉ huy đến có phần chậm hơn so với kế hoạch đã định, vì thế, không kịp bố trí để có thể bịt kín mọi ngã tháo chạy của quân Thanh. Theo nhận định của một giáo sư phương Tây thì số quân Thanh chạy thoát và về được Trung Quốc chỉ độ ba bốn chục tên mà thôi.

Đạo thủy binh nhỏ của Mãn Thanh đóng ở Hải Dương cũng bị tiêu diệt gọn. Đáng được coi là may mắn hơn cả có lẽ là đạo quân Mãn Thanh do Ô Đại Kinh cầm đầu. Hẳn tiến rất chậm, do đó, khi mới đến Sơn Tây, chưa kịp ổn định nơi đóng quân thì đã nghe tin Tôn Sĩ Nghị đại bại. Từ Sơn Tây, Ô Đại Kinh lập tức cho quân chạy về phương Bắc. Nhưng, đạo quân này cũng bị các đội dân binh ở Tuyên Quang đánh cho tơi bời, khiến đội ngũ bị rối loạn, thất lạc và không liên hệ được với nhau.

Ý chí xâm lăng của nhà Mãn Thanh đối với nước ta trao gởi ở hai mươi chín vạn quân do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu đã bị đè bẹp hoàn toàn. Ngọc Hồi - Đống Đa đi vào lịch sử dân tộc với ý nghĩa là tên gọi hào hùng của võ công chống xâm lăng oanh liệt vào hàng bậc nhất. Sau Ngọc Hồi - Đống Đa, Lê Chiêu Thống buộc phải sống lưu vong đầy tủi nhục trên đất Trung Quốc để rồi mất ở đó vào tháng 10 năm 1793, khi vừa mới 28 tuổi. Cũng sau Ngọc Hồi - Đống Đa, nhà Thanh buộc phải thừa nhận ngôi vị và chính quyền của Quang Trung Nguyễn Huệ.

10. Quang Trung - vị Hoàng Đế của những cải cách tích cực và táo bạo.

Khi quân Mãn Thanh và bè lũ Lê Chiêu Thống đã bị quét sạch khỏi bờ cõi, cơ đồ mà Quang Trung Nguyễn Huệ tiếp nhận được chỉ là sự điêu tàn và đổ nát. Với cương vị là Hoàng Đế, Quang Trung đã ban hành một loạt những biện pháp nhằm nhanh chóng giải quyết những khó

khăn chòng chắt của đất nước đương thời.

Trước hết, Quang Trung tìm cách thiết lập mối quan hệ bang giao hữu hảo với nhà Thanh, tránh họa binh đao lâu dài cho nhân dân hai nước. Việc này, Quang Trung đã chuẩn bị ngay từ khi mới đến Tam Điệp và Biện Sơn. Sử cũ chép :

“Lần này ta đích thân cầm quân, kế sách tiến đánh đều đã có sẵn, chẳng qua chỉ độ mười ngày là đánh đuổi được quân Thanh. Nhưng, chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bại trận thì ắt lấy làm xấu hổ nên lo đánh báo thù, thế thì việc binh đao sẽ chẳng biết bao giờ dứt, ta thật không nỡ vì như thế là không may cho dân. Vậy, khi ấy chỉ có người khéo nói mới mong dập tắt được binh đao. Ta thấy việc này, ngoài Ngô Thì Nhậm ra, chẳng ai làm được.” (Ngô Gia Văn Phái : *Hoàng Lê nhất thống chí*, Hồi thứ 14).

Quả y như rằng, sau chiến thắng, Ngô Thì Nhậm và em rể ông là Phan Huy Ích được Quang Trung giao trách nhiệm chỉ huy những hoạt động nhằm thiết lập mối quan hệ bang giao hữu hảo với nhà Mãn Thanh. Chủ trương của Hoàng Đế Quang Trung là phải thật mềm mỏng nhưng cũng phải thật kiên quyết. Mềm mỏng là mềm mỏng trong sách lược, trong từng bước đi cụ thể, còn kiên quyết là kiên quyết trong mục tiêu bảo vệ đến cùng, nền độc lập và chủ quyền mà cả dân tộc ta phải đổi không biết bao nhiêu xương máu mới giành lại được. Và, Quang Trung đã thành công. (Đã có người nhầm lẫn rằng Quang Trung phải sang châu vua Càn Long. Thực ra, người sang châu Càn Long chỉ là *giả vương* (người đóng giả Quang Trung), tên là Phạm Công Tri. Điều này, chính Mãn Thanh cũng biết, nhưng rồi cũng phải... "ngậm bồ hòn làm ngọt".)

Đối với bọn phản loạn ngoan cố, Quang Trung thẳng tay trừng trị. Bấy giờ, lực lượng phản loạn đáng kể hơn cả vẫn là lực lượng do Lê Duy Chỉ (em ruột Lê Chiêu Thống) cầm đầu. Năm 1790, Lê Duy Chỉ đã tạo ra được một mối liên minh nguy hiểm, gồm có Lê Duy Chỉ ở Cao Bằng, quân Xiêm và quân Lào ở mặt tây, quân Nguyễn Ánh ở mặt nam. Năm 1791, quân Tây Sơn do Trần Quang Diệu chỉ huy đã tràn sang Lào, đánh tan và truy đuổi quân Xiêm đến biên giới Xiêm La.

Khi ấy vùng đất do Quang Trung quản lý gồm từ Bến Ván (Quảng Nam) trở ra cho đến hết miền Bắc. Trên dải đất đó, lúc đầu Quang Trung đóng đô tại Phú Xuân (Huế ngày nay), nhưng về sau, Quang Trung đã chọn đất định đô mới cho triều đại của mình tại Nghệ An. Đó là *Phượng Hoàng Trung Đô*. Rất tiếc là Phượng Hoàng Trung Đô đang kiến thiết dở dang thì Quang Trung qua đời.

Trong khoảng từ năm 1789 đến năm 1792, Quang Trung đã ban hành nhiều chính sách lớn, tạo ra được những ảnh hưởng rất tốt đẹp. Ngay đầu năm 1789, Quang Trung đã ban hành *Chiếu khuyến nông* với những nội dung rất cụ thể như : kêu gọi nhân dân tích cực sản xuất, không được bỏ ruộng hoang, người đi phiêu tán phải trở về quê cũ... v.v. Quang Trung *trọng nông* (coi trọng sản xuất nông nghiệp) nhưng không *ức thương* (ức chế sự phát triển của thương mại). Đó là điểm độc đáo trong chính sách kinh tế của Quang Trung. Và, cũng dưới thời Quang Trung, các ngành kinh tế thủ công nghiệp đều có cơ hội để phát triển.

Trong văn hóa, Quang Trung đặc biệt coi trọng việc học. Đầu năm 1789, với *Chiếu tập học*, Quang Trung đã thể hiện khá rõ hoài bão lớn của mình về việc mở mang nền giáo dục. Đặc biệt, Quang Trung rất đề cao chữ Nôm, muốn biến chữ Nôm thành chữ viết chính thức của nước nhà. Chính Quang Trung đã quyết định thành lập viện Sùng Chính (cơ quan chuyên trách về giáo dục của triều đình, đồng thời cũng là cơ quan chuyên lo phiên dịch các sách chữ Hán ra chữ Nôm).

Tuy bận rộn với ngổn ngang công việc, nhưng Quang Trung vẫn không quên lưu tâm đến hoạt động của các tôn giáo, đến sự có mặt của các giáo sĩ phương Tây ở nước ta. Nhìn chung, thái độ của Quang Trung là rất chân thành.

*

* *

Sau khi tình hình trong vùng đất do Quang Trung quản lý đã tương đối ổn định, Quang Trung quyết định dốc lực lượng đánh trận cuối cùng với Nguyễn Ánh. Bấy giờ, Nguyễn Lữ đã mất,

Nguyễn Nhạc thì cầu an, tự mãn... chỉ có Quang Trung mới có thể đảm nhận được trọng trách này. Đằng sau Nguyễn Ánh lúc này còn có cả thực dân phương Tây, và quan trọng hơn, Nguyễn Ánh đã chiếm lại được Gia Định, biến Gia Định thành một sào huyệt kiên cố và nguy hiểm. Trước khi xuất quân, ngày 10 tháng 7 năm Nhâm Tuất (nhằm ngày 27-8-1792), Quang Trung đã truyền hịch đến nhân dân cùng quan lại hai phủ Quy Nhơn và Quảng Ngãi. Nhưng, rất tiếc là khi công việc chuẩn bị đang được tiến hành một cách khẩn trương và thuận lợi thì đêm ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tí (nhằm ngày 16-9-1792), Quang Trung đột ngột qua đời. Năm đó Quang Trung vừa 39 tuổi.

Một cuộc đời chỉ có 39 tuổi xuân, nhưng Quang Trung đã có hai mươi hai năm tả xung hữu đột, hai mươi hai năm đánh Nam dẹp Bắc, khiến cho thù trong phải bạt ra, giặc ngoài phải kinh hồn; hai mươi hai năm Quang Trung chỉ có tiến chứ chưa hề lùi, dù chỉ là lùi một bước ngắn; hai mươi hai năm Quang Trung chỉ có thắng chứ chưa hề bại, dù chỉ là bại một trận nhỏ. Vị anh hùng kiệt xuất này ra đi, để lại cả một sự nghiệp lớn đang dở dang, để lại niềm kính trọng và thương tiếc khôn nguôi cho lớp lớp những thế hệ nhân dân yêu nước.

Nổi ngôi Quang Trung là Quang Toản. Khi lên nối ngôi, Quang Toản mới được tròn mười tuổi. Bấy giờ, đất nước đang chông chát những khó khăn mà Quang Toản thì quá nhỏ tuổi, không đủ năng lực và uy tín để điều khiển triều chính, đã thế, nội bộ triều đình lại mất đoàn kết ngày càng nặng, và chính điều này đã vô tình tạo cơ hội tốt cho Nguyễn Ánh tổ chức phản công. Tháng 10 năm 1802, Quang Toản bị Nguyễn Ánh giết.

V - NGUYỄN LỮ (? - 1787)

Anh em Tây Sơn được dân gian triu mến gọi bằng những cái tên rất mộc mạc và thân thương. Nếu Nguyễn Nhạc được gọi là ông Hai Triều, là Biện Nhạc, và nếu Nguyễn Huệ được gọi là Ba Thơm, thì Nguyễn Lữ lại được gọi là Thầy Tư Lữ...

Nguyễn Lữ sinh năm nào chưa rõ, chỉ biết là theo thế thứ trong phần lớn các tư liệu thu thập được thì ông là em của Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, nhỏ hơn Nguyễn Nhạc khoảng chừng hơn một chục tuổi, nhưng chỉ nhỏ hơn Nguyễn Huệ độ một vài tuổi mà thôi. Ngay từ thuở thiếu thời, Nguyễn Lữ đã đi tu, vì thế ông mới được gọi là Thầy Tư Lữ. Đời truyền tụng rằng Nguyễn Lữ tu theo đạo Ma-ni. Ma-ni hay Ba-li có lẽ là một hệ phái của đạo Hồi (tức Islamisme) vốn được người Chăm tin theo từ trước thời Nguyễn Lữ rất lâu. Về sau, Tây Sơn từng có lúc được nữ chúa của người Chăm là Thị Hỏa ủng hộ một cách mạnh mẽ, một phần có lẽ cũng bởi Nguyễn Lữ là người tu hành theo tôn giáo của họ.

Như trên đã nói, trong giai đoạn chuẩn bị, vai trò quan trọng hàng đầu thuộc về Nguyễn Nhạc. Điều này chỉ đơn giản là vì Nguyễn Nhạc lớn tuổi nhất, do đó, tính đến trước khi khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ thì Nguyễn Nhạc là người giàu uy tín và năng lực nhất. Bấy giờ, nếu Nguyễn Nhạc là người chỉ huy bao quát chung thì Nguyễn Huệ được phân công tập hợp và huấn luyện binh sĩ, còn Nguyễn Lữ thì chịu trách nhiệm huy động và tích lũy quân lương. Đại để, Nguyễn Lữ là tướng hậu cần ngay khi còn ở tuổi vị thành niên.

1. Tướng hậu cần xuất sắc của nghĩa quân Tây Sơn.

Ở Tây Sơn có một ngọn núi mang tên Nguyễn Huệ, đó là hòn ông Bình, lại có đến hai ngọn núi mang tên Nguyễn Nhạc, đó là hòn ông Nhạc và núi Hoàng Đế, nhưng, Tây Sơn chẳng có ngọn núi nào mang tên Nguyễn Lữ cả. Nguyễn Lữ không để tên mình cho núi sông quê nhà, nhưng, sự nghiệp buổi đầu của ông lại được nhân dân triu mến dùng làm tên gọi cho một ngọn núi của Tây Sơn : núi Lãnh Lương.

Truyền thuyết dân gian ở Tây Sơn kể rằng, để có lương thực phục vụ cho cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ, các lãnh tụ Tây Sơn đã chủ trương tìm cách tích trữ bằng nhiều nguồn khác nhau. Nguồn thứ nhất là tổ chức sản xuất tại chỗ mà nhân lực chủ yếu là nghĩa sĩ Tây Sơn. Trước khi xuất quân, nghĩa sĩ Tây Sơn tập trung thành từng đơn vị nhỏ khác nhau, đóng rải rác khắp Tây Sơn vừa tập luyện vừa tham gia sản xuất. Nguồn thứ hai là huy động đóng góp của nhân dân nhiều địa phương khác nhau. Việc huy động này gặp rất nhiều khó khăn, bởi vì, nếu không thận trọng sẽ rất dễ bị chúa Nguyễn phát hiện và đàn áp. Nguồn thứ ba là tịch thu kho tàng của chúa Nguyễn. Nguồn này chỉ trở nên đáng kể sau khi khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ mà thôi.

Tạo nguồn thu và tìm cách tích trữ được lương thực đã là khó, bảo vệ lương thực đã tích trữ được lại còn khó hơn. Và, công việc đặc biệt khó khăn này được Bộ chỉ huy Tây Sơn tin cậy giao cho Nguyễn Lữ đảm trách, mặc dù khi bắt tay vào việc chuẩn bị khởi nghĩa, Nguyễn Lữ còn ở tuổi vị thành niên. Cùng hợp tác đắc lực và rất có hiệu quả với Nguyễn Lữ là một người vợ lẽ của Nguyễn Nhạc. Nhưng, nếu người vợ lẽ của Nguyễn Nhạc gần như chỉ đứng ra tổ chức sản xuất và tích trữ lương thực ở ngay trên chính vùng quê thân thuộc của mình, thì Nguyễn Lữ là người chịu trách nhiệm trông coi nhiều hoạt động hậu cần ở nhiều khu vực khác nhau. Năm 1771, khi Nguyễn Nhạc dựng cờ xưng nghĩa, Nguyễn Lữ đã chuẩn bị khá chu tất cho mọi nhu cầu của quân đội Tây Sơn trong những cuộc chiến đấu quyết liệt đầu tiên. Bấy giờ không phải chỉ có lương thực và thực phẩm mà cả đến vũ khí cùng các loại quân trang, quân dụng... Nguyễn Nhạc đều tin cậy ủy thác cho Nguyễn Lữ đảm trách.

Như trên đã nói, ở Tây Sơn có một ngọn núi mang tên là núi Lãnh Lương. Núi này nguyên tên là núi Đồng Phong, nằm sát bên một thung lũng nhỏ mà kín đáo có tên gọi là Hóc Yến. Núi Đồng Phong là kho quân nhu lớn nhất của Tây Sơn. Trước khi tiến xuống vùng đồng bằng, nghĩa quân Tây Sơn đến núi Đồng Phong để nhận lương thực, thực phẩm và tất cả trang thiết bị cần thiết khác, vì thế, núi Đồng Phong mới có tên là núi Lãnh Lương. Núi Lãnh Lương là một chứng tích sinh động về tài cung cấp hậu cần của Nguyễn Lữ. Những thắng lợi vang dội của nghĩa quân Tây Sơn trong những trận chiến đấu đầu tiên đều gắn liền với công lao cung cấp hậu cần của Nguyễn Lữ. Binh pháp cổ có câu "thực túc binh cường" (ăn đủ, quân mạnh). Theo tinh thần của câu binh pháp cổ này, chúng ta cũng có thể nói rằng, một phần quan trọng của sức mạnh Tây Sơn đã nảy sinh từ sự chăm lo chu tất của Nguyễn Lữ.

Liên tiếp trong những năm từ 1771 đến 1773, nghĩa quân Tây Sơn giành được nhiều thắng lợi lớn, mở rộng phạm vi hoạt động ở nhiều địa phương và đã ngự trị được ở vùng đồng bằng này thuộc các tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... việc chăm lo hậu cần của Nguyễn Lữ vì thế mà cũng có nhiều biến đổi. Trước hết, lực lượng Tây Sơn ngày một đông, nhu cầu về lương thực thực phẩm, thuốc men và các trang bị thiết yếu khác ngày một lớn, cho nên, hoạt động hậu cần buộc phải đẩy mạnh cao hơn nhiều lần so với thời kỳ âm thầm chuẩn bị khởi nghĩa ở đất Tây Sơn. Từ đây, nghĩa quân Tây Sơn thường xuyên bám trụ ở những vùng đồng bằng, vì thế, mục đích cuối cùng tuy không thay đổi những yêu cầu cụ thể của việc chuẩn bị hậu cần phải thay đổi mới có thể phù hợp, và quan trọng hơn, mới có khả năng đạt hiệu quả cao. Cũng từ đây, địa bàn chiến đấu của nghĩa quân Tây Sơn ngày một mở rộng, việc cung cấp hậu cần cũng phải hết sức cơ động và linh hoạt. Tóm lại, nếu thiếu năng động, Nguyễn Lữ sẽ chẳng bao giờ đáp ứng được những nhu cầu ngày một lớn của nghĩa quân Tây Sơn.

Từ khi chiếm được phủ Quy Nhơn, Bộ chỉ huy Tây Sơn nói chung và Nguyễn Lữ nói riêng có thêm hai trợ thủ rất đắc lực, đó là Nguyễn Thung và Huyền Khê. Cả Nguyễn Thung lẫn Huyền Khê đều có khả năng chăm lo hậu cần và chính họ đã sát cánh với Nguyễn Lữ trong hoạt động cụ thể này. Tuy nhiên, cả hai nhân vật chỉ đi với Tây Sơn một thời gian ngắn mà thôi. Nói khác hơn, Nguyễn Lữ là người có công đầu tiên và lớn nhất trong việc chăm lo hậu cần cho quân đội Tây Sơn. Khi Tây Sơn làm chủ được cả một vùng đồng bằng rộng lớn như đã nói ở trên, đội ngũ những người chuyên lo hậu cần ngày một đông và kinh nghiệm hoạt động cũng dày dặn hơn, Nguyễn Lữ được chuyển hẳn sang đội ngũ những tướng lĩnh trực tiếp cầm quân ra trận.

2. Tổng chỉ huy cuộc tấn công của Tây Sơn vào Gia Định lần thứ nhất (năm 1776).

Thư tịch cổ không cho biết rõ Nguyễn Lữ đã chuyển từ tướng chuyên lo hậu cần sang tướng trực tiếp cầm quân ra trận từ tháng năm cụ thể nào, tuy nhiên, cũng qua thư tịch cổ, chúng ta cũng có thể ước đoán rằng, Nguyễn Lữ thôi giữ chức vụ chỉ huy hoạt động hậu cần vào khoảng sau năm 1773. Và, chẳng bao lâu sau khi trực tiếp cầm quân xông pha trận mạc, Nguyễn Lữ đã lập được công lớn. Ông là tướng Tổng chỉ huy lực lượng Tây Sơn trong cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ nhất (1776).

Trước đó, để phá thế “lưỡng đầu thọ địch”, Bộ chỉ huy Tây Sơn đã khôn khéo thực hiện chủ trương tạm thời hòa hoãn với quân Trịnh. Nhờ mặt bắc được tạm yên, Tây Sơn liền tập trung sức mạnh cho những trận đánh ở mặt nam. Năm 1775, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, Tây Sơn đã thắng một trận rất lớn tại Phú Yên và đó là trận đại thắng mở đầu cho liên tiếp nhiều trận đại thắng tiếp theo.

Sau trận Phú Yên, tướng của chúa Nguyễn là Tổng Phúc Hiệp vì bị thua đau nên đành phải tạm chạy vào Nam để lánh nạn. Bấy giờ, chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần cũng chạy vào Gia Định. Tại đây, Nguyễn Phúc Thuần bắt đầu tập hợp lực lượng và chấn chỉnh đội ngũ để chuẩn bị tổ chức phản công. Thanh thế của tập đoàn họ Nguyễn lại nổi lên khá mạnh. Điều không may cho Tây Sơn là tướng Lý Tài đã chạy sang đầu hàng Tổng Phúc Hiệp, đồng thời, Tổng Phúc Hiệp lại còn thu phục được cả Châu Văn Tiếp. Trên cơ sở sức mạnh mới này, tập đoàn họ Nguyễn lập tức vạch kế hoạch phản công. Nếu không chủ động đối phó một cách tích cực và có hiệu quả, tình thế nhất định sẽ diễn biến một cách phức tạp và có chiều hướng ngày càng bất lợi cho Tây Sơn. Xuất phát từ nhận định này, Bộ chỉ huy Tây Sơn đã quyết định cử Nguyễn Lữ làm Tổng chỉ huy, đem quân đánh thẳng vào Gia Định.

Tháng 2 năm Bính Thân (1776), Nguyễn Lữ bắt đầu lên đường. Lực lượng của Tây Sơn do Nguyễn Lữ chỉ huy trong trận đánh này bao hàm chủ yếu là thủy binh. Từ Quy Nhơn, quân Tây Sơn men theo duyên hải miền Trung ngày nay rồi vào cửa Cần Giờ mà đánh vào Sài Gòn. Bấy giờ, xét về quân số thì lực lượng của tập đoàn họ Nguyễn có ưu thế áp đảo, nhưng, do hoàn toàn bị bất ngờ, chúng đã không thể nào chống đỡ nổi Tây Sơn. Nguyễn Phúc Thuần bị đánh bật ra khỏi Gia Định, bỏ cả quân sĩ mà chạy thực mạng về Trấn Biên. Nguyễn Lữ lập tức chia quân làm hai bộ phận đi truy kích. Bộ phận thứ nhất thì truy đuổi Nguyễn Phúc Thuần. Nguyễn Phúc Thuần hoảng hốt chạy đến lần trốn vào nhà một giáo sĩ người Tây Ban Nha là Diégo de Jumilla và chui xuống nằm dưới gầm giường mới thoát được. Bộ phận thứ hai thì tiến thẳng xuống Long Hồ, quyết đánh tan lực lượng của họ Nguyễn đang đóng giữ tại đây. Một trận đánh khá lớn đã diễn ra ở Long Hồ và kết quả là Tây Sơn đã toàn thắng, tướng chỉ huy lực lượng của họ Nguyễn ở đây là Bùi Hữu Lễ bị quân Tây Sơn bắt sống.

Thấy những mục tiêu chính yếu đặt ra cho cuộc tấn công đã hoàn thành, Nguyễn Lữ liền rút quân về Quy Nhơn, chỉ để lại một bộ phận nhỏ làm nhiệm vụ giữ đất. Với trận tấn công này, chúa Nguyễn Phúc Thuần tuy chưa bị giết và lực lượng của chúa Nguyễn cũng chưa hoàn toàn bị tiêu diệt, nhưng, thắng lợi của Nguyễn Lữ trong trận tấn công này có ý nghĩa rất to lớn đối với toàn bộ sự phát triển của phong trào Tây Sơn sau đó. Từ đây, quá trình sụp đổ thảm hại của cơ đồ họ Nguyễn diễn ra ngày một gấp gáp và vô phương cứu vãn. Cũng từ đây, sức cuốn

hút mạnh mẽ của Tây Sơn đối với các tầng lớp nhân dân Gia Định bắt đầu.

3. Cùng với Nguyễn Huệ, chỉ huy quân Tây Sơn tấn công vào Gia Định lần thứ năm (năm 1783).

Năm 1782, Tây Sơn do Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ chỉ huy đã tấn công vào Gia Định lần thứ tư. Và, với cuộc tấn công lần thứ tư đó, một lần nữa, Nguyễn Ánh bị đánh cho tơi bời. Mùa hè năm 1782, sau khi thấy tình hình Gia Định đã ổn, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ lại rút đại quân về Quy Nhơn, giao đất Gia Định cho tướng Đỗ Nhuận Trập coi giữ. Thấy Đỗ Nhuận Trập chỉ có ba ngàn quân mà đất Gia Định thì quá rộng lớn, khả năng kiểm soát và khống chế của Tây Sơn không cao, Nguyễn Ánh liền quay lại để tìm cách đánh trả. Bấy giờ, ngoài lực lượng của mình, Nguyễn Ánh còn nhận được sự trợ giúp của một số chiến hạm Pháp và Tây Ban Nha, vì thế, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Đỗ Nhuận Trập không sao chống đỡ nổi. Đất Gia Định mất dần vào tay Nguyễn Ánh, đó là chưa nói rằng, lực lượng thân Nguyễn Ánh ẩn náu tại Bình Thuận cũng nhận cơ hội đó mà ngóc đầu dậy. Tình hình biến đổi theo xu hướng ngày càng bất lợi cho Tây Sơn.

Tháng 2 năm Quý Mão (1783), Bộ chỉ huy Tây Sơn quyết định cử Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân tấn công vào Nam để trừng trị Nguyễn Ánh. Đó là cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm. Lần này, lực lượng của Tây Sơn gồm chủ yếu là thủy binh. Cùng với Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh cao cấp khác, Nguyễn Lữ đã có công tham gia vạch kế hoạch và trực tiếp chỉ huy mấy trận giáp chiến rất quan trọng sau đây :

- Đập tan phòng tuyến của Nguyễn Ánh thiết lập ở hai bên bờ sông Sài Gòn, giết chết tướng Tôn Thất Mân và bắt sống tướng Dương Công Trùng cùng nhiều tướng lĩnh và quân lính của Nguyễn Ánh.

- Tổ chức truy đuổi Nguyễn Ánh và Châu Văn Tiếp khi cả hai hốt hoảng bỏ chạy. Châu Văn Tiếp buộc phải trốn sang tận Xiêm La còn Nguyễn Ánh thì về ẩn náu tại Ba Giồng (nay thuộc Tiền Giang).

- Tấn công vào sào huyệt ẩn náu của Nguyễn Ánh, khiến cho Nguyễn Ánh bị đại bại, các tướng thân tín của Nguyễn Ánh như Nguyễn Đình Thuyền, Nguyễn Văn Quý, Trần Đại Huệ... đều bị tử trận, tướng Nguyễn Kim Phẩm bị bắt sống.

- Truy đuổi gấp gáp, khiến cho Nguyễn Ánh phải bôn tẩu khắp nơi. Các tướng thân tín khác của Nguyễn Ánh như Tôn Thất Cốc, Tôn Thất Hoảng, Vinh Ma-ly và Tôn Thất Điển đều bị bắt và bị giết, tướng Lê Phúc Điển phải mặc áo Nguyễn Ánh để đánh lừa Tây Sơn, Nguyễn Ánh mới thoát được.

Từ đây, cuộc truy đuổi ngoạn mục của quân Tây Sơn đối với Nguyễn Ánh diễn ra liên tục trong mấy tháng trời. Nguyễn Ánh phải chạy hết đảo này đến đảo khác dọc theo vùng duyên hải phía tây nam, hầu như chẳng có được một ngày nào bình yên cả. Đã có lúc Nguyễn Ánh bị đuổi, phải chạy ra ngoài biển khơi, cách đất liền những hai trăm cây số, cuối cùng, để mong thoát được thế quần bách, Nguyễn Ánh đã cam tâm đi cầu ngoại viện, rước quân xâm lược Xiêm La về giày xéo đất nước ta.

4. Lời cuối về Đông Định Vương Nguyễn Lữ

Thuở thiếu thời Nguyễn Lữ là bậc tu hành, sở nguyện là làm sao để quảng bá cho Ma-ni giáo, làm sao để có thể góp phần giữ đức và sửa đức cho thiên hạ. Nhưng rồi giang sơn bị đắm chìm bởi ách thống trị ngày càng tàn bạo của giai cấp phong kiến, không còn con đường nào khác, Nguyễn Lữ đã cùng với Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, cùng với những người bị áp bức

đạo đầy quả cảm cầm vũ khí, vùng lên “khuấy nước chóc trời”. Với tầm chiến bào, Nguyễn Lữ đã hiên ngang sửa đức theo cách duy nhất đúng của thời đại ông, đó là trước hết phải diệt trừ quân tham tàn. Tính chất và đặc trưng tuy có khác nhau, nhưng Nguyễn Lữ nói riêng và ba anh em Tây Sơn nói chung đã làm như tổ tiên ta trước đó hơn ba thế kỉ đã làm vậy :

*“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo khử bạo”.*
(Nguyễn Trãi : *Bình Ngô đại cáo*)

Cùng tham gia. phát động và lãnh đạo phong trào Tây Sơn, đi suốt cuộc trường chinh gian khổ của Tây Sơn, từ một người tu hành, Nguyễn Lữ đã trở thành một trong những danh tướng có tài năng trải rộng trên khá nhiều lĩnh vực khác nhau. Nguyễn Lữ quả là một hiện tượng độc đáo của lịch sử nước nhà vậy.

Năm 1776, Nguyễn Lữ là Thiếu Phó.

Năm 1778, Nguyễn Lữ là Tiết Chế.

Năm 1786, Nguyễn Lữ là Đông Định Vương, cai quản miền đất đại để tương ứng với Nam Bộ ngày nay.

Năm 1787, Nguyễn Lữ qua đời, do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ ông hưởng thọ bao nhiêu tuổi, tuy nhiên, điều chắc chắn có thể khẳng định là năm đó, Nguyễn Lữ chỉ mới trong độ tuổi từ ngoài ba mươi đến ba mươi lăm mà thôi.

Khi chuẩn bị khởi nghĩa, Nguyễn Lữ là tướng hậu cần xuất sắc. Mọi thắng lợi của nghĩa quân Tây Sơn lúc ấy đều gắn liền với những cố gắng và thành công của Nguyễn Lữ trong việc chăm lo hậu cần.

Khi Tây Sơn phát triển mạnh mẽ, Nguyễn Lữ là một trong những vị tướng cầm quân xuất sắc. Trong năm lần tấn công vào Gia Định, Nguyễn Lữ từng một lần là tổng chỉ huy và một lần là đồng chỉ huy. Cả hai lần đó, Nguyễn Lữ đều lập được công lao lớn.

Tuy nhiên, khi được trao trách nhiệm đứng đầu một vùng đất rộng lớn và có vị trí chiến lược rất quan trọng thì vai trò của Đông Định Vương Nguyễn Lữ mờ nhạt dần. Nguyễn Lữ đã tỏ ra thiếu kiên quyết và sắc sảo trong nhiệm vụ quản lí đất Gia Định. Ông bỏ Gia Định về Quy Nhơn rồi qua đời tại đó. Quả đúng là giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền còn khó hơn. Với sự nghiệp giành chính quyền, Nguyễn Lữ là một ngôi sao sáng, tuy nhiên, khi phải kiên quyết giữ vững chính quyền, ngôi sao Nguyễn Lữ đã sớm tắt lịm. Tiếc thay !

CHƯƠNG THỨ BA

DANH TƯỚNG TÂY SƠN

I - TIỂU DẪN

Trong lịch sử Việt Nam, có lẽ không mấy ai phải chịu sự thiệt thòi lớn lao như các danh tướng Tây Sơn. Họ có cả một đời xông pha oanh liệt với hàng loạt những võ công kiệt xuất, nhưng, sử sách ghi chép về họ lại quá ít ỏi. Họ đã anh dũng chiến đấu quên mình vì nghĩa cả là cứu nước và cứu dân, nhưng ngay sau đó, sự nghiệp phi thường của họ đã bị quá nhiều những cây bút thù nghịch tìm cách xuyên tạc. Chẳng phải là ngẫu nhiên mà tác giả của *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* là Nguyễn Trọng Trì đã có những lời cảm vịnh vừa hùng tráng lại vừa man mác một nỗi buồn không nguôi :

"Tướng quân chiến mã kim hà tại ?

Dã thảo nhàn hoa mãn địa sầu".

(Chiến mã của tướng quân giờ ở nơi đâu ?

Cỏ hoa đồng nội đất đầy sầu).

Lời của Nguyễn Trọng Trì ở một chừng mực nào đó, cũng có thể coi là lời chung của tất cả những ai nặng lòng với thiên cổ trông đó có tác giả của *Danh tướng Việt Nam*.

Làm sao để có thể tái hiện được một cách đầy đủ về sự nghiệp của các danh tướng Tây Sơn? Từ trước đến nay đã có không ít người cố hết sức mình và cho dầu sự cố gắng đó cũng đã đem lại một số thành quả rất đáng khích lệ, nhưng, tất cả vẫn chưa thể làm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết của xã hội rộng lớn hôm nay. Kế hậu sinh này vẫn thường lấy làm bức bối và day dứt bởi sự kém cỏi và bất cập của mình. Thế ra, có dư dả lòng thành cũng chưa chắc đã có thêm được điều gì đáng kể.

Một đêm, sau khi đọc lại những dòng phác thảo vắn tắt về các danh tướng Tây Sơn, tác giả của *Danh tướng Việt Nam* lặng lẽ lên nằm dài trên chiếc ghế nhỏ đặt ở giữa sân thượng, ngắm mãi bầu trời chỉ chít những sao là sao. Chao ơi, ai dám bảo rằng những ngôi sao li ti trên bầu trời xa xăm kia là bé nhỏ? Sự vĩ đại nếu ở cách ta quá xa và một khi chính ta cũng chẳng có cách gì để tiến đến gần hơn được, thì trong con mắt bé nhỏ của mình, sự vĩ đại chỉ còn là những chấm sáng li ti đó thôi. So sánh thì khập khiễng và sự khập khiễng thường rất dễ dẫn tới sự hiểu lầm, nhưng quả thật là cuộc đời và sự nghiệp của các bậc vĩ nhân nói chung, của các danh tướng Tây Sơn nói riêng, cũng tương tự như những ngôi sao trên bầu trời bao la ấy. Bao năm cất công chất lọc những ghi chép tản mạn của sử cũ, lại thêm bao năm cẩn trọng khảo sát đó đây, tác giả của *Danh tướng Việt Nam* vẫn không sao có thể viết nhiều hơn về các bậc danh tướng Tây Sơn. Cầm sách này lên, có thể bạn sẽ trách cứ rằng, tại sao cũng đều là danh tướng mà số lượng trang viết về mỗi người lại quá chênh lệch nhau. Tác giả xin bày tỏ sự đồng cảm với bạn, bởi vì tâm tư của bạn cũng chính là tâm tư của tác giả đó thôi. Song, sử học không bao giờ chấp nhận sự hư cấu cả. Những gì chưa biết thì hãy kiên nhẫn chờ cho đến khi biết rồi mới được phép trình bày. Xin được trở lại với bầu trời quen thuộc. Trong mắt ta, những ngôi sao sở dĩ trở nên bé nhỏ, ấy cũng tại bởi chúng ta không thể tới gần hơn để chứng kiến sự vĩ đại của nó đó thôi. Trên sân thượng của ngôi nhà bé nhỏ, tác giả cũng chẳng thể gần các ngôi sao hơn bao người đang đứng dưới mặt đường. Những trang viết dưới đây kể cũng như bức ảnh nhỏ về các ngôi sao xa xăm vậy.

II - DANH TƯỚNG TÂY SƠN

01. ĐẶNG XUÂN BẢO (? - 1802)

"Bảo ít đọc sách nhưng rất trung liệt và giàu mưu lược hơn người. Ông thường dùng đức để trị nên ai cũng vui theo."

(Nguyễn Trọng Trì : *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện*)

Đặng Xuân Bảo sinh năm nào, quê quán ở đâu... hiện chưa ai rõ. Sử cũ chỉ cho biết ông là tướng của Tây Sơn, được Quang Trung Nguyễn Huệ phong tới chức Đại Đô Đốc, vì thế, đời vẫn thường gọi ông là Đô Đốc Bảo. Trong đội ngũ các tướng lĩnh cao cấp của Tây Sơn, Đặng Xuân Bảo là một trong số những người bạn chiến đấu thân thiết nhất của Quang Trung Nguyễn Huệ.

Năm 1788, khi hành quân thần tốc ra tiêu diệt quân xâm lược Mãn Thanh, Quang Trung Nguyễn Huệ có một chỗ dựa rất tin cậy và vững chắc, đó là Đô Đốc Bảo. Tại Tam Điệp và Biện Sơn, Quang Trung Nguyễn Huệ chia quân làm năm đạo, quyết chí đại phá quân Mãn Thanh bằng một trận sấm sét ở ngay kinh thành Thăng Long. Và, một trong những đạo quân lớn đó được Nguyễn Huệ giao cho Đô Đốc Bảo chỉ huy.

Quân của Đô Đốc Bảo lấy từ lực lượng Hữu Quân gồm chủ yếu là tượng binh và kỵ binh. Trong quân đội Tây Sơn, nếu tượng binh là binh chủng chiến đấu lợi hại nhất thì kỵ binh chính là binh chủng có khả năng vận động linh hoạt nhất. Bấy giờ, voi chiến của Quang Trung Nguyễn Huệ được khéo léo đặt đại bác ở trên lưng, vì thế, tượng binh Tây Sơn khác hẳn với tượng binh của tất cả mọi thời trước đó. Đây là sáng tạo độc đáo của Quang Trung Nguyễn Huệ, cũng là bất ngờ lớn nhất của quân xâm lược Mãn Thanh.

Theo kế hoạch của Quang Trung Nguyễn Huệ, từ Tam Điệp, đạo quân do Đô Đốc Bảo chỉ huy có nhiệm vụ băng qua Sơn Minh (nay thuộc Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây) rồi tiến thẳng ra Đại Áng (nay thuộc Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Như vậy, ngoài thủy binh xuất phát ở Biện Sơn, toàn bộ tượng binh, kỵ binh và bộ binh xuất phát từ Tam Điệp được chia làm ba đạo khác nhau, Đô Đốc Bảo ở giữa. Quang Trung Nguyễn Huệ ở mạn phía đông, bên phải, còn Đô Đốc Long (Đặng Tiến Đông ?) ở mạn phía tây, bên trái.

Trong trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa, đạo quân do Đô Đốc Bảo chỉ huy đã trực tiếp tham gia và góp phần quan trọng vào cuộc tấn công đồn Ngọc Hồi, đồng thời, chặn đánh quân giặc thua trận từ Ngọc Hồi chạy đến vùng Đàm Mục (nay thuộc Quỳnh Đô, Thanh Trì, Hà Nội). Về sự phối hợp tác chiến giữa đạo quân do Đô Đốc Bảo chỉ huy và đạo quân do đích thân Quang Trung Nguyễn Huệ chỉ huy, sử cũ mô tả như sau :

"Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một, bên ngoài lấy rơm thấm nước rồi phủ kín lên, tất cả được hai mươi tấm ghép như thế. Xong, Nhà vua liền chọn lấy hạng lính khỏe, lưng giắt dao ngắn, cứ mười người cùng khiêng một tấm ván ghép mà tiến, phía sau là hai mươi người khác binh khí sẵn sàng, tất cả dàn trận hình chữ *nhất* (-) để xông lên. Vua Quang Trung cười voi đi đốc thúc. Mờ sáng ngày mùng năm Tết thì áp sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ súng bắn ra nhưng chẳng thể trúng ai cả. Nhân có gió Bắc, giặc liền dùng ống phun khói lửa ra, khiến cho trời đất mù mịt, cách nhau trong gang tấc vẫn không thấy gì. Chúng hi vọng sẽ khiến cho quân Nam (tức quân Quang Trung - NKT) rối loạn. Chẳng dè, một lát sau thì trời trở gió Nam, thành thử khói lửa của giặc lại gây hại cho giặc. Vua Quang Trung lập tức sai đội quân khiêng ván xông thẳng lên phía trước. Khi gươm giáo hai bên bắt đầu chạm nhau thì quảng ván xuống rồi vung dao chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng ào ạt xông lên mà đánh.

Quân Thanh chống đỡ không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử. Quân Tây Sơn thừa thế chém tới, thân giặc chất đầy đồng, máu giặc chảy thành suối. Giặc Thanh đại bại.

Trước đó, vua Quang Trung đã sai một toán quân đi men theo bờ đê Yên Duyên rồi kéo lên, mở cờ gióng trống làm nghi binh ở mạn phía đông. Lúc ấy, quân Thanh chạy đến, thoáng thấy

đã hoảng sợ, bèn tìm đường theo lối tắt qua Vịnh Kiêu để trốn. Chợt thấy voi từ Đại Áng tới, chúng càng hết hồn hết vía, bỏ chạy tới Đầm Mực thuộc làng Quỳnh Đô. Tây Sơn liền lừa voi ra giày đạp, khiến giặc bị chết có đến cả vạn người”. (Ngô Gia Văn Phái : *Hoàng Lê nhất thống chí*, Hồi thứ 14).

Như vậy, nếu Quang Trung Nguyễn Huệ là người táo bạo tổ chức cuộc tấn công quyết liệt vào Ngọc Hồi và nhanh chóng đánh bật quân Thanh ra khỏi sào huyệt nguy hiểm này của chúng, thì Đô Bốc Bảo là người tổ chức trận đánh bọc hậu xuất sắc ở Đầm Mực, tiêu diệt một bộ phận sinh lực của giặc, đồng thời, làm tê liệt ý chí chiến đấu của chúng.

Đặt trong diễn biến chung của toàn bộ trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa, thắng lợi ở riêng đồn Ngọc Hồi có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng đó, cống hiến của Đô Đốc Đặng Xuân Bảo là rất lớn lao. Ông đã chứng tỏ khả năng chỉ huy trận mạc rất xuất sắc, xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao của Quang Trung Nguyễn Huệ và của đông đảo nghĩa sĩ Tây Sơn đương thời.

Sau trận đại thắng Tết Kỷ Dậu (1789). Đô Đốc Đặng Xuân Bảo được Quang Trung trọng thưởng và tiếp tục giao nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội. Thời Quang Toản, Đặng Xuân Bảo được phong chức Bình Đông Tướng Quân. Ông đến đâu là trật tự xã hội ở đó được nhanh chóng thiết lập và củng cố. Đời vẫn khen ông là tướng giàu uy đức.

Đặng Xuân Bảo là một trong những người quyết chí đánh trả Nguyễn Ánh đến cùng. Tuy nhiên, tình thế Tây Sơn từ những năm cuối cùng của thế kỉ thứ XVIII trở đi đã ngày một bi đát. Trong một trận giao tranh quyết liệt với Nguyễn Ánh ở Thanh Hóa vào năm 1802, vì thân cô thế cô, Đô Đốc Đặng Xuân Bảo đã bị bắt. Ông nhin ăn năm ngày rồi mất. Vì chưa rõ năm sinh nên chưa biết khi mất, Đặng Xuân Bảo thọ bao nhiêu tuổi.

02. TRẦN QUANG DIỆU (? - 1802)

*“Vô đoan hứu lục anh hùng phố,
Túy mặc lâm li bất tự cầm”.*

(Nào phải vô cớ mà chép chuyện anh hùng,
Mặc say lâm li không thể ngăn lại được đó thôi.)

(Nguyễn Bá Huân : Lời đề tựa cho *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* của Nguyễn Trọng Trì).

Các tài liệu xưa nay đều nói rằng, Trần Quang Diệu sinh trưởng tại làng Ân Tín, huyện Hoài Ân (nay thuộc tỉnh Bình Định). Tuy nhiên, trong một dịp đi khảo sát tại Đà Nẵng (vào cuối năm 1997), chúng tôi lại tìm thấy một ngôi mộ cổ và một bản phả ý. Ngôi mộ cổ ấy là mộ của mẹ Trần Quang Diệu (nằm ở ngoại vi thành phố Đà Nẵng) và bản phả ý ấy là phả ý của dòng họ Trần Quang Diệu. Cả hai tư liệu này đều nói Trần Quang Diệu là người Quảng Nam. Đó là hai tư

liệu quý, nhưng, bản thân hai tư liệu đó vẫn chưa đủ để có thể khẳng định một cái gì khác hẳn trước đây. Trong lúc chờ đợi kết quả phân tích giá trị văn bản của bản phổ ý và chờ đợi thêm kết quả của những đợt khảo sát mới, chúng tôi chỉ xin sơ bộ giới thiệu qua như trên mà thôi.

Trần Quang Diệu sinh năm nào chưa rõ. Một số chuyện kể dân gian nói rằng, trước khi trở thành một trong những vị hổ tướng của Tây Sơn, Trần Quang Diệu từng có mối quan hệ khá thân tình với Nguyễn Nhạc, và như vậy, cũng có thể đoán định là tuổi tác của Nguyễn Nhạc với Trần Quang Diệu, bằng hoặc giả là chênh lệch nhau không bao nhiêu. Khi Nguyễn Nhạc dựng cờ xưng nghĩa ở Tây Sơn, Trần Quang Diệu là một trong số những người nhiệt liệt hưởng ứng sớm nhất. Ông (và vợ là Bùi Thị Xuân) được Bộ chỉ huy Tây Sơn tin cậy, trao phó những chức vụ ngày càng lớn.

Năm 1788, Trần Quang Diệu đã sát cánh với Quang Trung Nguyễn Huệ trong cuộc hành quân thần tốc ra Bắc để chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược với quân Mãn Thanh. Và, trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỉ Dậu, 1789), Trần Quang Diệu là một trong những vị tướng đã lập công xuất sắc. Bấy giờ, nếu các Đô Đốc như Đặng Xuân Bảo, Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Văn Tuyết, Đặng Tiến Đông (?) được trao quyền chỉ huy những đạo quân riêng, thì các tướng lĩnh cao cấp khác như Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu,... lại cùng với Quang Trung Nguyễn Huệ, chỉ huy đạo quân chủ lực, đánh thẳng vào Hà Hồi và Ngọc Hồi. Thắng lợi vang dội ở Hà Hồi và đặc biệt, là Ngọc Hồi đã chứng tỏ biệt tài cầm quân của Quang Trung Nguyễn Huệ và các vị tướng lĩnh Tây Sơn, trong đó có Trần Quang Diệu.

Nhờ công lao trong cả quá trình tham gia khởi nghĩa, năm 1790, Trần Quang Diệu được Quang Trung Nguyễn Huệ bổ làm Đốc Trấn Nghệ An. Với chức vụ đó, Trần Quang Diệu đã cùng với Trấn Thủ Nguyễn Văn Thận, nhanh chóng ổn định xã hội, tạo điều kiện cho nhân dân trấn Nghệ An có thể yên tâm làm ăn sinh sống.

Cũng trong thời gian làm Đốc Trấn Nghệ An, cùng với Trấn Thủ Nguyễn Văn Thận, Trần Quang Diệu đã có công tổ chức thực hiện việc xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô. Thực tế cho thấy, Trần Quang Diệu là một trong những người rất có tài năng trong lĩnh vực đặc biệt này.

Dưới thời Quang Toản, Trần Quang Diệu được phong tới Thiếu Phó, vì thế, đã sử xưa vẫn thường gọi ông là quan Thiếu Phó. Trong cuộc đối đầu quyết liệt với Nguyễn Ánh, Trần Quang Diệu là người lập được rất nhiều công lao. Ông đã nhiều phen đánh cho quan của Nguyễn Ánh phải thất điên bát đảo. Trận đánh lớn nhất của Trần Quang Diệu đối đầu với quân Nguyễn Ánh là trận Quy Nhơn (1801). Bấy giờ, quân Nguyễn Ánh trong thành này do viên tướng khét tiếng là Võ Tánh cầm đầu. Sát cánh với Võ Tánh còn có một văn thần cao cấp là Ngô Tùng Châu. Sau mười bốn tháng trời liên tục vây hãm, cuối cùng, Trần Quang Diệu đã hạ được thành Quy Nhơn (tức thành Bình Định). Võ Tánh và Ngô Tùng Châu đều phải tự tử.

Sau khi chiếm được thành Quy Nhơn, Trần Quang Diệu đã có một việc làm được người đời khen là tướng nhân đức. Việc làm đó là chôn cất Võ Tánh và Ngô Tùng Châu rất tử tế, đồng thời, tha mạng cho tất cả tướng sĩ của Nguyễn Ánh còn sót lại ở trong thành. Cũng sau chiến thắng Quy Nhơn, Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng cầm quân đóng tại thành này.

Năm 1802, trong một trận ác chiến với quân Nguyễn Ánh ở Nghệ An, Trần Quang Diệu cùng vợ là Bùi Thị Xuân bị bắt. Sau nhiều lần tìm cách chiêu hàng mà không được, Nguyễn Ánh đã xử tử cả gia đình ông một cách vô cùng dã man. Ông bị lột da còn vợ con ông thì bị voi giày.

03. VÕ VĂN DŨNG (? - ?)

"Võ công dũng quán quân,
Bách chiến khởi Tây Thù".

(Võ công anh dũng vào hàng bậc nhất.
Trăm trận bắt đầu từ biên thùy phía Tây).

(Nguyễn Trọng Trì : *Vịnh Võ Đô Đốc* - trong *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện*).

Võ Văn Dũng người làng Phú Phong, huyện Tuy Viễn, nay đất làng quê ông thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Hiện vẫn chưa rõ ông sinh và mất năm nào. Theo truyền thuyết của nhân dân địa phương vùng quê ông thì Võ Văn Dũng là bạn của Nguyễn Nhạc tuổi tác đại để cũng xấp xỉ Nguyễn Nhạc.

Năm 1771, khi Nguyễn Nhạc cùng Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ phát động khởi nghĩa ở quê nhà là Tây Sơn, Võ Văn Dũng là một trong số những người hăng hái tham gia hưởng ứng đầu tiên. Vốn có võ nghệ cao cường lại rất giàu mưu lược, Võ Văn Dũng nhanh chóng trở thành một trong những tướng lĩnh cao cấp của Tây Sơn. Khi Nguyễn Huệ còn là Bắc Bình Vương, Võ Văn Dũng đã được phong làm Tư Khấu và sau đó không bao lâu, ông được thăng làm Đô Đốc, tước Chiêu Viễn Hầu.

Năm 1788, khi Quang Trung Nguyễn Huệ vạch kế hoạch cho trận quyết chiến với quân Thanh, Võ Văn Dũng được tin cậy, trao phó trọng trách cùng với Quang Trung Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh cao cấp khác như Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Nội Hầu Phan Văn Lân... chỉ huy đạo quân thứ nhất là đạo quân chủ lực của trận đánh lịch sử này. Và, Võ Văn Dũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đặc biệt quan trọng này, góp phần vinh quang to lớn vào trận đại thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỷ Dậu, 1789). Bởi công lao này, Võ Văn Dũng được Quang Trung Nguyễn Huệ gia phong làm Đại Đô Đốc, Đại Tư Đồ, tước Võ Quốc Công.

Dưới thời Quang Trung, Võ Văn Dũng từng được cử làm sứ giả sang Trung Quốc và ông cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nặng nề mà mới mẻ này. Khi Quang Trung Nguyễn Huệ qua đời, Võ Văn Dũng vẫn tiếp tục được tin dùng và được giao nhiều chức vụ quan trọng. Tuy nhiên, cũng kể từ khi Quang Trung Nguyễn Huệ qua đời, nội bộ Tây Sơn mất đoàn kết ngày một nghiêm trọng. Bấy giờ, nhân vật lộng quyền bị lên án nhiều nhất là Thái Sư Bùi Đắc Tuyên. Năm 1795, nhân lòng căm phẫn của đồng liêu, lại nhận có lời bàn của văn thần bị Bùi Đắc Tuyên bắt đưa đi đày là Trần Văn Kỷ, Võ Văn Dũng đã bắt và giết Bùi Đắc Tuyên, sau đó còn sai người bắt giết thêm một số thân nhân của Bùi Đắc Tuyên nữa. Chính quyền của Quang Toàn nhờ đó mà tạm được củng cố.

Trong cuộc chiến đấu cam go chống tập đoàn Nguyễn Ánh, Võ Văn Dũng là một trong những tướng lĩnh có nhiều công lao. Từ giữa năm 1799 đến đầu năm 1802, ông và tướng Trần Quang Diệu đã chỉ huy nhiều trận đánh lớn với quân của Nguyễn Ánh tại vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định ngày nay. Thành công của trận vây hãm thành Quy Nhơn liên tục trong mười bốn tháng trời, khiến cho cuối cùng, tướng cao cấp và văn thần cao cấp của Nguyễn ánh là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu phải tự tử, là thành công gắn liền với tên tuổi của Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng.

Tháng ba năm 1802, thấy tình hình Tây Sơn ở vùng Trấn Ninh (phía tây Nghệ An và Thanh Hóa ngày nay) ngày một nguy cấp bởi những trận tấn công ào ạt của Nguyễn Ánh, Võ Văn Dũng đã cùng với Trần Quang Diệu đem quân đi cứu. Rất tiếc là cuộc hành quân này của ông và tướng Trần Quang Diệu không thành công. Trần Quang Diệu bị bắt và bị xử tử một cách rất tàn khốc, còn ông, sử chép vừa không rõ ràng lại vừa không đồng nhất.

Sử sách của nhà Nguyễn chép rằng, ngày 2-11-1802, Võ Văn Dũng bị giết cùng với nhiều bậc cự cận thần của Quang Trung. Tuy nhiên, một số tài liệu khác lại nói rằng Võ Văn Dũng đã thoát được. Sau, ông quay về vùng An Khê (nay thuộc Gia Lai) rồi sống ở đó cho đến năm 90

tuổi mới mất. Năm 1907, con cháu ông đem hài cốt của ông về cải táng tại quê nhà là làng Phú Phong, huyện Tuy Viễn.

04. PHAN VĂN LÂN (? - ?)

“Phan Văn Lân trí dũng hơn người, đánh giặc rất giỏi, hễ được ban thưởng là đem hết ra để khao quân, không mấy khi nhắc đến chuyên nhà. Ông ra vào giản dị chẳng khác người hầu. Quân Thanh sớ (Phan) Văn Lân, gọi ông là Phi Tướng Quân nghĩa là tướng quân từ trên trời bay xuống.”

(Nguyễn Trọng Trì : *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* -Phan Nội Hầu Văn Lân ngoại truyện).

Phan Văn Lân quê quán ở đâu, sinh và mất năm nào, hiện chưa được rõ. Tuy nhiên, một vài tài liệu cũng cho biết rằng, Phan Văn Lân tôn Trương Văn Hiến làm Thầy, và như vậy cũng có nghĩa là ông cùng ba anh em Tây Sơn có chung một người thầy học. Nếu điều đó đúng thì cũng có thể tạm cho phép đoán định rằng, quê ông không ngoài vùng Thuận Quảng cũ, tuổi ông không quá tuổi của ba anh em Nguyễn Nhạc là bao.

Phan Văn Lân rất giỏi võ, tự cho trường phái võ thuật của mình vốn có từ thời Phạm Ngũ Lão đời Trần lưu truyền lại. Chuyện kể dân gian và ghi chép của một vài dã sử đều nói rằng, sinh thời, Phan Văn Lân có dáng vẻ của một thư sinh ốm yếu hơn là một người có võ nghệ cao cường. Tương truyền, tính ông khiêm tốn, gặp ai cũng cung kính thi lễ chào hỏi cẩn thận, thoát trông tưởng như ốm yếu đến độ không mang nổi bộ áo quần, hễ ai hỏi đến võ nghệ thì cứ khiêm tốn từ tạ rồi lảng lạng bỏ đi.

Khi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ phát động khởi nghĩa, Phan Văn Lân là một trong những người nhiệt liệt hưởng ứng đầu tiên. Ông được anh em Tây Sơn tin cậy, giao việc chỉ huy quân đánh giặc. Trong *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện*, Nguyễn Trọng Trì có thuật lại một giai thoại về tướng Phan Văn Lân xảy ra năm 1773 khá li kì như sau :

Bấy giờ, Nguyễn Nhạc mới chiếm được Quy Nhơn. Một nhà sư ở chùa Thiếu Lâm (Phúc Kiến, Trung Quốc) vượt biển đến theo. Nhà sư rất giỏi võ nghệ nên Nguyễn Nhạc lấy làm yêu quý lắm. Nghe tiếng của Phan Văn Lân, nhà sư bèn tìm tới tận dinh trại để xin gặp, nhưng Phan Văn Lân tránh mặt, không chịu ra. Sau, vì quân sĩ thúc giục mãi, Phan Văn Lân mới lạng lẽ đến xem nhà sư dạy võ. Thoáng thấy nhà sư, Phan Văn Lân đã bật cười. Không cần hỏi, nhà sư cũng biết đó chính là Phan Văn Lân và... nhà sư liền thách đấu với Phan Văn Lân. Phan Văn Lân thấy không thể từ chối được, bèn nói rằng :

- Muốn thử thì phải mời vị trưởng quan tới chứng giám và phải giao ước trước rằng, lỡ có chết cũng không được truy cứu trách nhiệm.

Nhà sư đồng ý. Phan Văn Lân rũ áo ngồi yên còn nhà sư thì lao đến đá tới tấp. Phan Văn Lân chỉ hơi nghiêng mình, đưa tay đẩy nhẹ một cái, nhà sư bị tung lên cao rồi rơi xuống đất, đau đến gần chết.

Lại cũng Nguyễn Trọng Trì trong cuốn sách đã nói ở trên còn cho biết thêm một chuyện khác về võ nghệ của Phan Văn Lân như sau :

Một lần, các tướng đưa Phan Văn Lân vào thành rồi đóng chặt cửa thành lại và vừa lay vừa cung kính thưa với ông rằng :

- Nay cửa thành đã đóng, vào ra đều không thể được, vậy xin tướng công thử võ cho xem.

Bất đắc dĩ, Phan Văn Lân bảo các tướng lấy mấy hòn đá, mỗi hòn nặng đến mấy trăm cân, đem chồng lên nhau rồi nói trước :

- Tôi chỉ là kẻ yếu đuối, vô dụng, chỉ xin thử một lần cho vui xem có được không.

Nói rồi, Phan Văn Lân đưa sớng bàn tay phải chém xuống, cả ba hòn đá lớn đều bị vỡ làm hai. Ai trông thấy cũng lấy làm kì lạ.

Tài ba, đức độ và sự khiêm tốn của Phan Văn Lân khiến cho quân rất kính phục. Thường là hễ có công lao ông đều quy hết cho người dưới quyền còn mình thì chẳng hề màng đến.

Đi suốt cuộc trường chinh chống cả thù trong lẫn giặc ngoài, Phan Văn Lân đã có nhiều cống hiến rất xuất sắc. Ông là người liên tục có mặt trong tất cả những cuộc tấn công của quân Tây Sơn ra Bắc Hà.

Tháng 4 năm 1788, sau khi giết chết Võ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ thành lập một Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà, giao cho Ngô Văn Sở đứng đầu. Trong Bộ chỉ huy đó, có Phan Văn Lân. Với cương vị này, Phan Văn Lân là một trong những tướng lĩnh có công bàn định kế sách đối phó với quân xâm lược Mãn Thanh. Ban đầu, tuy ý kiến của Phan Văn Lân có phần khác hơn, nhưng ngay sau đó, ông đã bình tĩnh lắng nghe và nhận ra sự đúng đắn của Ngô Thì Nhậm. Với nghĩa cả chân thành là một lòng vì nước, vì dân, Phan Văn Lân đã ủng hộ một cách mạnh mẽ chủ trương đúng đắn của Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà, tạm lui quân về Tam Điệp và Biện Sơn để bảo toàn lực lượng và chờ Nguyễn Huệ mang đại quân ra Bắc. (Lúc đầu, Phan Văn Lân chủ trương đem quân lên vùng biên giới phía Bắc, kế thừa kinh nghiệm của Lê Lợi trước, bố trí mai phục để chặn đánh quân Thanh. Tuy nhiên ý kiến đó đã bị Ngô Thì Nhậm phản bác vì cho rằng Bắc Hà nhân tâm li tán, tình thế không thể tổ chức mai phục được).

Trong trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỉ Dậu, 1789), Phan Văn Lân có vinh dự được cùng với các tướng lĩnh cao cấp khác như Ngô Văn Sở, Võ Văn Dũng... sát cánh với Quang Trung Nguyễn Huệ, chỉ huy đạo quân chủ lực đánh vào Hà Hồi và Ngọc Hồi. Ông đã lập công xuất sắc, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của trận đánh lịch sử này. Nhờ công lao to lớn trong nhiều năm liên tục chiến đấu ngoan cường, Phan Văn Lân được Quang Trung Nguyễn Huệ phong tới Đô Đốc, tước Nội Hầu.

Khi Tây Sơn thất bại, số phận của Phan Văn Lân cụ thể ra sao chưa rõ.

05. NGUYỄN VĂN LỘC (? - ?)

*“Báo quốc nhất nhân đô thị đảm
Giao tình thiên tải chỉ luận tâm.”*

(Báo đáp Tổ quốc, một tấm thân luôn dũng cảm,
Giao tình với ngàn năm, chỉ luận về chữ tâm mà thôi).

(Nguyễn Bá Huân : Lời đề tựa cho *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* của Nguyễn Trọng Trì).

Nguyễn Văn Lộc người làng Kỳ Sơn, huyện Tuy Viễn. Nay đất làng quê ông thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Hiện chưa rõ Nguyễn Văn Lộc sinh và mất năm nào.

Truyền thuyết dân gian kể rằng, Nguyễn Văn Lộc sinh ra trong một gia đình rất nghèo, vì thế mà lúc nhỏ, ông từng phải đi ở chăn trâu cho nhà giàu. Có bậc dị nhân thấy ông tướng mạo và cốt cách đẹp đẽ hơn hẳn những đứa trẻ chăn trâu cùng lứa, bèn bí mật truyền dạy võ nghệ cho. Nhờ may mắn này, từ nhỏ, võ nghệ của Nguyễn Văn Lộc đã rất cao cường nhưng ông không hề tỏ cho ai biết điều này cả, chỉ khi nào gặp nguy khốn, cực bất đắc dĩ lắm mới đem ra dùng mà thôi.

Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ, Nguyễn Văn Lộc là một trong số những người hăng hái tham gia hưởng ứng đầu tiên và cũng ngay từ đầu Nguyễn Văn Lộc đã liên tiếp lập được nhiều công lớn.

Năm 1775, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ làm Tổng chỉ huy đã ồ ạt tấn công vào lực lượng quân chúa Nguyễn do tướng Tống Phúc Hiệp cầm đầu tại Phú Yên. Đây là cuộc tấn công có ý nghĩa rất quan trọng, bởi lẽ, Tống Phúc Hiệp có trong tay đến hơn hai vạn quân nếu không đập tan được lực lượng của Tống Phúc Hiệp thì chẳng những kế hoạch tiêu diệt tập đoàn họ Nguyễn đang ẩn náu tại Gia Định bị chặn đứng mà khả năng bị thu hẹp vùng chiếm đóng của Tây Sơn cũng rất có thể sẽ xảy ra. Và, trong trận đánh không cân sức này, Nguyễn Huệ đã thắng. Tống Phúc Hiệp phải bỏ chạy thực mạng. Tướng dưới quyền của Tống Phúc Hiệp là Nguyễn Văn Hiến bị giết tại trận, một viên tướng khác của Tống Phúc Hiệp là Nguyễn Khoa Kiên bị bắt sống. Trong chiến thắng vang dội này, Nguyễn Văn Lộc có đóng góp rất quan trọng.

Năm 1786, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã vượt đèo Hải Vân, đánh thẳng vào lực lượng quân Trịnh đang đóng tại Phú Xuân. Bấy giờ, Tổng chỉ huy quân Trịnh là Tào Quận Công Phạm Ngô Cầu và Tào Sĩ Hoàng Đình Thế. Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn bộ quân Trịnh ở đây bị tiêu diệt. Hoàng Đình Thế cùng với hai con trai (cũng là tướng cao cấp) và tướng Võ Tá Kiên bị giết tại trận còn Phạm Ngô Cầu thì bị bắt và sau đó cũng bị giết. Trong chiến công chung rất vang dội này, đóng góp của Nguyễn Văn Lộc là rất lớn lao, vì vậy mà sau đó không bao lâu, khi Tây Sơn đã làm chủ được Bắc Hà, ông được trao chức Phòng Ngự Sứ ở Thanh Hoa.

Trong trận đại phá quân xâm lược Mãn Thanh (Tết Kỉ Dậu, 1789), Nguyễn Văn Lộc là Đô Đốc, chỉ huy một trong năm đạo quân Tây Sơn. Theo kế hoạch chung của Quang Trung Nguyễn Huệ, từ Biện Sơn, Đô Đốc Nguyễn Văn Lộc chỉ huy một đạo thủy quân, vượt biển tiến ra Hải Dương rồi từ Hải Dương tiến lên Phượng Nhãn và Lạng Giang (vùng Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay), sẵn sàng chặn đánh và truy kích quân Mãn Thanh khi chúng bị đánh bật khỏi Thăng Long và bỏ chạy về Trung Quốc. Tuy nhiên, do bất ngờ gặp bão biển cho nên đạo quân do Đô Đốc Lộc chỉ huy tập kết ở Hải Dương muộn hơn vài ngày so với quy định, không kịp bịt kín mọi đường rút lui của quân Mãn Thanh. Mặc dù vậy, đạo quân của Đô Đốc Lộc vẫn đánh được một trận lớn ở Phượng Nhãn, tiêu diệt một bộ phận sinh lực khá lớn của giặc. Tổng chỉ huy quân xâm lược Mãn Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải hốt hoảng vất bỏ cả ấn tín, cờ quạt và sắc phong để chạy thoát thân. Theo ghi chép của Trần Nguyên Nhiếp thì chúng phải: "Đói cơm khát nước, không kiếm đâu ra được ăn uống, cứ phải đi suốt bảy ngày bảy đêm mới đến trấn Nam Quan". Khi về đến Quảng Tây, theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị thì tổng số quân Mãn Thanh chỉ còn lại năm ngàn tên, nghĩa là bọn sống sót chỉ khoảng hơn một phần sáu mươi so với tổng số quân tràn sang nước ta ban đầu.

Như vậy đạo quân do Đô Đốc Lộc chỉ huy đã có công đánh tan tành quân Mãn Thanh trên đường chúng tháo chạy, góp phần quan trọng vào việc đề bẹp ý chí xâm lăng của chúng.

Trong khoảng vài năm đầu của thời Quang Toán, Đô Đốc Nguyễn Văn Lộc vẫn tiếp tục có thêm nhiều cống hiến xuất sắc. Chính ông là người đã tổ chức đánh bại viên tướng khét tiếng của Nguyễn Ánh là Võ Tánh ở ngay trên đất làng Kỳ Sơn quê hương ông, khiến cho Nguyễn Ánh và tướng tá dưới quyền đều rất kiêng nể tài cầm quân của Đô Đốc Nguyễn Văn Lộc. Sau trận này, Đô Đốc Nguyễn Văn Lộc được thăng làm Thần Võ Hữu Quân Đô Thống Chế.

Sau trận Kỳ Sơn, Nguyễn Văn Lộc có thêm trên hai chục lần đụng độ với quân đội của Nguyễn Ánh do các tướng cao cấp nhất là Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thành chỉ huy và cả trên hai chục lần đụng độ đó, Nguyễn Văn Lộc đều thắng. Uy danh của ông vang dội ở khắp nơi.

Tiếp thay, cũng đúng vào lúc đó thì chính quyền của Quang Toản ngày một suy yếu bởi sự lộng hành của Bùi Đắc Tuyên. Nguyễn Văn Lộc không cùng phe cánh với tên quyền thần ích kỷ và nhỏ nhen này, vì thế, ông bị Bùi Đắc Tuyên thu hết binh quyền, giáng xuống làm quan Thị Lang ở bộ Lễ. Nguyễn Văn Lộc buồn nản, "từ đó, miệng không nói đến việc binh, ẩn cư ở núi Hoàng Mai huyện Tuy Viễn (nay thuộc tỉnh Bình Định - NKT), thường ngày mang rượu, cưỡi ngựa dong chơi bốn phương". Về sau ông mất (không rõ năm nào), được vua Quang Toản ban cho tên thụy là Trung Liệt.

06. NGÔ VĂN SỞ (? - 1795)

"Ngô Văn Sở làm quan không cầu danh lợi tiếng tăm, lúc nào cũng muốn tránh quyền thế. Ông cùng với Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Bùi Thị Xuân đều là danh tướng. Người đương thời gọi là Tứ kiệt : Ngô, Trần, Bùi, Võ. Thường ngày, (Ngô Văn Sở) yêu kính quân tử mà vẫn giữ lòng thương xót tiểu nhân".

(Nguyễn Trọng Trì : *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* - Ngô Đại Tư Mã Văn Sở ngoại truyện).

Ngô Văn Sở sinh trưởng tại Bình Khê, Quy Nhơn (nay đất quê ông thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), nhưng tổ tiên ông lại là người Thiên Lộc (nay thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Hiện chưa rõ họ Ngô di cư vào Tây Sơn lúc nào, cũng chưa rõ năm sinh của Ngô Văn Sở.

Năm 1771, khi khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Ngô Văn Sở là một trong số những người hăng hái tham gia hưởng ứng đầu tiên. Ông đã có mặt trong những trận đánh quan trọng tại Quy Nhơn (1773), Phú Yên (1775) và liên tiếp lập được nhiều công lớn, vì thế, được Bộ chỉ huy Tây Sơn rất tin yêu, trao phó cho những chức vụ ngày càng cao.

Từ năm 1786, Ngô Văn Sở là một trong những tướng lĩnh cao cấp và tin cậy nhất của Nguyễn Huệ. Ông đã có mặt trong Bộ chỉ huy quân Tây Sơn tấn công vào Phú Xuân (1786), vượt sông Gianh đánh ra Bắc Hà (1786), diệt Nguyễn Hữu Chỉnh (1787) rồi diệt Vũ Văn Nhậm (1788).

Năm 1786, sau khi giết Vũ Văn Nhậm, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã phong cho Ngô Văn Sở làm Đại Tư Mã, trao quyền đứng đầu Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà. Cùng tham gia Bộ chỉ huy này còn có các tướng cao cấp lừng danh như : Đô Đốc Võ Văn Dũng, Đô Đốc Phan Văn Lân, Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết... cùng một số văn thần xuất sắc mà nổi bật nhất là Ngô Thì Nhậm. Trước khi trở về Phú Xuân, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã ân cần dặn rằng :

-"(Ngô Văn) Sở, (Phan Văn) Lân là nanh vuốt của ta, (Võ Văn) Dũng và Ngô (chưa rõ họ - NKT) là tâm phúc của ta, còn (Ngô Thì) Nhậm là bề tôi mới của ta. Ngày nay ta giao việc quân quốc mười một trấn Bắc Hà cho các người, vì thế, các người phải lo toan liệu mà làm việc. Điều

gì cần bàn thì phải họp bàn với nhau, chớ có phân biệt người mới với người cũ. Lòng ta chỉ mong như vậy mà thôi."

Tiếp nhận chức vụ quan trọng ấy, Đại Tư Đồ Ngô Văn Sở đã thể hiện một tinh thần trách nhiệm rất cao, xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Cuối năm 1788, quân Thanh tràn sang xâm lược nước ta, tình hình Bắc Hà diễn biến một cách rất phức tạp. Thực hiện nghiêm túc lời dặn của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ rằng "điều gì cần bàn thì phải họp bàn với nhau, chớ có phân biệt người mới với người cũ", Đại Tư Đồ Ngô Văn Sở đã triệu tập cuộc hội nghị quân sự cao cấp ngay tại Thăng Long và trong cuộc họp này, Ngô Thì Nhậm là một văn thần mới về với Tây Sơn cũng đã được tham dự. Tại cuộc họp này, ý kiến của Ngô Thì Nhậm hoàn toàn trái ngược với ý kiến của Phan Văn Lân, Võ Văn Dũng và cả ý kiến của chủ tướng Ngô Văn Sở. Nhưng, cảm động thay, Ngô Văn Sở đã biết bình tĩnh lắng nghe và cuối cùng đã nhiệt thành ủng hộ ý kiến của Ngô Thì Nhậm. Đó thực sự là một điều hiếm thấy. Không có một Ngô Văn Sở bình tĩnh và công minh, ý kiến xuất sắc của Ngô Thì Nhậm chắc chắn sẽ bị chìm trong quên lãng mà thôi.

Cuối năm 1788, từ Phú Xuân, Quang Trung Nguyễn Huệ đích thân cầm quân tiến ra Tam Điệp và Biện Sơn, trực tiếp huy trận quyết chiến với quân xâm lược Mãn Thanh. Bấy giờ, đại quân của Tây Sơn được chia làm năm đạo. Đạo chủ lực do chính Quang Trung Nguyễn Huệ cầm đầu. Đại Tư Đồ Ngô Văn Sở có vinh dự được cùng Quang Trung Nguyễn Huệ chỉ huy đạo chủ lực này. Ông đã tham gia chỉ huy hai trận quan trọng nhất của đạo quân chủ lực là Hà Hồi và Ngọc Hồi. Nhờ lập được công lớn trong cả hai trận đánh quan trọng này. Đại Tư Đồ Ngô Văn Sở được Quang Trung Nguyễn Huệ phong tới tước Ích Quốc Công.

Khi quân xâm lược Mãn Thanh và bè lũ tay sai Lê Chiêu Thống đã bị quét sạch khỏi bờ cõi, với cương vị mới là Trấn Thủ Thăng Long, Ngô Văn Sở đã có công lớn trong việc trấn áp các thế lực phản loạn, thiết lập trật tự mới cho đất Bắc Hà.

Đầu đời Quang Toản, Ngô Văn Sở được phong làm Kiến Uy Công, chức Chinh Nam Đại Tướng Quân, chỉ huy lực lượng Tây Sơn đi đánh trả các đợt phản công của Nguyễn Ánh. Ông được coi là hổ tướng ở vùng Diên Khánh (vùng đại để tương ứng với Phú Yên, Khánh Hòa và Ninh Thuận ngày nay).

Rất tiếc là đang lúc Ngô Văn Sở liên tiếp có những cống hiến to lớn và xuất sắc, thì nội bộ Tây Sơn có sự mất đoàn kết ngày càng nghiêm trọng. Năm 1795, Ngô Văn Sở bị triệu về Phú Xuân và bị đày xuống sông. Vì chưa rõ năm sinh nên chưa biết khi mất, Ngô Văn Sở thọ bao nhiêu tuổi.

07. NGUYỄN VĂN TUYẾT (? - ?)

"Ra sức trừ khử sự đau khổ cho dân, vì cả cõi đời này mà tiêu diệt hết mọi sự bất bình, đó là sở nguyện của ta".

(Nguyễn Trọng Trì : *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* – Nguyễn Đô Đốc Văn Tuyết ngoại truyện).

Nguyễn Văn Tuyết người huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), sinh và mất vào năm nào chưa rõ. Có truyền thuyết dân gian nói rằng ông là cháu họ của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ nhưng không thấy tài liệu thư tịch nào xác nhận điều này.

Theo Nguyễn Trọng Trì và theo một vài chuyện kể dân gian thì trước năm 1771, Nguyễn Văn Tuyết là một trong số những người du thủ du thực, sống phiêu bạt khắp đó đây. Sau, nhờ một người thầy dạy võ hết lòng yêu thương chỉ vẽ, lại còn đem con gái gả cho, Nguyễn Văn Tuyết đã trở thành người quyết chí đem tài sức của mình ra cứu khổ cho dân. Ông cùng vợ về quê nhà, tham gia khởi nghĩa Tây Sơn và nhanh chóng được anh em Tây Sơn trọng dụng.

Là bậc võ nghệ cao cường lại giàu mưu lược và có biệt tài cầm quân. Nguyễn Văn Tuyết được phong dần lên đến Đô Đốc. Năm 1788, trước khi rút về Phú Xuân, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã thành lập một Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà và giao cho Đại Tư Mã Ngô Văn Sở đứng đầu. Trong Bộ chỉ huy ấy có Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết.

Cuối năm 1788, hai mươi chín vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu đã tràn sang xâm lược nước ta. Trước tình thế nguy cấp đó, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở đã triệu tập một cuộc hội nghị quân sự cao cấp ngay tại kinh thành Thăng Long. Hội nghị đã thống nhất hai vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Một là phải cấp báo cho Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ ở Phú Xuân. Hai là triệt để thực hiện ý kiến xuất sắc của Ngô Thì Nhậm, rút quân về Tam Điệp và Biện Sơn để bảo toàn lực lượng, chờ cơ hội đánh trận quyết định số mạng của quân xâm lược Mãn Thanh. Người được Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà tin cậy, trao phó trọng trách gấp rút trở về Phú Xuân một cách an toàn để cấp báo tình hình nguy cấp cho Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ là Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết.

Khi Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế ở núi Bân (Huê), Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết được giao trách nhiệm gấp rút chuẩn bị cho cuộc hành quân thần tốc ra Bắc Hà. Khi Quang Trung Nguyễn Huệ cầm quân ra Bắc, Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết có vinh dự được cùng hành quân ra. Tại Nghệ An và tại Thanh Hoa, Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết vừa có công tuyển lựa, lại có công huấn luyện cấp tốc cho binh sĩ của Tây Sơn.

Tại Tam Điệp và Biện Sơn, Quang Trung Nguyễn Huệ chia quân làm năm đạo, nhất tề tiến thẳng ra Bắc. Hai trong số năm đạo ấy là thủy quân và một trong hai đạo thủy quân ấy do chính Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy. Đó là một vinh dự lớn, cũng là một vinh dự lớn của Nguyễn Văn Tuyết.

Theo kế hoạch của Quang Trung Nguyễn Huệ, đạo thủy quân do Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết chỉ huy có nhiệm vụ vượt biển tiến vào khu vực sông Lục Đầu, tiêu diệt một bộ phận lực lượng của Lê Chiêu Thống đang đóng giữ tại đây, sau đó, tiến lên uy hiếp phía đông của kinh thành Thăng Long, tạo cơ hội cho đạo quân chủ lực có thể tràn lên một cách dễ dàng. Và, Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, góp phần rất đáng kể vào thắng lợi chung của quân đội Tây Sơn trong trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa lịch sử.

Sau trận đại phá quân Mãn Thanh, Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết tiếp tục có thêm nhiều cống hiến đối với chính quyền của Quang Trung Nguyễn Huệ. Ông là một trong những võ quan cao cấp nhất, một trong những chỗ dựa quan trọng của Quang Trung Nguyễn Huệ về hoạt động của các lực lượng vũ trang.

Năm 1792, Quang Trung Nguyễn Huệ đột ngột qua đời, vua kế là Quang Toàn không đủ năng lực, càng không đủ uy tín. để giữ gìn và phát huy những thành tựu của vua cha để lại. Chính quyền của Quang Toàn bị chia rẽ và mất đoàn kết ngày càng nghiêm trọng. Lợi dụng cơ hội đó Nguyễn Ánh đã liên tục tổ chức phản công. Năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm lại được toàn cõi nước ta, triều Nguyễn được dựng lên kể từ đó.

Thời Nguyễn, một trong những chính sách lớn được đặt ra là trả thù một cách thậm tệ đối với những người theo Tây Sơn. Nhiều thuyết nói rằng Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết đã bị Nguyễn Ánh giết hại, tuy nhiên cũng có thuyết nói rằng Nguyễn Văn Tuyết đã trốn được và sống mai danh ẩn tích cho đến ngày qua đời. Hiện chưa rõ ông thọ bao nhiêu tuổi.

Nay, tại đường Hoàng Diệu (quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh) có một ngôi đền thờ

cũng là nhà thờ của dòng họ Nguyễn Văn Tuyết. Ở đây, con cháu Nguyễn Văn Tuyết vừa thờ tổ tiên của mình là Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết, lại vừa thờ Đô Đốc Long. Đô Đốc Long nói đến ở đây có lẽ là Đô Đốc Đặng Văn Long, người huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), tức là đồng hương với Nguyễn Văn Tuyết. Theo lời giải thích của dòng dõi Nguyễn Văn Tuyết thì sở dĩ họ thờ Đô Đốc Long ở đây vì sinh thời, Đô Đốc Long là thầy dạy võ của Nguyễn Văn Tuyết. Tuy nhiên, tư liệu về Đô Đốc Đặng Văn Long còn quá sơ sài, cho nên, chúng tôi chưa dám giới thiệu gì về ông.

08. BÙI THỊ XUÂN (?- 1802)

*"Cổ kim bất phạp chân anh hùng
Năng ngự ngoại hồi vi thượng công.
Tráng tai Thị Xuân kì nữ tử,
Thống suất tì hưu biến tây đông.*

*Tổ tông cương thổ bất dung vong,
Nam nhi tử tất tại sa trường.
Nam nhi bất hướng sa trường tử,
Cao ca nhất khúc khán Thị Xuân."*

(Nguyễn Trọng Trì : *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện* - Bùi Phu Nhân ca. Mấy câu thơ trên có nghĩa là :

Xưa nay chẳng thiếu các bậc thực sự anh hùng,
Có thể ngăn giặc ngoài làm nên công cao.
Mạnh thay Bùi Thị Xuân, người con gái lạ lùng,
Cầm quân vùng vẫy khắp tây-đông.
Đất đai tổ tông không thể để mất,
Nam nhi hẳn nhiên phải chết ở chốn sa trường.
Nếu nam nhi mà không hướng về sa trường để chết
Hát lớn một khúc ca mà xem gương Bùi Thị Xuân.)

Bùi Thị Xuân người làng Xuân Hòa, huyện Bình Khê (nay thuộc tỉnh Bình Định), sinh năm nào chưa rõ. Bà là vợ của Thiếu Phó Trần Quang Diệu, vì thế, đời vẫn thường gọi bà là Bà Thiếu Phó.

Năm 1771, khi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở Tây Sơn, bà

cũng là một trong những người nhiệt liệt tham gia hưởng ứng đầu tiên. Trong khởi nghĩa Tây Sơn nói riêng và trong lịch sử quân sự Việt Nam nói chung, Bùi Thị Xuân là một hiện tượng rất đặc biệt. Cùng với chồng và hàng vạn các nghĩa sĩ Tây Sơn, bà đã đi suốt cả một cuộc trường chinh ba chục năm trời, anh dũng chống cả thù trong lẫn giặc ngoài, một lòng một dạ vì sự nghiệp cứu dân cứu nước. Từ một phụ nữ bình thường, Bùi Thị Xuân đã trở thành một danh tướng được đời đời kính trọng.

Bấy giờ, bà vừa là vợ lại cũng vừa là một thuộc tướng của Thiếu Phó Trần Quang Diệu. Mỗi khi ra trận, Bùi Xuân luôn giương cao ngọn cờ trên có thêu bốn chữ *Tây Sơn nữ tướng* (vị nữ tướng của Tây Sơn). Hết lá cờ này xuất hiện ở đâu là đối phương ở đó phải khiếp đảm. Dưới thời Quang Trung Nguyễn Huệ, tên tuổi của nữ tướng Bùi Thị Xuân chưa có gì nổi bật lắm, nhưng sang thời Quang Toản thì khác hẳn. Bấy giờ có hai sự kiện quan trọng liên quan trực tiếp tới bà và chính từ hai sự kiện đó, danh thơm của bà được truyền tụng mãi.

Sự kiện thứ nhất là thái độ của bà đối với Bùi Đắc Tuyên (tức Bùi Đắc Kế). Buổi đầu, Bùi Đắc Tuyên là người lập được nhiều công lao, do vậy, được Quang Trung Nguyễn Huệ phong tới hàm Thái Sư. Khi Quang Trung Nguyễn Huệ qua đời, Bùi Đắc Tuyên đã tìm cách nắm lấy binh quyền và để củng cố địa vị của mình, Bùi Đắc Tuyên đã tìm cách hãm hại không ít đồng liêu. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Quang Toản ngày một trầm trọng Năm 1795, Bùi Đắc Tuyên bị Võ Văn Dũng giết chết. Bấy giờ rất nhiều người nghi ngại đối với Bùi Thị Xuân, bởi lẽ Bùi Thị Xuân là cháu của Bùi Đắc Tuyên. Nhưng, khác với suy nghĩ của nhiều người, Bùi Thị Xuân đã có một thái độ rất công minh. Bà không thù oán những người đã giết Bùi Đắc Tuyên, không vì sự rối ren của triều đình mà rời bỏ vị trí chiến đấu của mình.

Sự kiện thứ hai là việc bà tham gia trận Trấn Ninh (tháng 1-1802) chống lại cuộc phản công của Nguyễn Ánh. Trong trận này, bà là người chỉ huy năm ngàn quân, hiên ngang tấn công một cách quyết liệt vào đội ngũ của đối phương, khiến cho Nguyễn Ánh rất khiếp sợ. Bà và chồng là Trần Quang Diệu thực sự là những hổ tướng lừng danh nhất trong giai đoạn cuối cùng của Tây Sơn. Rất tiếc là lực lượng chung của Tây Sơn đến đó đã hoàn toàn rệu rã, mưu lược, lòng dũng cảm và tài cầm quân của bà cùng với các tướng lĩnh trung thành còn lại không đủ để chống chọi. Tháng 3-1802, Nguyễn Ánh đã chiếm lại được Trấn Ninh.

Năm 1802, dọc đường rút quân ra Bắc, bà cùng chồng và con gái bị quân Nguyễn Ánh bắt tại Nghệ An. Sau đó, chúng đã xử tội cả gia đình bà một cách rất tàn khốc. Trần Quang Diệu bị lột da còn bà và con gái là Trần Bích Xuân thì hiện tại có hai thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất nói hai mẹ con bà bị xử tội lăng trì (tức là xẻo thịt từng miếng cho đến chết thì thôi). Thuyết thứ hai nói cả hai mẹ con bà bị đem ra cho voi giày. Nhưng, cho dẫu là thuyết nào đúng thì việc xử tội bà cũng đều là quá tàn khốc. Và điều đáng nói là, các tài liệu đều nói rằng, bà và con gái đã chết một cách rất hiên ngang, không một lời kêu than, cũng không một chút nao núng. Trong tình cảm nồng nàn và kí ức bất diệt của các thế hệ nhân dân, tên tuổi và hình ảnh của vị nữ tướng anh hùng này mãi mãi tỏa sáng :

“Bạch mã trì khu cố chiến trường,

Tướng quân bách chiến thanh uy dương.

Nghĩa là :

Ngựa trắng (chùng như) vẫn rong ruổi ở chiến trường xưa

Tướng quân (từng trải) trăm trận, tiếng tăm lừng lẫy.

CHƯƠNG THỨ TƯ

PHỤ LỤC

I - ĐẶNG TIẾN ĐÔNG (1738 - ?)

01. TIỂU DẪN

Ngọc Hồi - Đống Đa là một trong những trận quyết chiến chiến lược lừng lẫy vào hàng bậc nhất của lịch sử dân tộc. Người trực tiếp vạch kế hoạch là vị Tổng chỉ huy thiên tài của trận đánh lịch sử này là Quang Trung Nguyễn Huệ. Tuy nhiên, bên cạnh Quang Trung Nguyễn Huệ và sát cánh chỉ huy chiến đấu đầy hiệu quả với Quang Trung Nguyễn Huệ còn có một loạt các tướng lĩnh xuất sắc khác, trong đó có vị Đô Đốc được nhiều tài liệu thư tịch cổ chép là Đô Đốc Long, thi thoảng cũng có tài liệu chép là Đô Đốc Mưu.

Trong *Tây Sơn lương tướng ngoại truyện*, Nguyễn Trọng Trì (1854-1922) có chép chuyện Đô Đốc Long và cho biết đầy đủ cả họ lẫn tên của vị Đô Đốc này là Đặng Văn Long (người huyện Tuy Viễn, phủ Quy Nhơn, nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Tuy nhiên, phân tích kĩ tài liệu này thì thấy Đô Đốc Đặng Văn Long là một tướng trong đạo quân chủ lực do Quang Trung Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy chứ không phải là vị Đô Đốc chỉ huy một trong năm đạo quân tham gia trận Ngọc Hồi - Đống Đa. Đặng Văn Long có vẻ như là một tướng tiên phong của Quang Trung Nguyễn Huệ chứ không phải là Đô Đốc chỉ huy một đạo quân riêng. Cũng trong *Tây sơn lương tướng ngoại truyện*, Đô Đốc Đặng Văn Long chừng như chỉ tham gia chiến đấu ở trận Hà Hồi và Ngọc Hồi chứ không hề đánh trận Đống Đa.

Vậy người chỉ huy một trong năm đạo quân của Tây Sơn từ Tam Điệp, tiến thẳng ra Đại Áng rồi tấn công vào Đống Đa là ai? Xưa nay, nhiều người vẫn theo sử cũ mà chép lại là Đô Đốc Long và không dám chú thích gì thêm, đành tạm cho vào hàng "khuyết truyện".

Gần đây, khi bắt tay soạn thảo bộ DANH TƯỚNG VIỆT NAM, chúng tôi cũng có may mắn nhận thêm được một số tài liệu Về Đô Đốc Long. Nhưng, phân tích các tài liệu mới nhận được một lần nữa, chúng tôi lại thấy chừng như có một vị Đô Đốc là Đặng Văn Long trong quân đội Tây Sơn, chỉ tiếc rằng Đô Đốc Đặng Văn Long trong tất cả các tài liệu mới nhận được không phải là vị Đô Đốc chỉ huy một trong năm đạo quân tham gia trận Ngọc Hồi - Đống Đa.

Trong điều kiện khó khăn hiện tại, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu nguyên văn bài viết của Giáo Sư Phan Huy Lê trên tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử số 154 (1-1974). Kể ra bài báo được viết cũng đã khá lâu, nhưng giá trị khoa học thì càng ngày càng được khẳng định. Hiện nay ở thủ đô Hà Nội có một đường phố mang tên Đặng Tiến Đông chạy từ phố Tây Sơn (mé tây gò Đống Đa) đến phố Láng Hạ, thuộc quận Đống Đa. Sau, năm mất của Đặng Tiến Đông được xác định là 1801, tuy nhiên, chúng tôi vẫn theo bài viết của Giáo Sư Phan Huy Lê mà để khuyết năm mất.

02. ĐÔ ĐỐC ĐẶNG TIẾN ĐÔNG - MỘT TƯỚNG TÂY SƠN CHỈ HUY TRẬN ĐỒNG ĐÀ

PHAN HUY LÊ

Ngọc Hồi - Đống Đa là hai chiến thắng oanh liệt nhất, giữ vai trò quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến chống Thanh năm 1788-1789. Quang Trung Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy trận Ngọc Hồi. Nhưng, dưới sự lãnh đạo chung của Quang Trung, ai là người đã chỉ huy quân đội Tây Sơn lập nên chiến công Đống Đa lịch sử. Sử sách chỉ ghi chép một cách sơ lược và mơ hồ : có sách chép là Đô Đốc Long, có sách chép là Đô Đốc Mưu. Tên nhân vật đó chỉ xuất hiện một lần trong lịch sử mà ngay cả dòng họ, quê quán cũng không ai biết.

Gần đây, chúng tôi phát hiện được một số di vật gốc đời Tây Sơn và thu thập được một số tư liệu cho phép xác minh một tướng Tây Sơn được Quang Trung giao cho trọng trách đánh thắng trận Đống Đa là *Đô Đốc Đông Lĩnh Hầu Đặng Tiến Đông*.

Gia phả các chi họ Đặng, đặc biệt là bộ *Đặng gia phổ hệ toàn chính thực lục* gồm 6 quyển do chính Đặng Tiến Đông biên soạn vào đời Tây Sơn và Ngô Thì Nhậm đề tựa.

(Đặng Tiến Đông : *Đặng gia phổ hệ toàn chính thực lục*.)

Sách chép tay gồm 6 quyển :

- Quyển 1 gọi là *Ngoại kỉ* chép nguồn gốc của của họ Đặng vốn là họ Trần.
- Quyển 2 chép về Nghĩa Quốc Công Đặng Huấn.
- Quyển 3 chép về đời Hà Quận Công Đặng Tiến Vinh.
- Quyển 4 chép về đời Doanh Quậnn Công Đặng Thế Tài.
- Quyển 5 chép về đời Yên Quận Công Đặng Tiến Thụ.
- Quyển 6 chép về đời Dận Quận Công Đặng Tiến Cẩm.)

Đặng Tiến Đông sinh vào giờ Sửu (khoảng từ 01 giờ đến 03 giờ sáng) ngày 2 tháng 5 năm Mậu Ngọ, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ tư, tức ngày 18 tháng 6 năm 1738, tại xã Thịnh Phúc, huyện Phú Xuyên (Hà Tây), thuộc chi trưởng dòng họ Đặng, gốc ở làng Lương Xá (nay thuộc xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây).

Theo gia phả và bài tựa của Ngô Thì Nhậm thì họ Đặng xưa vốn là họ Trần, tương truyền thuộc dòng dõi Trần Hưng Đạo. Đến đầu đời Lê, Trần Văn Huy đỗ Tiến lấy tự là Đặng Hiên nên từ đó, con cháu lấy tự của cha làm họ rồi chuyển từ họ Trần sang họ Đặng. Ngoài cách giải thích đó, một số con cháu họ Đặng còn lưu lại truyền thuyết cho rằng, vào đời Mạc, họ này có nhiều người "phù Lê diệt Mạc" nên bị nhà Mạc truy lùng và từ đấy, đổi ra họ Đặng. Điều chắc chắn là từ đời Đặng Huấn có công phù Lê, dòng họ Đặng trở thành một dòng họ lớn có nhiều người đỗ đạt và làm quan to trong suốt thời Lê - Trịnh. Vùng Chương Mỹ còn lưu hành nhiều câu hát về dòng họ Đặng ở Lương Xá như sau :

*Giàu thì Quảng Bị, Bối Khê,
Làm quan Lương Xá, ngoại đê Đại Từ.*

Hay :

*Bao giờ chợ Chúc hết người
Sông Ninh hết nước, Đặng này hết quan.*

Đặng Tiến Đông là con trai thứ tám của Dân Quận Công Đặng Tiến Cẩm và bà vợ lẽ thứ năm là Phạm Thị Yến. Vào thời Lê mạt, cả gia đình ông, từ ông cha đến anh em, chú bác đều là những quan lại tướng soái cao cấp, giữ nhiều chức tước quan trọng trong triều, ngoài trấn. Nhận xét về họ Đặng và con cháu Đặng Huấn, nhà sử học Phan Huy Chú đã viết : "Ngôi kiêu cả tướng văn, tướng võ; một nhà quý hiển ít ai sánh kịp".

Đặng Tiến Cẩm (1679-1749) là con trai thứ năm Yên Quận Công Đặng Tiến Thụ. Đặng Tiến Thụ đã từng làm Trấn thủ Nghệ An, phong đến chức Thái Phó, được chúa Trịnh ban cho họ tên là Trịnh Liễu và sau khi chết được truy tặng Thái Tể. Đặng Tiến Cẩm đã từng giữ các chức : Quyền Trấn Thủ Nghệ An kiêm Trấn Thủ châu Bố Chính, Trấn Thủ các xứ Hải Dương, An Quảng; Trấn Thủ Sơn Tây, Đốc Lãnh Hải Dương, Lưu Thủ kinh thành, hai lần làm Đề Điều kì thi Bắc Cử (thi võ) và phong đến chức Điện Tiền Kiêm Điểm Ti, Đô Kiểm Điểm. Anh em của Đặng Tiến Cẩm tức chú bác ruột của Đặng Tiến Đông, đều nắm giữ nhiều chức vụ cao cấp của chính quyền họ Trịnh. Gia Quận Công Đặng Tiến Lâm làm đến chức Đại Tư Đồ. Lai Quận Công Đặng Đình Sở giữ chức Trấn Thủ Sơn Tây. Bộc Quận Công Đặng Tiến Luận làm Đốc Phủ Sơn Tây, Hải Dương. Đặc biệt, Ứng Quận Công Đặng Đình Tường đã giữ những chức tước cao nhất của phủ chúa như Bồi Tụng, Tả Đô Đốc, Thiếu Phó, Thái Phó, Đại Tư Mã, Đại Tư Không, và như Phan Huy Chú đã nhận định - "Trong khoảng bảy mươi năm, là một bậc kì cựu trải qua mấy triều, công danh phẩm giá hơn cả các quan, ba con và một cháu của ông đều lấy Quận Chúa, một nhà quý thịnh, người bấy giờ gọi là ông Tiên Quốc Lão".

Đặng Tiến Đông thuộc một dòng họ thế phiệt, xuất thân trong một gia đình quý tộc đời đời ăn lộc vua bổng chúa. Nhưng, ông sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh hết sức biến động và đảo lộn của xã hội.

Năm 1747, lên 9 tuổi, Đặng Tiến Đông bắt đầu theo học thầy Doãn Xá tại chùa Thủy Lâm (hay chùa Lương Xá, tại xã Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Tây).

Năm 1749, Đặng Tiến Đông 11 tuổi thì mồ côi cha. Mười năm sau, năm 1759, mẹ ông cũng qua đời.

Đặng Tiến Đông bước vào đời đã phải chứng kiến cảnh đổ nát, tàn tạ của chế độ phong kiến, đời sống lầm than cực khổ của nhân dân và những cuộc đấu tranh rung trời chuyển đất của quần chúng. Những cơn bão táp của chiến tranh nông dân Đàng Ngoài đang lay động tận nền tảng cơ đồ thống trị của vua Lê chúa Trịnh xây dựng đã mấy trăm năm. Cha anh và chú bác của Đặng Tiến Đông từng cầm quân trấn áp những cuộc khởi nghĩa nông dân đó và nhiều phen bị thất bại thảm hại. Trong gia phả họ Đặng do ông viết, ông đã ghi chép một cách khá đầy đủ và trung thực hành động của cha anh, chú bác, kể cả những lần bị quân nông dân đánh cho thất điên bát đảo. Dưới ngòi bút của ông có thể nhận thấy, hình như ông đã bước đầu cảm thấy trong những cuộc "nổi loạn" của quần chúng một sức mạnh quật khởi khó lòng chế ngự. Nhiều thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa, ông vẫn gọi là "nghịch", là "giặc", nhưng qua một số hành động do ông ghi lại thì không phải là kẻ hung ác, tàn bạo, mà là người có tình, có nghĩa. Trong gia phả ông có kể lại hai trường hợp Quận He Nguyễn Hữu Cầu tha chết cho cha ông là Dân Quận Công Đặng Tiến Cẩm và anh cả của ông là Trí Trung Hầu Đặng Đình Trí.

Thực tế lịch sử đau thương và quật cường những năm giữa thế kỉ XVIII ở Đàng Ngoài đã dần dần tác động đến cách nhìn, tư tưởng và tình cảm của Đặng Tiến Đông. Nhưng phải đến phong trào nông dân Tây Sơn cùng với những chấn động mãnh liệt của nó đến toàn bộ cơ cấu xã hội, mới mở ra cho Đặng Tiến Đông cũng như một số sĩ phu tiến bộ ở Bắc Hà, một chân trời mới.

Giữa năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Huệ, ào ạt vượt sông Gianh, tiến ra Bắc Hà. Trong chốc lát nền thống trị của họ Trịnh bị lật nhào. Trật tự chính trị ở

Bắc Hà trải qua một cơn đảo lộn. Trước sự ruồng rẫy và sụp đổ của chế độ họ Trịnh, phong trào Tây Sơn là tiêu biểu của sức mạnh phi thường, một sức sống đang vươn lên. Hơn một tháng sau, đoàn quân “áo vải cờ đào” và người anh hùng của họ rút về Nam, trao trả quyền hành lại cho nhà Lê. Nhưng rồi triều đình vua Lê mà bấy lâu nhân dân và sĩ phu Bắc Hà vẫn kì vọng, lại có dịp bộc lộ tính chất nhu nhược, bất lực hoàn toàn của nó. Chiếc ngai vàng ọp ẹp của nhà Lê vốn đã rệu rạo, nay càng ngã nghiêng trước tình trạng cực kì hỗn loạn của Bắc Hà. Quân Tây Sơn vừa rút, Lê Chiêu Thống đã cảm thấy “*một nước trống rỗng*” và vội “*viết thư triệu hết những người thế gia và bày tôi cũ dấy quân về bảo vệ hoàng thành*”. Nhân đây, “*bọn hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa “bảo vệ” Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn*”. Bọn con cháu chúa Trịnh như Trịnh Lê, Trịnh Bồng, bọn tướng tá cũ như Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ, Dương Trọng Tế... đều nổi dậy tranh giành, đánh giết nhau và ức hiếp nhân dân thậm tệ. Vua Lê lại bị đặt vào địa vị bù nhìn. Dưới sự hoành hành của bọn tướng quân phiệt, “*ngay giữa ban ngày, thủ hạ ra sức cướp bóc dân cư gần kinh thành, không có hiệu lệnh ngăn cấm. Mọi người đều cho là không còn hi vọng gì cả*”. Nhân cơ hội đó, cuối năm 1786, Nguyễn Hữu Chỉnh lấy danh nghĩa tôn phò vua Lê, chiêu tập binh mã ở Nghệ An rồi kéo ra Thăng Long. Đến lượt Nguyễn Hữu Chỉnh lại thâm tóm mọi quyền hành ở Bắc Hà, “*quyền Chỉnh thật ngang với nhà vua, thế của Chỉnh có thể lật nghiêng cả nước*”. Từ một phần tử phong kiến thất thế ở Bắc Hà, Nguyễn Hữu Chỉnh phải theo Tây Sơn để gầy dựng lực lượng, nay lại phản bội Tây Sơn, âm mưu làm bá chủ Thăng Long. Dưới sự chuyên chế của Chỉnh, tình hình Bắc Hà càng rối loạn : “*Lòng người lìa tan, quan văn, quan võ ai cũng chán nản ... Bọn hào mục gian ác ở đâu thì tụ họp ở đấy rồi đi cướp bóc lẫn nhau. Ngoài thành vài dặm đều là hang ổ của bọn trộm cướp*”.

Trong vòng hơn nửa năm kể từ khi quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long (tháng 7 năm 1786), tình hình Bắc Hà đã trải qua những biến động dồn dập. Những biến động đó càng chứng tỏ sự bất lực, sụp đổ không gì cứu vãn nổi của các thế lực phong kiến cũ và càng làm cho nhân dân Bắc Hà hướng về Tây Sơn. Diễn biến lịch sử đó cũng đã ảnh hưởng quyết định đến chí hướng và hành động của một số sĩ phu tiến bộ, thức thời ở Bắc Hà, trong đó có Đặng Tiến Đông, ông đã sớm tìm thấy ở phong trào Tây Sơn và sự nghiệp của người anh hùng Nguyễn Huệ, một niềm tin và một phương hướng mới của cuộc đời.

Khoảng nửa đầu năm 1787, Đặng Tiến Đông lặn lội vào tận Quảng Nam, tìm đến quân doanh yết kiến Nguyễn Huệ khi Nguyễn Huệ đang đóng quân ở đây. Có hai văn bản và di vật gốc đời Tây Sơn xác nhận sự kiện này. Đó là bài văn bia đề là *Tông đức thế tự bi* do Phan Huy Ích soạn, Ngô Thì Nhậm nhuận sắc và đạo sắc do Nguyễn Huệ phong chức tước cho Đặng Tiến Đông.

Bài văn bia được khắc vào một tấm bia đá dựng trước chùa Thủy Lâm, thôn Lương Xá (nay thuộc xã Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Tây). Bia cao 1,72m, bề ngang 0,85m, dày 0,34m. Nội dung bài văn bia, ngoài phần nói về thế phả họ Đặng, có một đoạn ngắn nhưng rất quan trọng, tóm lược công lao, sự nghiệp của Đặng Tiến Đông kể từ khi theo Tây Sơn cho đến khi lập chiến công trong cuộc kháng chiến chống Thanh. Bài văn bia khắc vào ngày 15 tháng 6 năm Đinh Tị, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ năm, tức ngày 9-7-1797. Cuối bia ghi rõ ngày tháng và niên hiệu :

“*Hoàng triều đệ nhị đế... (hai chữ Cảnh Thịnh bị đục), vạn vạn niên chi ngũ tuế, tại Đinh Tị lục nguyệt thập ngũ nhật*”.

Cùng chức tước, họ tên người soạn và nhuận sắc bài văn bia là :

“*Đương triều dục vận công thần, sắc thụ Đặc Tiến Vinh Lộc Thượng Đại Phu, Thị Trung Ngự Sử, Khâm Sai Khánh Hạ Sứ, Thụy Nham Hầu Phan Huy Ích, Chi Dụ Phủ, kính soạn*”.

“*Đương triều dục vận công thần, sắc thụ Đặc Tiến Vinh Lộc Thượng Đại Phu, Thị Trung Đại Học Sĩ kiêm Binh Bộ Thượng Thư, quản lĩnh Bí Thư Thư, Tình Phái Hầu Ngô Thì Nhậm, Hy Dẫn Phủ, kính nhuận*”.

Phan Huy Ích quê ở Sài Sơn, huyện Quốc Oai (Hà Tây). Ngô Thì Nhậm quê ở làng Tả Thanh Oai (Hà Tây). Hai người đỗ Tiến Sĩ đã từng làm quan cho họ Trịnh và tháng 5 năm 1788, khi Nguyễn Huệ tiến ra Thăng Long lần thứ hai, đều theo Tây Sơn. Đối với Đặng Tiến Đông, Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm là những người bạn thân thiết cùng quê, cùng triều và cùng chí

hướng.

Về việc Đặng Tiến Đông tìm vào Quảng Nam theo Nguyễn Huệ, bài văn bia ghi rõ : *"Thái Tổ Vũ Hoàng Đế của hoàng triều, nghĩa thanh vang dội, đóng quân ở Quảng Nam, ông (tức Đặng Tiến Đông - T.g) đến cửa quân xin yết kiến, được đón tiếp và đãi ngộ riêng rồi được tin yêu ban cho ấn kiếm, giao cho thống lĩnh việc quân..."*.

Đạo sắc phong chức tước cho Đặng Tiến Đông đề ngày 8 tháng 7 năm Thái Đức thứ mười, tức ngày 15- 8- 1787. Văn bản viết trên giấy sớ, khổ 138 x 50 cm, hiện do chi trưởng của dòng họ Đặng ở Lương Xá giữ và đặt thờ trên bàn thờ của chi họ này. Đây là nguyên bản sắc phong chức tước đời Tây Sơn còn giữ được đến nay. Trên tờ sắc có dấu son hình vuông, khổ 7,8 x 7,8 cm đóng trên dòng chữ đề niên hiệu *Thái Đức thập niên* và hai dấu kiềng hình bầu dục thắt eo ở giữa, khổ 3,4 x 2.5 cm đóng trên dòng chữ ghi họ tên và chức tước của Đặng Tiến Đông.

Thái Đức là niên hiệu của Hoàng Đế Nguyễn Nhạc. Nhưng tờ sắc phong này không phải do Nguyễn Nhạc mà do Nguyễn Huệ phong chức tước cho Đặng Tiến Đông. Lúc đó, Nguyễn Huệ còn là Bắc Bình Vương, chưa lên ngôi Hoàng Đế, đặt niên hiệu riêng nên tờ sắc phong còn dùng niên hiệu Thái Đức của Nguyễn Nhạc.

Tờ sắc có đoạn biểu dương Đặng Tiến Đông là người có *"khí khái của trượng phu, tấm lòng của nam tử, đường làm quan gặp gỡ, dựng nên công lớn vua tôi, trước sau báo đền, không quên điều hiểu biết của kẻ sĩ trong nước, trải qua mùa đông mà không chịu khuất như cây tùng lúc giá rét"*. Đặng Tiến Đông được Nguyễn Huệ đón tiếp niềm nở, ân cần và lập tức được ban ấn kiếm, phong chức tước. Theo tờ sắc Nguyễn Huệ phong cho Đặng Tiến Đông làm Đô Đốc Đồng Tri, tước Đông Lĩnh hầu và sai giữ chức Trấn Thủ xứ Thanh Hóa. Từ đó, Đặng Tiến Đông trở thành một tướng soái cao cấp của quân đội Tây Sơn dưới quyền thống lĩnh của Nguyễn Huệ.

Hiện nay gia phả họ Đặng và những tư liệu có liên quan chưa cho biết rõ, trước khi theo Nguyễn Huệ, Đặng Tiến Đông đã đỗ đạt như thế nào, đã giữ những chức tước gì trong chính quyền họ Trịnh rồi rời Bắc Hà vào Quảng Nam vào lúc nào? Điều chắc chắn là Đặng Tiến Đông đã tìm đến yết kiến Nguyễn Huệ trước ngày 15-8- 1787. Và chính cuộc tri ngộ đó đã đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong cuộc đời và sự nghiệp của Đặng Tiến Đông. Như vậy, trong số quan lại, sĩ phu tiến bộ ở Bắc Hà theo Tây Sơn, phải kể Đặng Tiến Đông là người đầu tiên. So với Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích... theo Tây Sơn vào giữa năm 1788, hành động của Đặng Tiến Đông sớm hơn gần một năm. Hơn nữa, Đặng Tiến Đông lại tự mình tìm vào Quảng Nam xin yết kiến Nguyễn Huệ, thể hiện một thái độ thức thời, kiên quyết và mạnh dạn.

Theo tờ sắc phong chức tước thì từ ngày 15-8-1787. Đặng Tiến Đông đã được phong làm Đô Đốc Đồng Tri, tước Đông Lĩnh Hầu, giữ chức Trấn Thủ xứ Thanh Hoa. Nhưng thực ra, lúc đó quân Tây Sơn chỉ kiểm soát trấn Nghệ An trở vào, còn trấn Thanh Hoa vẫn thuộc phạm vi cai quản của nhà Lê. Cuối năm 1787, khi Vũ Văn Nhậm theo lệnh Nguyễn Huệ chỉ huy quân Tây Sơn tiến ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh thì tướng Trấn Thủ Thanh Hoa là Nguyễn Duật, Duật là bộ tướng thân cận của Nguyễn Hữu Chỉnh, được Chỉnh cử vào làm Trấn Thủ Thanh Hoa trước đó mấy tháng. Trước thế mạnh của quân Tây Sơn, Nguyễn Duật không dám chống cự, rút quân về giữ Trinh Giang (Hoàng Hóa, Thanh Hóa). Vũ Văn Nhậm sai Ngô Văn Sở đem quân đánh úp mặt sau, giết chết Nguyễn Duật. Từ đó, xứ Thanh Hoa mới thuộc quyền kiểm soát của quân Tây Sơn. Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập* (Quyển 30) và đặc biệt là bài kí khắc trên gỗ ở đền Đồng Cổ (làng Đan Nê, Yên Định, Thanh Hóa) do Tuyên Công Nguyễn Quang Bàn làm và khắc vào đầu mùa bè năm Bảo Hưng thứ hai (năm 1802) thì từ mùa xuân năm 1790 đến năm 1802, Nguyễn Quang Bàn giữ chức Đốc Trấn trấn Thanh Hoa. Vậy Đặng Tiến Đông chỉ có làm Trấn Thủ xứ Thanh Hoa trong khoảng thời gian từ cuối năm 1787 đến đầu năm 1790.

Nhưng tại sao trong sắc phong chức tước đề ngày 3 tháng 7 năm Thái Đức thứ mười (ngày 15-8-1787), Nguyễn Huệ đã cử Đặng Tiến Đông làm Trấn Thủ xứ Thanh Hoa ? Nguyên văn lời trong đạo sắc là : *"Khả gia Đô Đốc Đồng Tri chức, Đông Lĩnh Hầu, nhưng sai Thanh Hoa xứ Trấn Thủ"*, nghĩa là : *"Nên gia phong chức Đô Đốc Đồng Tri, (tước) Đông Lĩnh Hầu, vẫn sai làm Trấn Thủ xứ Thanh Hoa"*. Theo lời văn của đạo sắc, thì có thể trước đây Đặng Tiến Đông đã từng làm Trấn Thủ Thanh Hoa và nay Nguyễn Huệ lại giao cho ông chức vụ đó. Nhưng phải đến cuối năm đó, khi trấn Thanh Hoa thuộc về quân Tây Sơn thì Đặng Tiến Đông mới có thể thực hiện

chức vụ Trấn Thủ của mình.

Cuối năm 1788, quân Tây Sơn ở Bắc Hà phải tạm rút về giữ phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn. Trong cuộc kháng chiến chống Thanh, xứ Thanh Hoa giữ vai trò một địa bàn chiến lược quan trọng. Đó là vùng đất nằm ngay sau phòng tuyến của Tây Sơn, tiếp giáp với vùng kiểm soát của quân địch (từ phía bắc Trường Yên trở ra). Đó cũng là vùng cực bắc hậu phương an của quân Tây Sơn và là nơi tập kết các đạo quân chủ lực của Tây Sơn trước khi xuất phát bước vào cuộc phản công chiến lược đập tan cuộc xâm lược của quân Thanh. Với cương vị là Trấn Thủ xứ Thanh Hoa, hãn Đô Đốc Đặng Tiến Đông có góp phần cùng với Ngô Văn Sở xây dựng, bảo vệ phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn vốn thuộc địa phận và hải phận xứ Thanh Hoa, và nhất là chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để đất Thanh Hoa có thể trở thành khu vực tập kết và bàn đạp phản công của đại quân Tây Sơn do Quang Trung Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy. Tiếc rằng chính sử cũng như gia phả họ Đặng và các tư liệu thu tập được không ghi chép gì về những hoạt động của Trấn Thủ Đặng Tiến Đông trong khoảng cuối năm 1788.

Đầu năm 1789, khi từ Tam Điệp-Biên Sơn mở cuộc tập kích chiến lược giải phóng kinh thành Thăng Long, Quang Trung giao cho Đô Đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy một đạo quân tiên phong tiến ra bất ngờ tập kích tiêu diệt đồn Đống Đa (Hà Nội). Bài văn bia của Phan Huy Ích tóm tắt vũ công của Đô Đốc Đông như sau: "*Năm Mậu Thân (năm 1788 - T.g), đầu đời Quang Trung (hai chữ Quang Trung bị đục - T.g.), quân Bắc xâm chiếm nước Nam, ông (tức Đặng Tiến Đông - T.g.) phụng chiếu cầm đạo quân tiên phong, tiến đánh làm cho quân Bắc tan vỡ, ông một mình một ngựa tiến lên trước, dẹp yên nơi cung cấm*". Con cháu nhiều chi họ Đặng ở Chương Mỹ (Hà Tây) còn ghi nhớ và truyền tụng công lao của "Quan Đô" tức Đô Đốc Đông, theo cách gọi phổ biến của các cụ già họ Đặng - là đã vâng mệnh vua Quang Trung đánh thắng trận Đống Đa, tiêu diệt hàng vạn quân Thanh.

Như vậy là mờ sáng ngày mồng 5 tháng giêng Tết Kỉ Dậu (ngày 31-1-1789), khi Quang Trung chỉ huy đạo quân chủ lực tiến đánh đồn Ngọc Hồi ở phía nam Thăng Long, thì Đô Đốc Đông, theo kế hoạch của Quang Trung, chỉ huy một đạo quân Tây Sơn khác tiến đánh đồn Đống Đa.

Từ Tam Điệp, đạo quân của Đô Đốc Đông đi theo con đường "thượng đạo" qua Phố Cát, ra Thiên Quan (Nhọ Quan, Ninh Bình) rồi xuyên qua Chương Đức (Chương Mỹ, Hà Tây) là quê hương của Đặng Tiến Đông, tiến lên Đống Đa. Đó là một con đường giao thông đã có từ lâu đời nhưng đến thế kỉ thứ XVIII, như Lê Quý Đôn nhận xét: "*Đường núi đã bế tắc không đi được nữa*". Hành quân theo con đường núi đã bế tắc như vậy, quân Tây Sơn phải mở lối đường đi, khắc phục nhiều trở ngại của núi rừng. Điều đó đòi hỏi tướng chỉ huy không những phải có năng lực tổ chức mà còn phải am hiểu cận kề địa hình trọng vùng. Đặng Tiến Đông sinh trưởng ở vùng Chương Mỹ nằm trên con đường giao thông ấy, hẳn đáp ứng được những yêu cầu trên.

Khoảng canh tư ngày mồng năm Tết Kỉ Dậu, vào lúc trời còn tối, quân Tây Sơn áp sát đồn Đống Đa rồi bất ngờ tiến công vào doanh trại giặc. Một sự kiện đặc biệt cần chú ý là vừa lúc đó, nhân dân chín xã chung quanh đem những con cúi bện bằng rơm ra, tẩm dầu, đốt lửa bao vây đồn giặc, tạo thành một hàng rào lửa dày đặc, đó là "*trận rừng lửa*" (hỏa long trận) mà nhà thơ Ngô Ngọc Du còn ghi lại trong bài thơ *Long thành quang phục kỉ thực*. "*Trận rừng lửa*" đã phát huy tác dụng to lớn của nó, góp phần bao vây, uy hiếp quân địch, tạo điều kiện cho quân Tây Sơn nhanh chóng tiêu diệt đồn giặc. Hành động đó chứng tỏ lòng yêu nước, tinh thần mưu trí và sự tham gia tự nguyện của nhân dân, nhưng mặt khác cũng cần đòi hỏi sự vận động và tổ chức trước của quân Tây Sơn. Theo lời kể của con cháu họ Đặng thì "Quan Đô" đã "bày ra mưu kế" diệt đồn Đống Đa. Phải chăng, "*trận rừng lửa*" nằm trong mưu kế của Đô Đốc Đông? Vốn là người quê ở Chương Mỹ, có nhiều bạn bè, bà con thân thuộc và có ảnh hưởng rộng lớn trong vùng, Đặng Tiến Đông có nhiều điều kiện thuận lợi để vận động và chuẩn bị một kế hoạch phối hợp với nhân dân địa phương như vậy.

Trận Đống Đa là một trận đánh tiêu diệt chớp nhoáng. Trận đánh bắt đầu lúc canh tư và kết thúc lúc trời chưa sáng. Sau khi tiêu diệt đồn Đống Đa, Đô Đốc Đông đưa đạo quân tiên phong vượt qua cửa ô Thịnh Quang, tràn vào thành Thăng Long. Rồi như một mũi dao nhọn, Đô Đốc Đông dẫn đầu đoàn quân lao thẳng về phía cung Tây Long, tạo nên mối uy hiếp hết sức bất ngờ

đối với đại bản doanh của chủ soái quân Thanh. Phan Huy Ích còn ghi lại trong bài văn bia, mũi tiến công thọc sâu lợi hại đó qua hình ảnh : "*Ông một mình một ngựa tiến lên trước, dẹp yên nơi cung cấm*".

Mũi tiến công như vũ bão của đạo quân chủ lực do Quang Trung đích thân chỉ huy ở mặt nam Thăng Long cùng với mũi vu hồi thọc sâu bất ngờ sắc bén của Đô Đốc Đông ở mặt tây nam, đã giáng những đòn quyết định, nghiền nát cuộc xâm lược của quân Thanh, buộc Tôn Sĩ Nghị và bọn tàn quân phải tháo chạy thảm hại.

Sáng ngày mồng 5 Tết, đạo quân của Đô Đốc Đông tiến vào thành Thăng Long trước hết. Trưa ngày hôm đó, Quang Trung cùng với đại quân tiến vào kinh thành giữa sự đón chào của Đô Đốc Đông và sự hoan nghênh của nhân dân các phố phường Thăng Long. Bài văn bia của Phan Huy Ích còn ghi rõ công trạng của Đô Đốc Đông và sự ban thưởng của Quang Trung đối với ông : "*Vũ Hoàng Đế vào Thăng Long, tiến hành khen thưởng, ban riêng cho ông xã quê hương là Lương Xá làm thực ấp vĩnh viễn, phạm các khoản binh phân, hộ phân, sưu sai đều cho miễn trừ*".

Không nghi ngờ gì nữa, Đô Đốc Đặng Tiến Đông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Thanh và là một vị tướng chỉ huy quân Tây Sơn đánh thắng trận Đống Đa lịch sử. Ở đây có vấn đề đặt ra là Đô Đốc Đông có phải là Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu được ghi chép trong sử cũ hay không? Hiện nay, chưa tìm thấy tài liệu nào nói rõ Đô Đốc Đông là Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu. Nhưng phân tích và đối chiếu các tư liệu, các sự kiện có liên quan thì theo tôi, có nhiều khả năng Đặng Tiến Đông là tên thật của Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu. Nhận định đó dựa trên những cơ sở sau đây :

- So sánh các tài liệu thì những sự việc mà sử sách trước đây chép là của Đô Đốc Long (hay Mưu), theo những tư liệu mới phát hiện và thu tập được lại là của Đô Đốc Đông. Ví dụ, tướng Tây Sơn được Quang Trung giao cho chỉ huy đạo quân diệt đồn Đống Đa (hay trại Khương Thượng), theo *Hoàng Lê nhất thống chí* là Đô Đốc Long, theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* là Đô Đốc Mưu, theo những tư liệu mới trình bày ở trên lại là Đô Đốc Đông. Đội quân Tây Sơn đầu tiên tiến vào thành Thăng Long, theo *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Minh đô sử* là đội quân của Đô Đốc Long, theo bài văn bia do Phan Huy Ích soạn lại là Đô Đốc Đông. *Hoàng Lê nhất thống chí* chép : "*Sáng hôm ấy, Long đã đánh tên Thái Thủ Điền Châu ở trại Khương Thượng thuộc huyện Quảng Đức. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy, Long liền tiến trước vào thành*". Ngay cả hình ảnh Đô Đốc cưỡi ngựa chỉ huy quân sĩ đánh giặc mà Phan Huy Ích ghi lại trong văn bia cũng phù hợp với một đoạn văn của *Minh đô sử* mô tả Đô Đốc Long phi ngựa ra đón tiếp Quang Trung. Những điều trùng hợp đó chứng tỏ Đô Đốc Long, Đô Đốc Mưu, Đô Đốc Đông chỉ là một người. Đó là những tên ghi chép khác nhau về vị Đô Đốc đã chỉ huy quân Tây Sơn đánh thắng trận Đống Đa và tiến vào thành Thăng Long đầu tiên.

- Toàn bộ quân đội Tây Sơn huy động vào cuộc phản công chiến lược có trên 10 vạn, chia làm 5 doanh (hay 5 quân) : Tiền, Trung, Hậu, Tả, Hữu. Như vậy, mỗi doanh ước chừng trên dưới hai vạn quân. Đạo quân chủ lực do Quang Trung trực tiếp thống lĩnh tập trung đến ba doanh : Tiền Quân do Nội Hầu Phan Văn Lân chỉ huy, Trung Quân do Đại Tư Mã Ngô Văn Sở chỉ huy và Hậu Quân do Hám Hồ Hầu chỉ huy. Tả Quân do Đại Đô Đốc Lộc và Đô Đốc Tuyết chỉ huy đảm nhiệm mũi tấn công vào Hải Dương và mũi bao vây vu hồi chặn đường rút lui của tàn quân địch. Hữu Quân, theo *Hoàng Lê nhất thống chí* do Đại Đô Đốc Bảo và Đô Đốc Long chỉ huy, chia làm hai đạo : một đạo tiến ra Đại Áng phối hợp với đạo quân chủ lực tiêu diệt đồn Ngọc Hồi, một đạo tiến ra Nhân Mục tiêu diệt đồn Đống Đa. Đạo quân đánh đồn Đống Đa là một bộ phận của Hữu Quân. Mũi tiến công đó rất quan trọng, nhưng về binh lực thì không nhiều lắm. Đúng về tổ chức và phiên chế, chỉ huy một đạo quân như vậy là một Đô Đốc, không có lí do gì phải giao cho hai hay ba Đô Đốc. Ngoài đạo quân chủ lực, ba đạo quân kia, mỗi đạo cũng chỉ do một Đô Đốc chỉ huy (Đô Đốc Bảo, Đô Đốc Lộc, Đô Đốc Tuyết). Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu hay Đô Đốc Đông chỉ là một người.

Hơn nữa, qua đạo sắc phong chức tước và bài văn bia của Phan Huy Ích, thấy rõ Quang Trung rất tin cậy và ưu đãi Đặng Tiến Đông. Không lẽ Quang Trung lại đặt Đô Đốc Đông dưới quyền Đô Đốc Long (hay Mưu) nếu đó là hai người. Chính sách dùng người của Quang Trung

nói chung và thái độ đối xử đối với những sĩ phu tiến bộ theo Tây Sơn nói riêng, càng chứng tỏ Đô Đốc Long chính là Đô Đốc Đông.

Nhưng là một người, tại sao có tài liệu chép là Đô Đốc Long, có liệu chép là Đô Đốc Mưu, có tài liệu chép là Đô Đốc Đặng Tiến Đông? Cũng chưa có tư liệu nào cho phép giải thích rõ vấn đề ấy. Điều đáng lưu ý là những sách chép là Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu, không có một tài liệu nào ghi chú rõ nguồn gốc của nhân vật, ngay cả họ hàng, quê quán cũng không biết. Còn gia phả họ Đặng, đạo sắc phong chức tước đời Tây Sơn, văn bia của Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm là những tư liệu có giá trị, ghi chép đầy đủ họ tên, quê quán và phản ánh những nét lớn thân thế, sự nghiệp của Đặng Tiến Đông. Có thể do ghi chép sai lạc, phát âm chệch, cũng có thể do một lý do nào đó, Đặng Tiến Đông giấu tên thật của mình và vì vậy, Đô Đốc Đông trở thành Đô Đốc Long hay Đô Đốc Mưu.

Sau khi đánh tan giặc ngoại xâm, Đặng Tiến Đông vẫn giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền Tây Sơn, tiếp tục đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng đất nước. Dưới triều Quang Trung (1788-1792), ông giữ chức Vệ Quốc Thượng Tướng Quân, Trấn Thủ hai xứ Thanh Hoa và Nghĩa An (thời Tây Sơn gọi trấn Nghệ An là Nghĩa An hay Trung Đô). Có lẽ ông giữ chức vụ đó cho đến năm 1790 là khi Quang Trung cử con là Nguyễn Quang Bàn làm Đốc Trấn Thanh Hoa và tướng Trần Quang Diệu làm Đốc Trấn Nghĩa An. Theo bài văn bia của chùa Thủy Lâm do Phan Huy Ích soạn khắc vào năm Cảnh Thịnh thứ năm (1797) và bài minh do Trần Bá Lãm soạn khắc vào chuông chùa Trăm Gian (thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây) vào năm Cảnh Thịnh thứ hai (1794), thì trong thời Quang Toản (1792-1802), ông giữ chức Đại Tướng Thống Vũ Thắng Vệ Thiên Hùng Hiệu.

Ngoài việc nước, trong thời gian làm quan trong triều Tây Sơn Đặng Tiến Đông còn chăm lo tu bổ một số đền chùa ở quê hương. Trải qua nhiều năm biến loạn của thời Lê, dân làng Lương Xá có một bộ phận lưu tán đi các nơi. Ông đã chiêu tập dân làng trở về quê hương, khai khẩn đất đai, mở mang thôn xóm. Ông cúng cho làng 600 quan tiền và 17 mẫu ruộng tốt để tu bổ chùa Thủy Lâm, đền thờ họ Đặng, và làm chi phí thờ cúng hàng năm. Ông còn sửa sang lại chùa Trăm Gian, đúc chuông cho nhà chùa (năm 1794) và cúng 80 quan tiền, 8 mẫu ruộng làm hậu Phật.

Chùa Trăm Gian còn giữ được một bức tượng Đặng Tiến Đông mà nhân dân địa phương thường gọi là "tượng quan Đô". Bài văn bia *Đặng tướng công bi* dựng trong chùa và gia phả một số chi họ Đặng cho biết bức tượng tạc vào năm Cảnh Thịnh thứ hai (năm 1794), lúc Đặng Tiến Đông 56 tuổi. Các tài liệu trên chép là "*tượng truyền thần*" tạc vào lúc "*sinh thời*" của ông. Các cụ già làng Tiên Lữ tương truyền rằng, tượng giống người đến mức độ khi rước tượng về chùa, tượng đặt trong kiệu đi trước, "quan Đô" ngồi trong kiệu đi sau, người xem không sao phân biệt được người và tượng! Ngày nay, khó mà xác định bức tượng có giống người đến mức độ như thế hay không. Nhưng, nghiên cứu bức tượng thì rõ ràng đây không phải là một bức tượng mang tính chất tượng trưng, ước lệ thường gặp trong các chùa, đền. Bức tượng nhằm diễn tả một con người cụ thể có dáng vóc, phong thái và cá tính riêng.

Tượng bằng gỗ mít, cao 1,30m không kể bệ, tạc một võ tướng mặc võ phục đơn giản, trong tư thế ngồi, hai tay vòng về phía trước. Tượng thể hiện một người có tuổi, dáng cao lớn, vai rộng, khuôn mặt to, mồm hơi dô, môi dày, râu quai nón ... Nét mặt trang nghiêm nhưng có vẻ hiền lành, chất phác.

Bức tượng đã bị một đục ruỗng đôi chỗ và đã bị sơn lại. Gia phả chi họ Đặng ở thôn Long Châu, xã Phụng Châu (Chương Mỹ, Hà Tây), đề là *Đặng gia phả kí* cho biết năm Thành Thái thứ 15 (năm 1903), năm chi họ Đặng đã góp tiền trùng tu bức tượng của tiên tổ ở chùa Trăm Gian. Đó là một lần trùng tu có thể xác định được. Do những lần trùng tu như vậy nên nước sơn và những trang trí trên áo quần, mũ đai không còn giữ được phong cách đời Tây Sơn. Nhưng, tính chất và giá trị chân dung của bức tượng vẫn có thể nhìn nhận và đánh giá được. Đây không phải là một tác phẩm điêu khắc thật đẹp nhưng là một bức tượng chân dung rất hiếm có của nghệ thuật thời Tây Sơn. Bức tượng cho thấy một hình ảnh cụ thể về Đô Đốc Đặng Tiến Đông, vị tướng Tây Sơn đã có công lập nên chiến thắng Đống Đa lịch sử.

Đặng Tiến Đông mất ngày 15 tháng 4, vào một năm khoảng cuối đời Tây Sơn (năm cụ thể

chưa xác định được). Mộ ông táng ở xứ Đồng Trê, nay thuộc thôn Đầm Dền, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Sử sách không ghi chép một câu nào về Đặng Tiến Đông. Nhưng, những tài liệu, di vật mới phát hiện cho phép nêu cao công lao, sự nghiệp của Đô Đốc Đông Lĩnh Hầu Đặng Tiến Đông và trả lại cho ông vị trí xứng đáng cùng với cống hiến xuất sắc trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc năm 1788-1789.

Đặng Tiến Đông là một trong những sĩ phu tiến bộ ở Bắc Hà đã sớm tìm ra con đường đi đúng đắn của mình trong tình hình đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc cực kỳ ác liệt và phức tạp cuối thế kỉ XVIII. Ông đã kiên quyết và dũng cảm theo phong trào Tây Sơn, đứng về phía nhân dân và dân tộc. Phương hướng đúng đắn đó đã mở ra cho ông một cuộc đời mới, tạo điều kiện cho ông phát huy tài năng của mình, có những cống hiến tích cực đối với lịch sử.

Đặng Tiến Đông đã sớm trở thành một tướng soái tài ba của quân đội Tây Sơn. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo tuyệt vời của Quang Trung Nguyễn Huệ, Đô Đốc Đông đã chỉ huy quân Tây Sơn đánh thắng trận Đống Đa, góp phần quan trọng tạo nên mùa xuân đại thắng của dân tộc năm Kỷ Dậu 1789.

II - MỘT SỐ NHÂN VẬT ĐẶC BIỆT THỜI TÂY SƠN

01. TIỂU DẪN

Cơn bão quật khởi của phong trào Tây Sơn đã thực sự tạo nên sức mạnh rung trời chuyển đất. Sức mạnh vĩ đại đó đã cuốn hút sự tham gia của hàng chục vạn nông dân khắp cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài. Sức mạnh vĩ đại đó đã lần lượt đè bẹp tất cả thù trong lẫn giặc ngoài, làm rạn vỡ truyền thống ngoan cường và bất khuất của tổ tiên ta. Và, cũng chính sức mạnh vĩ đại đó đã có tác dụng phân hóa sâu sắc đối với đội ngũ giai cấp phong kiến thống trị đương thời. Không ít sĩ phu yêu nước và thức thời đã hiên ngang đứng hẳn về phía Tây Sơn, có nhiều cống hiến lớn lao đối với Tây Sơn, cũng là cống hiến lớn lao cho lịch sử dân tộc. Tuy đến với Tây Sơn sớm muộn có khác nhau và tuy mức độ cống hiến cũng không đồng nhất, nhưng, hình ảnh của tất cả những sĩ phu yêu nước và thức thời ấy đều được sử sách ghi lại một cách rất trân trọng.

Danh tướng Việt Nam (Tập 3) xin hân hạnh giới thiệu ba gương mặt tiêu biểu của những sĩ phu yêu nước và thức thời này, đó là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và Nguyễn Thiếp. Ba nhân vật đặc biệt này tuy chưa bao giờ trực tiếp cầm quân xông pha trận mạc, nhưng, với tầm nhìn và phép ứng xử tuyệt vời của mình, họ đã có ảnh hưởng rất quan trọng đối với hoạt động và thắng lợi chung của phong trào Tây Sơn. Xuất phát từ nhận thức đó, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu dưới đây vài trang lược truyện về Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và Nguyễn Thiếp.

02. NGÔ THÌ NHẬM (1746 - 1802)

"Ngọc tốt giấu kín nơi sâu,
Rồng thần lặn không kẻ thấy.
Chờ khi người biết đến mình,
Chí lớn nọ đem ra vùng vẫy.
Giúp tám cực mà chuyển xoay,
Vỗ chín cõi yên rường mối."

(Ngô Thì Nhậm : *Mộng Thiên Thai phú*)

Ngô Thì Nhậm sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần (1746) tại làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì (Hà Nội). Ông là con trai của Hoàng Giáp Ngô Thì Sĩ (1725-1780).

Thuở thiếu thời Ngô Thì Nhậm được ông nội là Ngô Trân nuôi dạy. Khi ông nội qua đời, Ngô Thì Nhậm được cha là Ngô Thì Sĩ trực tiếp kèm cặp. Vốn hiếu học lại thông minh, Ngô Thì Nhậm tiến tới rất nhanh. Năm mới mười sáu tuổi, được cha tận tình dìu dắt, Ngô Thì Nhậm đã hoàn tất tác phẩm đầu đời của mình là *Nhị thập tứ sử toát yếu*. Năm 1765 (năm 19 tuổi), Ngô Thì Nhậm đỗ Giải Nguyên (đỗ đầu ở trường thi Hương) và năm sau (năm 1766, năm tròn hai mươi tuổi), Ngô Thì Nhậm đã hoàn tất cuốn sách thứ hai của ông: *Tứ gia thuyết phá*. Trong đội ngũ các bậc danh Nho thuở trước, đỗ đạt sớm như Ngô Thì Nhậm vốn dĩ rất ít, để chí lập ngôn sớm như Ngô Thì Nhậm lại càng ít hơn.

Năm 1769 (năm 23 tuổi), Ngô Thì Nhậm đỗ trong khoa Sĩ Vọng, nhờ đó, được bổ làm Hiến Sát Sứ ở Hải Dương, hưởng chức hàm Chánh Thất Phẩm. Ông chính thức bước vào hoạn lộ kể từ đó. Năm 1771 (năm 25 tuổi), do cha là Ngô Thì Sĩ bị Hoàng Ngũ Phúc vu oan và bị chúa Trịnh lúc đó là Trịnh Sâm (1767 - 1782) cách chức, Ngô Thì Nhậm xin từ quan để trở về quê. Năm 1772 (năm 26 tuổi), Ngô Thì Nhậm dự kì khảo thí ở Quốc Tử Giám và đỗ hạng ưu. Cũng vào năm này, ông hoàn tất cuốn *Hải Đông chí lược*. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú (1782 - 1840) cho hay là sách này gồm 4 quyển "chép về núi sông, phong tục và nhân vật cùng các lệ thuế và sổ đinh suất của xứ Hải Dương khá rõ ràng. Năm 1775 (năm 29 tuổi), Ngô Thì Nhậm đỗ Tiến Sĩ và sau đó được bổ làm Hộ Khoa Cấp Sự Trung. Năm 1776 (năm tròn 30 tuổi), ông được thăng làm Giám Sát Ngự Sử rồi Đốc Đồng Kinh Bắc. Năm 1778 (năm 32 tuổi), ông được kiêm luôn cả Đốc Đồng Thái Nguyên. Bấy giờ, Ngô Thì Sĩ cũng đang làm Đốc Đồng Lạng Sơn, thật đúng là :

Nhất gia binh tượng liên tam trấn,

Vạn lí phong cương khống nhị thù.

Cũng trong thời gian làm Đốc Đồng Kinh Bắc kiêm Đốc Đồng Thái Nguyên, Ngô Thì Nhậm đã viết *Thánh triều hội giám*.

Năm 1780 (năm 34 tuổi), trong chỗ đẩy đưa không ngờ của thế cuộc, bỗng dưng, Ngô Thì Nhậm phải mang tiếng xấu với đời. Chuyện này mỗi sách chép một kiểu, tuy nhiên, tổng hợp và phân tích những tài liệu tin cậy nhất, chúng ta có thể tóm lược như sau : Trước đó, chúa

Trịnh Sâm đã lập con trưởng là Trịnh Khải làm Thế Tử, nhưng rồi đến tháng 9 năm 1780, do quá si mê với Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, Trịnh Sâm đã truất ngôi Thế Tử của Trịnh Khải và lập con trai thứ do Đặng Huệ sinh hạ là Trịnh Cán (lúc này còn rất nhỏ) lên thay. Trịnh Khải tức giận, liền cùng với quan giữ chức Trấn Thủ ở Sơn Tây là Nguyễn Khánh và quan giữ chức Trấn Thủ ở Kinh Bắc là Nguyễn Khắc Tuấn, bàn mưu chuẩn bị lực lượng để chờ khi Trịnh Sâm qua đời là giết Quân Huy, bắt Đặng Thị Huệ và Trịnh Cán rồi giành lấy ngôi chúa cho Trịnh Khải. Biết chuyện, Ngô Thì Nhậm đã có lời can ngăn, nhưng, việc chưa đầu vào đầu thì Ngô Thì Sĩ qua đời, ông phải về nhà chịu tang cha. Và cũng đúng lúc ấy, cơ mưu của Trịnh Khải bị bại lộ, Trịnh Sâm hạ lệnh bắt giam Trịnh Khải, đồng thời xử tội rất nặng một loạt đại thần : giết chết Đàm Xuân Thụ, bắt giam Nguyễn Khánh, Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Phương Đĩnh và Chu Xuân Hán. Sau, Trịnh Sâm cho là Nguyễn Phương Đĩnh nuôi dạy Trịnh Khải mà không làm được công trạng gì, bèn lột hết chức tước rồi đuổi về quê. Trong ngục tối, Nguyễn Khắc Tuấn và Chu Xuân Hán đã vì uất ức mà uống thuốc độc tự tử, riêng Nguyễn Khánh thì khi Trịnh Khải lên ngôi chúa liền được tha và đến tháng bảy năm 1783 lại được thăng làm Lại Bộ Thượng Thư, quyền Tham Tụng. Bấy giờ, Huy Quận công Hoàng Đình Bảo vốn có tư thù với Ngô Thì Nhậm, bèn tìm mọi cách để xin cho Ngô Thì Nhậm được làm Công Bộ Hữu Thị Lang, tạo cơ cho thiên hạ phao tin rằng Ngô Thì Nhậm là "sát tử phụ nhi Thị Lang" nghĩa là giết bốn người cha để làm Thị Lang. Ngô Thì Nhậm biết là sự chẳng lành sẽ đến nên cố từ chối, nhưng gia đình lại có người bàn rằng, cần phải mềm dẻo mới mong tránh được những sự thù oán tiếp theo, vì thế, Ngô Thì Nhậm buộc phải nhận chức, nhưng lấy cớ là đang chịu tang cha cho nên không dâng biểu tạ ơn.

Sự kiện trên xảy ra vào năm 1780, năm Canh Tí, vì thế, sử thường gọi đó là *Vụ án năm Canh Tí*. Trong vụ án này, Ngô Thì Nhậm là người vô tội. Lúc đầu, ông có ý định can ngăn đối với những người ủng hộ mưu đồ của Trịnh Khải, nhưng, việc chưa tiến hành thì ông đã phải về chịu tang cha. Việc Ngô Thì Sĩ qua đời lúc ấy chỉ hoàn toàn là tình cờ, không phải là bởi uất ức vì chuyện Ngô Thì Nhậm phát giác mưu mô của những người ủng hộ Trịnh Khải (trong đó có mình) như một vài tài liệu đã viết.

Năm 1782 (năm 36 tuổi), do những biến cố dồn dập trong phủ chúa, Ngô Thì Nhậm phải về quê vợ ở một thời gian khá dài. Năm đó, Trịnh Sâm qua đời, chưa được bao lâu thì kiêu binh nổi lên, phế Trịnh Cán, giết Huy Quận Công và tôn lập Trịnh Khải lên ngôi chúa. Ngay khi vừa được tôn lên ngôi chúa, Trịnh Khải đã tìm đủ mọi cách để báo ân báo oán. Nhân cơ hội đó, có kẻ đề nghị Trịnh Khải bắt Ngô Thì Nhậm nhưng Trịnh Khải không trả lời. Ngô Thì Nhậm thấy thật khó mà được bình an, bèn trốn về quê vợ như đã nói ở trên.

Năm 1786 (năm 40 tuổi), Ngô Thì Nhậm được chứng kiến tận mắt biến cố lớn lao của lịch sử nước nhà : quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã tiến thẳng ra Thăng Long, tiêu diệt họ Trịnh, tôn phù nhà Lê. Chỉ với một cuộc tấn công chớp nhoáng, Nguyễn Huệ đã đập tan toàn bộ lực lượng của họ Trịnh, dựng lại cơ đồ của họ Lê vốn dĩ đã đổ nát trước đó hàng trăm năm. Chính biến cố này đã có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến nhận thức của Ngô Thì Nhậm. Ông đã âm thầm theo dõi với tất cả thiện chí của mình.

Năm 1788 (năm 42 tuổi), hưởng ứng lời cầu hiền của Nguyễn Huệ, cùng với một số cựu thần khoa bảng khác như Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch ... Ngô Thì Nhậm đã ra nhận chức với chính quyền Tây Sơn, ông được phong làm Lại Bộ Tả Thị Lang, tước Tình Phái Hầu, được cùng với một trọng thần của Tây Sơn là Võ Văn Ước trông coi mọi việc quan hệ đến quan lại của nhà Lê. Cứ như ghi chép của sử cũ thì cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Ngô Thì Nhậm với Võ Văn Ước cũng có một giai thoại khá đặc biệt. Chuyện kể rằng, người đến sớm nhất trong ngày quan lại nhà Lê yết kiến Nguyễn Huệ là Ngô Thì Nhậm. Hôm ấy, Võ Văn Ước được Nguyễn Huệ giao trách nhiệm tổ chức đón tiếp. Thấy Ngô Thì Nhậm, Võ Văn Ước cứ tưởng là Sùng Nhượng Công Lê Duy Cần, vì thế, vội vã mời lên ngôi ngang hàng với mình. Một lúc sau, quan lại nhà Lê lục tục kéo đến và tề tựu ở ngay dưới sân. Không còn cách nào hơn, Ngô Thì Nhậm đành đứng dậy và lặng lẽ đi ra nơi khác, bấy giờ, Võ Văn Ước mới biết rằng đó không phải là Sùng Nhượng Công Lê Duy Cần mà là Ngô Thì Nhậm ! Giận vì cho là Ngô Thì Nhậm vô lễ, lập tức, Võ Văn Ước sai người đi bắt. Ngô Thì Nhậm bèn chạy đến tìm gặp Trần Văn Kỷ nhờ giúp đỡ. Trần Văn Kỷ từng ra Thăng Long dự thi Hội (nhưng không đỗ), từng được gặp và do đó rất phục tài của Ngô Thì Nhậm. Lúc này, Trần Văn Kỷ đang được Nguyễn Huệ trọng dụng, cho nên, Ngô Thì Nhậm

rất tin là có thể che chở cho mình được. Gặp Trần Văn Kỳ, Ngô Thì Nhậm được thông báo rằng, chính Nguyễn Huệ cũng đã biết tiếng của Ngô Thì Nhậm, tin là có thể giao cho Ngô Thì Nhậm trọng trách của chính quyền mới, vì thế, đã giao cho Trần Văn Kỳ đi tìm Ngô Thì Nhậm. Ngay lập tức, Trần Văn Kỳ dẫn Ngô Thì Nhậm vào yết kiến Nguyễn Huệ. Đó là một cuộc gặp gỡ cảm động và tương đắc giữa đấng anh hùng cái thế là Nguyễn Huệ với bậc văn tài xuất chúng là Ngô Thì Nhậm. Và, Nguyễn Huệ đã phong chức ban tước cho Ngô Thì Nhậm như đã nói ở trên.

Chỉ ít ngày sau đó, Nguyễn Huệ trở lại Phú Xuân. Để cai quản lực lượng của mình ở Bắc Hà, đồng thời, để phòng mọi bất trắc có thể xảy ra, Nguyễn Huệ đã thành lập một Bộ chỉ huy Tây Sơn đặt đại bản dinh ngay tại Thăng Long. Bộ chỉ huy này do Đại Tư Mã Ngô Văn Sở đứng đầu và sát cánh với Ngô Văn Sở là một số tướng lĩnh như Phan Văn Lân, Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Tuyết...v.v. Ngoài ra, nhiều văn thần cũ của nhà Lê, trong đó có Ngô Thì Nhậm, cũng được Nguyễn Huệ tin cậy cho tham gia vào Bộ chỉ huy. Trước khi rời Thăng Long, Nguyễn Huệ đã ân cần dặn dò :

- (Ngô Văn) Sở, (Phan Văn) Lân là nanh vuốt của ta, (Võ Văn) Dũng và Ngôn (chưa rõ họ - NKT) là tâm phúc của ta, còn (Ngô Thì) Nhậm là bề tôi mới của ta. Ngày nay ta giao việc quân quốc của mười một trấn Bắc Hà cho các người, vì thế, các người phải lo toan liệu mà làm việc. Điều gì cần bàn thì phải họp bàn với nhau, chớ có phân biệt người mới với người cũ. Lòng ta chỉ mong như vậy mà thôi.

Lời ấy là lời thực sự tin cậy của Nguyễn Huệ đối với Ngô Thì Nhậm và Ngô Thì Nhậm cũng đã hoàn toàn xứng đáng với lòng tin cậy lớn lao ấy của Nguyễn Huệ.

Cuối năm 1788, hai mươi chín vạn quân Mãn Thanh mượn có có Lê Chiêu Thống cầu cứu, đã giương ngọn cờ chính trị giả hiệu là "phù Lê diệt Tây Sơn" để tràn sang xâm lược nước ta. Trước tình thế đó, Bộ chỉ huy Tây Sơn đã họp để bàn kế sách đối phó. Ngô Thì Nhậm là một trong số những thành viên tham dự cuộc họp quan trọng này. Lúc đầu, ý kiến của các thành viên không nhất trí với nhau. Đại để có hai loại hình ý kiến chính như sau:

- *Loại hình ý kiến thứ nhất* cho rằng, họ được Nguyễn Huệ giao trách nhiệm ở lại giữ thành và giữ đất, vậy thì hễ giặc đến là phải liều chết mà đánh, không cần phải bàn luận gì nhiều. Chủ xướng loại hình ý kiến này là Đại Tư Mã Ngô Văn Sở. Rõ ràng, đây là loại hình ý kiến thể hiện một tinh thần trách nhiệm rất cao, nhưng đó là thứ tinh thần trách nhiệm cứng nhắc, không tính toán đến kết quả cuối cùng sẽ ra sao.

- *Loại hình ý kiến thứ hai* cũng có điểm tương đồng với loại hình ý kiến thứ nhất, đó là phải quyết đánh quân xâm lăng, nhưng khác hẳn về phương thức đánh. Họ cho rằng, muốn đánh và đánh thắng quân Mãn Thanh, trước hết phải đem quân lên biên ải, kế thừa kinh nghiệm mai phục của Lê Lợi thuở trước, đánh phủ đầu bằng nhiều trận lớn nhỏ ngay khi chúng vừa đặt chân lên lãnh thổ nước ta, thì mới có thể giữ yên được bờ cõi. Chủ xướng loại hình ý kiến này là Võ Văn Dũng và Phan Văn Lân. Đây là ý kiến tỏ rõ sự hiểu biết khá sâu về truyền thống và kinh nghiệm chống xâm lăng của tổ tiên, nhưng lại cũng bộc lộ sự đánh giá chưa chính xác về tình hình cụ thể của Bắc Hà lúc bấy giờ. Gần bốn trăm năm trước khi quân Minh sang xâm lược nước ta, sở dĩ Lê Lợi có thể liên tiếp tổ chức nhiều trận mai phục kéo dài từ Chi Lăng đến Xương Giang là vì lúc đó, lòng dân đã hoàn toàn hướng về Lam Sơn. Đến đây, nhân tâm li tán, và trong điều kiện đó, không một kế hoạch mai phục nào lại có thể thành công được.

Đúng lúc đó, Ngô Thì Nhậm đã nêu ra một loại hình ý kiến khác hẳn. Ông nói với Ngô Văn Sở, cũng là nói với các tướng trong Bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà rằng :

- "Xưa nay, phép dụng binh chỉ thấy nói hoặc đánh hoặc giữ mà thôi. Nay, quân Thanh đến đây, tiếng tăm rất lớn, đã thế bọn cam tâm làm nội ứng cho chúng ở trong nước đều phao tin đồn nhảm, khiến cho thanh thế của chúng càng trở nên to lớn thêm và cũng khiến cho lòng người sợ hãi. Quân ta giá thử có ai được sai phái đi đâu, thì vừa ra khỏi thành đã bị bắt giết. Số người Bắc Hà trong số quân của ta, hễ gặp dịp là bỏ trốn liền. Dem đội quân ấy đi mà đánh thì nào có khác gì xua bầy dê đi săn cọp dữ, bảo không thua thế nào được? Đến như việc đóng chốt cửa thành để cố thủ, thì khi lòng người đã không vững, chắc chắn thế nào cũng sẽ sinh ra mối lo ở bên trong. Đến lúc đó, dầu cho Tôn, Ngô (chỉ Tôn Tử và Ngô Khởi, hai nhà binh pháp nổi tiếng của Trung Quốc cổ đại - NKT) có sống lại cũng đành phải chịu bó tay, không làm gì hơn

được nữa. Việc này chẳng khác gì đem chạch bỏ vào giỏ cua, xin hãy nghĩ kĩ lại. Nay, đánh cũng chẳng được, giữ cũng không xong, vậy thì cả đánh lẫn giữ đều không phải là kế hay, rốt cuộc có lẽ chỉ còn một cách, đó là nhanh chóng sai thủy quân chở lương thực, giường buồm thuận gió mà ra biển rồi tiến vào cửa Biện Sơn (nằm giáp giới giữa Ninh Bình với Thanh Hóa ngày nay - NKT) mà đóng. Còn như bộ binh thì hãy sửa soạn khí giới mà giống trống lên đường, lui về giữ miền Tam Điệp (cũng nằm giáp giới giữa Ninh Bình và Thanh Hóa ngày nay - NKT). Hai mặt thủy bộ cùng liên hệ với nhau, giữ chỗ hiểm yếu rồi cho người chạy về bẩm với Chúa Công (chỉ Nguyễn Huệ - NKT). Ta cứ thử xem quân Thanh đến và xếp đặt việc của nhà Lê như thế nào, vua Lê Chiêu Thống sau khi phục quốc sẽ thu xếp việc quân việc nước ra sao, chờ đến khi Chúa Công ra rồi quyết chiến một phen cũng không muộn gì".

Ý kiến xuất sắc này của Ngô Thì Nhậm đã nhanh chóng thuyết phục được Bộ chỉ huy Tây Sơn. Cuộc rút lui về Tam Điệp và Biện Sơn của quân Tây Sơn cuối năm 1788 chính là bởi sự nhất trí với ý kiến của Ngô Thì Nhậm. Ông còn nói thêm với chủ tướng là Đại Tư Mã Ngô Văn Sở rằng :

- "Tướng giỏi ngày xưa thường lường trước thế giặc rồi mới đánh, cân nhắc để nắm chắc phần thắng rồi mới hành động, nghĩa là phải tùy theo thời thế đổi thay mà bày ra chước lạ. Giống như đánh cờ, trước phải nhượng người một nước rồi sau mới thắng người một nước, không được đổi vị trí nước trước ra nước sau, đó mới là tay cao cờ. Nay, ta hãy bảo toàn lấy quân lực mà lui, không bỏ mất một mũi tên nào cả. Hãy cho giặc được ngủ trọ một đêm rồi đuổi đi, cũng như ngọc bích của nước Tấn thuở xưa sau vẫn nguyên lành chớ có mất gì. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi sẽ xin bặc bạch với Chúa Công, thế nào cũng được lượng xé, xin ông chớ có nghi ngại gì".

Khi đem đại quân tiến ra Tam Điệp và Biện Sơn nhằm chuẩn bị cho trận quyết chiến với quân Mãn Thanh, phát biểu trong cuộc gặp gỡ với các tướng lĩnh và văn thần cao cấp của mình, Quang Trung Nguyễn Huệ khẳng định :

- Các người đóng quân ở nơi trơ trọi, giặc Thanh kéo sang, người trong kinh kì làm nội ứng cho chúng, các người làm sao mà cử động được? Các người đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia quân đóng giữ nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Kế ấy là rất đúng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là do Ngô Thì Nhậm chủ mưu, sau hỏi (Nguyễn) Văn Tuyết thì quả đúng như vậy".

Chưa bao giờ là võ tướng trực tiếp cầm quân xông pha trận mạc, nhưng ý kiến của Ngô Thì Nhậm về đối sách tạm thời của quân đội Tây Sơn quả là rất xuất sắc. Thắng lợi vang dội của Tây Sơn trong trận quyết chiến chiến lược Ngọc Hồi - Đống Đa sau đó gắn chặt với công lao khởi xướng ý kiến đúng đắn này của Ngô Thì Nhậm.

Khi đất nước đã sạch bóng quân xâm lăng, Ngô Thì Nhậm được Quang Trung thăng làm Binh Bộ Thượng Thư. Đó là một sự tưởng thưởng xứng đáng, thể hiện niềm tin cậy ngày một vững chắc và lớn lao của Quang Trung đối với ông. Đáp lại, Ngô Thì Nhậm cũng đã không ngừng có thêm những đóng góp to lớn cho chính quyền của Quang Trung. Tổng kết những ghi chép tản mạn của sử cũ, chúng ta có thể khái quát các cống hiến của Ngô Thì Nhậm từ năm 1789 (năm 43 tuổi) trở về sau như sau :

Một là : bằng tiếng nói sắc bén, thấu lí và đạt tình, Ngô Thì Nhậm đã lôi kéo được không ít trí thức khoa bảng từng phục vụ cho vua Lê và chúa Trịnh, trút bỏ mặc cảm để hợp tác đắc lực và rất có hiệu quả đối với guồng máy chính quyền của Quang Trung. Trong số những người được Ngô Thì Nhậm cảm hóa, giới thiệu và tiến cử, chúng ta thấy nổi bật lên những tên tuổi như : Phan Huy Ích, Trần Bá Lãm, Ninh Tồn, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn...v.v. Tuy mức độ cao thấp có khác nhau, nhưng, tất cả họ đều có những cống hiến rất đáng được trân trọng.

Hai là : thay mặt Hoàng Đế Quang Trung, soạn thảo kế hoạch và trực tiếp chỉ huy việc thực hiện chủ trương thiết lập mối quan hệ bang giao hữu hảo với triều đình Mãn Thanh. Đây là một công việc cực kì khó khăn, bởi lẽ sau thất bại thảm hại ở trận Ngọc Hồi - Đống Đa, triều đình Mãn Thanh đang muốn quyết chí đánh báo thù. Nhưng, bằng tất cả sự uyển chuyển và khôn khéo, Ngô Thì Nhậm đã buộc triều đình Mãn Thanh phải từ bỏ ý định đánh báo thù, công nhận nền độc lập và tự chủ của nước ta, công nhận chính quyền do Quang Trung đứng đầu, đồng thời

từ bỏ âm mưu lợi dụng tập đoàn Lê Chiêu Thống lưu vong. Công lao của Ngô Thì Nhậm trong lĩnh vực này là vô cùng to lớn : Không phải là ngẫu nhiên, cũng không phải hoàn toàn là tán dương một cách vô lối, khi người đương thời cũng như hậu thế vẫn thường nói : "Ngô Thì Nhậm là Quang Trung thời bình". Cuối năm 1788, khi chuẩn bị cho trận đại phá quân Thanh, trong một cuộc gặp gỡ các tướng lĩnh và văn thần cao cấp tại Tam Điệp - Biên Sơn, chính Quang Trung đã khẳng định vai trò của Ngô Thì Nhậm trong cuộc đấu trí ngoại giao ác liệt này :

"Nay ta thân hành cầm quân ra, phương lược tiến đánh đều đã được tính toán sẵn, chẳng qua chỉ độ mươi ngày là đã có thể đánh được người Thanh. Nhưng, chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt sẽ lấy làm hổ thẹn mà dốc chí đánh báo thù, như thế thì họa binh đao sẽ chẳng bao giờ dứt, đó không phải là điều phúc cho dân, ai nữ lòng nào mà làm được? Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới mong dập tắt được binh đao, nếu chẳng phải là Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được".

Xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao của Quang Trung, Ngô Thì Nhậm đã hoàn thành xuất sắc việc mà Quang Trung cho là "nếu chẳng phải là Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được". Ông là tác giả của kịch bản cho người đóng giả Quang Trung sang châu và dự lễ bát tuần khánh thọ của Hoàng Đế Mãn Thanh là Càn Long.

Ngày 16 tháng 9 năm 1792 , Quang Trung đột ngột qua đời hưởng thọ 39 tuổi ! Đó là tổn thất lớn nhất của Tây Sơn. Con của Quang Trung là Quang Toản lên nối ngôi. Cuối năm ấy (năm 46 tuổi), Ngô Thì Nhậm được cử làm Chánh Sứ sang Mãn Thanh để vừa báo tang vừa cầu phong cho Quang Toản. Và, ông đã hoàn thành tốt đẹp chuyến đi sứ đó.

Tiếp thay, sau cái chết của Quang Trung, cuộc khủng hoảng chính trị trong nội bộ Tây Sơn diễn ra ngày một trầm trọng khiến cho sức mạnh ngời như "bất khả chiến bại" của Tây Sơn nhanh chóng bị tiêu hao. Là nhà khoa bảng và là bậc đại thần giàu lòng "ưu thời mẫn thế", Ngô Thì Nhậm theo dõi những biến đổi của thời cuộc với bao nỗi lo lắng không nguôi. Trên danh nghĩa, Quang Toản vẫn trọng dụng ông, nhưng, sự chia bè kết cánh của triều đình khiến cho ông không sao có thể tiếp tục phát huy được tài năng của mình. Ngô Thì Nhậm dành phần nhiệt huyết còn lại của mình cho việc cầm bút và nghiên cứu về *Thiền học*. Chính ông là người đã lập ra *Trúc Lâm thiền viện* tại phường Bích Câu

(nay thuộc Hà Nội) và cũng chính ông là tác giả của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Đương thời cũng như hậu thế có thể có những ý kiến về thiền khác hẳn với Ngô Thì Nhậm, nhưng, điều quan trọng đáng nói hơn lại là ở chỗ, giữa nhiều nhương của cuộc đời, Ngô Thì Nhậm đã tìm cho mình một lối sống tao nhã, không chút vương bận đến vụ lợi và đua tranh.

Năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm lại được toàn cõi nước ta và chính thức khai sinh ra triều Nguyễn. Một cuộc trả thù rất tàn bạo với tất cả những ai từng theo hoặc từng ủng hộ Tây Sơn bắt đầu. Ngô Thì Nhậm là một trong số những người bị trả thù đó. Đầu năm Quý Hợi (1803), Ngô Thì Nhậm cùng với Phan Huy Ích và Nguyễn Gia Phan cùng bị đem ra Văn Miếu để đánh đòn. Riêng Ngô Thì Nhậm vì chịu không nổi đau đớn, đã mất vào ngày 16 tháng 2 (nhằm ngày 9-3-1803), hưởng thọ 57 tuổi. Vì sao cả ba người cùng bị đòn roi mà chỉ có một mình Ngô Thì Nhậm chết? Cắt nghĩa điều này, đời có khá nhiều giai thoại, đại để cho rằng Ngô Thì Nhậm có mối hiềm khích đối với bạn học là Đặng Trần Thường. Sau, Đặng Trần Thường trở thành tướng cao cấp của Nguyễn Ánh, cho nên, cũng là đánh roi, nhưng roi dùng để đánh Ngô Thì Nhậm bị Đặng Trần Thường sai cột thêm móc sắt. Giai thoại còn nói đến cuộc đối đáp giữa Ngô Thì Nhậm với Đặng Trần Thường khi Ngô Thì Nhậm bị đem ra Văn Miếu để đánh. Nhưng, giai thoại bao giờ cũng là... giai thoại, vì thế, xin được miễn nhắc lại ở đây.

Cuộc đời của Ngô Thì Nhậm là cuộc đời của một nhà yêu nước tầm vóc lớn, của một bậc khoa bảng thức thời, của một cây đại bút để lại cho đời rất nhiều tác phẩm quý, góp phần làm rạng rỡ cho văn hiến của nước nhà. Phần lớn các tác phẩm của Ngô Thì Nhậm đã được Nhà xuất bản Khoa học Xã hội giới thiệu trong *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm* (2 quyển), năm 1978.

Thời Tự Đức (1848 - 1883), vì Nhà vua có họ và tên thật là Nguyễn Phúc Thì, lại có tên khác là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, cho nên, để tránh hai chữ húy là Thì và Nhậm, Ngô Thì Nhậm bị

đọc thành Ngô Thì Nhiệm. Tên ông bị đọc khác đi nhưng ánh sáng tỏa ra từ cuộc đời và sự nghiệp của ông thì vẫn mãi mãi không đổi. Ngàn năm, còn đó... tên ông.

03. PHAN HUY ÍCH (1751 - 1822)

"Được dự vào hàng công thần cao quý, cố sao đền đáp ơn vua vừa mới ban xuống;
Nổi dãi thư hương, càng gắng giữ nếp cũ thanh bạch của nhà xưa".

(Phan Huy Ích : Dật thi lược toàn)

Phan Huy Ích sinh ngày 12 tháng 12 năm Canh Ngọ (1751). Ông là con của Tiến sĩ Phan Huy Cận (1733-1800). Phan Huy Cận vốn người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay thuộc xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) nhưng sau đó đã dời ra định cư tại làng Thụy Khuê, huyện Thạch Thất trấn Sơn Tây (nay làng Thụy Khuê thuộc tỉnh Hà Tây). Phan Huy Cận sau đổi tên là Phan Huy Áng.

Từ nhỏ cho đến năm hai mươi tuổi, Phan Huy Ích sống và học tập tại quê cha đất tổ là làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc như đã nói ở trên. Năm 1771 (năm tròn 20 tuổi), Phan Huy Ích đỗ Giải Nguyên (tức đỗ đầu khoa thi Hương) tại trường Nghệ An. Đây là một vinh dự đặc biệt đối với dòng Phan Huy, bởi vì trước đó gần hai chục năm (năm 1753), thân phụ Phan Huy Ích là Phan Huy Cận cũng đỗ Giải Nguyên tại trường thi Hương này.

Sau khi đỗ Giải Nguyên, Phan Huy Ích được trao một chức quan nhỏ tại trấn Sơn Nam. Ông trở thành học trò rồi thành con rể của Ngô Thì Sĩ (1726-1780) kể từ giai đoạn này. Năm 1775 (năm tròn 24 tuổi), Phan Huy Ích đỗ Hội Nguyên Tiến Sĩ. Khoa này, triều đình lấy đỗ 18 Tiến Sĩ (mà không lấy ai đỗ Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa và Hoàng Giáp). Anh vợ của Phan Huy Ích là Ngô Thì Nhậm cũng cùng đỗ Tiến Sĩ trong khoa này. Một lần nữa, đây là vinh dự đặc biệt của dòng Phan Huy, bởi lẽ trước đó 19 năm (năm 1754), thân phụ ông là Phan Huy Cận cũng đỗ Hội Nguyên Tiến Sĩ như thế.

Năm 1776, nghĩa là đúng một năm sau khi đỗ Hội Nguyên Tiến Sĩ, Phan Huy Ích lại dự tiếp kì thi Ứng Chế và ông cũng đã đỗ trong khoa này. Từ đó, hoạn lộ của Phan Huy Ích ngày một rộng mở. Năm 1776, ông được trao chức Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ. Năm 1777, ông được trao chức Đốc Đồng trấn Thanh Hóa. Sau đó không bao lâu, Phan Huy Ích được trao chức Thiêm Sai ở phủ chúa Trịnh. Cũng trong khoảng thời gian này, Phan Huy Ích được cử lên Nam Quan để ứng tiếp sứ giả của nhà Mãn Thanh.

Năm 1780, con trưởng của chúa Trịnh Sâm là Trịnh Tông (cũng tức là Trịnh Khải) đã âm mưu làm chính biến nhưng không thành. Trịnh Sâm đã tiến hành một cuộc đàn áp rất tàn khốc. Không ít quan lại và đại thần bị bức tử. Sự gọi đó là vụ án năm Canh Tý. Bấy giờ, vì là con rể của Ngô Thì Sĩ và là em rể của Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích cũng bị công kích từ nhiều phía khác nhau. Ông buồn nản quá, bèn cáo bệnh để xin từ quan nhưng không được, vì thế, ông liền đóng bè ở dưới sông, xa lánh mọi đồng liêu cũng như thuộc chức, mỗi tháng chỉ đến công đường một

lần.

Năm 1785, khi tình hình chung đã tương đối tạm ổn định, Phan Huy Ích mới trở lại với việc quan. Cuối năm đó, ông được trao chức Hiến Sát Thanh Hoa.

Năm 1786, quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã ồ ạt tiến ra Bắc. Chúa Trịnh là Trịnh Tông bị bắt và tự tử dọc đường áp giải. Vua Lê lúc bấy giờ hèn yếu và bạc nhược, không đủ khả năng, càng không đủ uy tín để điều khiển mọi hoạt động của triều đình. Chính sự lại một phen rối ren đến khó tả. Thấy Nguyễn Huệ đã rút đại quân về Nam, phe đảng của họ Trịnh lại nổi lên. Sau những cuộc tranh giành khá ác liệt, Trịnh Bồng đã nắm được ngôi chúa, đó chính là Yến Đô Vương. Trong thời gian ở ngôi chúa ngắn ngủi của Yến Đô Vương, Phan Huy Ích được trao chức Đô Cấp Sự Trung, kiêm Thiêm Sai ở phủ Chúa.

Cũng trong thời Yến Đô Vương, Phan Huy Ích còn được trao chức Đốc Thị ở trấn Nghệ An kiêm Tán Lí Quân Vụ ở trấn Thanh Hoa. Với chức vụ đó, ông được sai cầm quân đi đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉ mới giáp chiến, Phan Huy Ích đã bị Nguyễn Hữu Chỉnh bắt sống, may nhờ có bạn cũ là Nguyễn Kim Khuê ra sức tìm cách cứu giúp ông mới được tha.

Năm 1787, khi tướng Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm cầm quân ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh, Phan Huy Ích liền về Sài Sơn và ẩn mình tại đó. Thời làm quan cho vua Lê chúa Trịnh của Phan Huy Ích cũng đến đó là chấm dứt.

Giữa năm 1788, khi Nguyễn Huệ trực tiếp cầm quân ra hỏi tội viên tướng thuộc quyền của mình là Vũ Văn Nhậm, cùng với một số Nho sĩ tên tuổi khác như Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Ninh Tồn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tấn... Phan Huy Ích đã ra hợp tác với Tây Sơn. Ông được Nguyễn Huệ trao chức Tả Thị Lang bộ Hộ, tước Thụy Nham Hầu.

Sau khi nhận chức tước, Phan Huy Ích theo Nguyễn Huệ vào Phú Xuân. *Hoàng Lê nhất thống chí* và các tác phẩm của Phan Huy Ích đã xác nhận điều này. Cuối năm 1788, Lê Chiêu Thống rước quân Mãn Thanh sang giày xéo đất nước ta. Để trả thù những người theo Tây Sơn, Lê Chiêu Thống đã sai đục bỏ tên của Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích trên bia Tiến Sĩ, đồng thời phát lệnh truy nã cả hai ông. Nhưng, chỉ với một cuộc hành quân thần tốc và một trận quyết chiến chiến lược ở Ngọc Hồi - Đống Đa lịch sử, Quang Trung Nguyễn Huệ đã quét sạch quân Thanh ra khỏi bờ cõi, đồng thời, trừng trị đích đáng hành động phản quốc hại dân của Lê Chiêu Thống.

Chiến tranh kết thúc, Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm được Quang Trung tin cậy giao cho trọng trách thiết lập mối quan hệ bang giao hữu hảo với Mãn Thanh. Bằng tất cả tài năng và sự khôn khéo của mình, cùng với Ngô Thì Nhậm, ông đã có cống hiến rất xuất sắc trên mặt trận đấu tranh ngoại giao.

Năm 1790, nếu Ngô Thì Nhậm là tác giả của kịch bản đưa "giả vương" Phạm Công Trị sang dự lễ bát tuần khánh thọ của Hoàng Đế Càn Long, thì Phan Huy Ích là một trong những người thực hiện xuất sắc kịch bản này. Cùng với Ngô Văn Sở, Nguyễn Duật, Vũ Huy Tấn và Đoàn Nguyễn Tuấn ... Phan Huy Ích đã đưa "giả vương" sang Trung Quốc, khéo léo đến độ không để xảy ra một sơ suất nào.

Năm 1792, Phan Huy Ích được thăng chức Thị Trung Ngự Sử. Nhưng, ông chưa kịp vui thì Quang Trung qua đời, nội bộ Tây Sơn mất đoàn kết ngày một nghiêm trọng. Ông được giao việc viết một số bài để hòa giải nhưng tình hình cũng chẳng tốt hơn được.

Năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm lại được toàn cõi nước ta. Phan Huy Ích bị bắt cùng với Ngô Thì Nhậm và Nguyễn Gia Phan (tức Nguyễn Thế Lịch), sau đó, bị đem ra đánh đòn tại Văn Miếu.

Năm 1803, Phan Huy Ích về sống tại Sài Sơn. Ông ở đó cho đến năm 1814 thì vào đất tổ là huyện Thiên Lộc để mở trường dạy học. Ông là một nhà giáo đức độ và tài ba, được người đương thời và đặc biệt là các thế hệ môn sinh rất kính trọng. Năm 1819, Phan Huy Ích nghỉ dạy vì tuổi đã cao và đến ngày 20 tháng 2 năm Nhâm Ngọ (1822), ông qua đời, hưởng thọ 71 tuổi.

Phan Huy Ích là một trong những người để lại cho đời khá nhiều tác phẩm. Phần lớn các sáng tác của ông đã được Nhà xuất bản Khoa học Xã hội giới thiệu trong bộ *Thơ văn Phan Huy*

Ích (Ba tập, 1978). Và, Phan Huy Ích còn là thân phụ của nhà bác học Phan Huy Chú (1782-1840).

04. NGUYỄN THIẾP (1723 - 1804)

Nguyễn Thiếp sinh năm Quý Mão (1723) tại làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao, tổng Lai Thạch, huyện La Sơn. Nay đất làng quê ông thuộc huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh. Ông vốn có tên là Nguyễn Minh nhưng sau vì húy Minh Đô Vương tức chúa Trịnh Doanh (1740-1767) nên mới đổi gọi là Nguyễn Thiếp. Trong số các danh sĩ sống vào giai đoạn lịch sử này, ít ai có nhiều tên hiệu như Nguyễn Thiếp : Hạnh Am, Khai Xuyên, Điền Ân, Cuồng Ân, Lạp Phong Cư Sĩ, Bù Phong Cư Sĩ, Lục Niên Tiên Sinh, Hầu Lục Niên, Lam Hồng Dị Nhân, La Giang Phu Tử, La Sơn Phu Tử...v.v. Tuy nhiên, tên hiệu được đời biết đến nhiều hơn cả vẫn là La Sơn Phu Tử và sau đó là Hạnh Am.

Năm 1743, Nguyễn Thiếp đỗ Hương Cống (học vị này về sau đổi gọi là Cử Nhân). Sau khi đỗ, ông được chúa Trịnh Doanh bổ làm Huấn Đạo và chẳng bao lâu thì thăng làm Tri Huyện của huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thời Nguyễn Thiếp bước vào hoạn lộ cũng là thời tàn tạ thảm hại của chế độ phong kiến Đàng Ngoài. Buồn nản vì cảnh mục ruỗng của triều đình, cảnh đen bạc của nhân tình thế thái, Nguyễn Thiếp liền từ quan, về núi Thiên Nhân của quê nhà để sống cuộc đời thanh bạch của bậc ẩn cư.

Tuy chỉ đỗ Hương Cống nhưng nhờ có thực tài và đức độ lại giàu khí khái, Nguyễn Thiếp có uy tín xã hội rất rộng lớn. Tên tuổi của ông có ảnh hưởng khá lớn đối với đội ngũ sĩ phu đương thời. Nguyễn Huệ sớm biết tiếng Nguyễn Thiếp, chủ yếu cũng bởi lí do này.

Cuối năm 1788, sau khi lên ngôi Hoàng Đế, Nguyễn Huệ đã dẫn đại quân thần tốc tiến ra Bắc để đánh trận quyết định với quân Mãn Thanh xâm lược. Dọc đường hành quân, dù vô cùng vội vàng và bận rộn với không biết bao nhiêu việc trọng đại, Nguyễn Huệ vẫn dành thời gian để cho mời Nguyễn Thiếp tới hỏi ý kiến. Tuy quyết chí xa lánh công danh và hoạn lộ, nhưng Nguyễn Thiếp vẫn luôn luôn cố gắng theo dõi thật chặt chẽ mọi diễn biến của thời cuộc, bởi vậy, ý kiến của bậc ân sĩ này sắc sảo đến lạ lùng. Chuyện kể rằng, trong buổi gặp gỡ đầu tiên này, Nguyễn Huệ hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, nay ta đem quân chống cự, về kế công thủ và số được thua, tiên sinh cho biết thế nào?

Nguyễn Thiếp đáp rằng :

- Nay trong nước trống không, lòng người li tán. Quân Thanh ở xa lại, tình hình quân ta sức mạnh yếu không biết, thế công thủ không hay. Chúa công ra chuyến này chẳng qua mươi ngày là giặc Thanh sẽ tan.

Nhận định của Nguyễn Thiếp rất phù hợp với nhận định của Nguyễn Huệ, bởi vậy, Nguyễn Huệ rất lấy làm vui. Ý định đánh nhanh thắng nhanh vốn đã được hình thành trước đó, đến đây càng được khẳng định, niềm tin ở thắng lợi to lớn và triệt để, vốn đã mạnh mẽ, đến đây, càng trở nên mạnh mẽ gấp bội hơn. Trên cơ sở ý định vững chắc và niềm tin sắt đá đó, Nguyễn Huệ đã đồng loạt tuyên bố với quân sĩ của mình tại Tam Điệp - Biên Sơn rằng : *"Nay ta tới đây thân đốc việc binh, kế chiến thủ ra sao đều đã có phương hướng định sẵn. Chỉ độ mươi ngày nữa thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh".* Và : *"Nay hãy ăn Tết Nguyên đán trước, đợi đến mồng bảy*

tháng giêng, vào thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn. Các người hãy ghi nhớ lấy lời ta nói xem có đúng như vậy không".

Diễn biến của trận quyết chiến chiến lược với quân xâm lược Mãn Thanh quả đúng như dự kiến thiên tài của Nguyễn Huệ, như nhận định chính xác và sâu sắc của Nguyễn Thiếp. Bởi lí do này, Nguyễn Huệ càng trân trọng và đánh giá cao tài năng của Nguyễn Thiếp. Về phần mình, Nguyễn Thiếp cũng rất khâm phục Quang Trung Nguyễn Huệ cả về đức độ dày dặn lẫn trí dũng phi thường, vì thế ông đã từ bỏ cuộc sống ẩn dật để ra công tác với chính quyền của Quang Trung. Nguyễn Thiếp được Quang Trung Nguyễn Huệ tin cậy, trao phó cho hai nhiệm vụ lớn.

Nhiệm vụ thứ nhất là làm Viện Trưởng viện Sùng Chính. Bấy giờ, viện Sùng Chính là cơ quan trông coi về giáo dục, đồng thời phụ trách việc dịch các tác phẩm kinh điển và giáo khoa của Nho gia ra chữ Nôm. Cùng làm việc với ông trong viện Sùng Chính còn có một số danh sĩ khác như Nguyễn Thiên, Nguyễn Công, Phan Tố Định... v.v. Cơ quan viện Sùng Chính đã dịch xong bộ *Tiểu học* và bộ *Tứ Thư* từ chữ Hán ra chữ Nôm. Hai bộ sách dịch này gồm tất cả 32 tập. Bản dịch chuyển về Phú Xuân, được Quang Trung khen ngợi, ban thưởng cho 100 quan tiền, ngoài ra, Quang Trung còn sai Trấn Thủ Nghệ An là Nguyễn Văn Thận cấp thêm cho Nguyễn Thiếp đến vài ba chục viên thư lại để giúp việc biên chép ở viện Sùng Chính. Quang Trung còn yêu cầu dịch gấp *Ngũ Kinh* ra chữ Nôm mà trước hết là *Kinh Thi*, *Kinh Thư* và *Kinh Dịch*, hạn trong ba tháng là phải xong! Nhưng công việc đang tiến hành dở dang thì ngày 16 tháng 9 năm 1792, Quang Trung đột ngột qua đời và sau đó không bao lâu thì Nguyễn Thiếp cũng rời bỏ chức vụ Viện Trưởng viện Sùng Chính để trở về với cuộc sống ẩn dật như cũ.

Tuy tồn tại không lâu nhưng cơ quan viện Sùng Chính do Nguyễn Thiếp đứng đầu đã có những ảnh hưởng tốt đẹp và to lớn đến với chính quyền của Quang Trung nói riêng cũng như đối với sự phát triển của văn hóa nước nhà cuối thế kỉ thứ XVIII nói chung. Bấy giờ, Quang Trung chẳng những rất đề cao chữ Nôm mà còn muốn biến chữ Nôm thành văn tự chính thức của nước nhà. Nhiều văn kiện của nhà nước, bài làm của sĩ tử trong các khoa thi và một số giấy tờ quan trọng đã được viết bằng chữ Nôm. Việc làm táo bạo đó của Quang Trung đã được sự đồng cảm và ủng hộ mãnh liệt của Nguyễn Thiếp. Hai con người, hai thế hệ, hai chí hướng khác nhau, nhưng vẫn có sự gặp gỡ rất tương đắc với nhau. Văn học chữ Nôm thời Tây Sơn phát triển, một phần cũng bởi lí do này.

Nhiệm vụ thứ hai mà Nguyễn Thiếp đảm nhận là chọn nơi đóng đô cho chính quyền của Quang Trung Nguyễn Huệ. Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế ở Phú Xuân (nay thuộc Huế). Địa điểm được chọn làm nơi đăng quang của Nguyễn Huệ là núi Bân). Và cũng từ đó, kinh đô của chính quyền do Quang Trung Nguyễn Huệ đứng đầu được xác định là Phú Xuân. Sau cũng có lúc Nguyễn Huệ dự kiến dời đô ra vùng Yên Trường (nay thuộc Ninh Bình), nhưng cuối cùng, Nghệ An mới là đất được chọn lựa chính thức. Bấy giờ, người được ủy thác chọn địa điểm cụ thể trên đất Nghệ An để định đô là Nguyễn Thiếp. Đích thân Nguyễn Huệ viết thư bằng chữ Nôm gửi cho Nguyễn Thiếp để đốc thúc việc thực hiện quyết định quan trọng này. Thư có đoạn :

"Hành cung sao cho hậu cận sơn, kì chính địa, phỏng tại dân cư ư gian, hay là đầu cát địa khả đô, duy Phu Tử đạo nhãn giám định. Tảo tảo bốc thành. Uy cho Trấn Thủ Thận tạo lập cung điện, kì tam nguyệt nội hoàn thành, đặc tiên giá ngự" (Nơi vua ở sao cho phía sau thì gần núi, đất được chọn hoặc là ở giữa chốn dân cư, hoặc là đầu đất tốt có thể làm kinh đô được, tùy con mắt tinh tường của Phu Tử xét và định đoạt. Chọn nhanh nhanh lên. Ủy cho quan Trấn Thủ là (Nguyễn Văn) Thận xây dựng cung điện, nội trong ba tháng phải xong để tiện cho vua ra ở).

Nguyễn Thiếp đã chọn địa điểm đóng đô mới cho chính quyền Quang Trung Nguyễn Huệ ở khoảng giữa núi Kỳ Lân và núi Phượng Hoàng của Nghệ An. Kinh đô mới này được đặt tên là *Phượng Hoàng Trung Đô*. Núi Phượng Hoàng tức là núi Dũng Quyết hay núi Quyết, còn núi Kỳ Lân tức núi Mèo. Phía trước của Phượng Hoàng Trung Đô là sông Lam. Công cuộc xây dựng Phượng Hoàng Trung Đô đang tiến hành dở dang thì Quang Trung Nguyễn Huệ đột ngột qua đời. Vua kế vị là Quang Toản không tiếp tục sự nghiệp này nữa, vì thế, Phượng Hoàng Trung Đô chưa bao giờ thực sự là kinh đô cả. Ngày nay, Phượng Hoàng Trung Đô vẫn còn một số dấu tích.

Như vậy Nguyễn Thiếp là một trong số những nhân vật đặc biệt, để lại dấu ấn khá rõ rệt trong thời Quang Trung trên nhiều lĩnh vực hoạt, động khác nhau. Cuộc gặp gỡ giữa Quang Trung Nguyễn Huệ với La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp cũng là một trong những cuộc gặp gỡ khá độc đáo của thế kỉ thứ XVIII. Nguyễn Huệ tỏ ra rất trân trọng tài năng của Nguyễn Thiếp, nhiều lần sai quan lại cao cấp đến mời Nguyễn Thiếp, sau lại tự mình đến gặp Nguyễn Thiếp. Và, cảm động trước sự ân cần thật sự chân tình đó, Nguyễn Thiếp đã dốc lòng vì Quang Trung Nguyễn Huệ, vì sự nghiệp cao cả của Tây Sơn.

Dưới thời Quang Trung, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp là một nhà giáo lớn, một người có công đối với nền giáo dục. Chính ông là Chánh Chủ Khảo trong khoa thi Hương đầu tiên của chính quyền Quang Trung tổ chức tại Nghệ An năm 1789 và cũng chính ông là người được Quang Trung tin cậy giao phó cho việc khảo xét tài năng và đức độ của những người mới ra hợp tác với Tây Sơn để làm cơ sở cho việc bổ dụng. Nói tóm lại, nếu Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích là những văn thần được Quang Trung tin cậy ủy thác trông coi các hoạt động ngoại giao, thì La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp là người được Quang Trung tin cậy ủy thác trông coi các hoạt động về văn hóa và giáo dục. Đóng góp của Nguyễn Thiếp thực sự là một phần sự nghiệp của Tây Sơn.

Nhiều thư tịch cổ còn cho biết thêm rằng, Nguyễn Thiếp còn có nhiều ý kiến xuất sắc, có ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến những cải cách kinh tế của Quang Trung.

Ngày 25 tháng chạp năm Quý Hợi (nhằm ngày 6 - 2 - 1804), La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp qua đời tại quê nhà, hưởng thọ 81 tuổi.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>